

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

VƯƠNG HOÀNG LONG

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG  
CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

VƯƠNG HOÀNG LONG

**GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THÔNG  
CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY**

**Ngành: Triết học**

**Mã số: 9229001**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS, TS. Nguyễn Chí Hiếu**

**2. TS. Phan Thị Thanh Hải**

**HÀ NỘI - 2026**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS,TS. Nguyễn Chí Hiếu và TS. Phan Thị Thanh Hải. Các số liệu, tài liệu tham khảo dùng trong luận án có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo khách quan

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

**Tác giả**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI ĐỀ LUẬN ÁN</b> .....	8
1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số .....	8
1.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng, giải pháp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.....	18
1.3. Khái quát kết quả các công trình đã công bố liên quan đến đề tài và những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	29
<b>CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN</b> .....	37
2.1. Những vấn đề lý luận về giá trị đạo đức truyền thống.....	37
2.2. Những vấn đề lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.....	48
2.3. Các yếu tố tác động đến giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay .....	78
<b>CHƯƠNG 3: GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA</b> .....	83
3.1. Khái quát về sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay .....	83
3.2. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - những kết quả đạt được và nguyên nhân .....	90
3.3. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - những hạn chế và nguyên nhân .....	126
3.4. Những vấn đề đặt ra đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay .....	144
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b> .....	151
4.1. Phương hướng tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.....	151
4.2. Giải pháp tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.....	157
<b>KẾT LUẬN</b> .....	176
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI ĐỀ LUẬN ÁN</b> .....	179
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	180
<b>PHỤ LỤC</b> .....	195

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng, đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là môi trường văn hóa và không gian giáo dục hiện nay đã, đang có những biến đổi mang tính cấu trúc. Ở Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là định hướng chiến lược quan trọng được Đảng và Nhà nước xác định nhằm thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững đất nước. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội to lớn, quá trình này cũng đặt ra những thách thức mới, trực tiếp tác động đến lĩnh vực xây dựng con người, đặc biệt là giáo dục giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ. Từ Đại hội VI đến Đại hội XIV, Đảng ta liên tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, tầm nhìn 2045 cũng nhấn mạnh yêu cầu gắn phát triển khoa học - công nghệ với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc. Điều này xuất phát từ lý do là nếu quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế không gắn liền với việc giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống thì sẽ dẫn đến nguy cơ phai nhạt, xa rời nguồn gốc và đánh mất bản sắc dân tộc. Ngược lại, nếu biết kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, giữa hội nhập và bản sắc, giữa công nghệ và nhân văn, thì đó sẽ là nền tảng vững chắc để đất nước phát triển bền vững.

Sinh viên Việt Nam - với tư cách là lực lượng trẻ, có ưu thế về tri thức, khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ và thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của thời đại - vừa là chủ thể tiếp nhận, vừa là chủ thể tái tạo các giá trị trong xã hội số. Do đó, việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên không chỉ nhằm hình thành nhân cách cá nhân, mà còn có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển bền vững của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, yêu cầu phát triển tri thức và kỹ năng nghề nghiệp không thể tách rời với nhiệm vụ bồi dưỡng, gìn giữ và phát huy hệ giá trị đạo đức, bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa “năng lực chuyên môn” và “phẩm chất đạo đức”.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, quá trình giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên hiện nay đang bộc lộ những vấn đề mang tính hệ thống. Môi trường số hoá với đặc trưng phi biên giới và đa chiều đã làm xuất hiện tình trạng “đa tầng giá trị”, trong đó các giá trị truyền thống, hiện đại và ngoại lai cùng tồn tại, giao thoa và tương tác, thậm chí có những xung đột nhất định. Bên cạnh đó, sự lan tỏa nhanh chóng của thông tin trên không gian mạng, cùng với tác động của kinh tế thị trường, đã làm cho các biểu hiện lệch chuẩn như lối sống thực dụng, đề cao vật chất, suy giảm lý tưởng sống, thiếu trách nhiệm xã hội và sự thờ ơ với các giá trị truyền thống. Những biểu hiện này nếu không được định hướng kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước và tiềm ẩn nguy cơ mai một bản sắc văn hóa dân tộc.

Đặc biệt, có thể nhận thấy một mâu thuẫn mới xuất hiện trong vấn đề này đó là yêu cầu giữ gìn, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống với sự chi phối ngày càng mạnh mẽ của các giá trị hiện đại và toàn cầu trong môi trường số; giữa mục tiêu giáo dục toàn diện với phương thức giáo dục còn chậm đổi mới; giữa khả năng tiếp cận công nghệ nhanh của sinh viên với năng lực định hướng, chọn lọc và phát triển các giá trị truyền thống còn hạn chế.

Mặc dù giáo dục giá trị đạo đức truyền thống đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập, song phần lớn mới dừng lại ở cách tiếp cận chung, chưa đi sâu phân tích vấn đề này trong môi trường số như một bối cảnh mới, môi trường mới làm thay đổi căn bản phương thức giáo dục và sự lan tỏa giá trị. Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu mang tính hệ thống, chuyên sâu về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên gắn với bối cảnh chuyển đổi số và gắn với không gian cụ thể như Thủ đô Hà Nội - nơi hội tụ, giao thoa mạnh mẽ giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và các luồng giá trị toàn cầu.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay không chỉ là yêu cầu cấp thiết mang tính thời sự, mà còn là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, gắn với chiến lược xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống vấn đề này nhằm làm rõ cơ sở lý luận, nhận diện đúng thực trạng, chỉ ra các vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp phù hợp là hết sức cần thiết. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn

đề tài: ***“Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, luận án khảo sát, phân tích thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay, từ đó đề xuất các phương hướng và giải pháp tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số ở thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nghiên cứu đề ra, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng quan các công trình có liên quan đến giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên bối cảnh chuyển đổi số hiện nay (trong đó, đặc biệt là các nghiên cứu về Hà Nội).

- Làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số, chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với giáo dục giá trị này cho sinh viên ở thành phố Hà Nội hiện nay.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số thời gian tới.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung:* Luận án tập trung vào nội dung và phương thức giáo dục 5 giá trị đạo đức truyền thống tiêu biểu: (1) Yêu nước và tinh thần tự lực tự

cường; (2) Lòng nhân ái; (3) Tinh thần đoàn kết; (4) Tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo; (5) Lòng biết ơn.

*Về không gian:* Luận án tập trung khảo sát các trường đại học tiêu biểu trên địa bàn Hà Nội là: (1) Học viện Báo chí và Tuyên truyền; (2) Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; (3) Đại học Ngoại thương, (4) Đại học Bách khoa Hà Nội, (5) Đại học Sư phạm Hà Nội nhằm bảo đảm tính đại diện và tính đa dạng của mẫu nghiên cứu theo các nhóm ngành đào tạo khác nhau (khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, sư phạm). Các cơ sở được lựa chọn đều là những trường đại học có quy mô lớn, uy tín, tập trung đông đảo sinh viên, phản ánh tương đối đầy đủ đặc trưng của sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Về thời gian:* Luận án khảo sát, phân tích trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, thời kỳ Việt Nam triển khai mạnh mẽ chương trình chuyển đổi số quốc gia.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

##### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và con người; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc, đạo đức truyền thống; về ứng dụng công nghệ số trong giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Đồng thời, luận án kế thừa và vận dụng có chọn lọc các lý thuyết, công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, thuộc các lĩnh vực liên quan như triết học, đạo đức học, giáo dục học, xã hội học, khoa học và công nghệ, làm cơ sở khoa học để luận giải mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và các giải pháp của luận án.

##### **4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận án được thực hiện trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đây là phương pháp tiếp cận xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh: Trên cơ sở tiếp cận các tài liệu lý luận, văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án tiến hành phân tích, hệ thống hóa các khái niệm, nội dung và phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số; từ đó, tổng hợp, so sánh nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn: Phương pháp này được sử dụng nhằm luận giải các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, phân tích việc cụ thể hóa các quan điểm đó trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Luận án vận dụng tri thức và phương pháp tiếp cận của nhiều ngành khoa học như triết học, đạo đức học, xã hội học, giáo dục học và khoa học - công nghệ nhằm tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, đa chiều, bảo đảm tính khách quan và khoa học của kết quả nghiên cứu.

Phương pháp điều tra xã hội học kết hợp với phỏng vấn sâu: Luận án tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với 1.000 giảng viên, sinh viên (1000 phiếu khảo sát) tại 5 cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm: (1) Học viện Báo chí và Tuyên truyền; (2) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; (3) Trường Đại học Ngoại thương; (4) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; (5) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trong đó, số lượng phiếu khảo sát là: Học viện Báo chí và Tuyên truyền chiếm 319 phiếu - (31,9%); Đại học Ngoại thương 191 phiếu (19,1%); Đại học Bách khoa Hà Nội 186 phiếu - (18,6%); Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn 179 phiếu (17,9%); Đại học Sư phạm Hà Nội - 125 phiếu (12,5%). Về khối ngành, 26,6% sinh viên thuộc nhóm Kinh tế - Quản trị; 20,2% - Khoa học xã hội - nhân văn; 18,6% - Kỹ thuật - công nghệ; 12,3% - Báo chí - truyền thông; 3,1% Ngôn ngữ - Quốc tế học và 19,2% thuộc các ngành khác.

Mẫu khảo sát được lựa chọn nhằm bảo đảm tính đa dạng về loại hình trường, ngành đào tạo và đặc điểm sinh viên; qua đó, phản ánh tương đối toàn diện thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên các trường ở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Bảng hỏi khảo sát gồm hai phần chính:

Phần A - Thông tin chung (Câu 1 - 6) thu thập các đặc điểm nền như năm học, trường, khối ngành và đặc điểm sử dụng mạng xã hội.

Phần B - Nhận thức và thực hành giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số (Câu 7 - 29), sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1- Rất không đồng ý đến 5 - Rất đồng ý) kết hợp một số câu hỏi lựa chọn nhiều đáp án, tập trung vào: mức độ hiểu biết, thái độ, đánh giá vai trò của các chủ thể giáo dục (nhà trường, giảng viên, gia đình, xã hội - truyền thông số, bản thân sinh viên), mức độ tham gia hoạt động, động cơ và khó khăn khi thực hành giá trị đạo đức truyền thống.

Đồng thời, luận án thực hiện 5 phỏng vấn sâu đối với sinh viên, giảng viên và một số chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, đạo đức học, khoa học và công nghệ để làm rõ hơn thực trạng, nguyên nhân, các vấn đề đặt ra và các giải pháp khả thi.

Phương pháp thống kê và phân loại: Phương pháp này được sử dụng để xử lý, phân tích số liệu thu thập được từ điều tra xã hội học; qua đó, phân loại các nhóm giá trị đạo đức truyền thống theo nội dung, đặc điểm và mức độ tác động đối với sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

## **5. Đóng góp mới của luận án**

*Thứ nhất*, luận án xây dựng khung lý luận mang tính hệ thống về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số; trong đó, làm rõ cấu trúc, chủ thể, nội dung, phương thức và các yếu tố tác động trong môi trường số. Cách tiếp cận này góp phần bổ sung và phát triển lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng gắn với bối cảnh số hóa hiện nay, hoàn thiện và bổ sung cho những nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận giáo dục đạo đức trong điều kiện truyền thống.

*Thứ hai*, luận án cung cấp những dữ liệu khảo sát thực tế về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên tại một số trường đại học ở Hà Nội, qua đó làm rõ vai trò của các chủ thể, nội dung, phương thức và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong môi trường số. Đây là nguồn tư liệu thực chứng có giá trị tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo và cho công tác hoạch định chính sách giáo dục đạo đức cho sinh viên trong thời gian tới.

*Thứ ba*, trên cơ sở khung lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án đề xuất hệ thống giải pháp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên gắn với chuyển đổi số, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện các cơ sở giáo dục đại học hiện nay, góp phần nâng cao hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thế hệ tương lai của đất nước - đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận án góp phần bổ sung và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay. Trên cơ sở cách tiếp cận liên ngành và phương pháp luận khoa học, luận án đưa ra những nhận định, đánh giá mang tính hệ thống và khách quan về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số; qua đó, góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận cho lĩnh vực nghiên cứu này.

Đồng thời, các phương hướng và giải pháp được đề xuất trong luận án có cơ sở khoa học và tính khả thi, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong thời gian tới.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy các học phần như triết học, đạo đức học, giáo dục học và các môn học có liên quan tại các trường đại học, học viện.

Kết quả nghiên cứu của luận án cũng có thể được vận dụng làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên; đồng thời, góp phần định hướng, bồi dưỡng và hình thành hệ giá trị, chuẩn mực con người Việt Nam cho thế hệ thanh niên trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương 12 tiết.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI ĐỀ LUẬN ÁN

#### 1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số

##### 1.1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về đạo đức và giáo dục đạo đức

Các công trình nước ngoài đã bàn đến đạo đức và giáo dục đạo đức khá sớm và tương đối phong phú và đa dạng.

Cuốn “*Đặt cơ sở cho siêu hình học về đức lý*”, (1785) [84] - đây có thể coi là tác phẩm quan trọng nhất về đạo đức của Kant, cung cấp một cái nhìn tổng quan về các nguyên tắc đạo đức mà ông đề xuất. Trong đó, ông giới thiệu và giải thích khái niệm mệnh lệnh tuyệt đối, nhấn mạnh vào việc hành động theo các nguyên tắc có thể trở thành luật phổ quát “hành động luân lý là hành động dựa theo những quy tắc có thể trở thành những quy luật phổ quát. Nói cách khác, không thể có trường hợp ngoại lệ” [84, tr.421]. Nhận định này làm rõ khái niệm về mệnh lệnh tuyệt đối (Categorical Imperative), đồng thời nhấn mạnh rằng mọi hành động đạo đức được áp dụng như một quy tắc chung cho tất cả mọi người, không chỉ trong những hoàn cảnh cụ thể mà trong mọi tình huống có thể tưởng tượng được. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản trong lý thuyết đạo đức của Kant, đặt nền móng cho việc xác định đúng sai trong hành động con người dựa trên tính phổ quát và lý tính.

Trong cuốn sách “*Moral Principles in Education*” (1909) [83], John Dewey khẳng định rằng nhà trường trước hết là một thiết chế xã hội, và trách nhiệm đạo đức của nó không chỉ hướng tới từng cá nhân người học mà còn là trách nhiệm đối với toàn xã hội. Ông viết: “nhà trường và toàn bộ tổ chức của nó - bao gồm chương trình, phương pháp, kỷ luật và lý tưởng - cần phải được xã hội hóa, bởi “trách nhiệm đạo đức” của nhà trường và của những người điều hành nó là đối với xã hội” [81, tr.7]. Do đó, “nếu tách rời khỏi đời sống xã hội, nhà trường sẽ không có mục tiêu hay ý nghĩa đạo đức nào” [81, tr.11]. Quan điểm này nhấn mạnh rằng giáo dục chính quy tại trường học không chỉ truyền đạt kiến thức, mà còn phải trau dồi đạo đức, bồi dưỡng năng lực hiểu

biết xã hội, khả năng hành động tích cực và định hướng hành vi vì lợi ích cộng đồng cho người học.

V.A. Sukhomlinskii trong cuốn sách “*Giáo dục con người chân chính như thế nào?*”, (1981) [81] đã trình bày quan điểm và phương pháp giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người, không chỉ về mặt trí tuệ mà còn về mặt đạo đức, tình cảm và thể chất. Ông nhấn mạnh vai trò của giáo viên và môi trường giáo dục trong việc hình thành nhân cách và đạo đức của người học. Theo ông, giáo viên - với tư cách là một nhà giáo dục khi và chỉ khi họ “nắm vững công cụ giáo dục vô cùng tinh tế là khoa học về đạo đức - đạo đức học. Đạo đức học trong trường học - đó là “triết học thực hành về giáo dục” [79, tr.17]. Những nguyên tắc giáo dục của ông chứa đựng nhiều thành tố đạo đức đó là: Giáo dục toàn diện; Xây dựng môi trường học tập dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng lẫn nhau giữa người dạy và người học; Khuyến khích người học học hỏi từ thực tiễn, tham gia vào các hoạt động xã hội và lao động để phát triển kỹ năng và nhận thức; Giáo dục người học ý thức về trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Trong cuốn sách “*Triết học xã hội*” (1989) của A.G.Xpirkin [80], đạo đức được xác định như “một hệ thống các chuẩn mực xã hội, có chức năng điều chỉnh sự giao tiếp giữa các cá nhân và hành vi của con người, nhằm đảm bảo sự thống nhất lợi ích giữa cá nhân và tập thể” [80, tr.84]. Theo quan niệm này, đạo đức đóng vai trò như một “phương tiện” quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người với con người, nhằm ngăn ngừa và giải quyết các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích giữa cá nhân và xã hội. Theo ông, điều này hình thành nên sự tương tác biện chứng giữa cá nhân và xã hội, không chỉ góp phần duy trì sự hài hòa trong xã hội mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của cả cá nhân và tập thể.

Tác giả Wilson trong bài viết “*Methodology and Moral Education*” (2000) [95] (Phương pháp luận và giáo dục đạo đức), đã đề xuất một quy trình khá cụ thể cho việc triển khai giáo dục đạo đức. Thay vì chỉ dừng ở những nguyên tắc chung, ông gợi ý một tiến trình gồm năm bước: một là, xác định rõ ý nghĩa cũng như phạm vi tác động của đạo đức; hai là, thiết kế những hoạt động có khả năng đem lại hiệu quả tích cực; ba là, phải xây dựng hệ thống đánh giá trên cơ sở thực tiễn; bốn là, thử nghiệm các phương pháp giáo dục

đạo đức trong môi trường học đường; và năm là, đưa ra khuyến nghị khả thi cho việc áp dụng vào thực tế. Cách tiếp cận của Wilson cung cấp cho giáo viên và các trường một khung tham chiếu hữu ích để định hướng, lựa chọn và điều chỉnh phương pháp giáo dục đạo đức phù hợp với từng bối cảnh.

Devine trong bài viết “What is moral education” (2006) (Giáo dục đạo đức là gì) [82] nhấn mạnh rằng, giáo dục đạo đức ngoài việc được hiểu như một quá trình giúp người học nhận thức các nguyên tắc, xác định đúng - sai thì quan trọng hơn là để cá nhân biết mình sẽ hành động thế nào khi đứng trước những tình huống thực tế của đời sống. Nó phải dẫn dắt người học biết suy nghĩ, biết lựa chọn khi đối diện với hoàn cảnh cụ thể. Mỗi cá nhân phải học cách trở thành “nhà giáo dục đạo đức” (a moral educator) cho chính mình - tức là tự phản tỉnh, tự điều chỉnh, và tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân.

Các công trình trong nước cũng dựa trên nhiều các tiếp cận để làm rõ các vấn đề về đạo đức và giáo dục đạo đức như:

Theo Nguyễn Hồng Phong, trong cuốn sách “*Tìm hiểu tính cách dân tộc*” (1963), [61] đã chỉ ra rằng lòng yêu nước là đặc trưng tiêu biểu nhất của người Việt Nam, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Tình cảm này không chỉ được thể hiện qua sự yêu quý đất nước hay thể hiện qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm - mà còn thông qua sự cống hiến, lao động sáng tạo và tinh thần đoàn kết cũng như lòng can đảm và quyết liệt của người dân Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước: “Trong cốt cách của “anh bộ đội” có hình ảnh của những nhân vật trong cổ tích Việt Nam: Thạch Sanh; Thánh Gióng, Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Quang Trung, quện với hình ảnh của những Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Lý Tự Trọng...” [61, tr.352].

Trong cuốn sách “*Sự chuyển đổi các giá trị văn hoá trong văn hoá Việt Nam*” (2002), [36] của tác giả Đỗ Huy và Trường Lưu đã đề cập đến sự thay đổi của các giá trị bao gồm giá trị đạo đức truyền thống ở Việt Nam và quá trình chuyển biến của chúng sang hình thức hiện đại. Tác giả đã nhấn mạnh bằng giá trị của Việt Nam đương thời đang trải qua một quá trình chuyển đổi mạnh mẽ, với mục tiêu kết hợp các giá trị truyền thống với các giá trị hiện đại, kết hợp các giá trị dân tộc với các giá trị quốc tế, và kết hợp các giá trị cá nhân

với các giá trị cộng đồng. Nghiên cứu chỉ ra quá trình chuyển đổi này không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về hình thức mà còn là sự thay đổi về bản chất. Quá trình này là biểu hiện của sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, trong đó cái mới không phủ nhận cái cũ mà kế thừa và phát triển nó lên một tầm cao mới: “Hiện nay trong xã hội đang thiết lập một hệ thống giá trị mà ở đó cái lợi phải thống nhất cái đúng, cái tốt và cái đẹp” [36, tr.40].

Cuốn sách “*Tu dưỡng đạo đức tư tưởng*”, (2003), [38] của La Quốc Kiệt nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh hiện nay, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc dạy chữ mà cần chú trọng vào việc dạy người, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, lối sống cho sinh viên. Sinh viên, những người sẽ trở thành chủ nhân tương lai của đất nước, phải được giáo dục về phẩm chất đạo đức và tư tưởng mácxít. Theo tác giả, việc giáo dục lý luận mácxít và tư tưởng đạo đức tại các trường đại học xã hội chủ nghĩa là thiết yếu, và là một trong những đặc trưng cơ bản của trường đại học xã hội chủ nghĩa. Điều này có tác dụng không thể thay thế trong việc đào tạo sinh viên trở thành những người xây dựng và kế tục sự nghiệp xã hội chủ nghĩa: “Môn học về phẩm chất đạo đức và tư tưởng, lý luận mácxít của các trường đại học nói chung là con đường chủ yếu và là khâu cơ bản giáo dục lý luận mácxít và tư tưởng cho sinh viên một cách hệ thống, là một trong những đặc trưng bản chất của trường đại học xã hội chủ nghĩa, có tác dụng không thể thay thế trong việc đào tạo họ trở thành người xây dựng và kế tục sự nghiệp xã hội chủ nghĩa” [38, tr.16].

Trong “*Giáo trình đạo đức học*”, (2004), [41] của Nguyễn Ngọc Long và Nguyễn Thế Kiệt thì đạo đức như một hình thái ý thức xã hội, phát sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong lĩnh vực đạo đức. Theo các tác giả, đặc trưng cơ bản của đạo đức nằm ở ý thức, năng lực và hành vi tự nguyện, tự giác của con người trong quan hệ với đồng loại và xã hội. Đạo đức đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi con người thông qua các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, góp phần tạo điều kiện cho cá nhân và xã hội cùng tồn tại và phát triển. Điều này đảm bảo quan hệ lợi ích giữa cá nhân và xã hội, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Khái niệm đạo đức được tác phẩm định nghĩa một cách tổng quát như sau: “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, bao gồm tập hợp các nguyên tắc, quy tắc, và chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá hành vi ứng xử

của con người trong quan hệ lẫn nhau và với xã hội. Các nguyên tắc này được thực hiện thông qua niềm tin cá nhân, truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội” [41, tr.8].

Trong cuốn sách “*Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*”, (2011), [26], Trần Văn Giàu đã khảo cứu sâu sắc sự hình thành và phát triển của các giá trị tinh thần truyền thống dân tộc qua các thời kỳ lịch sử. Ông khẳng định, việc thấu hiểu và thực hành những giá trị ấy không chỉ giúp con người hiểu rõ hơn về lịch sử dân tộc mà còn góp phần hình thành con người mới phù hợp với thời đại cách mạng, bởi “... những giá trị truyền thống của dân tộc nhiều khi và nhiều phần cũng có tính chất nhân loại, tính chất quốc tế ví như cần cù, thương người, vì nghĩa, v.v. đều là những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là những giá trị phổ biến của loài người... Cho nên, cuối cùng thì chủ nghĩa quốc tế cách mạng của những người cộng sản hoàn toàn không có gì mâu thuẫn với các giá trị truyền thống dân tộc hết” [27, tr.98]. Tác giả trình bày hệ thống các giá trị tinh thần cốt lõi của người Việt như yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người và vì nghĩa, coi đó như một “bảng giá trị tinh thần” đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Trong số đó, chủ nghĩa yêu nước được đặt ở vị trí trung tâm, được xem là “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị”, là “động lực tình cảm lớn nhất, đồng thời là bậc thang cao nhất trong hệ thống các giá trị đạo đức của dân tộc” [27, tr.72].

Cuốn sách “*Tập bài giảng đạo đức học*” (2012), [11] của Phạm Văn Chung là một nghiên cứu sâu sắc về lịch sử, lý luận và thực tiễn của các vấn đề cốt lõi trong lĩnh vực đạo đức học. Tác phẩm phân tích một cách hệ thống các yếu tố bản chất, tính chất, nguồn gốc và cơ sở của đạo đức, cùng với các phạm trù cơ bản như thiện - ác, hạnh phúc, lương tâm, nghĩa vụ, lễ sống. Không chỉ dừng lại ở việc trình bày các khái niệm, tác giả đi sâu vào mối quan hệ nội tại giữa chúng, theo một trình tự logic và biện chứng, nhằm làm sáng tỏ bản chất của đạo đức từ góc độ triết học Mác - Lênin. “Lịch sử loài người xét về mặt đạo đức là sự phát triển, chuyển hóa không ngừng giữa thiện và ác” [11, tr.186]. Từ đó, tác giả đi đến những nhận định sâu sắc về vị trí và ý nghĩa của từng phạm trù, góp phần tạo nên một bức tranh tổng thể về đạo đức trong bối cảnh lịch sử và xã hội cụ thể.

### ***1.1.2. Các công trình nghiên cứu lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số***

Ở đây, có các công trình nước ngoài tiêu biểu nghiên cứu về vấn đề này như:

Trong cuốn “*Đừng bao giờ giao con người làm công việc của máy móc: Sửa chữa 5 sai lầm lớn nhất trong công nghệ giáo dục (EdTech)*” (2015), [96], Yong Zhao (Đại học Oregon, Mỹ) cảnh báo về những sai lầm khi các cơ sở giáo dục quá nóng vội trong việc áp dụng công nghệ. Ông cho rằng, nhiều trường học đánh đồng chuyển đổi số với việc thay thế vai trò của giáo viên hoặc tập trung vào thiết bị hơn là con người, dẫn đến sự lệch hướng so với triết lý giáo dục nhân bản. Zhao khẳng định, công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn với triết lý giáo dục lấy con người làm trung tâm, nếu tuyệt đối hóa nó thì “lớp học sẽ biến thành phòng trưng bày máy móc chứ không phải nơi nuôi dưỡng nhân cách và trí tuệ.” Ông chỉ ra năm sai lầm phổ biến nhất trong việc tích hợp công nghệ vào giáo dục: (1) Dùng công nghệ thay thế hoàn toàn vai trò của giáo viên; (2) Chú trọng thiết bị mà không gắn với chương trình học; (3) Ưu tiên công cụ hơn bản chất giáo dục; (4) Thiếu kế hoạch bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật dài hạn; (5) Tập trung quá mức vào kỹ năng công nghệ mà xem nhẹ các kỹ năng mềm cốt lõi như sáng tạo, phản biện, và giải quyết vấn đề. Theo Zhao, chuyển đổi số trong giáo dục không thể tách rời yếu tố đạo đức, nhân văn và sự phát triển toàn diện của con người.

Cuốn sách “*Chuyển đổi số và các vấn đề về đạo đức*”, (2021) của Peter G. Kirchschräger [85]. Tác giả tiếp cận mối quan hệ giữa đạo đức và công nghệ theo khung triết học căn bản. Ông cho rằng, về bản chất, công nghệ chỉ có thể được hiểu như “một nguồn phương tiện”, còn đạo đức là “một nguồn mục đích”. Trong đó, “mối quan hệ giữa đạo đức và công nghệ có thể được hiểu là sự tương tác giữa nguồn gốc mục đích (đạo đức) với nguồn gốc phương tiện (công nghệ)” [85, tr.49]. Giáo dục số, theo ông, trước hết phải là giáo dục đạo đức trong môi trường số - nơi sinh viên học cách định vị bản thân như một nhân cách, biết sử dụng công nghệ không chỉ để học tập, mà còn để sống có trách nhiệm. Kirchschräger cũng cho rằng một sai lầm thường gặp trong cách tiếp cận đạo đức số là giả định, với sự trỗi dậy của kỷ nguyên công nghệ, nhân loại cần một “tấm bảng trắng” để xây dựng lại toàn bộ chuẩn

mục và nguyên tắc đạo đức “... có những lập luận cho rằng nên bắt đầu từ một tấm bảng trắng (tabula rasa) và tạo ra các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức mới cho một kỷ nguyên số mới của nhân loại, hoặc suy nghĩ lại về các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức hiện có chỉ vì những thay đổi dựa trên công nghệ ” [85, tr.117].

Bài viết “Các vấn đề đạo đức trong truyền thông mới nổi và môi trường đào tạo trực tuyến” (2015), của Olaniran & Williams [89] đã phân tích những thách thức đạo đức trong giáo dục điện tử, đặc biệt là gian lận học thuật của sinh viên và trách nhiệm đạo đức của giảng viên. Tác giả cho rằng, sự phát triển của phương tiện truyền thông mới đã làm lung lay quan niệm truyền thống rằng “đạo đức là đạo đức” - tức là các chuẩn mực đúng sai luôn bất biến, không thay đổi theo thời gian hay công nghệ. Nghiên cứu chỉ ra rằng, việc áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cũ cho không gian số vẫn phổ biến nhưng lại không tính đến các đặc thù của học tập trực tuyến, đặc biệt là vấn đề gian lận và trách nhiệm của nhà giáo dục trong môi trường ảo: “Các tiêu chuẩn đạo đức được áp dụng trong không gian vật lý cũng đang được sử dụng trong không gian số, nhưng việc áp dụng này không tính đến các thách thức mà học tập điện tử đặt ra, bao gồm cả những nhận thức về gian lận và trách nhiệm quan trọng của những người làm nghiên cứu trong môi trường trực tuyến” [89, tr.434]. Nghiên cứu kết luận rằng, cần có một cách tiếp cận linh hoạt, cập nhật hơn đối với các vấn đề đạo đức trong thời đại số, nhất là khi liên quan đến hành vi của giới trẻ và việc sử dụng công nghệ trong học tập

Bài viết “Chuyển đổi số trong giáo dục: Từ thay đổi nguồn lực đến phát triển hoạt động” (2020), [90] của tập thể tác giả P. D. Rabinovich, K. E. Zavedensky, M. E. Kushnir, Yu. E. Khramov, A. R. Melik - Parsadanov chỉ ra khoảng cách giữa quá trình chuyển đổi toàn cầu sang nền kinh tế số và thực trạng số hoá manh mún trong giáo dục. Mục tiêu của nghiên cứu là xây dựng một mô hình tổng thể cho chuyển đổi số trong giáo dục, dựa trên quan điểm rằng chuyển đổi số không chỉ tác động đến phương tiện dạy học (hạ tầng, công cụ kỹ thuật), mà còn ảnh hưởng tới mục tiêu, nội dung, chủ thể, quy trình và kết quả giáo dục. Tập thể tác giả đề xuất cách tiếp cận mới: quá trình giáo dục cần thoát khỏi quỹ đạo “cải tiến dụng cụ” để trở thành một sự biến đổi toàn diện từ tư duy đến phương pháp và cấu trúc tổ chức. Chỉ khi đó, công

nghệ số mới có thể phát huy tối đa tiềm năng, nâng cao chất lượng học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội hiện đại và gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia (Nga).

Bài viết “Nghiên cứu về các giai đoạn và tác động của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục” (2022), [86] của Kwangsung Lee đã phân tích tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục qua ba giai đoạn; đó là: Giai đoạn hình thành năng lực kỹ thuật số của người dạy và người học; Giai đoạn sử dụng kỹ thuật số trong hoạt động dạy và học và giai đoạn đổi mới kỹ thuật số, khi người dạy và người học chủ động sáng tạo phương pháp mới trên nền tảng công nghệ. Tác giả cho rằng, để chuyển đổi số đạt hiệu quả trong giáo dục cần bảo đảm: Mục tiêu đổi mới và định hướng phải cụ thể rõ ràng; Dữ liệu phải được thu thập và cập nhật liên tục vì hiệu quả phụ thuộc vào độ chính xác và khả năng phân tích dữ liệu; Các giải pháp công nghệ phải tuân thủ khung pháp lý của quốc gia, đảm bảo tính hợp pháp của việc thu thập và chia sẻ dữ liệu; và hiệu quả của từng khâu trong quá trình chuyển đổi cần được kiểm chứng bằng đánh giá định lượng. Nghiên cứu kết luận rằng, chuyển đổi kỹ thuật số đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực giáo dục, đặc biệt làm thay đổi cách người dạy tiếp cận người học trong môi trường học tập hiện đại.

Bài viết “Đạo đức số trong giáo dục đại học: Hiện đại hóa các giá trị đạo đức nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp trong không gian mạng”, (2023), [96] của Zvereva cho rằng giáo dục số là chiến lược trọng yếu để cải thiện hệ thống giáo dục trong thời kỳ hậu đại dịch; đồng thời, nhấn mạnh sự cần thiết phải hiện đại hóa các giá trị đạo đức truyền thống cho phù hợp với môi trường kỹ thuật số. Nghiên cứu cho thấy, các giá trị đạo đức truyền thống đang biến đổi mạnh mẽ và cần được chuẩn hóa, thích ứng với môi trường số, trong đó các mối quan hệ phải được xây dựng dựa trên những chuẩn mực như trách nhiệm, tự kỷ luật, sự tôn trọng và tinh thần cộng đồng. Theo Zvereva, phẩm chất đạo đức trong không gian kỹ thuật số chính là thước đo về mức độ phù hợp nghề nghiệp của cá nhân, đặc biệt trong giáo dục đại học. Khi công nghệ phát triển nhanh chóng, “với sự mở rộng của không gian số, các giá trị đạo đức truyền thống đang biến đổi, và phải thừa nhận rằng các nền tảng hiện có cho hành vi đạo đức cần phải thích nghi với không gian ảo mới... Do đó, việc phát triển các cơ chế điều tiết đạo đức trong không gian số, xem xét lại các

tiếp cận đạo đức truyền thống và hình thành các đạo đức giáo dục số mới là đặc biệt cần thiết” [96, tr.3].

Đối với các công trình trong nước: Cuốn sách “*Chuyển đổi số thế nào?*” (2021), [2] của Hồ Tú Bảo và Nguyễn Nhật Quang tập trung giải quyết câu hỏi trọng tâm “làm chuyển đổi số thế nào?”. Từ việc hệ thống hóa khái niệm và nêu lên các vấn đề cơ bản và giới thiệu phương pháp luận ST - 235 để từ đó vận dụng phương pháp này vào bốn cấp độ: quốc gia, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, địa phương và doanh nghiệp. Theo các tác giả, chuyển đổi số là quá trình xây dựng hệ sinh thái thực - số mới của tổ chức dựa trên hệ sinh thái hiện có, từ đó mở ra lộ trình khả thi cho chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đồng thời góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Cuốn sách “*Hỏi đáp về chuyển đổi số*” (2021), [24] của Nguyễn Huy Dũng, Hồ Tú Bảo và Nguyễn Nhật Quang được biên soạn dưới dạng hỏi - đáp, mỗi câu tập trung vào một khía cạnh cụ thể của chuyển đổi số kèm giải thích ngắn gọn và ví dụ minh họa dễ hiểu. Toàn bộ nội dung đã khái quát hoá những vấn đề chung về chuyển đổi số; các đột phá của trí tuệ nhân tạo và công nghệ số; chuyển đổi số trong chính phủ; trong kinh tế; và trong đời sống xã hội. Trong từng phần, các câu hỏi được tổ chức theo mô hình 5W1H (what, why, when, who, where, how), giúp cấu trúc sách mạch lạc và dễ tra cứu. Điểm khác biệt của công trình là không áp đặt câu trả lời tuyệt đối, mà nhóm tác giả - với kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực - chỉ gợi mở định hướng, để người đọc tự soi chiếu vào thực tế của mình, từ đó xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

Cuốn sách “*Chuyển đổi số trong giáo dục*” (2023), [76] của Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Nguyễn Thị Loan. Nhóm tác giả phác họa bức tranh tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục, bao gồm khái niệm, tầm quan trọng, lợi ích, khó khăn và thách thức, đồng thời so sánh thực trạng Việt Nam với kinh nghiệm quốc tế để chỉ ra các xu hướng công nghệ có khả năng định hình tương lai giáo dục số. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đi sâu vào làm rõ các vấn đề thư viện số, từ nhiệm vụ, đặc điểm, kiến trúc, phương thức vận hành đến mô hình phân loại và khung đánh giá, nhấn mạnh yêu cầu bảo mật như yếu tố then chốt đảm bảo tính bền vững của hệ thống. Khi bàn về giáo dục 4.0 và vai trò công nghệ trong chuyển đổi số giáo dục, các tác giả đã làm

rõ nhu cầu xã hội đối với hệ thống giáo dục mới, các yêu cầu về năng lực số, phương pháp sư phạm và kỹ năng học tập tương lai, đồng thời cảnh báo những mặt trái khi công nghệ mang lại rủi ro song hành với lợi ích. Đồng thời, phân tích các công nghệ 4.0 chủ chốt như blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây, coi đây là nền tảng cấu thành hạ tầng số của giáo dục, giúp quá trình chuyển đổi số được xác lập, vận hành và mở rộng.

Bài viết “Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học” (2021), [25] của Ngô Thị Thu Dung phân tích quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học tại Việt Nam. Tác giả cho rằng, chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ mới như Big Data, IoT hay điện toán đám mây, mà là sự thay đổi toàn diện mô hình quản lý, tổ chức và quản trị trong các cơ sở giáo dục. Theo tác giả: “Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chuyển đổi số được hiểu là một phương thức giáo dục. Việc chuyển đổi số vừa tạo ra môi trường vận hành giáo dục, vừa thay đổi cách quản trị cơ sở giáo dục. Trong dạy học, chuyển đổi số được hiểu là vừa thay đổi môi trường dạy học, vừa thay đổi phương thức dạy học, vừa thay đổi kỹ thuật, công nghệ dạy học” [25, tr.60]. Nghiên cứu kết luận rằng, để chuyển đổi số trong giáo dục đại học đạt hiệu quả, cần có chiến lược toàn diện và phối hợp đồng bộ giữa hạ tầng, nguồn nhân lực và chính sách quản lý, đặc biệt là nâng cao kỹ năng số cho giảng viên và người học, từ đó tạo ra hệ thống giáo dục mở, linh hoạt và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

Bài viết “Khung chính sách chuyển đổi số trong quản lý các cơ sở giáo dục” (2022), [33] tác giả Trịnh Thị Anh Hoa nhấn mạnh rằng việc xây dựng một khung chính sách đồng bộ là điều kiện tiên quyết nhằm thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong quản lý giáo dục. Theo tác giả, cần có các khung chính sách liên quan đến quản lý hệ thống; Chính sách liên quan đến quá trình dạy và học; và các chính sách liên quan đến các điều kiện đảm bảo” [33, tr.4]. Khung chính sách này hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện chất lượng giáo dục, mở rộng cơ hội tiếp cận nền giáo dục hiện đại và thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng trong tri thức. Tác giả cũng khẳng định rằng, khung chính sách cần được xây dựng trên cơ sở khoa học, tính khả thi và linh hoạt, bảo đảm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thực tiễn; đồng thời, quá trình thực hiện đòi hỏi sự đồng thuận của

các bên liên quan để chính sách phát huy hiệu quả và phục vụ lợi ích chung của toàn hệ thống giáo dục.

Bài viết “Nhận thức nội dung chuyển đổi số trong giáo dục của học viên” (2023), [62] của Vũ Thị Minh Phương và Nguyễn Dục Anh đánh giá mức độ nhận thức thực tế của học viên sau khi tham gia khóa học chuyển đổi số trực tuyến, thông qua khảo sát bảng hỏi và phỏng vấn bổ sung với 271 học viên, chủ yếu là nhà giáo dục và cán bộ quản lý. Nghiên cứu chỉ ra sự lệch pha giữa kỳ vọng và mức độ nhận thức thực tế; từ đó, đề xuất điều chỉnh nội dung, hình thức và cách thức giảng dạy, phân loại đối tượng học viên cho phù hợp, tránh triển khai đại trà thiếu trọng tâm. Bài viết khuyến nghị đổi mới phương pháp truyền đạt, tăng cường trải nghiệm thực tế, đồng thời nhấn mạnh cần có chính sách hỗ trợ và giám sát quá trình chuyển đổi số để nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen sử dụng công nghệ của các nhà giáo dục.

## **1.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng, giải pháp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số**

### ***1.2.1. Các công trình nghiên cứu về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số***

Cuốn sách “*Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*” (2003), [9] do Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Phúc chủ biên tập trung phân tích những biến động của đời sống đạo đức dưới tác động của nền kinh tế thị trường, cả mặt tích cực và tiêu cực, đồng thời lý giải vai trò của đạo đức như một động lực tinh thần cho phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu cho thấy, các giá trị và chuẩn mực đạo đức truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng, đức tính cần cù, tiết kiệm đã và đang biến đổi, mở rộng nội dung để thích ứng với yêu cầu mới của kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, những giá trị mới như tính thực tế, hiệu quả, khát vọng làm giàu và tinh thần cạnh tranh được hình thành và phát huy tác dụng, song mặt trái của kinh tế thị trường cũng kéo theo chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, sùng ngoại và xem nhẹ giá trị truyền thống. Công trình kết luận rằng, sự tác động hai mặt của kinh tế thị trường đòi hỏi phải hoàn thiện thể chế, đồng thời giải quyết một cách biện chứng mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và quốc tế, giữa xây và chống trong công tác xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Báo cáo đề tài “Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp” (2004) [65] do Nguyễn Duy Quý chủ biên, với sự tham gia của các học giả như Nguyễn Đức Bình, Vũ Khiêu, Nguyễn Trọng Chuẩn, Hoàng Chí Bảo. Tác phẩm dựa trên những phân tích thực tiễn và điều tra xã hội học quy mô lớn, phản ánh bức tranh đạo đức xã hội Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công trình được trình bày trong 9 chương với hơn 300 trang, đề cập đến những vấn đề như: bản chất và chức năng của đạo đức xã hội; đời sống đạo đức trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa; cùng thực trạng, nguyên nhân, phương hướng và giải pháp xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, triết học Mác - Lênin và các lý luận về văn hóa, tác giả và nhóm nghiên cứu đã phân tích sâu sắc đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức, thanh niên, đạo đức trong lao động, giao tiếp và gia đình, qua đó chỉ ra những biểu hiện suy thoái cần khắc phục. Công trình nhấn mạnh: “Ngoài những nguyên nhân khách quan, sâu xa, trực tiếp cần phải nhận diện những nguyên nhân chủ quan thuộc về chúng ta, từ lãnh đạo, quản lý, giáo dục và tổ chức đời sống xã hội. Nhóm nguyên nhân này đã và đang trực tiếp dẫn tới sự suy thoái đạo đức xã hội”[65, tr.264]. Nhận định này cho thấy, để cải thiện tình hình đạo đức xã hội, cần đổi mới từ tư duy lãnh đạo, công tác giáo dục và quản lý xã hội, hướng tới xây dựng một nền đạo đức lành mạnh, nhân văn và phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Cuốn sách “*Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*” (2007), [23] của tác giả Lê Quý Đức và Hoàng Chí Bảo, trong phần thứ hai là “Thực trạng văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay”, các tác giả đã đi sâu phân tích những nhân tố đang chi phối đến đời sống văn hóa đạo đức, đồng thời chỉ ra sự biến đổi trong các giá trị và chuẩn mực đạo đức truyền thống. Những biểu hiện ấy vừa có mặt tích cực, góp phần làm giàu thêm đời sống tinh thần, vừa tồn tại mặt tiêu cực, gây xói mòn một số giá trị nền tảng. Bên cạnh việc khái quát hiện trạng từ các chiều cạnh xã hội, hai tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các thiết chế chính trị - xã hội, bộ máy thượng tầng Đảng và Nhà nước trong việc hình thành diện mạo văn hóa đạo đức hiện nay.

Trong cuốn sách “*Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*” (2014), [1], Lương Gia Ban và

Nguyễn Thế Kiệt bàn về vai trò của giá trị văn hóa dân tộc trong việc hình thành nhân cách sinh viên trong thời đại mới. Các tác giả hệ thống lại những giá trị tinh thần truyền thống cơ bản của dân tộc Việt Nam, trong đó lòng yêu nước và ý chí tự cường được xem là hai phẩm chất cốt lõi cần được sinh viên phát huy. Bên cạnh đó là tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, sự khoan dung và trọng nghĩa tình, những yếu tố góp phần định hình nên nhân cách đạo đức và lối sống của thế hệ trẻ. Công trình cũng đề cập đến ý thức lao động cần cù, sáng tạo, truyền thống hiếu học, cùng văn hóa ứng xử tinh tế như những yếu tố quyết định giúp sinh viên thích ứng và phát triển trong xã hội hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi xã hội diễn ra nhanh chóng, việc thấu hiểu và vận dụng giá trị truyền thống không chỉ là nhu cầu nhận thức mà còn là yêu cầu thực hành trong đời sống hàng ngày, nhất là trong quá trình hình thành nhân cách sinh viên. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống không chỉ giúp sinh viên tự tin và thành công trong sự nghiệp mà còn góp phần bồi đắp nguồn nhân lực có bản lĩnh, có đạo đức và tinh thần trách nhiệm xã hội, phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết của tác giả Lê Thị Lan với tiêu đề “Nội dung và vị thế của giá trị truyền thống Việt Nam trong giá trị nhân loại”, (2001) [40] đã tiến hành một phân tích về giá trị truyền thống trong quá trình phát triển lịch sử của dân tộc, đồng thời làm rõ nội dung và vai trò của giá trị truyền thống Việt Nam trong tổng thể giá trị nhân loại. Tác giả chỉ ra rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các dân tộc cần tận dụng cơ hội toàn cầu này để phát huy sự giao lưu tiếp biến và trao đổi các giá trị đạo đức. “Do quá trình toàn cầu hóa, một cơ hội mang tính toàn cầu mà mỗi dân tộc cần tận dụng là khuyến khích sự đa dạng và chia sẻ các giá trị đạo đức. Điều đó có nghĩa là giá trị của mỗi dân tộc có cơ hội tìm được vị thế của mình trong giá trị nhân loại” [40, tr.16]. Bên cạnh đó tác giả cũng nhận định chủ nghĩa yêu nước không chỉ là một đặc điểm cơ bản của giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam mà còn là yếu tố xuyên suốt và liên tục trong sự chuyển biến của hệ giá trị dân tộc.

Trong bài viết “Từ cái thiện truyền thống đến cái thiện trong cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay”(2002), [30], Nguyễn Hùng Hậu phân tích quá trình kế thừa và phát triển các giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tác giả cho rằng,

việc kế thừa giá trị truyền thống không chỉ là bảo tồn mà còn là đổi mới, nhằm thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại. Quá trình này đòi hỏi cái nhìn toàn diện, sáng tạo và linh hoạt, giúp giá trị truyền thống tiếp tục phát huy vai trò định hướng đạo đức trong đời sống xã hội. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng, “trong quá trình kế thừa các giá trị truyền thống, chúng ta không chỉ cần nhìn lại quá khứ mà còn cần phải điều chỉnh và áp dụng các giải pháp mới để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.” [30, tr.31]. Bài viết cũng nhận định cái thiện truyền thống cần được cụ thể hóa bằng những giá trị hành động thiết thực, phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội Việt Nam đương đại.

Bài viết “Chuyển đổi số trong báo chí và những vấn đề về đạo đức nghề” (2021) của Trịnh Dũng [131] đã nhấn mạnh khi thông tin được truyền tải nhanh chóng trên môi trường số, nguy cơ vi phạm đạo đức báo chí tăng cao, đặc biệt trong việc xử lý thông tin sai lệch và tin giả của các “nhà báo salon”, “nhà báo công dân”. Tác giả khuyến nghị cần xây dựng và thực thi các quy chuẩn đạo đức mới, cùng với việc tăng cường vai trò tự quản của các nhà báo để bảo vệ tính chính xác và trung thực trong báo chí “đối với người làm báo, ở thời nào, trong bất cứ nền báo chí nào, đạo đức nghề nghiệp cũng là yêu cầu tất yếu, cốt lõi. Tôn trọng và tuân thủ nghiêm đạo đức nghề nghiệp là cách duy nhất để báo chí tồn tại và đứng vững trong lòng công chúng” [131]

Bài viết “Một số giá trị đạo đức truyền thống biến đổi trong quá trình hội nhập”, (2021), [39] của Trần Thị Tùng Lâm tập trung vào vai trò cốt lõi của đạo đức truyền thống trong việc xây dựng sức mạnh tinh thần của dân tộc Việt Nam, với trung tâm là lòng trung thành với Tổ quốc. Tác giả thảo luận về sự biến đổi tất yếu của các giá trị đạo đức trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, đặc biệt là sự điều chỉnh để phù hợp với thời đại mới. Ví dụ như việc thay đổi quan niệm về phẩm chất trung, đạo hiếu, quan hệ thầy - trò và phụ huynh, quan hệ giữa người bệnh và người chữa bệnh...đang là những điểm nóng trong dư luận xã hội. Nghiên cứu cho thấy sự cần thiết phải bảo tồn duy trì các giá trị đạo đức trong quá trình hội nhập quốc tế.

Bài viết “Giáo dục đạo đức học Mác - Lênin với việc xây dựng đạo đức mới cho sinh viên Việt Nam” (2021), [97] của tác giả Hoàng Anh nhận định: “Giáo dục đạo đức cho sinh viên là một trong bốn nhiệm vụ trọng yếu của nền

giáo dục đại học nước ta hiện nay... trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế và giao lưu văn hoá hiện nay, con người phát triển về đạo đức đồng thời phải là những con người có ý chí vươn lên, sáng tạo, cầu thị để ngày càng làm chủ bản thân và xã hội” nên việc áp dụng lý thuyết và quan điểm đạo đức Mác - Lênin trong giáo dục đạo đức có vai trò trung tâm trong việc xây dựng giá trị đạo đức mới và kế thừa giá trị đạo đức truyền thống. Tác giả đề xuất giáo dục đạo đức cụ thể để trang bị phần thiếu hụt cho đa số sinh viên nhằm đạt mục tiêu xây dựng thế hệ sinh viên hội đủ đức - tài, giúp sinh viên phòng chống các ảnh hưởng tiêu cực và phát triển nhân cách toàn diện. Bài báo kết luận với sự hiểu biết về nguồn gốc, bản chất và quy luật của đạo đức, sinh viên sẽ có cơ sở khoa học để tự khẳng định giá trị đạo đức chân thực - đồng thời định hướng phát triển của đạo đức trong tương lai và xây dựng lý tưởng đạo đức cộng sản, trở thành những con người yêu nước, có ý thức tập thể, sống lành mạnh và lao động chăm chỉ.

Nguyễn Thị Học (2022), trong bài viết “Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay” đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước, đã luận giải có hệ thống cơ sở lý luận về vị trí, vai trò và nội dung của các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tác giả phân tích những giá trị cốt lõi như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, cần cù - sáng tạo, hiếu học và tôn sư trọng đạo; đồng thời đánh giá thực trạng giáo dục và biểu hiện đạo đức của sinh viên hiện nay với cả mặt tích cực và những hạn chế đáng lo ngại. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp chủ yếu như tăng cường giáo dục tư tưởng gắn với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đưa môn Đạo đức học vào giảng dạy trong nhà trường; và đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết “Phát huy giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam”, (2023), của Trần Vi Dân [129] nhấn mạnh vai trò quan trọng của các giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Theo tác giả, qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hun đúc nên hệ giá trị đạo đức truyền thống bền vững, vừa làm nên cốt cách và bản sắc văn hóa dân tộc, vừa trở thành nguồn sức mạnh nội sinh giúp đất nước

vượt qua mọi thử thách lịch sử. “Giá trị đạo đức truyền thống có sức mạnh tiềm tàng, có tính cốt lõi, ổn định, chỉ đạo hoạt động, củng cố, phát triển ý chí và bản lĩnh dân tộc. Một dân tộc có bản sắc đậm đà, có các giá trị đạo đức truyền thống sâu đậm sẽ không bao giờ bị thôn tính, hòa tan hay xóa nhòa” [129]. Trong bối cảnh hiện nay, tác giả cho rằng việc phát huy giá trị đạo đức truyền thống phải gắn với yêu cầu của thời đại mới, nghĩa là kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị dân tộc và tinh thần cách mạng Hồ Chí Minh.

Bài viết “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam” (2024) của Hoàng Trọng Nghĩa và Nguyễn Văn Huân [141] cho thấy dù đã triển khai LMS, thư viện số và dạy học trực tuyến, nhưng phần lớn mới dừng ở mức ứng dụng công nghệ thông tin, chưa đạt tới chuyển đổi số toàn diện. Nguyên nhân chính là thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, năng lực công nghệ số chưa đồng đều giữa giảng viên, và nguồn học liệu số còn hạn chế. Từ thực trạng đó, nhóm tác giả đã đưa ra các giải pháp chính đó là: Nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa số trong toàn hệ thống, từ lãnh đạo đến giảng viên và sinh viên; Phát triển văn hóa nhà trường thích ứng với môi trường số, chú trọng ứng xử trên không gian mạng, học tập suốt đời và liên chính học thuật; Đổi mới mạnh mẽ quá trình đào tạo, rút ngắn thủ tục tuyển sinh, tăng cường dạy - học trực tuyến, phát triển LMS, LCMS và học liệu số để hướng tới cá nhân hóa; Số hóa hoạt động nghiên cứu khoa học, mở rộng hội thảo trực tuyến, khai thác tài liệu mạng gắn với nhu cầu doanh nghiệp;) Đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý sử dụng thành thạo các công cụ số trong giảng dạy, nghiên cứu và quản trị.

Luận án Tiến sĩ triết học: “Giáo dục đạo đức và sự phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” (1999), [59] của tác giả Trần Sỹ Phán, đã phân tích chi tiết về bản chất, vai trò, và tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức đối với sự phát triển nhân cách của con người, đặc biệt là sinh viên Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tác giả nhấn mạnh rằng, để đạt được sự phát triển toàn diện trong giáo dục, việc cân đối giữa “dạy người, dạy chữ, dạy nghề” là cần thiết, trong đó “dạy người” phải là mục tiêu hàng đầu. Trần Sỹ Phán cho rằng, cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục đạo đức nhằm giúp sinh viên phát triển những

phẩm chất và giá trị nhân cách cốt lõi. Việc này không chỉ là nội hàm mà còn là đích đến của giáo dục đạo đức “sự phát triển những phẩm chất đạo đức, những giá trị nhân cách là nội dung cơ bản và là mục tiêu trực tiếp của giáo dục đạo đức” [59, tr.39].

Luận án Tiến sĩ triết học “Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” (2000), [42] của Nguyễn Văn Lý tập trung hệ thống hóa và làm rõ vai trò của các giá trị đạo đức truyền thống trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Tác giả phân tích những mặt tích cực và hạn chế của đạo đức truyền thống; đồng thời, xem xét tác động của các yếu tố trong nước và quốc tế, dân tộc và thời đại, đặc biệt là ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đối với đạo đức xã hội và các giá trị truyền thống. Nghiên cứu chỉ ra quy luật kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời phân tích sâu mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, cho thấy đạo đức truyền thống vừa là di sản văn hóa quý báu, vừa có thể trở thành trở ngại cho tiến bộ nếu bị vận dụng một cách bảo thủ, thiếu linh hoạt. “Thái độ bảo thủ, đề cao quá mức đạo đức truyền thống, xem nhẹ hoặc phủ nhận đổi mới, thái độ hư vô chủ nghĩa phủ nhận mọi giá trị truyền thống cũng như việc tùy tiện đưa những nhân tố xa lạ vào đời sống đạo đức - văn hóa của dân tộc đều là phản khoa học.” [42, tr.14]. Luận án làm rõ vai trò then chốt của việc kế thừa và đổi mới giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển sang nền kinh tế thị trường, nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo tồn bản chất của các giá trị truyền thống, đồng thời thích ứng linh hoạt với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Luận án “Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay” (2011), [58] của Ngô Thị Thu Nga đặt vấn đề về vai trò của giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình hình thành hệ thống đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Tác giả luận giải rằng giá trị đạo đức truyền thống không chỉ là di sản văn hóa của quá khứ, mà còn là nền tảng tinh thần bền vững cho sự phát triển nhân cách con người hiện đại. Theo tác giả, các giá trị đạo đức truyền thống đóng vai trò như hệ quy chiếu chuẩn mực - “một bộ lọc quan trọng, thước đo quy chiếu giúp thế hệ trẻ nhận thức rõ ràng sự khác biệt giữa đúng và sai, tốt và xấu, thiện và ác”. Chính nhờ đó, người trẻ có thể chủ động lựa chọn những giá trị

tiến bộ, loại bỏ phần giá trị, hướng tới hình thành hệ thống đạo đức mới phù hợp với thời đại. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tính động và thích ứng của các giá trị đạo đức truyền thống: chúng không bất biến hay cứng nhắc, mà có khả năng biến đổi, phát triển theo hoàn cảnh lịch sử - xã hội nhưng vẫn giữ được bản chất nhân văn, ý nghĩa cốt lõi của đạo đức Việt Nam. Từ đó, công trình khẳng định rằng việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ phải dựa trên sự kế thừa sáng tạo những giá trị truyền thống, để tạo nên con người vừa hiện đại, vừa thấm đẫm bản sắc văn hóa dân tộc.

Luận án “Giá trị đạo đức truyền thống với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay” (2015), [32] của Phùng Thu Hiền. Tác giả cho rằng việc phát huy các giá trị đạo đức truyền thống là một quá trình phức tạp, đan xen giữa yếu tố tích cực và tiêu cực, tiến bộ và lạc hậu, đòi hỏi sự thống nhất giữa giáo dục và tự giáo dục. Luận án nêu những mâu thuẫn trong việc phát huy giá trị đạo đức truyền thống và đề xuất các giải pháp cụ thể như xây dựng môi trường học tập tích cực; kết hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục và tăng cường vai trò tự giáo dục của sinh viên. Công trình khẳng định việc phát huy giá trị đạo đức truyền thống là động lực quan trọng giúp sinh viên phát triển nhân cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

### ***1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giải pháp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số***

Bài viết “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa” (2006), [74], Nguyễn Đình Tường phân tích sâu những thách thức đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tác giả chỉ ra rằng: “Đặc biệt, một số giá trị đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng... vốn có vị trí quan trọng trong hệ giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam đang có nguy cơ bị mai một và tha hoá... những giá trị đạo đức truyền thống của nền văn hóa làng xã Việt Nam đã từng tồn tại hàng ngàn năm nay đang bị mai một, mờ nhạt dần [74, tr.28, 29]. Theo ông, để duy trì và phát triển những giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại, cần có sự đồng thuận và tham gia của toàn Đảng, Chính phủ, các tổ chức xã hội, đội ngũ trí thức và

cộng đồng dân cư. Tác giả cũng nhấn mạnh vai trò của giáo dục, văn hóa và nghệ thuật trong việc lan tỏa và khơi dậy nhận thức xã hội về giá trị đạo đức truyền thống. Để thực hiện mục tiêu này, bài viết đề xuất ba giải pháp cụ thể gồm: (1) Tăng cường giáo dục về truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, (2) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật, (3) Xác lập bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu.

Bài viết “Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị” (2022) của Bùi Kim Thanh [145] khẳng định chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị là xu hướng tất yếu, tạo ra thay đổi căn bản trong phương thức giảng dạy và học tập, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo. Tác giả nêu ra những điều kiện cơ bản để thực hiện thành công đó là: phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn hệ thống, từ lãnh đạo đến giảng viên; hoàn thiện khung pháp lý để các hoạt động số hóa có hành lang rõ ràng; xây dựng chiến lược toàn diện nhằm triển khai đồng bộ thay vì manh mún; đầu tư hạ tầng công nghệ bảo đảm kết nối ổn định, an toàn; nâng cao năng lực số cho giảng viên để họ không chỉ biết sử dụng mà còn sáng tạo với công nghệ; tăng cường sự tham gia chủ động của người học, coi người học là trung tâm của quá trình chuyển đổi số. Từ đó, đề xuất 3 giải pháp chính gồm tăng cường tuyên truyền, quán triệt quan điểm và chủ trương về chuyển đổi số; tiếp tục hoàn thiện hạ tầng dạy - học và nghiên cứu khoa học số, bảo đảm an ninh mạng; và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

Bài viết “Giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ trước thách thức của thời đại” (2022), [147] của Bùi Thị Thủy cùng cộng sự đã phân tích những khó khăn và thách thức trong giáo dục đạo đức truyền thống hiện nay - trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế. Giáo dục đạo đức truyền thống đang phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp, khi xuất hiện “những khoảng cách khó phân định giữa cái đúng và cái sai, giữa giá trị và phản giá trị, văn hóa và phản văn hóa”. Để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ. Các tác giả rút ra 5 giải pháp cơ bản và 3 vấn đề trọng tâm, trong đó nhấn mạnh việc phát huy các giá trị tích cực của toàn cầu hóa, đa dạng hóa nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, đồng thời bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa

trong giáo dục. Bài viết cũng khẳng định, chuyên đổi số là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết “Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho cán bộ, đảng viên trẻ” (2024), [135] của Dương Quang Hiền nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng. Việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống này theo tác giả giúp họ “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo”. Theo tác giả, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng về tầm quan trọng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc; Hai là, lựa chọn nội dung, đổi mới hình thức, biện pháp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc; Ba là, xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh góp phần tích cực vào giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc; Bốn là, phát huy tính tích cực, chủ động của cán bộ, đảng viên trẻ trong tự giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc.

Bài viết “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”, (2024) của Ngô Thị Phương Lan, đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng, đã phân tích toàn diện vai trò, ý nghĩa của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế; đồng thời khảo sát thực tiễn triển khai tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở dữ liệu điều tra xã hội học. Tác giả chỉ ra những kết quả tích cực trong nhận thức chính trị và thái độ của sinh viên, song cũng chỉ rõ một số hạn chế như sự thờ ơ của một bộ phận sinh viên, nội dung và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị còn chậm đổi mới, đội ngũ và cơ chế phối hợp chưa đồng bộ. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm gồm nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị, đổi mới nội dung - phương thức giáo dục theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho sinh viên hiện nay.

Bài viết “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên đại học hiện nay - nghiên cứu trường hợp tại

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên” (2024) của Nguyễn Thị Quê, đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước, đã phân tích khá toàn diện thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên tại nhà trường trên các phương diện: vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; đội ngũ giảng viên và vai trò của gia đình. Tác giả cũng làm rõ nội dung, chương trình, phương pháp và phương tiện giáo dục đạo đức truyền thống thông qua các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức học và các hoạt động giáo dục ngoại khóa. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp như đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất, phát huy tính chủ động của sinh viên và đẩy mạnh sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết “Kinh nghiệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học của các quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam” (2025) của Nguyễn Bảo Vinh [79] phân tích kinh nghiệm của các nước đi đầu trong chuyển đổi số giáo dục đại học. Tại Mỹ, hệ sinh thái EdTech phát triển mạnh, chú trọng cá nhân hóa học tập bằng AI, ứng dụng VR/AR và các chương trình nhập vai, tiêu biểu như Mission US của WNET (New York), trò chơi cho phép sinh viên hóa thân vào nhân vật lịch sử để học qua trải nghiệm. Hàn Quốc với K-MOOC (từ 2015) đã xây dựng kho học liệu mở quy mô lớn, đầu tư mạnh vào viễn thông và an ninh mạng, đồng thời các trường đại học còn ứng dụng chatbot AI trong đăng ký môn, tra cứu và tư vấn học tập. Trung Quốc tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu học liệu quốc gia và ứng dụng Big Data để cá thể hóa đào tạo, thể hiện phong cách tập trung - quy mô lớn - khai thác dữ liệu. Singapore gắn giáo dục số với chiến lược Smart Nation, thúc đẩy học tập suốt đời và liên kết đào tạo số với nhu cầu nhân lực. Anh nổi bật với khung bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến, kiểm định học liệu và năng lực số của giảng viên, đồng thời ứng dụng mô phỏng 3D, phòng thí nghiệm ảo trong giảng dạy. New Zealand dẫn đầu nhờ đầu tư hàng tỷ USD vào hạ tầng Internet băng thông rộng tốc độ cao, được xem là nền tảng cốt lõi cho chuyển đổi số giáo dục. Từ các kinh nghiệm này, tác giả rút ra bài học cho Việt Nam: cần phát triển hệ sinh thái EdTech, xây dựng nền tảng học liệu mở quốc gia, đẩy mạnh cơ sở dữ liệu tập trung và

Big Data, gắn giáo dục số với chiến lược phát triển quốc gia và học tập suốt đời, ban hành khung đảm bảo chất lượng đào tạo số, và ưu tiên đầu tư hạ tầng Internet tốc độ cao trên toàn quốc.

### **1.3. Khái quát kết quả các công trình đã công bố liên quan đến đề tài và những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

#### ***1.3.1. Khái quát kết quả các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án***

Trên cơ sở nghiên cứu và tìm hiểu về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề luận án, có thể rút ra một số nhận xét sau:

*Thứ nhất, có thể thấy số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án khá phong phú và đa dạng, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau.*

Các công trình nghiên cứu về lý luận giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số đã cung cấp một nền tảng học thuật khá phong phú cho việc triển khai đề tài. Các nghiên cứu đã làm rõ nhiều vấn đề cơ bản như khái niệm, bản chất, cấu trúc, vai trò và sự vận động của các giá trị đạo đức truyền thống trong lịch sử và trong điều kiện xã hội số; qua đó, tạo cơ sở lý luận quan trọng để tiếp cận vấn đề giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên dưới góc nhìn kế thừa và phát triển.

Các công trình của học giả Việt Nam đã xây dựng tương đối hệ thống lý luận về giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, thống nhất xác định các giá trị cốt lõi như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, cần cù, hiếu học, trung thực, nghĩa tình... là hạt nhân của đạo đức truyền thống Việt Nam, vừa mang tính dân tộc vừa có giá trị nhân loại. Nhiều nghiên cứu cũng làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, khẳng định giá trị đạo đức truyền thống không bất biến mà luôn vận động, thích ứng với điều kiện lịch sử mới. Trên nền tảng triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các công trình đều thống nhất quan điểm: đạo đức cách mạng là sự kế thừa và kết tinh các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là con đường phát huy các giá trị ấy trong điều kiện mới.

Các nghiên cứu nước ngoài về đạo đức học và triết học mở rộng cách tiếp cận đạo đức không chỉ như hệ chuẩn mực hành vi, mà như một quá trình tự ý thức và phát triển nhân cách; từ đó hình thành khái niệm đạo đức số và yêu cầu “hiện đại hóa” đạo đức truyền thống trong môi trường số. Nhiều công

trình khẳng định công nghệ không thể thay thế vai trò của giáo dục nhân văn, mà phải được định hướng bởi triết lý “lấy con người làm trung tâm”.

Ở bình diện thực tiễn, các nghiên cứu đã chỉ ra sự thiếu gắn kết giữa giáo dục đạo đức truyền thống và môi trường số; phản ánh khoảng cách giữa mục tiêu giáo dục và thực trạng nhận thức, hành vi đạo đức của sinh viên hiện nay. Nhiều công trình cho thấy, hệ giá trị đạo đức đang biến đổi mạnh mẽ dưới tác động của toàn cầu hóa, kinh tế thị trường và mạng xã hội; trong đó, các chuẩn mực truyền thống như nhân ái, hiếu học, tinh thần cộng đồng đang chịu nhiều thách thức từ chủ nghĩa cá nhân và lối sống thực dụng. Đồng thời, cũng chỉ ra những hạn chế như sự chênh lệch giữa các cơ sở giáo dục, thiếu khung pháp lý, thiếu chuẩn đánh giá và thiếu nội dung đạo đức số trong chương trình đào tạo.

Về giải pháp, nhiều tác giả đề xuất đổi mới nội dung và phương thức giáo dục đạo đức theo hướng tích hợp giá trị truyền thống với chuẩn mực công dân hiện đại; tăng cường giáo dục thông qua trải nghiệm, gắn học với hành; đồng thời, hoàn thiện chính sách, phát triển hạ tầng, năng lực số và đội ngũ giảng viên. Một số nghiên cứu trong và ngoài nước nhấn mạnh việc xây dựng khung đạo đức số, kết hợp giáo dục đạo đức truyền thống với giáo dục năng lực đạo đức trong môi trường chuyển đổi số, coi đây là hướng đi bền vững để hình thành chuẩn mực đạo đức của công dân số; đồng thời đề cập tiềm năng của các công nghệ mới như AI, blockchain trong việc nâng cao minh bạch và đạo đức học thuật.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã cung cấp một khối lượng tri thức quan trọng về giá trị đạo đức truyền thống và giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, tạo cơ sở khoa học cần thiết để luận án kế thừa và tiếp tục triển khai nghiên cứu sâu hơn những vấn đề trọng tâm của đề tài.

*Thứ hai, các thông tin đa chiều từ các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị và xây dựng văn hóa, con người trong thời kỳ mới tạo nên nhiều thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra thách thức không nhỏ trong việc xác định khoảng trống nghiên cứu.*

Cần thừa nhận rằng, số lượng công trình bàn về giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị và định hướng nhân cách cho sinh viên là khá phong phú, tiếp

cận từ nhiều góc độ như triết học, giáo dục học, tâm lý học, xã hội học và văn hóa học. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên gắn với không gian đô thị đặc thù như Hà Nội, và đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số còn tương đối khiêm tốn, phần lớn mới dừng lại ở mức lồng ghép trong các nghiên cứu về giáo dục đạo đức nói chung hoặc xây dựng văn hóa học đường.

Nội dung nhiều công trình chủ yếu tập trung hệ thống hóa khái niệm, nội hàm, vai trò của giá trị đạo đức truyền thống; hoặc mô tả thực trạng biểu hiện đạo đức, lối sống của sinh viên; đề xuất các giải pháp theo hướng truyền thống như tăng cường giáo dục qua môn học lý luận chính trị, hoạt động Đoàn - Hội, phong trào thi đua, phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội. Trong khi đó, vẫn thiếu vắng các nghiên cứu độc lập, chuyên sâu làm rõ tác động đặc thù của chuyển đổi số (mạng xã hội, môi trường số, truyền thông số, AI, học tập trực tuyến, văn hóa số) tới quá trình tiếp nhận, chuyển hóa và thực hành giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên; cũng như thiếu các mô hình, giải pháp mang tính khả thi nhằm đổi mới nội dung, phương thức, công cụ giáo dục đạo đức truyền thống theo hướng số hóa phù hợp với đặc điểm sinh viên và điều kiện quản trị giáo dục tại địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

*Thứ ba, các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay còn tương đối phân tán, dàn trải, thậm chí có những cách tiếp cận và đánh giá chưa thật sự thống nhất, gây không ít khó khăn cho việc kế thừa và tham khảo.*

Trong nhiều công trình đã công bố, vẫn tồn tại những quan điểm khác nhau về nội hàm, hệ giá trị, phương thức giáo dục cũng như về mức độ và cách thức phát huy các giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường giáo dục đại học hiện nay; điều này tạo ra những trở ngại nhất định trong việc hình thành một cách tiếp cận thống nhất và toàn diện đối với vấn đề nghiên cứu.

Mặc dù các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức và giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên ở Việt Nam là khá phong phú và đa dạng, song vẫn chưa có những công trình chuyên khảo mang tính hệ thống, toàn diện, vừa làm rõ cơ sở lý luận, vừa đánh giá đầy đủ thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt là đối với địa bàn thành phố Hà Nội với tư cách là trung tâm chính trị,

văn hóa, giáo dục lớn của cả nước. Sự thiếu vắng này đã tạo ra một khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục làm rõ và bổ sung. Chính từ yêu cầu đó, đề tài “Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay” được lựa chọn nhằm góp phần bổ sung luận cứ khoa học và đề xuất các giải pháp phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

### ***1.3.2. Những khoảng trống đặt ra luận án cần tiếp tục giải quyết***

Trên cơ sở khảo sát, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan, có thể nhận thấy mặc dù vấn đề giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, song trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay vẫn còn tồn tại những khoảng trống cả về phương diện lý luận và thực tiễn, đòi hỏi cần tiếp tục được nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và toàn diện hơn.

*Thứ nhất, nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một khung lý luận mới về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Thực tế cho thấy, nhiều công trình đã bàn sâu về đạo đức và giá trị đạo đức truyền thống, song phần lớn mới dừng ở việc mô tả, phân loại hoặc khái quát nội dung, chưa làm rõ cơ chế hình thành, biến đổi và chuyển hóa các giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số. Khái niệm “giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số” hầu như chưa được xác lập một cách hệ thống cả về nội hàm, ngoại diên và các yếu tố cấu thành. Các nghiên cứu hiện nay thường hoặc tập trung vào giáo dục đạo đức truyền thống, hoặc tập trung vào chuyển đổi số trong giáo dục, trong khi sự giao thoa giữa hai lĩnh vực - nơi các giá trị truyền thống được tái định nghĩa, tái diễn giải và tái thực hành trong không gian số - vẫn là một khoảng trống đáng kể.

Giữa cái “bền vững, lâu dài” của các giá trị nhân văn truyền thống và cái “biến động, linh hoạt” của công nghệ số hiện đại, đến nay vẫn chưa có một khung lý luận tích hợp đủ sức lý giải mối quan hệ này một cách thuyết phục. Tư tưởng “hiện đại hóa giá trị truyền thống” mới chủ yếu dừng ở bình diện định hướng và khẩu hiệu, chưa được xây dựng trên một nền tảng triết học và giáo dục học vững chắc. Phần lớn các công trình vẫn tiếp cận đạo đức như một hệ chuẩn mực, quy tắc ứng xử, mà chưa đi sâu phân tích bản chất con người và cơ chế hình thành giá trị đạo đức trong điều kiện xã hội số.

Đặc biệt, mối quan hệ giữa “cái tôi số” - tức hình ảnh, hành vi, danh tính của cá nhân trong không gian mạng - với “nhân cách truyền thống” của người Việt Nam chưa được xem xét như một vấn đề lý luận độc lập trong triết học và giáo dục học. Đến nay, vẫn thiếu các nghiên cứu làm rõ sự thay đổi cấu trúc, phương thức biểu hiện và cơ chế nội tâm hóa các giá trị đạo đức truyền thống khi sinh viên học tập, giao tiếp và thể hiện bản thân trong môi trường số - nơi hành vi đạo đức vừa mang tính công khai, vừa ẩn danh, vừa được biểu hiện qua dữ liệu, bình luận và tương tác trực tuyến.

*Thứ hai, còn thiếu những nghiên cứu thực chứng và dữ liệu chuyên ngành về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong môi trường số, đặc biệt là theo đặc thù đô thị lớn như Hà Nội.*

Các khảo sát hiện có về đạo đức sinh viên chủ yếu phản ánh bức tranh chung trên phạm vi toàn quốc hoặc chỉ tập trung vào một số khía cạnh riêng lẻ như lối sống, đạo đức học đường, ý thức công dân..., chưa có nhiều nghiên cứu chuyên biệt về sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội - nơi tập trung mật độ cao các trường đại học, có tốc độ chuyển đổi số nhanh nhưng cũng chịu tác động mạnh mẽ từ mặt trái của công nghệ và mạng xã hội.

Việc thiếu các dữ liệu định tính và định lượng chuyên sâu khiến cho bức tranh thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số của sinh viên Hà Nội còn rời rạc, thiếu tính hệ thống và đặc thù vùng miền. Bên cạnh đó, phần lớn các công trình về chuyển đổi số trong giáo dục đại học mới chủ yếu tập trung vào hạ tầng kỹ thuật, quản trị số và năng lực số, mà chưa đi sâu xem xét chiều kích biến đổi về giá trị, văn hóa ứng xử và hành vi đạo đức của sinh viên trong không gian mạng.

Cho đến nay, hầu như chưa có nghiên cứu nào chỉ ra một cách rõ ràng mối quan hệ tương quan giữa mức độ ứng dụng công nghệ số (mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, hệ thống LMS, học liệu số, e - portfolio, dữ liệu học tập...) với sự hình thành và phát triển các giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên, cũng như tác động của nó đến hành vi và lựa chọn đạo đức trong đời sống thực và đời sống số. Điều này cho thấy vẫn còn một khoảng cách đáng kể giữa “đổi mới công nghệ” và “đổi mới giáo dục đạo đức” trong giáo dục đại học Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba, còn thiếu một hệ thống giải pháp mang tính tích hợp, khả thi và phù hợp với điều kiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đặc biệt đối với địa bàn thủ đô Hà Nội.*

Mặc dù nhiều tác giả đã đề xuất các giải pháp giáo dục đạo đức truyền thống cho sinh viên, song phần lớn mới dừng lại ở những khuyến nghị chung, mang tính định hướng, chưa xác lập được cơ chế thực thi cụ thể trong điều kiện chuyển đổi số. Các đề xuất về đổi mới nội dung, phương pháp hay ứng dụng công nghệ trong giáo dục đạo đức còn thiên về lý thuyết, thiếu mô hình vận hành ở cấp cơ sở đào tạo - nhất là tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, nơi có điều kiện, quy mô và áp lực chuyển đổi số rất đặc thù.

Các nghiên cứu về chuyển đổi số giáo dục chủ yếu hướng tới quản trị đại học và đào tạo kỹ năng số, trong khi phương diện giáo dục giá trị và đạo đức lại chưa được quan tâm đúng mức. Đến nay, vẫn thiếu vắng một mô hình tích hợp giữa giáo dục giá trị đạo đức truyền thống và giáo dục năng lực đạo đức trong môi trường số dành riêng cho sinh viên, cũng như thiếu bộ tiêu chí và hệ chỉ báo để đo lường hiệu quả giáo dục các giá trị đạo đức dân tộc trong môi trường số.

Vấn đề cốt lõi hiện nay không chỉ là “sử dụng công nghệ gì”, mà quan trọng hơn là làm thế nào để công nghệ trở thành phương tiện giáo dục giá trị, góp phần củng cố chứ không làm phai nhạt nền tảng đạo đức truyền thống. Đây chính là khoảng trống quan trọng mà luận án cần tập trung làm rõ: xác lập các nguyên tắc, mô hình và phương pháp tích hợp công nghệ số với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống sao cho vừa hiện đại, vừa phù hợp với đặc thù sinh viên và môi trường giáo dục đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ những khoảng trống lý luận và thực tiễn nêu trên, luận án tập trung vào nghiên cứu: *Thứ nhất*, xây dựng một hệ thống lý luận có tính hệ thống và liên ngành về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. *Thứ hai*, trên cơ sở đó luận án tiến hành khảo sát thực trạng nhằm nhận diện đầy đủ... để từ đó, xác định những vấn đề đặt ra đối với quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số hiện nay. *Thứ ba*, từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất hệ thống phương hướng và giải pháp theo hướng tích hợp, bảo đảm sự kết hợp hài hòa

giữa kế thừa, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam với yêu cầu thích ứng với điều kiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở tiếp cận đồng bộ, bao gồm đổi mới chủ thể giáo dục, nội dung, phương thức và điều kiện bảo đảm thực thi, đặc biệt gắn với đặc thù sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Những giải pháp này không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận về giáo dục giá trị đạo đức trong bối cảnh mới, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc tăng cường hoạt động giáo dục, hướng tới hình thành thể hệ sinh viên có nền tảng đạo đức vững chắc; đồng thời, có năng lực chuyên môn, khả năng thích ứng, tư duy sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế hiện nay.

### **Tiểu kết chương 1**

Các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên là khá phong phú và đa dạng. Các nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn như khái niệm, vai trò của giá trị đạo đức truyền thống, ý nghĩa của giáo dục đạo đức trong việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên. Các kết quả nghiên cứu đã cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về nền tảng lý luận và thực tiễn của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong giáo dục đại học hiện nay, đồng thời khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của công tác này trong sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam thời kỳ mới.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên biệt, hệ thống và toàn diện về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt là gắn với địa bàn thành phố Hà Nội. Phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc trình bày khái quát các vấn đề chung về giáo dục đạo đức truyền thống hoặc nghiên cứu chuyển đổi số trong giáo dục ở góc độ khái quát mà chưa làm sâu sắc sự tác động qua lại giữa môi trường số với quá trình hình thành, chuyển hóa và thực hành các giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên. Những nghiên cứu về thực trạng còn phân tán, thiếu chiều sâu và chưa hình thành được một khung lý luận cũng như một mô hình phân tích thống nhất.

Trên cơ sở các công trình tổng quan, luận án có nhiệm vụ cung cấp một cái nhìn toàn diện và sâu sắc về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số, làm rõ các vấn đề lý luận cốt lõi, đánh giá thực trạng, chỉ ra những vấn đề đặt ra và phân tích các nhân tố tác động đến quá trình giáo dục giá trị này. Từ đó, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp khả thi nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, góp phần đổi mới nội dung, phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng hiện đại, nhân văn và phù hợp với điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

## CHƯƠNG 2

### GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

#### 2.1. Những vấn đề lý luận về giá trị đạo đức truyền thống

##### 2.1.1. Khái niệm giá trị đạo đức truyền thống

###### 2.1.1.1. Khái niệm giá trị

Thuật ngữ “giá trị” xuất hiện từ thời cổ đại và gắn liền với tư duy triết học của nhân loại. Ban đầu, khái niệm này được sử dụng chủ yếu trong phạm vi đạo đức học, nhằm chỉ những gì con người coi là tốt, đúng, hay và đáng quý trong đời sống xã hội. Đến đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn, giá trị học đã hình thành như một ngành khoa học độc lập, lấy “giá trị” làm khái niệm trung tâm để nghiên cứu bản chất, cấu trúc và vai trò của giá trị trong đời sống con người và xã hội. Hiện nay, khái niệm “giá trị” được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như triết học, kinh tế học, tâm lý học, xã hội học, đạo đức học, văn hóa học,... với nhiều cách tiếp cận và diễn giải khác nhau, phản ánh tính phong phú và đa chiều của đời sống giá trị trong xã hội hiện đại.

Tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn khi nghiên cứu về giá trị đã khẳng định: “nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và nỗ lực vươn tới” [8, tr.16]. Giá trị đạo đức không chỉ là thước đo để đánh giá hành vi, mà còn là động lực tinh thần định hướng hành vi hướng thiện của con người, góp phần xây dựng các mối quan hệ xã hội nhân văn, lành mạnh.

Ở góc nhìn triết học, “giá trị” được hiểu là những thành tựu vật chất và tinh thần của con người có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển của xã hội, phục vụ lợi ích và hạnh phúc của con người. Theo đó, giá trị được xem là những đặc tính xã hội của các khách thể trong thế giới xung quanh, phản ánh tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của các khách thể ấy đối với con người và xã hội. Giá trị là kết quả của mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, được hình thành, khẳng định và kiểm nghiệm trong thực tiễn sống của con người. Nó không phải là cái tồn tại khách quan tuyệt đối, mà là sự đánh giá mang tính

lịch sử - xã hội, được xác định và tái khẳng định thông qua hoạt động thực tiễn của con người trong quá trình nhận thức và cải tạo thế giới. Theo “*Từ điển Triết học*” thì giá trị là “những định nghĩa về mặt xã hội của các khách thể trong thế giới chung quanh, nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của các khách thể ấy đối với con người và xã hội” [80, tr.206].

Dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, các quan niệm về “giá trị” đều có những điểm thống nhất căn bản. Trước hết, giá trị là ý nghĩa xã hội của các sự vật, hiện tượng vật chất hoặc tinh thần có khả năng thỏa mãn những nhu cầu tích cực của con người và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Giá trị mang tính lịch sử, tính khách quan và tính thực tiễn, chỉ được khẳng định thông qua quá trình con người nhận thức, đánh giá và kiểm nghiệm trong hoạt động sống. Về cơ bản, giá trị có thể chia thành hai nhóm lớn:

Giá trị vật chất - biểu hiện trong lĩnh vực sản xuất, kinh tế, đời sống vật chất và của cải;

Giá trị tinh thần - biểu hiện ở các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, văn hóa và chính trị.

Giữa các loại giá trị này tồn tại mối quan hệ biện chứng, tác động và chuyển hóa lẫn nhau, cùng cấu thành hệ thống giá trị xã hội phản ánh trình độ phát triển và bản sắc của mỗi cộng đồng, mỗi nền văn hóa.

Trong hệ thống các giá trị tinh thần, giá trị đạo đức giữ vị trí trung tâm và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ định hướng, điều chỉnh và đánh giá hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội, mà còn góp phần củng cố chuẩn mực đạo đức chung của cộng đồng. Những giá trị đạo đức này được thực hiện thông qua niềm tin, ý thức tự giác và truyền thống xã hội, dựa trên sức mạnh của dư luận và lương tâm con người. Nhờ vậy, giá trị đạo đức góp phần duy trì trật tự xã hội, khuyến khích hành vi nhân văn, hướng thiện, đồng thời tạo nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững, văn minh và tiến bộ của cộng đồng và nhân loại.

Từ các cách tiếp cận nêu trên, có thể khái quát khái niệm chung về “giá trị” như sau: *Giá trị là những gì con người coi trọng, mang lại ý nghĩa, lợi ích hoặc những chuẩn mực, định hướng nhận thức, thái độ và hành vi trong đời sống cá nhân cũng như cộng đồng xã hội.*

Trong triết học và xã hội học, giá trị được hiểu là những nguyên tắc, chuẩn mực hoặc niềm tin có ý nghĩa định hướng hành vi, tư duy và quyết định của con người. Đặc biệt, giá trị bắt nguồn từ thực tiễn lao động sản xuất.

#### *2.1.1.2. Khái niệm giá trị đạo đức*

Trong hệ thống giá trị của đời sống xã hội, giá trị đạo đức chiếm vị trí trung tâm, bởi nó gắn liền trực tiếp với hành vi, lối sống và mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội. Nếu “giá trị” nói chung là ý nghĩa xã hội - nhân văn tích cực của những sự vật, hiện tượng vật chất và tinh thần có khả năng thỏa mãn nhu cầu và thúc đẩy sự phát triển xã hội, thì giá trị đạo đức là những ý nghĩa, chuẩn mực, nguyên tắc hành vi thể hiện quan niệm về điều thiện, điều đúng, điều đáng làm của con người trong mối quan hệ xã hội.

Từ góc độ triết học Mác - Lênin, đạo đức được coi là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh những quan hệ lợi ích xã hội, đặc biệt là lợi ích giai cấp, trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Vì vậy, giá trị đạo đức không tồn tại độc lập hay bất biến, mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, được hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự vận động của cơ sở hạ tầng và đấu tranh giai cấp. Nói cách khác, giá trị đạo đức là sản phẩm lịch sử - xã hội, thể hiện những yêu cầu, lý tưởng và mục tiêu nhân văn của con người trong quá trình cải tạo hiện thực.

Từ góc độ đạo đức học, giá trị đạo đức biểu hiện ở những phẩm chất, hành vi, lối sống được xã hội thừa nhận và tôn vinh, vì chúng mang lại lợi ích cho cộng đồng và sự tiến bộ của con người. Các giá trị như chân thành, trung thực, công bằng, nhân ái, trách nhiệm, khoan dung, cần cù, vị tha, tôn trọng con người... đều là những giá trị đạo đức cơ bản, góp phần định hướng và điều chỉnh hành vi của cá nhân theo hướng thiện, hướng tới cái tốt, cái đẹp. Nhờ có hệ thống giá trị đạo đức, con người mới có thước đo để tự điều chỉnh hành vi, hình thành lương tâm, niềm tin đạo đức và xây dựng quan hệ xã hội hài hòa, nhân văn.

Ở khía cạnh xã hội học và văn hóa học, giá trị đạo đức còn đóng vai trò cốt kết xã hội, là yếu tố nền tảng của văn hóa tinh thần. Nó vừa thể hiện mức độ phát triển văn hóa - nhân cách con người, vừa là cơ chế điều tiết xã hội phi pháp lý, duy trì chuẩn mực ứng xử và trật tự xã hội. Khi những giá trị đạo đức

tích cực được tôn trọng và thực hành rộng rãi, xã hội có xu hướng ổn định, bền vững và phát triển lành mạnh; ngược lại, sự suy thoái đạo đức sẽ kéo theo khủng hoảng niềm tin và rạn nứt các quan hệ xã hội.

Giá trị đạo đức không chỉ là phạm trù triết học mang tính lý luận, mà còn là cơ sở thực tiễn để định hướng nhân cách và hành vi con người, là thước đo văn minh xã hội trong mọi giai đoạn phát triển lịch sử. Giá trị đạo đức là một dạng giá trị xã hội. Từ những phân tích trên, có thể khái quát khái niệm giá trị đạo đức như sau: *Giá trị đạo đức là những điều được con người và xã hội thừa nhận là đúng đắn, tốt đẹp, là cái thiện cần hướng tới và những biểu hiện sai trái, lệch chuẩn cần tránh trong đời sống xã hội. Những giá trị này có vai trò định hướng nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của con người trong các mối quan hệ xã hội. Giá trị đạo đức vừa tồn tại khách quan trong đời sống xã hội, vừa được ý thức hóa, trở thành căn cứ để điều chỉnh hành vi cá nhân và quan hệ xã hội theo hướng nhân văn và vì lợi ích cộng đồng.*

### 2.1.1.3 Khái niệm truyền thống

Thuật ngữ “truyền thống” có nguồn gốc từ tiếng La-tinh “Tradio”, mang nghĩa là trao lại, chuyển giao, kế thừa hoặc truyền đạt. Trong tiếng Hán - Việt, “truyền thống” được hiểu là những giá trị, kinh nghiệm, chuẩn mực hoặc phong tục tập quán được lưu giữ và chuyển tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác. Từ lâu, khái niệm này đã đi sâu vào đời sống ngôn ngữ và tư duy văn hóa của người Việt, thường được dùng để chỉ những thói quen, nếp sống, chuẩn mực đạo đức, tư tưởng hoặc phong tục đã được hình thành, củng cố và lặp lại qua nhiều thế hệ. Theo “*Từ điển tiếng Việt*”, truyền thống được hiểu là “những thói quen đã ăn sâu vào lối sống và tư duy của con người, được truyền từ đời này sang đời khác”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc không chỉ là di sản văn hóa tinh thần, mà còn là nguồn động lực to lớn cho sự phát triển xã hội. Người nhấn mạnh rằng, việc xây dựng một xã hội mới phải dựa trên nền tảng vững chắc của truyền thống dân tộc, đồng thời phải loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp với yêu cầu của thời đại. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài” [31, tr.605]. Quan điểm này

thể hiện cái nhìn biện chứng về truyền thống: truyền thống là tài sản quý giá của dân tộc, song phải được chọn lọc, kế thừa và phát triển sáng tạo để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng và sự tiến bộ xã hội. Hồ Chí Minh luôn đề cao việc kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, giữa giữ gìn bản sắc và thích ứng với thời đại, coi đó là nguyên tắc cơ bản trong việc phát huy truyền thống dân tộc.

Từ góc nhìn triết học và văn hóa học, nhiều học giả Việt Nam đã đưa ra các cách tiếp cận khác nhau về khái niệm này. Tác giả Trần Văn Giàu cho rằng: “Truyền thống là những đức tính hay những thói tục kéo dài nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ lịch sử và hiện có nhiều tác dụng, tác dụng có thể là tích cực, có thể là tiêu cực” [26, tr.50]. Quan điểm này nhấn mạnh tính hai mặt của truyền thống - vừa có khả năng thúc đẩy tiến bộ, vừa có thể trở thành lực cản xã hội, tùy thuộc vào điều kiện và bối cảnh lịch sử cụ thể.

Trong khi đó, Nguyễn Trọng Chuẩn lại nhìn nhận truyền thống ở bình diện văn hóa - xã hội rộng hơn. Ông định nghĩa: “đó là những yếu tố của di sản văn hóa, xã hội thể hiện trong chuẩn mực hành vi, tư tưởng, phong tục, tập quán, thói quen, lối sống và cách ứng xử của một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử và đã trở thành ổn định, được truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ lâu dài” [8, tr.9]. Truyền thống không chỉ phản ánh bản sắc văn hóa, mà còn là hệ thống giá trị được định hình và duy trì trong tiến trình lịch sử của cộng đồng. Truyền thống vừa là nguồn lực vừa là ràng buộc lịch sử đối với con người. Nó chứa đựng những giá trị tiến bộ cần phát huy, song cũng tồn tại những yếu tố lạc hậu, bảo thủ cần được cải tạo và loại bỏ. Do đó, truyền thống mang tính hai mặt rõ rệt - là sản phẩm của lịch sử, vừa góp phần duy trì bản sắc dân tộc, vừa có thể cản trở sự phát triển nếu không được đổi mới phù hợp với thời đại.

Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, truyền thống không chỉ là tập hợp các yếu tố văn hóa - xã hội đơn thuần, mà còn là sản phẩm của quá trình lịch sử lâu dài. Các giá trị đạo đức, chuẩn mực ứng xử, khuôn mẫu văn hóa hay thiết chế xã hội được hình thành thông qua sự tương tác biện chứng giữa các yếu tố vật chất và tinh thần, giữa các lực lượng xã hội và giai cấp. Vì vậy, truyền thống vừa phản ánh kinh nghiệm lịch sử, vừa thể hiện quan hệ quyền lực, lợi ích và định hướng phát triển của một cộng đồng trong từng thời kỳ nhất định. Các truyền thống này không phải là bất biến, mà luôn vận động, chuyển hóa,

có thể thúc đẩy tiến bộ hoặc trở thành rào cản cho sự phát triển - tùy thuộc vào cách con người tiếp cận, cải tạo và phát huy chúng trong bối cảnh mới: “Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống...” [43, tr.145].

Có thể khái quát: *Truyền thống là những yếu tố thuộc đời sống xã hội được hình thành trong lịch sử, được một cộng đồng xã hội nhất định thừa nhận, duy trì, tái tạo và lưu truyền qua nhiều thế hệ, biểu hiện qua quan niệm, chuẩn mực, phong tục, tập quán, kinh nghiệm, lối sống, phương thức ứng xử và tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Truyền thống có thể bao gồm cả những yếu tố tích cực, tiến bộ, nhân văn và những yếu tố hạn chế, lạc hậu hoặc không còn phù hợp với điều kiện xã hội mới.*

#### 2.1.1.4. Khái niệm giá trị đạo đức truyền thống

Trong hệ thống giá trị đạo đức của mỗi dân tộc, giá trị đạo đức truyền thống giữ vai trò nền tảng, phản ánh kinh nghiệm sống, lý tưởng nhân văn và chuẩn mực đạo đức đã được hình thành, tích lũy, củng cố qua lịch sử phát triển của cộng đồng. Nếu giá trị đạo đức nói chung biểu hiện mối quan hệ giữa con người với con người trong hiện tại, thì giá trị đạo đức truyền thống là sự kết tinh của quá khứ - những giá trị tốt đẹp đã được thử thách, khẳng định và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Từ góc nhìn triết học Mác - Lênin, đạo đức truyền thống không chỉ đơn thuần là tập hợp các chuẩn mực và quy tắc ứng xử được bảo lưu qua thời gian, mà còn là sự phản ánh của điều kiện kinh tế - xã hội và ý thức hệ giai cấp trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Những chuẩn mực đạo đức ấy được hình thành và phát triển trong mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, thể hiện ý thức hệ của giai cấp thống trị và phục vụ cho việc duy trì trật tự xã hội. Tuy nhiên, chúng không bất biến: đạo đức truyền thống luôn vận động, chuyển hóa cùng với sự biến đổi của đời sống vật chất và tinh thần xã hội.

Đạo đức truyền thống là một hiện tượng động, phản ánh quá trình chọn lọc, kế thừa và phát triển các giá trị đạo đức qua từng thời kỳ lịch sử. Trong

xã hội Việt Nam, các giá trị như yêu nước, nhân ái, trung thực, hiếu nghĩa, đoàn kết, cần cù, trọng tình nghĩa... không chỉ là chuẩn mực sống mà còn trở thành cội nguồn của sức mạnh tinh thần dân tộc. Những giá trị ấy được truyền thụ qua gia đình, nhà trường, phong tục, lễ nghi, văn học, tôn giáo và truyền thống văn hóa cộng đồng, tạo thành mạch ngầm văn hóa đạo đức gắn kết con người Việt Nam qua nhiều thế hệ.

Tác giả Trần Văn Giàu từng nhận định: “Truyền thống thì có cái tốt, cái xấu nhưng khi chúng ta nói “giá trị truyền thống” thì ở đây chỉ có cái tốt mà thôi, bởi vì chỉ có những cái gì tốt mới được gọi là giá trị; thậm chí phải là những cái tốt phổ biến, cơ bản, có nhiều tác dụng tích cực cho đạo đức luân lí, có cả tác dụng hướng dẫn sự nhận định và hướng dẫn sự hành động, thì mới được mang danh là giá trị truyền thống” [27, tr.93]. Giá trị đạo đức truyền thống chỉ bao gồm những yếu tố tích cực, phổ quát, có khả năng định hướng hành vi con người hướng thiện và hướng tới cái đẹp, cái đúng, cái tiến bộ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường và chuyển đổi số hiện nay, các giá trị đạo đức truyền thống của Việt Nam đứng trước cả cơ hội và thách thức. Một mặt, chúng tiếp tục là cơ sở tinh thần, nền tảng văn hóa giúp củng cố bản sắc và định hướng nhân cách; mặt khác, chúng phải được điều chỉnh, tái diễn giải và làm mới để phù hợp với các chuẩn mực đạo đức hiện đại, tránh bị bảo thủ hoặc bị thương mại hóa, hình thức hóa. Kế thừa sáng tạo là con đường duy nhất để các giá trị đạo đức truyền thống tiếp tục sống động trong đời sống xã hội đương đại.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát khái niệm “giá trị đạo đức truyền thống” như sau: *Giá trị đạo đức truyền thống là bộ phận cốt lõi của hệ giá trị đạo đức bao gồm những chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức đã được hình thành, kiểm nghiệm và bền vững qua lịch sử, phản ánh bản sắc văn hóa và lý tưởng nhân văn của cộng đồng. Các giá trị này được xã hội thừa nhận, lưu truyền và phát huy, giữ vai trò định hướng và điều chỉnh hành vi con người; đồng thời, tạo nền tảng cho sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể.*

### **2.1.2. Hệ giá trị đạo đức truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam**

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành, bồi đắp và phát triển một hệ giá trị đạo đức truyền thống phong

phú, bền vững, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội và cội nguồn sức mạnh nội sinh của quốc gia. Hệ giá trị ấy là kết tinh của quá trình lao động, sáng tạo, đấu tranh gian khổ, phản ánh bản sắc văn hóa và nhân cách Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã đúc kết và xác định những giá trị truyền thống cơ bản của người Việt Nam - những biểu hiện tập trung nhất của bản sắc dân tộc, đó là: Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử và giản dị trong lối sống.

Phát biểu kết luận Hội nghị Trung ương 9, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng khẳng định: “Bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước: đó là lòng yêu nước nồng nàn, lòng tự tôn, tự cường dân tộc; tinh thần cộng đồng gắn kết hài hòa giữa cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; đức hy sinh cao thượng, tất cả vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân; là sự ứng xử văn minh, lịch thiệp, giản dị và trong sáng trong lối sống” [106].

Cùng với đó, tác giả Trần Văn Giàu trong công trình “Giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam”, đã chỉ ra bảy giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa, coi đó là những biểu hiện tập trung của tinh thần dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử [27].

Kế thừa quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh và các học giả trong nước, có thể xác định 5 giá trị đạo đức truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam hiện nay cần được giáo dục, kế thừa và phát huy trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số như sau:

***Một là, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường***

Yêu nước là giá trị đạo đức trung tâm, là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt lịch sử tinh thần dân tộc Việt Nam, chi phối và kết nối các giá trị đạo đức khác. Từ lòng yêu nước nồng nàn đã hình thành nên ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết,

lòng nhân ái, ý thức cộng đồng và niềm tự hào dân tộc. Đảng ta luôn nhấn mạnh: “Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ”. Nếu lòng yêu nước là ngọn lửa thiêng trong tâm hồn dân tộc, thì tự lực - tự cường là biểu hiện cụ thể của ngọn lửa ấy trong hành động - là ý chí kiên định, khát vọng vươn lên, không khuất phục trước khó khăn, thử thách. Truyền thống đó được kế thừa sinh động trong thời đại mới qua khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hùng cường, bảo vệ độc lập chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Yêu nước và tự lực, tự cường vì thế là hai mặt thống nhất, vừa là nền tảng tinh thần, vừa là động lực hành động, tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn của dân tộc Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

### ***Hai là, lòng nhân ái***

Nhân ái là một trong những phẩm chất đạo đức cao quý nhất, phản ánh bản chất nhân văn sâu sắc của con người Việt Nam. Lòng nhân ái biểu hiện ở tình yêu thương, sự đồng cảm, bao dung, vị tha - thể hiện trong triết lý sống “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Dân tộc ta là một dân tộc giàu lòng đồng tình và bác ái” [51, tr.186]. Ở Người, truyền thống nhân ái dân tộc được kết hợp hài hòa với chủ nghĩa nhân đạo Mác - Lênin, tạo nên chủ nghĩa nhân văn cách mạng, trong đó tình thương gắn liền với hành động và trách nhiệm xã hội. Lòng nhân ái không chỉ là tình cảm tự nhiên, mà còn là nguyên tắc ứng xử và nền tảng của chính sách hòa bình, hữu nghị, hợp tác quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, giáo dục lòng nhân ái giúp thế hệ trẻ sống chan hòa, nhân hậu, tôn trọng con người, biết sẻ chia, cảm thông và góp phần xây dựng xã hội nhân văn, bền vững.

### ***Ba là, tinh thần đoàn kết***

Đoàn kết là một truyền thống quý báu và là sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam, được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong mọi giai đoạn phát triển, dù phải đối mặt với thiên tai, giặc ngoại xâm hay khó khăn trong xây dựng đất nước, tinh thần đoàn kết luôn là nguồn lực nội sinh to lớn, giúp dân tộc vượt qua thử thách và khẳng định bản lĩnh kiên cường. Từ thời Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến các chiến công lừng lẫy như

Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, rồi đến thắng lợi mùa Xuân năm 1975 lịch sử, mọi thành tựu vĩ đại của dân tộc đều bắt nguồn từ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - thành công, thành công, đại thành công” như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tinh thần đoàn kết không chỉ là sự thống nhất về ý chí và hành động, mà còn là sự hòa quyện giữa cá nhân và cộng đồng, giữa các tầng lớp xã hội, vùng miền, tôn giáo và dân tộc anh em, tạo thành một khối thống nhất vững bền. Đó là sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa người đi trước và thế hệ tiếp nối, là sự đồng lòng hướng về mục tiêu chung: độc lập dân tộc, hạnh phúc nhân dân, phồn vinh đất nước. Đoàn kết, vì thế, không phải là sự đồng nhất tuyệt đối mà là sự hài hòa trong đa dạng, thống nhất trong khác biệt, trên cơ sở lợi ích chung của quốc gia và tinh thần tôn trọng lẫn nhau.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết được coi là động lực quyết định của mọi thắng lợi cách mạng. Người nhấn mạnh: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta; các đồng chí từ Trung ương đến chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [54, tr.617]. Tinh thần đó không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia, mà còn mở rộng ra tầm quốc tế - trở thành biểu tượng của tinh thần hữu nghị, hợp tác, nhân ái và hòa bình mà Việt Nam luôn kiên định theo đuổi.

Bước sang thời kỳ đổi mới, hội nhập và chuyển đổi số, tinh thần đoàn kết càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong xã hội hiện đại, đoàn kết không chỉ thể hiện trong đời sống chính trị, kinh tế hay văn hóa, mà còn cần được phát huy trong không gian số và môi trường học tập, lao động mới. Đối với thế hệ trẻ và sinh viên, thực hành giá trị đoàn kết không chỉ là biết hợp tác, lắng nghe, tôn trọng và chia sẻ trong học tập, nghiên cứu, mà còn là biết kết nối, tương tác tích cực trên không gian mạng, cùng chung tay xây dựng một cộng đồng học tập số văn minh, sáng tạo và nhân văn.

### ***Bốn là, tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo***

Hiếu học là phẩm chất đạo đức truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, thể hiện tinh thần cầu tiến, khát vọng vươn lên và ý chí lập thân, lập nghiệp bằng tri thức. Từ ngàn xưa, cha ông ta đã coi “học để làm người”, “học để giúp đời”, xem tri thức là con đường phát triển của mỗi cá nhân và của quốc gia. Từ hiếu học, người dân Việt Nam biết tôn sư trọng đạo, biết

“một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy”. Và theo đó, đức tính cần cù, chịu khó và tinh thần sáng tạo cũng được hình thành trong quá trình lao động và chiến đấu, trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và xã hội biến động. Tinh thần “có công mài sắt, có ngày nên kim”, “nước chảy đá mòn” đã trở thành biểu tượng cho nghị lực và bản lĩnh Việt Nam. Ngày nay, trong kỷ nguyên tri thức và công nghệ, hiếu học và sáng tạo trở thành nguồn lực then chốt cho phát triển. Giáo dục giá trị này cho sinh viên không chỉ là kế thừa truyền thống, mà còn là bồi dưỡng năng lực học tập suốt đời, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng - để hiếu học, cần cù và sáng tạo trở thành sức mạnh cạnh tranh của người Việt trong thời đại hội nhập.

### ***Năm là, lòng biết ơn***

Lòng biết ơn là giá trị đạo đức truyền thống sâu sắc, được hun đúc qua nhiều thế hệ, thể hiện triết lý sống nhân hậu, nghĩa tình của dân tộc Việt Nam. Những câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,” “Uống nước nhớ nguồn,” “Cây có cội, nước có nguồn” không chỉ là lời dạy đạo lý, mà còn là kim chỉ nam cho ứng xử trong đời sống cá nhân và cộng đồng. Biết ơn không chỉ dừng ở tình cảm, mà còn thể hiện ở hành động đền đáp và phát huy giá trị đã được trao truyền - từ lòng hiếu thảo trong gia đình, sự tri ân thầy cô, đến lòng biết ơn những người có công với đất nước. Khi con người sống có lòng biết ơn cũng là biết có ý thức trách nhiệm đối với chính bản thân mình, với gia đình và xã hội, dân tộc. Trong bối cảnh hiện đại, lòng biết ơn trở thành điểm tựa tinh thần giúp con người sống nhân văn, có trách nhiệm, trung thực, liêm khiết và trọng danh dự, hướng về điều thiện. Những giá trị khi luôn đi kèm với nhau để hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử và cũng chính là chất keo gắn kết giữa giá trị của quá khứ - hiện tại - tương lai của dân tộc.

Năm giá trị đạo đức truyền thống tiêu biểu - yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học - cần cù - sáng tạo và lòng biết ơn - là kết tinh tinh thần và bản sắc của dân tộc Việt Nam, là hệ trục giá trị cốt lõi tạo nên sức mạnh văn hóa, đạo đức và con người Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử. Trong thời đại hội nhập và chuyển đổi số, việc giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị ấy không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục và văn hóa, mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát

triển toàn diện - có tri thức, có đạo đức, có văn hóa, có nhân ái và có khát vọng cống hiến vì Tổ quốc phồn vinh, hạnh phúc.

## **2.2. Những vấn đề lý luận về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số**

### **2.2.1. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số - Khái niệm, chủ thể, đối tượng, nội dung và phương thức.**

#### **2.2.1.1. Khái niệm giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số**

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên là một bộ phận quan trọng của quá trình giáo dục đạo đức trong nhà trường đại học, hướng tới việc hình thành ở người học hệ thống giá trị, niềm tin và hành vi phù hợp với chuẩn mực văn hóa, đạo lý dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung, phương thức giáo dục này đang có những biến đổi sâu sắc, gắn liền với sự thay đổi của nền tảng tri thức, công nghệ và cách thức con người tương tác với thế giới.

Trước hết, cần làm rõ rằng giáo dục, xét về bản chất, là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể giáo dục nhằm hình thành và phát triển ở con người hệ thống tri thức, giá trị, niềm tin, thái độ và hành vi phù hợp với những chuẩn mực xã hội nhất định. Trong đó, giáo dục đạo đức là một bộ phận cốt lõi, giữ vai trò định hướng giá trị, góp phần hình thành nhân cách và bản lĩnh của con người.

Trên cơ sở đó, Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên có thể được hiểu là quá trình tác động có mục đích của các chủ thể giáo dục nhằm hình thành, củng cố và phát triển ở sinh viên hệ giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như lòng yêu nước, nhân ái, tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết, biết ơn, cần cù, sáng tạo... qua đó định hướng nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên phù hợp với chuẩn mực văn hóa - xã hội. Mục tiêu của quá trình này không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức về đạo đức, mà quan trọng hơn là giúp sinh viên cá nhân hóa các giá trị, biến chúng thành động cơ bên trong và năng lực hành vi trong thực tiễn.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, quá trình giáo dục này chịu sự tác động mạnh mẽ của môi trường số - nơi các giá trị được hình thành, lan tỏa và biến đổi với tốc độ nhanh, tính đa chiều và khó kiểm soát. Điều đó đặt ra

những yêu cầu mới đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên: không chỉ bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, mà còn phải giúp người học có khả năng nhận diện, lựa chọn và xử lý các luồng giá trị đa dạng trong không gian số. Do vậy, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số không nên được hiểu thuần túy là việc “ứng dụng công nghệ số” vào hoạt động giáo dục, mà cần được tiếp cận như một quá trình giáo dục giá trị diễn ra trong điều kiện môi trường xã hội số, trong đó các yếu tố công nghệ vừa là phương tiện, vừa là môi trường tác động đến quá trình hình thành và phát triển đạo đức. Theo đó, có thể khái quát: *Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số là quá trình tác động có mục đích của các chủ thể giáo dục nhằm hình thành, củng cố và phát triển ở sinh viên hệ giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc; đồng thời, giúp họ có năng lực nhận thức, lựa chọn và thực hành các giá trị đó một cách phù hợp trong môi trường số và đời sống xã hội hiện đại.*

*2.2.1.2. Chủ thể giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên là một quá trình xã hội - sư phạm có mục tiêu, có tổ chức, được thực hiện thông qua sự phối hợp của nhiều lực lượng khác nhau trong và ngoài nhà trường. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phạm vi và phương thức tác động của các chủ thể này được mở rộng, đa dạng và linh hoạt hơn, tạo thành một hệ sinh thái giáo dục đạo đức số. Mỗi chủ thể giữ một vị trí, vai trò riêng, song đều hướng đến mục tiêu chung là bảo tồn, phát huy và lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam trong điều kiện mới.

*Một là, hệ thống chính trị - chủ thể định hướng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống*

Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội là chủ thể nền tảng, giữ vai trò định hướng tư tưởng, hoạch định chính sách và bảo đảm môi trường chính trị - pháp lý cho giáo dục đạo đức trong thời đại số.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ chiến lược nhằm “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”. Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về giáo dục, văn hóa, con

người đều nhấn mạnh đến việc kết hợp giữa kế thừa truyền thống dân tộc và thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, chuyển đổi số.

Nhà nước, thông qua chức năng lập pháp và hành pháp, cụ thể hóa các định hướng ấy bằng hệ thống chính sách, luật pháp và chiến lược quốc gia. Đặc biệt, việc ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án 06 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hay Quyết định số 2236/QĐ - BGDĐT năm 2024 đều khẳng định rõ yêu cầu tích hợp chuyển đổi số trong giáo dục, gắn đổi mới công nghệ với giáo dục đạo đức, lối sống.

Bên cạnh đó, Nhà nước và các bộ, ngành có trách nhiệm quản lý nội dung đạo đức trên không gian mạng, giám sát hoạt động của các cá nhân, tổ chức, KOLs nhằm đảm bảo giá trị văn hóa, đạo đức không bị bóp méo hoặc thương mại hóa. Chính phủ đã chỉ đạo “rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý thông tin trên Internet, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng mạng xã hội để tán phát thông tin sai lệch, vi phạm pháp luật, đạo đức và chuẩn mực xã hội”.

Các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam, có vai trò truyền cảm hứng, tổ chức phong trào, dẫn dắt và lan tỏa giá trị đạo đức đến giới trẻ. Thông qua các phong trào phong phú và đa dạng, Đoàn và Hội không chỉ truyền tải lý tưởng sống mà còn giúp sinh viên thực hành đạo đức trong hành động, kể cả trên nền tảng số.

Hệ thống chính trị với vai trò định hướng, ban hành chính sách, tổ chức phong trào và giám sát thực hiện chính là “trục dẫn đạo” trong quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên, bảo đảm tính thống nhất, toàn diện và phù hợp với yêu cầu của xã hội số.

*Hai là, các trường đại học - chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống*

Nhà trường là chủ thể trung tâm của hệ thống giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Trong bối cảnh chuyển đổi số, chức năng của trường đại học không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà còn mở rộng sang kiến tạo giá trị và nhân cách số.

Cụ thể: Đảng ủy nhà trường giữ vai trò định hướng chính trị, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước thành chiến lược phát triển và chương trình

hành động phù hợp với sinh viên. Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch giáo dục đạo đức, đầu tư hạ tầng công nghệ, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất, năng lực và kỹ năng số. Các khoa, bộ môn lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức dân tộc vào chương trình học, đặc biệt trong các học phần về lý luận chính trị, văn hóa, lịch sử, cũng như trong các học phần kỹ năng, thực hành nghề nghiệp. Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong trường là lực lượng nòng cốt, trực tiếp triển khai hoạt động giáo dục giá trị đạo đức thông qua phong trào, câu lạc bộ, tình nguyện, diễn đàn, tọa đàm, hoạt động truyền thông số và học tập trải nghiệm.

Nhà trường cũng đóng vai trò điều phối giữa các lực lượng xã hội và môi trường số, tạo nên không gian giáo dục mở, nơi sinh viên được rèn luyện cả về tri thức, kỹ năng và đạo đức.

*Ba là, đội ngũ giảng viên - chủ thể trực tiếp và có ảnh hưởng sâu sắc nhất*

Giảng viên là lực lượng trung tâm và trực tiếp trong việc hình thành, phát triển giá trị đạo đức của sinh viên. Họ không chỉ truyền đạt tri thức mà còn là người truyền cảm hứng, định hướng tư tưởng và nêu gương đạo đức cho người học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của giảng viên được mở rộng cả về phạm vi và phương thức giáo dục. Họ vừa là người tổ chức hoạt động học tập, vừa là người dẫn dắt văn hóa số học đường, thông qua việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy, sử dụng hệ thống học tập trực tuyến, bài giảng số, mô phỏng tình huống đạo đức và tương tác học thuật trên mạng xã hội.

Bên cạnh năng lực chuyên môn, giảng viên cần thể hiện phẩm chất đạo đức và văn hóa ứng xử chuẩn mực trong cả không gian thực lẫn không gian mạng - từ thái độ, lời nói đến hành vi nghề nghiệp. Nhân cách, tinh thần trách nhiệm và sự chuẩn mực trong giao tiếp của người thầy chính là “bài học sống động” giúp sinh viên nhận thức, noi theo và lan tỏa những giá trị tốt đẹp. Hơn nữa, giảng viên chính là cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa đạo đức dân tộc và công nghệ toàn cầu. Thông qua tri thức, nhân cách và tấm gương của mình, họ giúp sinh viên phát triển năng lực đạo đức số - biết ứng xử có trách nhiệm, nhân văn và bản lĩnh trong môi trường học tập và xã hội số.

*Bốn là, gia đình - nền tảng ban đầu và môi trường đạo đức tự nhiên*

Gia đình là trường học đầu tiên và bền vững nhất về đạo đức, nơi con người tiếp nhận những giá trị nền tảng như yêu thương, hiếu thảo, trung thực, trách nhiệm và sẻ chia. Chính từ môi trường gia đình, sinh viên được hình thành nhân cách, hình mẫu hành vi và cảm xúc đạo đức, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện về sau.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò giáo dục của gia đình càng trở nên quan trọng khi sinh viên ngày càng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ không gian mạng và các luồng thông tin đa chiều. Gia đình không chỉ là nơi truyền thụ giá trị truyền thống, mà còn là “bộ lọc đạo đức”, giúp định hướng nhận thức, điều chỉnh hành vi và bảo vệ sinh viên trước những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường số như lệch chuẩn giá trị, vô cảm hay thông tin sai lệch. Sự quan tâm, gắn kết và nêu gương của cha mẹ là yếu tố then chốt giúp sinh viên phát triển năng lực tự chủ, biết chọn lọc thông tin, và giữ vững bản lĩnh đạo đức trong môi trường số. Gia đình, dù không trực tiếp giảng dạy, nhưng thông qua mối quan hệ tình cảm, sự quan tâm và định hướng giá trị hàng ngày, vẫn là chủ thể giáo dục ngầm nhưng có sức ảnh hưởng sâu sắc nhất, giúp sinh viên củng cố niềm tin, giữ gìn bản sắc và ứng xử nhân văn trong xã hội hiện đại. Gia đình chính là môi trường đạo đức tự nhiên, là điểm tựa tinh thần và giá trị, nơi sinh viên học được cách “làm người” trước khi “làm nghề” - giữ vai trò nền tảng không thể thay thế trong quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

*Năm là, xã hội - chủ thể tác động sâu rộng đến quá trình tiếp nhận và thực hành giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên*

Xã hội với các thiết chế văn hóa, truyền thông, dư luận xã hội, cộng đồng, nhóm bạn và các quan hệ giao tiếp hằng ngày có tác động mạnh mẽ đến quá trình tiếp nhận và thực hành giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, sự tác động đó không chỉ diễn ra trong không gian xã hội trực tiếp, mà còn được mở rộng thông qua không gian mạng và các nền tảng truyền thông số như Facebook, TikTok, YouTube, Instagram... Các nền tảng này không phải là chủ thể giáo dục, nhưng là môi trường và phương tiện làm gia tăng tốc độ lan truyền, mức độ tương tác và phạm vi ảnh hưởng của các quan niệm, lối sống, khuôn mẫu hành vi và hệ giá trị khác

nhau đối với sinh viên. Đời sống xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số là không gian thực tiễn nơi các giá trị đạo đức truyền thống được thử thách, kiểm nghiệm, tái nhận thức và lan tỏa trong những điều kiện mới. Vì vậy, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần chú trọng phát huy các tác động tích cực của xã hội đồng thời giúp sinh viên hình thành năng lực nhận diện, lựa chọn, phản biện và ứng xử có trách nhiệm trước những ảnh hưởng đa chiều của đời sống xã hội hiện đại.

*Sáu là, sinh viên - chủ thể tự giáo dục của quá trình giáo dục*

Sinh viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận tác động giáo dục, mà còn là chủ thể tự giáo dục, tự rèn luyện, tự phản tư và lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số. Theo quan điểm duy vật biện chứng, con người là sản phẩm của hoàn cảnh, nhưng đồng thời có khả năng cải biến hoàn cảnh. Sinh viên tiếp nhận giá trị đạo đức qua học tập, trải nghiệm và tương tác xã hội; đồng thời tái tạo, sáng tạo và truyền bá chúng bằng các phương tiện, ngôn ngữ và hình thức mới phù hợp thời đại số. Là đối tượng tiếp nhận, sinh viên được trang bị tri thức và niềm tin đạo đức thông qua các môn học, hoạt động tập thể và chương trình do nhà trường, Đoàn - Hội tổ chức. Là chủ thể thực hành, họ thể hiện giá trị đạo đức qua nghiên cứu khoa học, phong trào tình nguyện, dự án cộng đồng và sáng tạo nội dung tích cực trên nền tảng số. Trong hệ thống các chủ thể giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, sinh viên là trung tâm, là điểm hội tụ và lan tỏa giá trị. Mục tiêu cao nhất của giáo dục đạo đức hiện nay là giúp sinh viên trở thành công dân số nhưng vẫn mang đậm những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc.

Từ việc phân tích vai trò của các chủ thể tham gia, có thể thấy giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số là một quá trình tổng hợp, được thực hiện bởi nhiều lực lượng khác nhau trong một hệ sinh thái giáo dục mở. Tuy nhiên, trong hệ thống đó, nhà trường - đặc biệt là đội ngũ giảng viên - giữ vai trò chủ thể trung tâm và có tính quyết định.

Điều này xuất phát từ chỗ: nhà trường là môi trường giáo dục chính quy, có mục tiêu, nội dung và phương thức tổ chức rõ ràng; đồng thời, là nơi trực tiếp triển khai các hoạt động giáo dục một cách có hệ thống, liên tục và có kiểm soát. Trong đó, giảng viên là chủ thể trực tiếp tác động đến sinh viên thông qua cả tri thức, phương pháp và tấm gương đạo đức, có khả năng định

hướng, điều chỉnh và dẫn dắt quá trình hình thành giá trị đạo đức của người học một cách sâu sắc và bền vững.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò này càng được khẳng định khi nhà trường và giảng viên không chỉ là người truyền thụ giá trị, mà còn là lực lượng chủ động thiết kế môi trường giáo dục số, lựa chọn và tích hợp các yếu tố công nghệ phù hợp nhằm định hướng giá trị cho sinh viên trong không gian mạng. So với các chủ thể khác, sự tác động của nhà trường và giảng viên mang tính chủ động, có định hướng, có tổ chức và có khả năng kiểm soát cao, do đó giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm hiệu quả của quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay.

Các chủ thể tham gia giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số liên kết thành một hệ sinh thái giáo dục đạo đức toàn diện, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo dục chính quy và phi chính quy, giữa môi trường thực và môi trường số - nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng thế hệ sinh viên Việt Nam có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh và năng lực thích ứng trong thời đại chuyển đổi số.

#### *2.2.1.3. Đối tượng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số*

Với tư cách là đối tượng trực tiếp của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, sinh viên cần được nhận diện từ những đặc điểm riêng về độ tuổi, tâm lý, nhận thức, nhu cầu, lối sống và phương thức tiếp cận thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số. Những đặc điểm đó là căn cứ quan trọng để xác định nội dung, phương thức và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp, qua đó giúp các giá trị đạo đức truyền thống được sinh viên tiếp nhận, nội tâm hóa và biểu hiện thành thái độ, hành vi trong đời sống học tập, giao tiếp và tham gia xã hội.

Theo Luật Giáo dục đại học Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2018, “sinh viên là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học, theo học chương trình đào tạo cao đẳng hoặc chương trình đào tạo đại học” [64].

Trong luận án này, sinh viên được hiểu là người học ở bậc giáo dục đại học, đang trong quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện nhằm hình thành tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh xã hội, chuẩn bị

trở thành nguồn nhân lực trí thức trẻ cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

*Đặc điểm của sinh viên*

Sinh viên là một nhóm xã hội đặc thù, đại diện cho tầng lớp trí thức trẻ trong xã hội, vừa mang những đặc điểm chung của thanh niên Việt Nam, vừa có những đặc trưng riêng gắn liền với môi trường học tập, rèn luyện và hoạt động trong các cơ sở giáo dục đại học. Sinh viên hiện nay có những đặc điểm cơ bản sau đây:

*Thứ nhất là đặc điểm về lứa tuổi và tâm lý phát triển.*

Phần lớn sinh viên Việt Nam nằm trong độ tuổi từ 18 đến 25, là giai đoạn con người bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ về thể chất, trí tuệ và nhân cách. Đây là giai đoạn hình thành bản lĩnh cá nhân, thế giới quan, lý tưởng sống và hệ giá trị đạo đức. Sinh viên có nhu cầu khẳng định bản thân, mong muốn được tự do lựa chọn và thể hiện chính kiến; đồng thời cũng dễ chịu tác động của môi trường xung quanh, đặc biệt là mạng xã hội, truyền thông và nhóm bạn đồng trang lứa. Sự năng động, nhạy cảm và cởi mở giúp họ dễ tiếp thu cái mới, nhưng cũng khiến họ dễ dao động nếu thiếu định hướng giá trị đúng đắn. Vì vậy, đây là thời kỳ “vàng” để giáo dục đạo đức, lối sống và lý tưởng cách mạng, giúp sinh viên phát triển toàn diện về trí - đức - thể - mỹ.

*Thứ hai là đặc điểm về tri thức và năng lực nhận thức.*

Sinh viên là lực lượng trẻ được trang bị trình độ tri thức khoa học cơ bản và chuyên ngành cao, có tư duy logic, khả năng phân tích, phản biện và sáng tạo. Họ là đối tượng tiếp cận nhanh với các tri thức hiện đại, công nghệ mới và phương pháp học tập tiên tiến. Khác với học sinh phổ thông, sinh viên tự chủ hơn trong việc lựa chọn phương pháp học tập và định hướng nghề nghiệp. Họ không chỉ học để biết, mà học để làm, để khẳng định giá trị và năng lực của bản thân trong xã hội. Chính sự năng động trong nhận thức và khả năng tiếp cận công nghệ số đã khiến sinh viên trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, đồng thời cũng là nhóm dễ chịu ảnh hưởng nhất từ những biến động của môi trường thông tin mở.

*Thứ ba là đặc điểm về đời sống tinh thần và nhu cầu giá trị.*

Sinh viên là thế hệ giàu cảm xúc, có nhu cầu cao về tình cảm, giao tiếp, tự khẳng định và cống hiến xã hội. Họ luôn tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống, giá

trị sống và mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, sinh viên phải đối mặt với sự giao thoa, thậm chí xung đột giữa các hệ giá trị truyền thống và hiện đại. Một bộ phận sinh viên dễ bị cuốn theo lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, chạy theo danh vọng hoặc hưởng thụ, làm phai nhạt lý tưởng và trách nhiệm xã hội. Do đó, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống - như lòng yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, cần cù, trung thực, biết ơn và tinh thần cộng đồng - có ý nghĩa then chốt trong việc định hướng nhu cầu giá trị và hình thành bản lĩnh đạo đức cho sinh viên trong thời đại số.

*Thứ tư là đặc điểm về khả năng thích ứng và sáng tạo.*

Sinh viên là lực lượng có tính thích ứng cao, dễ dàng tiếp nhận cái mới, sẵn sàng thay đổi để thích nghi với môi trường học tập, công nghệ và văn hóa đa dạng. Họ cũng là nhóm có tư duy mở, tinh thần học hỏi, ý thức sáng tạo và khát vọng chinh phục tri thức. Trong bối cảnh chuyển đổi số, sinh viên không chỉ là người sử dụng công nghệ, mà còn là người kiến tạo và sáng tạo giá trị mới - từ học tập, nghiên cứu khoa học đến khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, khả năng thích ứng và sáng tạo chỉ phát huy hiệu quả khi được định hướng bởi giá trị đạo đức đúng đắn, bảo đảm rằng mọi sáng tạo đều hướng đến lợi ích cộng đồng, phát triển bền vững và nhân văn.

*Thứ năm là đặc điểm về vai trò xã hội và ý thức trách nhiệm.*

Sinh viên không chỉ là người học, mà còn là công dân trẻ - những người đang và sẽ gánh vác trọng trách xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tương lai. Họ là lực lượng kế cận có vai trò quyết định trong quá trình hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trong các hoạt động xã hội, tình nguyện, nghiên cứu khoa học, sinh viên luôn thể hiện tinh thần xung kích, dẫn đầu và trách nhiệm xã hội cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh, áp lực cạnh tranh lớn, không ít sinh viên còn thiếu định hướng nghề nghiệp, chưa rõ lý tưởng sống, thiếu bản lĩnh vượt khó và khả năng quản lý bản thân. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bồi dưỡng cho sinh viên năng lực tự chủ, tư duy phản biện, năng lực số và đạo đức nghề nghiệp - nhằm giúp họ trở thành những công dân số có tri thức, có kỹ năng và có nhân cách.

*Thứ sáu là đặc điểm về xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa.*

Sinh viên thế hệ hiện nay lớn lên trong thời đại Internet, truyền thông toàn cầu và văn hóa số, vì vậy họ có tầm nhìn khá rộng mở so với các thế hệ

trước, khả năng tiếp cận tri thức thế giới nhanh chóng, tinh thần hội nhập mạnh mẽ. Họ am hiểu ngoại ngữ, công nghệ, có tư duy quốc tế, đồng thời cũng ý thức về bản sắc dân tộc và vai trò công dân toàn cầu. Tuy nhiên, hội nhập cũng mang đến những nguy cơ bị “hòa tan” giá trị, nếu sinh viên không được trang bị nền tảng kiến thức về văn hóa, lịch sử và đạo đức vững chắc. Chính vì vậy, trong giáo dục hiện nay, việc bồi dưỡng tri thức, khả năng hội nhập gắn với gìn giữ giá trị văn hóa đạo đức truyền thống là nhiệm vụ trọng tâm, giúp sinh viên vừa “toàn cầu hóa tư duy” vừa “bản địa hóa bản sắc”.

Nhận diện đúng những đặc điểm trên của sinh viên không chỉ giúp xác định nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp, mà còn là cơ sở khoa học để xây dựng các chương trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số, hướng tới hình thành con người Việt Nam thời đại mới - có tri thức, có kỹ năng, có bản lĩnh và có đạo đức.

#### *2.2.1.4. Nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số là quá trình hình thành, củng cố và phát triển các giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam trong điều kiện xã hội hiện đại, giúp sinh viên vừa có tri thức - kỹ năng công nghệ, vừa có bản lĩnh và nhân cách văn hóa. Nội dung giáo dục tập trung vào việc kế thừa, phát huy những giá trị đạo đức truyền thống tiêu biểu, được thể hiện qua các nhiệm vụ chủ yếu sau:

##### *Một là, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường*

Giáo dục lòng yêu nước nhằm giúp sinh viên nhận thức sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm với Tổ quốc trong thời kỳ hội nhập. Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục yêu nước không chỉ dừng lại ở tri thức lịch sử mà còn gắn với hành vi cụ thể: tôn trọng pháp luật, bảo vệ hình ảnh đất nước trên không gian mạng, phản bác thông tin sai lệch, lan tỏa những giá trị tích cực của Việt Nam trên các nền tảng số. Cùng với đó, việc giáo dục tinh thần tự lực, tự cường giúp sinh viên phát huy ý chí vươn lên, chủ động học tập, nghiên cứu, làm chủ khoa học - công nghệ, khẳng định bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong thời đại mới.

*Hai là, giáo dục lòng nhân ái và tinh thần nhân văn*

Giáo dục lòng nhân ái hướng đến hình thành ở sinh viên thái độ biết yêu thương, đồng cảm, sẻ chia với người khác, thực hành đạo lý “thương người như thể thương thân”. Trong bối cảnh xã hội số, giáo dục nhân ái còn gắn với việc rèn luyện ứng xử văn minh trên không gian mạng, biết tôn trọng sự khác biệt, không sa vào các hành vi tiêu cực như bạo lực ngôn từ, kỳ thị, xúc phạm người khác. Giáo dục tinh thần nhân văn giúp sinh viên thấm nhuần giá trị “lấy con người làm trung tâm”, biết sử dụng công nghệ vì mục tiêu nhân đạo, hướng tới phát triển cộng đồng và lan tỏa năng lượng tích cực trong xã hội số.

*Ba là, giáo dục tinh thần đoàn kết*

Giáo dục tinh thần đoàn kết giúp sinh viên hiểu rõ sức mạnh của sự gắn bó, tương trợ và hợp tác - truyền thống đã làm nên sức sống bền vững của dân tộc Việt Nam. Trong môi trường đại học, tinh thần đoàn kết được thể hiện qua sự hợp tác trong học tập, nghiên cứu, hoạt động tập thể và khởi nghiệp. Trong môi trường số, giáo dục đoàn kết gắn với việc hình thành năng lực hợp tác trực tuyến, xây dựng mạng lưới tri thức, cộng đồng học tập mở, chia sẻ tài nguyên học thuật, cùng nhau phát triển vì lợi ích chung. Đây là biểu hiện của văn hóa hợp tác hiện đại, dựa trên nền tảng giá trị truyền thống.

*Bốn là, giáo dục tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo*

Giáo dục tinh thần hiếu học giúp sinh viên thấm nhuần truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “học để làm người”, nuôi dưỡng khát vọng vươn lên bằng tri thức. Giáo dục tinh thần cần cù và sáng tạo khuyến khích sinh viên biết nỗ lực không ngừng trong học tập, nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời chủ động ứng dụng công nghệ, khai thác tri thức số để đổi mới tư duy, sáng tạo sản phẩm có ích cho xã hội. Trong môi trường chuyển đổi số, việc phát huy tinh thần hiếu học - sáng tạo giúp sinh viên không chỉ làm chủ công nghệ mà còn biết học suốt đời, học mọi lúc - mọi nơi, gắn tri thức với hành động, biến “học để biết” thành “học để làm và học để cống hiến”.

*Năm là, giáo dục lòng biết ơn*

Giáo dục lòng biết ơn nhằm hình thành ở sinh viên ý thức trân trọng công lao của cha mẹ, thầy cô, những người đi trước và xã hội đã tạo điều kiện cho mình trưởng thành. Trong bối cảnh chuyển đổi số, lòng biết ơn cần được mở rộng thành thái độ tôn trọng tri thức và đạo đức học thuật: biết ghi nhận

nguồn thông tin, bảo vệ bản quyền, không sao chép - vi phạm sở hữu trí tuệ trên không gian mạng. Qua đó, sinh viên được giáo dục tinh thần khiêm tốn, biết đón nhận tri thức một cách có trách nhiệm, sống nghĩa tình và biết “đền đáp” bằng hành động thiết thực: học tập tốt, rèn luyện tốt, góp phần xây dựng xã hội nhân văn và văn minh số.

Năm nội dung trên là trụ cột cơ bản của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc triển khai cần được thực hiện đồng bộ trong nhà trường - gia đình - xã hội, lồng ghép vào các hoạt động học tập, nghiên cứu, trải nghiệm và tương tác trực tuyến, nhằm giúp sinh viên phát triển toàn diện về “đức - trí - thể - mỹ - công nghệ”, trở thành công dân số vừa có năng lực hội nhập, vừa giữ vững bản sắc và đạo lý dân tộc.

#### *2.2.1.5. Phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi phương thức làm việc, giao tiếp và tiếp nhận thông tin của con người, mà còn tác động sâu sắc đến cách thức giáo dục các giá trị nền tảng, trong đó có giá trị đạo đức truyền thống. Đối với sinh viên - thế hệ trưởng thành trong môi trường số hóa, việc giáo dục các giá trị như yêu nước, nhân ái, hiếu học, nghĩa tình, đoàn kết không thể chỉ dừng lại ở những bài giảng theo lối truyền thụ một chiều, mà cần được triển khai bằng những phương thức linh hoạt, kết hợp giữa môi trường giáo dục trực tiếp và môi trường số, giữa truyền đạt tri thức, tổ chức trải nghiệm và thúc đẩy năng lực tự phản tư của sinh viên.

Về bản chất, các phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không phải là những công thức áp dụng đồng loạt cho mọi chủ thể, mà phải gắn với vai trò, vị trí và khả năng tác động cụ thể của từng chủ thể giáo dục. Nhà trường giữ vai trò định hướng, tổ chức và tạo dựng môi trường giáo dục; giảng viên tác động trực tiếp thông qua giảng dạy, đối thoại, nêu gương và tương tác học thuật với sinh viên trong môi trường học đường; tổ chức Đoàn - Hội triển khai thông qua phong trào, hoạt động trải nghiệm và truyền thông số; gia đình góp phần hình thành nền tảng đạo đức từ nếp sống, truyền thống và các quan hệ ứng xử hằng ngày; xã hội tác động thông qua dư luận, thiết chế văn hóa, cộng đồng và môi trường truyền thông; còn bản thân sinh viên là chủ thể trực tiếp của quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện, tự phản tư và lan tỏa giá

trị trong cả không gian thực và không gian số. Từ đó, có thể nhận diện một số phương thức cơ bản sau:

*Thứ nhất, giáo dục thông qua giảng dạy, học tập gắn với ứng dụng công nghệ số trong nhà trường.*

Các nền tảng như Google Classroom, Zoom, Microsoft Teams và hệ thống quản lý học tập trực tuyến đã được nhiều trường đại học sử dụng như một phần của hoạt động giảng dạy thường xuyên, đặc biệt sau giai đoạn dạy học trực tuyến trong đại dịch COVID-19. Điều này tạo ra điều kiện để tích hợp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào môi trường số một cách có chủ đích, thay vì chỉ dừng lại ở việc truyền đạt nội dung lý thuyết. Giảng viên có thể thiết kế các tình huống đạo đức liên quan đến sự trung thực trong học tập, ứng xử với người lớn tuổi, trách nhiệm cộng đồng, thái độ trước thông tin sai lệch hoặc hành vi thiếu chuẩn mực trên không gian mạng để sinh viên thảo luận nhóm trực tuyến, viết bài phản tư cá nhân hoặc trao đổi trên diễn đàn học tập. Cách tiếp cận này giúp sinh viên không chỉ tiếp nhận tri thức đạo đức, mà còn tự đặt mình vào tình huống, đưa ra lựa chọn, lý giải quan điểm và từng bước hình thành năng lực phán đoán đạo đức.

*Thứ hai, giáo dục thông qua truyền thông số, mạng xã hội và sự tham gia của các chủ thể giáo dục.*

Facebook, YouTube, TikTok, Instagram và các nền tảng truyền thông số khác là những không gian sinh viên sử dụng thường xuyên trong học tập, giao tiếp và giải trí. Trên các nền tảng này, các quan niệm sống, khuôn mẫu hành vi và chuẩn mực ứng xử được lan truyền liên tục thông qua những nội dung ngắn, trực quan, dễ chia sẻ và có khả năng tạo ảnh hưởng nhanh. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Nếu các chủ thể giáo dục như nhà trường, giảng viên, tổ chức Đoàn - Hội, gia đình và chính sinh viên chủ động tham gia sản xuất, lựa chọn, chia sẻ và định hướng tiếp nhận các nội dung có giá trị, thì tác động giáo dục có thể được mở rộng ra ngoài phạm vi lớp học. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả, nội dung truyền thông cần phù hợp với ngôn ngữ, thói quen tiếp nhận và nhu cầu đối thoại của sinh viên; tránh lối truyền đạt áp đặt, giáo huấn một chiều, đồng thời chú trọng những câu chuyện thực, hình mẫu gần gũi, chiến dịch truyền thông có chiều sâu và khả năng gợi mở suy nghĩ đạo đức.

*Thứ ba, giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn, ngoại khóa và các dự án cộng đồng.*

Tri thức đạo đức mà ở đây là các giá trị đạo đức truyền thống chỉ thực sự trở thành một phần của nhân cách sinh viên khi được kiểm nghiệm thông qua hoạt động thực tiễn. Các hoạt động tình nguyện, dự án phục vụ cộng đồng, phong trào sinh viên và các hình thức trải nghiệm xã hội là môi trường quan trọng để họ thực hành giá trị đạo đức truyền thống trong những tình huống cụ thể. Ở đó, sinh viên có thể đối mặt với những lựa chọn đạo đức như cách ứng xử với người yếu thế, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, sự trung thực trong tổ chức hoạt động, hay khả năng hợp tác và chia sẻ trong điều kiện nguồn lực hạn chế... Trong bối cảnh chuyển đổi số, các hoạt động này có thể được kết nối, phản ánh và lan tỏa thông qua mạng xã hội, nhật ký học tập số, hồ sơ trải nghiệm hoặc các sản phẩm truyền thông của sinh viên. Nhà trường và tổ chức Đoàn - Hội giữ vai trò tổ chức, định hướng; gia đình góp phần củng cố thái độ tích cực; cộng đồng xã hội cung cấp không gian thực tiễn để sinh viên đặt mình vào các mối quan hệ và trách nhiệm xã hội cụ thể.

*Thứ tư, giáo dục thông qua nêu gương trên không gian thực và không gian số.*

Nêu gương là phương thức giáo dục có sức thuyết phục đặc biệt, bởi nó tác động đến niềm tin, tình cảm và hành vi của sinh viên thông qua những hình mẫu cụ thể. Trong nhà trường, giảng viên giữ vai trò quan trọng thông qua cách ứng xử với sinh viên, thái độ tôn trọng sự thật, tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, sự công bằng trong đánh giá và chuẩn mực trong tương tác học thuật. Trong gia đình, cha mẹ và những người thân là tấm gương gần gũi và có ảnh hưởng lâu dài nhất - không phải qua lời dạy bảo trực tiếp, mà qua chính cách họ ứng xử trong các mối quan hệ hằng ngày, cách họ đối mặt với khó khăn, thể hiện sự tôn trọng, lòng biết ơn hay tinh thần trách nhiệm. Những hình mẫu đó in sâu vào nhận thức của sinh viên từ rất sớm và tiếp tục định hướng hành vi ngay cả khi họ đã bước vào môi trường đại học. Trong xã hội và trên không gian số, cán bộ quản lý, tổ chức Đoàn - Hội, cộng đồng, người có ảnh hưởng tích cực và chính sinh viên đều có thể trở thành hình mẫu tham chiếu thông qua lời nói, hành vi, cách chia sẻ thông tin và phản ứng trước các sự kiện xã hội. Vì vậy, nêu gương trong bối cảnh chuyển đổi số

không chỉ giới hạn ở lớp học hay gia đình, mà cần được mở rộng sang không gian mạng, nơi mỗi hành vi số đều có thể tạo ra tác động giáo dục tích cực hoặc tiêu cực đối với sinh viên.

*Thứ năm, giáo dục thông qua tự học, tự rèn luyện và tự phản tư của sinh viên trên nền tảng số.*

Không có phương thức giáo dục nào có thể thay thế quá trình tự giáo dục của chính sinh viên. Môi trường số tạo điều kiện để quá trình này diễn ra chủ động và đa dạng hơn: sinh viên có thể tiếp cận học liệu từ hệ thống học trực tuyến của nhà trường, các nền tảng học tập mở, diễn đàn học thuật, nhóm trao đổi chuyên môn và các công cụ ghi chép số để mở rộng hiểu biết về lịch sử, văn hóa, đạo đức và đời sống xã hội. Quan trọng hơn, môi trường số cũng đặt sinh viên trước nhiều tình huống đòi hỏi phán đoán đạo đức, như cách ứng xử trong tranh luận trực tuyến, thái độ trước thông tin chưa được kiểm chứng, trách nhiệm khi chia sẻ nội dung, khả năng tôn trọng sự riêng tư của người khác và ý thức bảo vệ danh dự, nhân phẩm con người trên không gian mạng. Khi sinh viên có năng lực tự phản tư, biết dừng lại để tự đặt câu hỏi về lựa chọn và hành vi của mình, những tình huống trong đời sống số có thể trở thành cơ hội để rèn luyện phẩm chất đạo đức và năng lực ứng xử có trách nhiệm.

Nhìn tổng thể, các phương thức trên không vận hành độc lập, mà cần được triển khai trong sự phối hợp liên chủ thể giữa nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân sinh viên. Chính sự phối hợp đó tạo nên một môi trường giáo dục toàn diện, trong đó quá trình hình thành giá trị đạo đức không chỉ diễn ra trong giờ học chính khóa, mà còn được mở rộng qua đời sống cộng đồng, sinh hoạt gia đình, phong trào xã hội và các tương tác trên không gian số. Từ đó, sinh viên không chỉ hiểu về giá trị đạo đức truyền thống, mà còn có khả năng lựa chọn, thực hành và lan tỏa những giá trị ấy trong điều kiện mới của thời đại số.

### ***2.2.2. Bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu đặt ra đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên***

#### ***2.2.2.1. Một số vấn đề chung về chuyển đổi số***

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số (Digital Transformation) đã nổi lên như một xu thế có tính tất yếu, thấm sâu

vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự lan tỏa ấy diễn ra không đồng đều, nhưng liên tục và ngày càng mạnh mẽ hơn.

Nhìn từ góc độ kinh tế học, chuyển đổi số được hiểu là quá trình đưa công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị, từ đó nâng cao hiệu quả, năng suất và khả năng cạnh tranh. Còn từ góc nhìn xã hội học, đây là quá trình biến đổi các cấu trúc xã hội, hành vi và quan hệ giữa người với người dưới tác động của công nghệ số - nó thay đổi cách con người giao tiếp, làm việc, tiêu dùng, và tổ chức đời sống cộng đồng.

Ở góc độ văn hóa học, chuyển đổi số được nhìn nhận như một quá trình tái định hình các giá trị, biểu tượng và bản sắc văn hóa trong kỷ nguyên công nghệ. Từ âm nhạc, điện ảnh, nghệ thuật cho đến truyền thông đại chúng - công nghệ số đang làm thay đổi phương thức sáng tạo, phổ biến và tiếp nhận văn hóa theo những cách mà vài thập niên trước chúng ta khó hình dung nổi.

Tiếp cận từ triết học, chuyển đổi số đặt ra những câu hỏi không hề nhỏ về bản chất tồn tại của con người và xã hội trong mối quan hệ với công nghệ. Các nhà triết học đương đại cho rằng công nghệ số không đơn thuần là công cụ - nó còn là một hình thái mới của môi trường sống và tư duy, có khả năng chi phối cách con người nhận thức thế giới và chính bản thân mình. Những vấn đề như đạo đức của trí tuệ nhân tạo, quyền riêng tư dữ liệu, hay tác động của thực tế ảo lên ý thức con người đang trở thành chủ đề trung tâm của triết học thời đại số.

Trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số được hiểu là quá trình tích hợp công nghệ số vào giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng, mở rộng cơ hội học tập và thúc đẩy học tập suốt đời. Quá trình này bao gồm việc sử dụng hệ thống học trực tuyến (E-learning), trí tuệ nhân tạo, nền tảng dữ liệu học tập và công nghệ tương tác số để cá nhân hóa việc học, tăng cường khả năng tự học, và kết nối người dạy với người học theo những cách linh hoạt hơn nhiều so với mô hình truyền thống. Còn trong quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số được hiểu là sự thay đổi căn bản trong phương thức quản lý, ra quyết định và tương tác giữa các chủ thể trong hệ thống hành chính - kinh tế - xã hội nhờ vào ứng dụng công nghệ số.

Về mặt định nghĩa, hiện có nhiều cách tiếp cận khác nhau tùy theo góc độ và lĩnh vực nghiên cứu. Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông

định nghĩa: “Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ” [116]. Microsoft thì nhấn mạnh đến chiều cạnh kinh doanh: “Chuyển đổi số là đổi mới kinh doanh được thúc đẩy bởi sự bùng nổ của điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật, cung cấp cho các tổ chức những cách thức mới để hiểu, quản lý và chuyển đổi hoạt động kinh doanh của họ” [140]. Tập đoàn FPT thì mở rộng hơn khi cho rằng chuyển đổi số “là sự thay đổi mang tính căn bản về công nghệ và tâm lý, tạo ra sự đột phá và chuyển đổi quy trình cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, xã hội”, trong đó số hóa thông tin và quy trình chỉ là một phần của bức tranh tổng thể [132]. Còn theo tác giả Bùi Ngọc Hiền, chuyển đổi số “là nội dung cơ bản của cách mạng công nghiệp 4.0, là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi phương thức phát triển, cách sống, cách làm việc của con người” nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, năng suất lao động và sức cạnh tranh trên thị trường [31].

Dù tiếp cận từ góc độ nào, các định nghĩa trên đều gặp nhau ở một điểm chung: chuyển đổi số là quá trình thay đổi toàn diện, không chỉ về công cụ hay kỹ thuật, mà còn về tư duy, tổ chức và quan hệ xã hội. Từ đó, có thể hiểu: *Chuyển đổi số là quá trình tái cấu trúc toàn diện hoạt động của con người, tổ chức và xã hội dựa trên công nghệ kỹ thuật số, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - quản lý - giao tiếp, thúc đẩy phát triển bền vững và tạo lập môi trường sống, lao động, văn hóa mới phù hợp với kỷ nguyên số.*

Đặc biệt, chuyển đổi số không đơn thuần là ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một “phương thức sản xuất số” - trong đó dữ liệu trở thành tài nguyên và tư liệu sản xuất quan trọng, con người và trí tuệ nhân tạo kết hợp hài hòa như những lực lượng sản xuất cốt lõi, đồng thời quan hệ sản xuất cũng biến đổi sâu sắc, nhất là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số [137].

Như vậy, bối cảnh chuyển đổi số cần được hiểu như một quá trình biến đổi toàn diện, có tính cấu trúc của đời sống xã hội - chứ không phải đơn giản là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động riêng lẻ. Đó là sự chuyển dịch căn bản trong phương thức con người sản xuất, giao tiếp, học tập và hình thành giá trị. Trong không gian số ấy, các quan hệ xã hội, cấu trúc văn hóa và hệ giá trị không ngừng được tái định hình; ranh giới giữa truyền thống

và hiện đại, giữa thực và ảo trở nên co giãn hơn, qua đó làm thay đổi cách thức hình thành và lan tỏa các chuẩn mực, giá trị. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số thúc đẩy sự dịch chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức sang mô hình học tập mở, linh hoạt và cá nhân hóa - đồng thời đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với việc định hướng, hình thành và nội tâm hóa các giá trị đạo đức cho sinh viên.

#### 2.2.2.2. *Chuyển đổi số và tác động của nó trong hoạt động giáo dục*

Hiện nay, chuyển đổi số không còn là một lựa chọn có thể cân nhắc - nó đã trở thành tất yếu khách quan của sự phát triển xã hội hiện đại. Không chỉ là việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất hay quản lý, đây thực chất là một cuộc cách mạng toàn diện, tái định hình nền tảng kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của nhân loại. Đại dịch Covid-19 - được nhìn nhận như một “bước ngoặt lịch sử” - đã phơi bày rõ tính cấp thiết của quá trình này: trong thời kỳ đó, hàng loạt hoạt động sản xuất, kinh doanh, giáo dục, hành chính và dịch vụ công buộc phải dịch chuyển lên môi trường số, rút ngắn tiến trình chuyển đổi từ 3 đến 7 năm so với dự kiến. Đây là minh chứng sống động cho thấy yếu tố vật chất (cụ thể là một đại dịch toàn cầu) có thể buộc lực lượng sản xuất - bao gồm cả công nghệ và con người - phải thích ứng nhanh chóng để tồn tại và phát triển.

Nhìn nhận từ lý luận triết học Mác - Lênin, mọi sự phát triển xã hội đều vận động theo quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Khi lực lượng sản xuất - ở đây là công nghệ số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật - phát triển đến một trình độ nhất định, quan hệ sản xuất cũ sẽ không còn phù hợp và phải cải biến để đáp ứng yêu cầu mới. Chính sự mâu thuẫn và vận động nội tại này đã tạo ra tính tất yếu khách quan của chuyển đổi số, xem nó như một hình thức tổ chức mới của nền sản xuất và đời sống xã hội hiện đại. Từ góc nhìn ấy, chuyển đổi số không phải là một sáng kiến công nghệ tùy tiện, mà là kết quả biện chứng của quá trình phát triển lịch sử - phản ánh bước chuyển của xã hội từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, nơi dữ liệu và tri thức trở thành nguồn lực sản xuất chủ yếu.

Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ động đặt chuyển đổi số thành động lực phát triển bền vững của

quốc gia. Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đặt mục tiêu xây dựng Chính phủ số - Kinh tế số - Xã hội số - Công dân số. Đáng chú ý, giáo dục được xác định là một trong tám lĩnh vực trọng điểm cần chuyển đổi mạnh mẽ và toàn diện - thể hiện rõ sự chuyển biến từ nhận thức chính trị đến hành động thực tiễn, khẳng định rằng chuyển đổi số không chỉ là chọn lựa chiến lược, mà là đòi hỏi bắt buộc để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời đại công nghệ.

Giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số đặt ra yêu cầu đổi mới không chỉ ở cấp độ công cụ, mà còn ở tư duy, mô hình và triết lý giáo dục. Bản chất của vấn đề không phải là số hóa tài liệu hay tổ chức lớp học trực tuyến - mà là tái cấu trúc toàn bộ hoạt động giáo dục, từ quản lý, giảng dạy, kiểm tra - đánh giá cho đến kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong một môi trường học tập mở, thông minh và kết nối liên tục. Quá trình này không chỉ mở rộng phương thức truyền đạt tri thức - từ mô hình thụ động “thầy đọc - trò chép” sang mô hình tương tác đa chiều - mà còn tạo điều kiện cho người học chủ động tham gia kiến tạo giá trị, chia sẻ trải nghiệm và lan tỏa chuẩn mực đạo đức truyền thống trên không gian mạng. Nhờ đó, giáo dục không còn bị giới hạn trong lớp học vật lý, mà trở thành một hệ sinh thái mở, nơi các giá trị truyền thống được số hóa, kết nối và truyền cảm hứng qua các nền tảng công nghệ.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, “Chuyển đổi số trong giáo dục là một quá trình phát triển nền tảng dạy học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số vào công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên dạy học trên cả hai phương thức trực tiếp và trực tuyến; phát triển công nghệ giáo dục hướng đến đào tạo cá thể hóa” [113]. Theo đó, mục tiêu của chuyển đổi số trong giáo dục hướng đến: (1) phát triển các phương pháp dạy và học trên môi trường số đảm bảo hiệu quả và tính tự chủ của người học; (2) đào tạo công dân tự chủ của thời đại số; (3) chuẩn bị những năng lực số cần thiết đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp mới.

Chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo tập trung vào ba khía cạnh chính: quản lý giáo dục (tổ chức, kiểm tra, đánh giá); hoạt động dạy - học; và nghiên cứu khoa học. Trong lĩnh vực quản lý, số hóa thông tin tạo ra các cơ sở dữ liệu lớn liên thông, cho phép triển khai dịch vụ công trực tuyến và ứng

dụng các công nghệ 4.0 như AI, blockchain, phân tích dữ liệu lớn - từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng dự báo và hỗ trợ ra quyết định. Trong dạy - học và nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số bao gồm việc số hóa học liệu, xây dựng thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai đào tạo trực tuyến và phát triển các mô hình đại học ảo - “hình thành công thông tin thư viện điện tử toàn ngành liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo; áp dụng phương thức học tập kết hợp; phát triển một số mô hình đại học trực tuyến” [68].

Nhìn chung, giáo dục đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số phản ánh một sự chuyển dịch sâu hơn: từ phương pháp giáo dục tập trung vào thuyết giảng và truyền thụ kiến thức, sang một hình thức giáo dục nhấn mạnh vào việc phát triển năng lực nội sinh của người học - khuyến khích tự học và học tập suốt đời. Điều này đáp ứng không chỉ nhu cầu cá nhân mà còn phục vụ mục tiêu xây dựng một xã hội học tập, nơi tri thức là nền tảng cho mọi hoạt động xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng như IoT, Big Data, AI đang tạo ra hạ tầng giáo dục số hóa - là tiền đề cho những mô hình giáo dục thông minh, cá nhân hóa và mở rộng khả năng tiếp cận kho tri thức khổng lồ trên không gian mạng.

### *2.2.2.3. Yêu cầu đặt ra đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Từ những tác động của chuyển đổi số đối với đời sống xã hội và hoạt động giáo dục, có thể thấy rằng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên không chỉ cần thích ứng về công cụ, mà còn phải đổi mới về nội dung, phương thức tổ chức, cơ chế phối hợp và năng lực định hướng giá trị. Có thể khái quát một số yêu cầu cơ bản như sau:

*Thứ nhất, yêu cầu xây dựng hệ sinh thái giáo dục giá trị đạo đức truyền thống toàn diện.*

Chuyển đổi số là một quá trình biến đổi tổng thể, thấm sâu vào hầu khắp các lĩnh vực của đời sống: “Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và điện toán đám mây đang dần trở thành những công cụ sản xuất quan trọng trong nhiều ngành, lĩnh vực... phủ sóng rộng khắp cả nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số” [137]. Trong giáo dục, tính toàn diện đó thể hiện ở chỗ chuyển đổi không chỉ ở nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, mà

còn ở cách thức quản lý, đánh giá và tiếp cận tri thức. Riêng với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, tính toàn diện có nghĩa là tích hợp hoạt động giáo dục đạo đức trong nhiều môi trường khác nhau - từ nhà trường, gia đình, cộng đồng cho đến mạng xã hội và không gian mạng - tạo thành một hệ sinh thái đạo đức liên tục và mở rộng, giúp việc giáo dục, bồi dưỡng và lan tỏa các giá trị truyền thống diễn ra một cách tự nhiên, thường xuyên và hiệu quả.

*Thứ hai, yêu cầu tăng cường tính kết nối giữa các chủ thể, môi trường và phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống.*

Một trong những đặc trưng nổi bật của chuyển đổi số là khả năng kết nối không giới hạn về không gian, thời gian và chủ thể. Công nghệ số đã tạo ra môi trường học tập liên thông, nơi con người - dữ liệu - thiết bị - nền tảng có thể tương tác liên tục và đồng bộ. Các ứng dụng như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, Moodle hay LMS giúp người học dễ dàng kết nối với giảng viên, bạn học, chuyên gia và tài nguyên học tập trên phạm vi toàn cầu. Trong giáo dục giá trị đạo đức dân tộc, tính kết nối này giúp lan tỏa các giá trị nhân văn như lòng yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, biết ơn - qua diễn đàn sinh viên, mạng xã hội hay các cộng đồng học tập số. Tuy nhiên, kèm theo đó là thách thức về kiểm soát thông tin và định hướng giá trị. Giáo dục các giá trị đạo đức này trong môi trường số vì thế phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghệ và bồi dưỡng nhân cách, giúp sinh viên có đủ bản lĩnh và năng lực chọn lọc thông tin để tiếp nhận, lan tỏa và bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống một cách chủ động, tích cực.

*Thứ ba, yêu cầu đổi mới sáng tạo phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống.*

Chuyển đổi số khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đổi mới và tư duy sáng tạo trong dạy - học. Công nghệ làm cho việc truyền đạt tri thức và giá trị trở nên sinh động, hấp dẫn và gần gũi với thực tiễn hơn. Trong giáo dục giá trị đạo đức, sáng tạo thể hiện ở sự đa dạng hóa các hình thức: sử dụng video, podcast, trò chơi mô phỏng, tình huống tương tác, kể chuyện số (digital storytelling) hay mô hình thực tế ảo (VR/AR) để người học trải nghiệm, nhập vai và cảm nhận giá trị đạo đức một cách chân thực, gần gũi. Bên cạnh đó, việc kết hợp với những nhân vật truyền cảm hứng có lối sống tích cực trên mạng xã hội cũng góp phần lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống bằng ngôn ngữ của thế hệ trẻ.

Nhờ đó, những giá trị ấy “sống lại” trong đời sống số, thay vì chỉ tồn tại như những khái niệm lý thuyết trong giáo trình.

*Thứ tư, yêu cầu cá nhân hóa quá trình giáo dục gắn với tự học, tự rèn luyện và tự phản tư của sinh viên.*

Với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu học tập (Learning Analytics), chuyển đổi số cho phép cá nhân hóa quá trình giáo dục - giúp người học tiếp cận tri thức và giá trị phù hợp với năng lực, sở thích và tốc độ học tập riêng của mình. Trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, điều này đặc biệt quan trọng, bởi mỗi sinh viên mang trong mình một nền tảng, trải nghiệm và nhận thức đạo đức khác nhau. Công nghệ cho phép hệ thống giáo dục tự động gợi ý nội dung, hình thức học tập hay tình huống rèn luyện phù hợp với từng cá nhân. Cá nhân hóa không làm mất đi tính phổ quát của giá trị đạo đức - ngược lại, nó giúp người học nội tâm hóa sâu hơn những giá trị ấy, từ đó tin tưởng và hành động tự giác hơn theo các chuẩn mực đạo đức truyền thống của dân tộc.

*Thứ năm, yêu cầu tăng cường tính linh hoạt và khả năng thích ứng trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống.*

Chuyển đổi số cho phép hoạt động giáo dục diễn ra mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều nền tảng và thiết bị khác nhau - giúp người học chủ động sắp xếp thời gian, địa điểm và phương thức học tập của mình. Trong giáo dục giá trị đạo đức, tính linh hoạt thể hiện ở khả năng lồng ghép kịp thời các vấn đề xã hội và đạo đức mang tính thời sự như bảo vệ môi trường, ứng xử trên mạng, bình đẳng giới, hay trách nhiệm công dân số. Các cơ sở giáo dục có thể tổ chức tọa đàm trực tuyến, diễn đàn phản biện, cập nhật nội dung học tập nhanh chóng theo bối cảnh thực tế. Đồng thời, quá trình này giúp sinh viên hình thành và rèn luyện năng lực thích ứng - một giá trị đạo đức mới trong thời đại số, thể hiện ở khả năng ứng xử linh hoạt, tôn trọng khác biệt và thích nghi tích cực với những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại.

*Thứ sáu, yêu cầu khai thác dữ liệu phục vụ giáo dục giá trị đạo đức truyền thống nhưng không biến thành giám sát đạo đức.*

Một trong những đặc điểm then chốt của chuyển đổi số là khả năng thu thập, phân tích và khai thác dữ liệu để ra quyết định nhanh chóng, chính xác và khoa học hơn. Trong môi trường học tập trực tuyến, các hệ thống LMS,

MOOC, E-learning có thể theo dõi hành vi học tập, mức độ tham gia, thái độ và kết quả của người học - từ đó phân tích, đánh giá, điều chỉnh nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, dữ liệu hóa có thể hỗ trợ nhận diện xu hướng tiếp nhận giá trị, mức độ tham gia của sinh viên và phản ứng xã hội trước các vấn đề đạo đức đương đại - giúp nhà trường xây dựng chương trình giáo dục gần gũi, thực tế và có sức thuyết phục cao hơn. Tuy nhiên, điều cần nhấn mạnh là việc khai thác dữ liệu trong giáo dục giá trị đạo đức dân tộc phải được đặt trong giới hạn nhân văn, tôn trọng quyền riêng tư, và tuyệt đối tránh xu hướng biến giáo dục đạo đức thành giám sát, chấm điểm hay kiểm soát đạo đức một cách cơ học.

*Thứ bảy, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, hình thành đạo đức số và trách nhiệm công dân số.*

Khi mọi hoạt động được chuyển lên không gian số, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu trở thành điều kiện tiên quyết. Việc lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu học tập, hồ sơ cá nhân và thông tin trao đổi trên hệ thống trực tuyến đòi hỏi các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt. Trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, tính bảo mật càng trở nên quan trọng hơn, bởi các nội dung thảo luận thường liên quan đến quan điểm sống, niềm tin và giá trị cá nhân - những thứ vốn thuộc về phạm vi riêng tư. Vì vậy, ngoài việc đảm bảo an toàn dữ liệu học tập, giáo dục cần trang bị cho sinh viên năng lực tự bảo vệ bản thân trên không gian mạng, hiểu biết về pháp luật số và đạo đức số - từ đó hình thành ý thức công dân số có trách nhiệm và nhân văn.

Những đặc điểm của chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ phản ánh bản chất công nghệ của thời đại mới, mà còn thể hiện sự chuyển hóa sâu sắc trong triết lý giáo dục, hướng đến mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện - có tri thức, có đạo đức, có năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, chuyển đổi số vừa là cơ hội mở rộng không gian giáo dục, vừa là thách thức đòi hỏi sự định hướng giá trị đúng đắn - để những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc không bị mai một, mà được bảo tồn, lan tỏa và thích ứng hiệu quả trong thời đại số hóa toàn cầu.

### **2.2.3. Vai trò và tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số**

#### **2.2.3.1. Vai trò của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số**

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ mang tính kế thừa, mà còn là yếu tố chiến lược góp phần hình thành bản lĩnh, nhân cách và năng lực số của thế hệ trẻ. Trong kỷ nguyên công nghệ, khi tri thức và thông tin được lan truyền nhanh chóng, việc củng cố nền tảng đạo đức càng trở nên cấp thiết để giúp sinh viên định hướng giá trị, hành xử đúng đắn và phát triển toàn diện. Có thể khái quát các vai trò cơ bản như sau:

*Một là, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống góp phần hình thành nhân cách và bản lĩnh chính trị - tư tưởng vững vàng cho sinh viên.*

Những giá trị như yêu nước, trung thực, nhân ái, trách nhiệm, đoàn kết... giúp sinh viên xây dựng nền tảng đạo đức cá nhân và bản lĩnh tư tưởng vững chắc. Trong không gian mạng với nhiều luồng thông tin trái chiều, bản lĩnh đạo đức là “la bàn giá trị” giúp sinh viên biết chọn lọc, phản biện và bảo vệ niềm tin đúng đắn, tránh bị cuốn theo xu hướng lệch chuẩn hoặc thông tin sai lệch.

*Hai là, góp phần định hướng hành vi, lối sống và văn hóa ứng xử của sinh viên trong môi trường số.*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống giúp sinh viên ứng xử có trách nhiệm, tôn trọng bản quyền, trung thực học thuật, văn minh khi tham gia mạng xã hội. Trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh, việc duy trì chuẩn mực đạo đức là yếu tố bảo đảm cho sự phát triển hài hòa giữa “năng lực số” và “văn hóa số”, giữa kỹ năng công nghệ và nhân cách con người.

*Ba là, phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và trách nhiệm xã hội của sinh viên.*

Các giá trị như cần cù, hiếu học, tinh thần tự lực - tự cường, nhân ái và đoàn kết giúp sinh viên chủ động học tập, nghiên cứu và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong môi trường chuyển đổi số, những giá trị này thúc đẩy sinh viên không chỉ tiếp thu tri thức mà còn sáng tạo nội dung tích cực, xây dựng hình ảnh người học có trách nhiệm và nhân văn trên không gian mạng.

*Bốn là, tạo nền tảng văn hóa và tinh thần dân tộc trong hội nhập quốc tế.*

Giá trị đạo đức truyền thống giúp sinh viên giữ được bản sắc văn hóa, lòng tự hào dân tộc và tinh thần độc lập khi hội nhập vào môi trường toàn cầu hóa. Nhờ đó, sinh viên có thể tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới mà không bị hòa tan, biết dung hòa giữa “cái hiện đại” và “cái dân tộc”, giữa công nghệ tiên tiến và cốt cách Việt Nam.

*Năm là, góp phần xây dựng “công dân số” có đạo đức, năng lực và trách nhiệm trong xã hội hiện đại.*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống giúp sinh viên phát triển nhân cách toàn diện - vừa có tri thức công nghệ, vừa có phẩm chất đạo đức, ý thức pháp luật và tinh thần cộng đồng. Họ trở thành những công dân số biết sử dụng công nghệ để phục vụ con người, lan tỏa giá trị tốt đẹp, bảo vệ môi trường thông tin lành mạnh và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của quốc gia trong kỷ nguyên số.

Tựu chung, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng nhân cách, định hướng giá trị và phát triển năng lực công dân số cho sinh viên. Đây là nền tảng để hình thành thế hệ trẻ vừa “giỏi tri thức”, “vững đạo đức”, vừa “thành thạo công nghệ”, góp phần xây dựng xã hội số văn minh, nhân văn và phát triển bền vững.

*2.2.3.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số về thực chất là một quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, được tiến hành thông qua sự tham gia của nhiều chủ thể, dựa trên một hệ thống nội dung giá trị xác định và những phương thức giáo dục phù hợp. Xuất phát từ chính cấu trúc nội tại đó, việc đánh giá hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên không thể chỉ dừng lại ở một vài biểu hiện bề ngoài mà cần được xem xét một cách tổng thể trên ba phương diện cơ bản, gắn kết chặt chẽ với nhau: chủ thể giáo dục, nội dung giáo dục, phương thức giáo dục.

*Thứ nhất, tiêu chí về chủ thể giáo dục.*

Tiêu chí về chủ thể giáo dục phản ánh vai trò, năng lực, trách nhiệm và mức độ phối hợp giữa các lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Đây là nhóm tiêu chí có ý nghĩa nền tảng.

Trên bình diện vĩ mô, hệ thống chính trị giữ vai trò định hướng đối với toàn bộ hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Tiêu chí đánh giá ở đây thể hiện ở năng lực xác lập đường lối, chủ trương, chính sách; ở việc tạo lập khuôn khổ chính trị - pháp lý cho hoạt động giáo dục cũng như ở khả năng định hướng hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, lý tưởng sống và trách nhiệm công dân cho sinh viên. Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương là những yếu tố then chốt, bảo đảm cho hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống có được tính định hướng đúng đắn, tính thống nhất và tính bền vững trong điều kiện mới.

Đối với cơ sở giáo dục đại học, tiêu chí đánh giá tập trung vào năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng môi trường văn hóa học đường. Nhà trường thực hiện tốt vai trò chủ thể không chỉ thể hiện ở việc tích hợp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào chương trình đào tạo, kế hoạch giáo dục, hoạt động chính trị - tư tưởng, hoạt động trải nghiệm, công tác truyền thông và các thiết chế hỗ trợ sinh viên mà còn ở khả năng tổ chức nghiên cứu khoa học về giá trị đạo đức truyền thống, về văn hóa, con người và giáo dục sinh viên. Trong điều kiện chuyển đổi số, tiêu chí này còn được mở rộng ở năng lực kiến tạo môi trường giáo dục lành mạnh, biết khai thác nền tảng công nghệ để hỗ trợ giáo dục đạo đức và bảo đảm sự thống nhất giữa giáo dục trực tiếp với giáo dục trên không gian mạng.

Giảng viên, với tư cách là chủ thể giáo dục trực tiếp, được đánh giá thông qua trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực giáo dục đạo đức, khả năng tích hợp giá trị đạo đức truyền thống vào nội dung giảng dạy, cũng như năng lực sử dụng công nghệ số và khả năng đối thoại, định hướng cho sinh viên trước những vấn đề đạo đức nảy sinh từ đời sống hiện đại. Cần thấy rằng, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức - họ còn là chủ thể nêu gương ngay trong thái độ học thuật, sự công bằng trong đánh giá, trách nhiệm nghề nghiệp, văn hóa ứng xử và cách thức tương tác với sinh viên trong cả

không gian trực tiếp lẫn không gian số. Chính sự nhất quán giữa lời nói và việc làm, giữa tri thức và nhân cách, mới là yếu tố làm nên sức cảm hóa thực sự của người thầy.

Đối với tổ chức Đoàn - Hội, tiêu chí đánh giá thể hiện ở khả năng tập hợp, thu hút, tổ chức và dẫn dắt sinh viên thông qua các phong trào, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tình nguyện, dự án cộng đồng, sinh hoạt chính trị - tư tưởng và truyền thông trong sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của Đoàn - Hội còn được nhận diện qua năng lực sáng tạo những hình thức giáo dục gần gũi, có sức hấp dẫn đối với sinh viên, qua khả năng lan tỏa các giá trị tích cực, đồng thời kịp thời phát hiện, định hướng và đấu tranh với những biểu hiện lệch chuẩn xuất hiện trong đời sống sinh viên.

Gia đình tuy không trực tiếp tổ chức hoạt động giáo dục đại học, nhưng lại là môi trường đạo đức đầu tiên và bền bỉ nhất, nơi hình thành những cảm nhận ban đầu về lòng biết ơn, tình thương, trách nhiệm, nghĩa tình, sự tôn trọng và ý thức cộng đồng. Tiêu chí đánh giá đối với gia đình thể hiện ở mức độ quan tâm, ở sự phối hợp với nhà trường, ở khả năng duy trì nếp sống, truyền thống, quan hệ ứng xử lành mạnh và định hướng hành vi đạo đức cho sinh viên. Trong điều kiện chuyển đổi số, gia đình còn có thêm vai trò quan trọng là hỗ trợ sinh viên hình thành thói quen sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, ứng xử văn minh trên không gian mạng và giữ được sự cân bằng cần thiết giữa đời sống thực với đời sống số.

Xã hội, hiểu theo nghĩa rộng - bao gồm cộng đồng, các thiết chế văn hóa, dư luận xã hội, truyền thông, nhóm bạn và toàn bộ các quan hệ xã hội mà sinh viên tham gia. Tác động của xã hội đến quá trình hình thành, củng cố hoặc làm suy giảm các giá trị đạo đức truyền thống ở sinh viên là thường xuyên và sâu sắc. Vì vậy, xã hội không nên chỉ được hiểu như một bối cảnh bên ngoài mà phải được nhìn nhận như một môi trường tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ, lối sống và hành vi đạo đức của sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phạm vi tác động này còn được nhân rộng qua không gian mạng và các nền tảng truyền thông. Do đó, tiêu chí đánh giá cần chú trọng cả khả năng tạo lập một môi trường xã hội tích cực, lan tỏa hình mẫu tốt đẹp, lẫn khả năng hạn chế những tác động tiêu cực từ lối sống thực dụng, thông tin sai lệch, bạo lực ngôn từ, tâm lý đám đông và các khuôn mẫu lệch chuẩn.

Sau cùng, sinh viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận tác động giáo dục mà còn là chủ thể trực tiếp lựa chọn, tiếp biến, thực hành và lan tỏa các giá trị đạo đức truyền thống. Bởi vậy, tiêu chí đánh giá đối với sinh viên thể hiện ở vai trò chủ động trong tự giáo dục, tự rèn luyện, tự phản tư và tự điều chỉnh hành vi. Trong điều kiện chuyên đổi số, tiêu chí này càng cần được nhấn mạnh ở năng lực tự học, năng lực chọn lọc thông tin, năng lực phản biện, năng lực ứng xử trên không gian mạng và khả năng chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân, cả trong đời sống thực lẫn đời sống số.

*Thứ hai, tiêu chí về nội dung giáo dục.*

Tiêu chí về nội dung giáo dục phản ánh mức độ đầy đủ, sâu sắc, phù hợp và khả năng tiếp biến của hệ thống giá trị đạo đức truyền thống được đưa vào quá trình giáo dục sinh viên. Nội dung giáo dục là yếu tố quy định: sinh viên được giáo dục những giá trị nào, các giá trị ấy được luận giải ra sao, được cụ thể hóa trong đời sống hiện nay như thế nào và có khả năng định hướng hành vi của sinh viên đến đâu. Có thể nói, đây chính là chiều sâu thực chất của hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống.

Trước hết, nội dung giáo dục phải bảo đảm tính đầy đủ về các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản của dân tộc từ yêu nước, tự lực tự cường, nhân ái, nghĩa tình, hiếu học, cần cù, sáng tạo, đến uống nước nhớ nguồn, biết ơn, đoàn kết và trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và Tổ quốc. Điều cần lưu ý là các giá trị này phải được trình bày như một chỉnh thể hữu cơ, gắn bó nội tại với nhau, chứ không thể chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu rời rạc hay những mệnh đề đạo đức chung chung, thiếu sức sống thực tiễn.

Bên cạnh tính đầy đủ, nội dung giáo dục còn phải có chiều sâu cả về lý luận lẫn thực tiễn. Mỗi giá trị đạo đức truyền thống cần được làm rõ về nguồn gốc hình thành, nội hàm, ý nghĩa lịch sử, vai trò trong đời sống dân tộc và biểu hiện cụ thể trong đời sống sinh viên hôm nay. Chẳng hạn, yêu nước không thể chỉ được hiểu như một thứ tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước - nó phải được cụ thể hóa thành ý thức trách nhiệm trong học tập, lao động, trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ gìn hình ảnh đất nước và đấu tranh với những biểu hiện xuyên tạc, phủ nhận các giá trị dân tộc. Tương tự, nhân ái không thể chỉ được hiểu giản đơn là lòng thương người mà còn là năng lực đồng cảm, sẻ chia, tôn trọng nhân phẩm con người và

khả năng chống lại sự vô cảm, kỳ thị, bạo lực trong cả đời sống trực tiếp và đời sống mạng.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và chuyên đổi số, một tiêu chí có ý nghĩa đặc biệt là khả năng tiếp biến và phát triển các giá trị truyền thống trong điều kiện mới. Tiếp biến ở đây hoàn toàn không đồng nghĩa với việc làm phai nhạt giá trị truyền thống - trái lại, đó là quá trình làm cho các giá trị ấy có khả năng “đối thoại” với đời sống hiện đại, được cụ thể hóa trong những tình huống mới và trở thành căn cứ định hướng hành vi của sinh viên. Tinh thần hiếu học, vì thế, cần gắn với năng lực tự học, học tập suốt đời, trung thực học thuật và sử dụng tri thức một cách có trách nhiệm. Tinh thần đoàn kết phải gắn với năng lực hợp tác, chia sẻ, tôn trọng khác biệt và tham gia cộng đồng trong cả không gian thực và không gian mạng. Đạo lý biết ơn cần được biểu hiện ở thái độ trân trọng đối với lịch sử, gia đình, thầy cô, cộng đồng và ở trách nhiệm tiếp nối những giá trị tốt đẹp mà các thế hệ đi trước đã dày công vun đắp.

Đối với sinh viên Hà Nội, nội dung giáo dục cần được đánh giá thêm ở mức độ phù hợp với đặc điểm của một môi trường đô thị lớn, nơi sinh viên có điều kiện tiếp cận nhanh với tri thức, công nghệ, văn hóa đa dạng và các xu hướng xã hội mới. Ở đây, nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần vừa giữ được chiều sâu văn hóa dân tộc, vừa gắn được với những vấn đề rất cụ thể của sinh viên hiện nay như lập thân, lập nghiệp, văn hóa học đường, trách nhiệm công dân, ứng xử trên mạng xã hội, bảo vệ quyền riêng tư, tiếp nhận thông tin có chọn lọc và đấu tranh với những biểu hiện lệch chuẩn, phản văn hóa.

*Thứ ba, tiêu chí về phương thức giáo dục.*

Tiêu chí về phương thức giáo dục phản ánh mức độ phù hợp, đa dạng, linh hoạt và hiệu quả của các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Nếu nội dung giáo dục trả lời câu hỏi giáo dục giá trị gì - thì phương thức giáo dục lại trả lời câu hỏi các giá trị đó được chuyển tải, tiếp nhận, trải nghiệm và chuyển hóa vào sinh viên bằng con đường nào.

Trước hết, cần đánh giá hoạt động của các phương thức giáo dục hiện có. Đó là giáo dục thông qua giảng dạy chính khóa, sinh hoạt chính trị - tư tưởng,

hoạt động Đoàn - Hội, hoạt động ngoại khóa, tình nguyện, dự án cộng đồng, qua nêu gương, đối thoại, truyền thông, tư vấn, hỗ trợ sinh viên và qua chính quá trình tự giáo dục của sinh viên. Các phương thức ấy không thể chỉ được đánh giá ở chỗ có được tổ chức thường xuyên hay không mà quan trọng hơn là ở khả năng tạo nên sự tham gia thực chất từ phía sinh viên, khả năng gợi mở suy nghĩ đạo đức, khả năng nuôi dưỡng tình cảm tích cực và khả năng định hướng những hành vi cụ thể.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, tiêu chí về phương thức còn đòi hỏi đánh giá năng lực xây dựng và vận dụng các phương thức giáo dục mới. Công nghệ số mở ra khả năng mở rộng không gian giáo dục thông qua lớp học trực tuyến, diễn đàn trao đổi, sản phẩm truyền thông, nhật ký phản tư, hồ sơ trải nghiệm, dự án cộng đồng trực tuyến và những hình thức tương tác đa dạng trên các nền tảng công nghệ. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng tự thân công nghệ không bảo đảm hiệu quả giáo dục. Phương thức giáo dục chỉ thực sự có ý nghĩa khi công nghệ được đặt trong một định hướng giá trị đúng đắn, khi nó giúp sinh viên suy nghĩ, lựa chọn, đối thoại, trải nghiệm và tự điều chỉnh hành vi của mình.

Một tiêu chí quan trọng khác là mức độ linh hoạt trong việc kết hợp các phương pháp và hình thức giáo dục. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không thể chỉ trông cậy vào thuyết giảng một chiều, càng không thể chỉ dựa vào các hoạt động phong trào mang tính bề nổi. Cần có sự kết hợp giữa giáo dục trực tiếp với giáo dục trực tuyến, giữa truyền đạt tri thức với tổ chức trải nghiệm, giữa nêu gương với đối thoại, giữa hoạt động trong nhà trường với tác động của gia đình và xã hội và đặc biệt là giữa định hướng của các chủ thể giáo dục với quá trình tự giáo dục của sinh viên. Chính sự kết hợp linh hoạt này mới giúp quá trình giáo dục thoát khỏi nguy cơ khô cứng, hình thức và thực sự tác động được đến nhận thức, tình cảm, niềm tin và hành vi của người học.

Phương thức giáo dục, vì thế, còn cần được đánh giá ở khả năng phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của sinh viên trong thời đại số. Sinh viên ngày nay tiếp cận thông tin nhanh, đã quen với tương tác đa chiều, có nhu cầu được đối thoại, được bày tỏ quan điểm và được tham gia vào quá trình kiến tạo ý nghĩa. Trên tinh thần ấy, phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần khuyến khích sinh viên tranh luận, phản biện, xử lý tình huống, tham gia

dự án số, xây dựng sản phẩm truyền thông, thực hành và tự phản tư về hành vi của bản thân. Khi đó, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống sẽ không còn là một quá trình truyền đạt từ bên ngoài vào - mà trở thành quá trình mà chính sinh viên tự tham gia kiến tạo và chuyển hóa giá trị.

Ba nhóm tiêu chí này có quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau, từ đó tạo nên cơ sở lý luận cần thiết để phân tích thực trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong điều kiện hiện nay.

### **2.3. Các yếu tố tác động đến giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay**

#### **2.3.1. Các yếu tố khách quan**

*Một là, bối cảnh chuyển đổi số như một điều kiện cấu trúc mới của đời sống xã hội.*

Chuyển đổi số không phải là một chủ thể giáo dục, mà là một môi trường - điều kiện khách quan làm thay đổi căn bản phương thức con người học tập, giao tiếp và hình thành giá trị. Sự phát triển của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng xã hội... đã tạo ra một không gian số với tính mở, đa chiều và phi tập trung, làm thay đổi cơ chế lan tỏa và tiếp nhận giá trị đạo đức. Trong môi trường này, sinh viên không chỉ tiếp nhận giá trị từ đạo đức các kênh quen thuộc chính thống, mà còn từ nhiều nguồn phi chính thức, với tốc độ nhanh và khó kiểm soát. Điều này một mặt mở ra cơ hội đổi mới giáo dục nhưng cũng đặt ra nguy cơ lệch chuẩn giá trị đạo đức nếu thiếu định hướng phù hợp.

*Hai là, tác động của toàn cầu hóa và hội nhập, giao thoa giá trị văn hóa.*

Toàn cầu hóa mở rộng cánh cửa giao lưu tri thức, giúp sinh viên tiếp cận và giao lưu với các nền văn hoá khác nhau, tiếp cận với các giá trị tiên bộ của nhân loại; từ đó, nâng cao ý thức công dân toàn cầu và năng lực thích ứng quốc tế. Tuy nhiên, quá trình này cũng làm xuất hiện sự pha trộn, thậm chí xung đột giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và các khuynh hướng ngoại lai. Những quan điểm cá nhân cực đoan, lối sống thực dụng, đề cao vật chất, hoặc các sản phẩm văn hóa ngoại lai thiếu chọn lọc dễ khiến một bộ phận sinh viên xa rời cội nguồn văn hóa dân tộc. Trong điều kiện đó, nếu thiếu nền tảng giá trị vững chắc, sinh viên có thể rơi vào trạng

thái dao động, thậm chí khủng hoảng giá trị, mất phương hướng trong việc lựa chọn niềm tin và chuẩn mực sống. Do đó, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần được xem như “bộ lọc giá trị” giúp sinh viên tiếp biến có chọn lọc, dung hòa giữa bản sắc dân tộc và tinh hoa nhân loại trong quá trình hội nhập.

*Ba là, điều kiện kinh tế - xã hội và sự thay đổi của đời sống hiện đại.*

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường cùng quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và cạnh tranh nghề nghiệp đã làm thay đổi điều kiện sống và định hướng giá trị của sinh viên. Bên cạnh những cơ hội nâng cao chất lượng đời sống và học tập thì áp lực về vật chất, xu hướng cá nhân hóa và ảnh hưởng của truyền thông cũng có thể dẫn đến lối sống thực dụng, phai nhạt niềm tin và làm suy giảm một số giá trị đạo đức truyền thống.

Đồng thời, sự lan tỏa của mạng xã hội và truyền thông đại chúng góp phần hình thành các chuẩn giá trị mới, đôi khi đề cao sức ảnh hưởng hơn phẩm chất đạo đức, khiến một bộ phận sinh viên chạy theo hình thức, quên đi trách nhiệm xã hội. Trong bối cảnh đó, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, nhằm định hướng sinh viên phát triển theo xu hướng tiến bộ nhưng vẫn có tính nhân văn và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

*Bốn là, hệ thống chính sách và định hướng giáo dục của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục.*

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là yếu tố khách quan mang tính định hướng vĩ mô, tạo hành lang pháp lý và khuôn khổ chiến lược, quyết định hướng đi và hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức. Các chủ trương về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, phát triển công dân số, và gắn giáo dục đạo đức với chuyển đổi số đã tạo cơ sở quan trọng để các cơ sở giáo dục triển khai hoạt động phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Các văn kiện như Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, hay Chỉ thị 31/CT-TTg năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển văn hóa học đường trong thời kỳ số hóa đã khẳng định yêu cầu “xây dựng thế hệ công dân số có tri thức, đạo đức, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội”. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng triển khai các chương trình đổi mới giáo dục công dân, tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho sinh

viên gắn với môi trường mạng. Đây là cơ sở pháp lý và định hướng quan trọng bảo đảm tính thống nhất, khoa học và bền vững cho việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong thời đại số.

### **2.3.2. Các nhân tố chủ quan**

#### *Một là, vai trò và năng lực của các chủ thể giáo dục*

Các chủ thể giáo dục bao gồm giảng viên, nhà trường, tổ chức Đoàn - Hội và gia đình, giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Trong đó, giảng viên là người định hướng trực tiếp, truyền cảm hứng và làm gương cho sinh viên thông qua nhân cách, phong cách giảng dạy và ứng xử trên không gian mạng. Năng lực sư phạm số của giảng viên - tức khả năng vận dụng công nghệ vào quá trình dạy học, tương tác và hướng dẫn sinh viên qua các nền tảng trực tuyến - quyết định phần lớn chất lượng giáo dục đạo đức trong bối cảnh mới. Nhà trường giữ vai trò tổ chức, quản lý và tạo dựng môi trường học tập nhân văn, dân chủ, nơi đạo đức được coi là giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động. Các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên là lực lượng tiên phong, biến lý thuyết đạo đức thành hành động thực tiễn thông qua các phong trào, hoạt động tình nguyện, chiến dịch truyền thông số lan tỏa giá trị tích cực. Gia đình - với tư cách là nền tảng đạo đức đầu tiên - cần phối hợp cùng nhà trường trong việc định hướng, đồng hành và theo dõi quá trình rèn luyện đạo đức của sinh viên. Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các chủ thể này tạo thành “tam giác giáo dục đạo đức” hiệu quả và bền vững trong môi trường số.

#### *Hai là, nhận thức, thái độ và năng lực tự giáo dục của sinh viên*

Sinh viên không chỉ là đối tượng được giáo dục mà còn là chủ thể tự giáo dục, tự rèn luyện và phát triển bản thân. Trong thời đại chuyển đổi số, sinh viên có cơ hội tiếp cận nguồn tri thức vô hạn nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với “nhiều loạn thông tin” và nhiều cám dỗ từ không gian mạng. Vì vậy, nhận thức và thái độ đúng đắn đóng vai trò quyết định: sinh viên cần có khả năng chọn lọc, phản biện và đánh giá thông tin, không tiếp nhận thụ động hay chạy theo trào lưu lệch chuẩn. Năng lực tự học, tự rèn luyện đạo đức của sinh viên thể hiện qua việc biết đặt mục tiêu sống có ý nghĩa, tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, hoặc các dự án cộng đồng nhằm chuyển hóa nhận thức đạo đức thành hành động thực tế. Một sinh viên có bản

lĩnh, ý thức tự trọng và tinh thần trách nhiệm sẽ là trung tâm lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống trong cả môi trường học đường và không gian số.

*Ba là, nội dung và phương pháp giáo dục của nhà trường*

Hiệu quả giáo dục giá trị đạo đức truyền thống phụ thuộc lớn vào chất lượng nội dung và phương pháp triển khai. Nội dung giáo dục cần được thiết kế theo hướng tích hợp, cập nhật và gắn gũi với thực tiễn sống của sinh viên - không chỉ dừng ở lý thuyết về “đạo đức học”, mà còn thể hiện qua các chủ đề liên quan đến ứng xử văn hóa mạng, trách nhiệm công dân số, hay hành vi đạo đức trong không gian trực tuyến. Về phương pháp, nhà trường cần chuyển từ cách truyền thụ một chiều sang mô hình giáo dục tương tác, trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số. Các phương pháp như học qua tình huống mô phỏng, học qua dự án, diễn đàn trực tuyến, hay storytelling (kể chuyện đạo đức bằng video, podcast) giúp sinh viên tiếp nhận giá trị truyền thống một cách sinh động, tự nhiên và có chiều sâu. Bên cạnh đó, việc đánh giá đạo đức cần được thực hiện toàn diện - kết hợp giữa kết quả học tập, thái độ ứng xử, hoạt động cộng đồng và tương tác trên nền tảng số.

*Bốn là, văn hóa học đường và môi trường giáo dục số*

Văn hóa học đường là yếu tố nền tảng tạo nên “khí chất đạo đức” của sinh viên. Một môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, nhân văn, khuyến khích tinh thần tôn trọng, chia sẻ và sáng tạo sẽ góp phần hình thành nhân cách tốt. Trong bối cảnh chuyển đổi số, văn hóa học đường không chỉ hiện hữu trong không gian vật lý mà còn mở rộng sang không gian mạng học thuật, nơi sinh viên trao đổi học tập, tham gia diễn đàn và thể hiện thái độ. Nếu nhà trường không có cơ chế quản lý, định hướng hoặc quy tắc ứng xử số rõ ràng, sinh viên dễ sa vào các hành vi tiêu cực như sao chép học thuật, phát ngôn thiếu chuẩn mực hoặc vi phạm quyền riêng tư người khác. Ngược lại, một môi trường giáo dục số được thiết kế khoa học - có quy tắc ứng xử mạng, có cơ chế phản hồi hai chiều, có hệ thống hỗ trợ đạo đức học tập - sẽ khuyến khích sinh viên phát triển năng lực đạo đức số: biết ứng xử có trách nhiệm, tôn trọng sự khác biệt, và lan tỏa năng lượng tích cực trong học tập và cuộc sống.

Các yếu tố chủ quan từ năng lực của chủ thể giáo dục, nhận thức và bản lĩnh của sinh viên, cho đến nội dung, phương pháp và môi trường học tập - có mối quan hệ gắn bó, bổ trợ lẫn nhau. Đây là hệ thống nhân tố “nội sinh” quyết

định chất lượng và hiệu quả của quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong thời đại chuyển đổi số. Chỉ khi các yếu tố này được phát huy đồng bộ, giáo dục đạo đức mới thực sự trở thành động lực nuôi dưỡng nhân cách, trí tuệ và bản lĩnh của sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên số.

### **Tiểu kết chương 2**

Trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, trong Chương này, tác giả đã tập trung luận giải một cách hệ thống những vấn đề lý luận cốt lõi về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Giá trị, đạo đức truyền thống, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống và chuyển đổi số không phải là những phạm trù riêng biệt, mà gắn bó chặt chẽ và có tác động, chuyển hóa lẫn nhau trong sự phát triển xã hội ngày nay.

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống là một quá trình tác động có mục đích, có tổ chức và có định hướng, thông qua hoạt động sư phạm, chính trị - xã hội và môi trường văn hóa, nhằm hình thành và củng cố ở sinh viên hệ giá trị đạo đức bền vững của dân tộc Việt Nam: lòng yêu nước, tinh thần tự lực - tự cường, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, cần cù, sáng tạo và biết ơn. Trong kỷ nguyên số, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không chỉ mang chức năng bảo tồn giá trị, mà còn có nhiệm vụ chuyển hóa, tái sinh và phát huy các giá trị ấy thông qua những phương thức giáo dục hiện đại, kết hợp giữa giáo dục trực tiếp và giáo dục số hóa, giữa truyền thống và công nghệ, giữa lý tưởng dân tộc và năng lực công dân toàn cầu.

Trên nền tảng lý luận đó, tác giả đã làm rõ những cơ sở lý luận, các khái niệm cơ bản, nội dung, chủ thể và phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời xác định hệ thống các yếu tố ảnh hưởng, gồm nhóm yếu tố khách quan (bối cảnh chuyển đổi số, toàn cầu hóa, môi trường xã hội, chính sách và định hướng của Nhà nước) và nhóm yếu tố chủ quan (vai trò chủ thể giáo dục, nhận thức - thái độ của sinh viên, nội dung - phương pháp giảng dạy, văn hóa học đường). Sự tương tác biện chứng giữa hai nhóm yếu tố này quyết định hiệu quả và chiều sâu của quá trình giáo dục đạo đức; qua đó, góp phần hình thành nhân cách sinh viên Việt Nam trong thời đại mới - những công dân có tri thức, năng lực số, và nền tảng giá trị nhân văn vững chắc.

### Chương 3

## GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

### 3.1. Khái quát về sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay

#### 3.1.1. Vài nét về sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thủ đô Hà Nội - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học và giáo dục của cả nước đồng thời là cơ sở giáo dục đại học - cao đẳng lớn nhất Việt Nam. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), trên địa bàn thành phố có 97 trường đại học, học viện và 33 trường cao đẳng, chiếm gần 1/3 tổng số cơ sở giáo dục đại học - cao đẳng của cả nước, với khoảng 700.000 sinh viên, tương đương 40% tổng số sinh viên Việt Nam [146]. Con số này phản ánh vai trò trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô trong chiến lược phát triển quốc gia. Đây không chỉ là nơi đào tạo cán bộ, chuyên gia, trí thức cho đất nước mà còn là địa bàn thử nghiệm các mô hình giáo dục tiên tiến, các chương trình chuyển đổi số trong giáo dục và quản lý đại học.

Với mật độ trường học đông đảo, Hà Nội trở thành môi trường học thuật hội tụ của sinh viên đến từ mọi miền Tổ quốc. Điều đó tạo nên một cộng đồng học tập và giao lưu văn hóa đa dạng, sinh viên ở đây vừa mang đặc trưng của đô thị, vừa phản ánh bản sắc vùng miền trên nền giá trị văn hóa Việt Nam thống nhất. Sự đa dạng ấy khiến sinh viên Hà Nội trở thành “bức tranh thu nhỏ của thanh niên Việt Nam trong thời kỳ hội nhập”, nơi các giá trị truyền thống và hiện đại giao thoa mạnh mẽ. Từ góc độ xã hội học, đây là môi trường văn hóa - giáo dục có tính đại diện cao, giúp phản ánh rõ rệt những xu hướng biến đổi trong nhận thức, hành vi và hệ giá trị đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay. Mặt khác, Hà Nội cũng là nơi chịu tác động sớm và mạnh mẽ nhất của tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo với kho dữ liệu mở, các nền tảng quản lý, nghiên cứu, dạy và học trực tuyến, được đẩy mạnh trong hầu hết các cơ sở đào tạo. Nhờ vậy, sinh viên Hà Nội có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận tri thức hiện đại, trau dồi kỹ năng số, và tham gia môi trường học tập mở. Cùng với những lợi thế là những thách thức gắn liền với bối cảnh xã hội mới và sự xâm nhập của

các giá trị văn hóa ngoại lai trong thời đại công nghệ và toàn cầu hoá. Điều này đòi hỏi công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống phải được nhìn nhận như một nhu cầu cấp thiết, giúp sinh viên có bản lĩnh, lập trường vững vàng trước những biến động nhanh chóng của xã hội số.

Sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội là lực lượng xã hội trẻ, năng động, có trình độ học vấn cao và là nhóm chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ quá trình đô thị hóa và cách mạng khoa học công nghệ. Họ không chỉ là sản phẩm của nền giáo dục hiện đại, mà còn là chủ thể sáng tạo trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số, định hình hệ giá trị đạo đức và văn hóa mới trong xã hội công nghệ ngày nay.

### ***3.1.2. Đặc điểm của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội***

Sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội, trước hết, mang những đặc điểm chung của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Đó là lực lượng trí thức trẻ có trình độ học vấn ngày càng cao, có khả năng tiếp cận nhanh với tri thức và công nghệ hiện đại, có tư duy năng động, sáng tạo và khả năng thích ứng linh hoạt với những biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội. Đồng thời, sinh viên cả nước nói chung đang chuyển dần từ vị thế tiếp nhận tri thức thụ động sang chủ động học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm công dân và khát vọng cống hiến. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường và truyền thông số phát triển mạnh mẽ, sinh viên cũng chịu tác động đa chiều đến nhận thức, lối sống và hệ giá trị, thể hiện qua sự đan xen giữa các giá trị truyền thống và hiện đại.

*Thứ nhất, học tập trong môi trường giáo dục đại học chất lượng cao, gắn chặt với không gian số.*

Hà Nội là trung tâm giáo dục lớn của cả nước, tập trung nhiều cơ sở đào tạo hàng đầu, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận tri thức hiện đại, học liệu số và môi trường học thuật tiên tiến. Sinh viên không chỉ được học tập trong điều kiện cơ sở vật chất tốt, đội ngũ giảng viên trình độ cao mà còn có nhiều cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo, diễn đàn học thuật và các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Đáng chú ý, môi trường học tập của sinh viên Hà Nội gắn bó mật thiết với công nghệ và không gian số. Đa số sinh viên ở Hà Nội sử dụng thành thạo các công cụ số để tra cứu tài liệu, làm bài tập, trình bày kết quả nghiên cứu

qua các nền tảng trực tuyến hoặc thiết kế sản phẩm học thuật số (video, infographic, podcast, bài thuyết trình tương tác...), đồng thời giao tiếp, phối hợp học tập trên nhiều kênh số khác nhau. Công nghệ với họ không chỉ là phương tiện phụ trợ mà đã trở thành môi trường học tập thường xuyên, định hình phương thức tư duy và cách thức tương tác học thuật đây là khác biệt căn bản giữa thế hệ sinh viên hiện nay với các thế hệ trước.

Kết quả khảo sát tại 6 trường đại học của tác giả làm rõ đặc điểm này: sinh viên các trường được khảo sát cho thấy sự gắn bó mật thiết với không gian số: Kết quả khảo sát cho thấy chỉ 0,1% sinh viên sử dụng mạng xã hội dưới 1 giờ/ngày, trong khi 34,5% sử dụng từ 3-5 giờ và 43,8% sử dụng trên 5 giờ mỗi ngày; các mục đích sử dụng chủ yếu là giải trí (94,9%), học tập (88%) và theo dõi tin tức (81,8%) [Phụ lục]. Những số liệu này cho thấy môi trường số đã trở thành không gian học tập và xã hội hóa quan trọng của sinh viên. Ở mặt tích cực, truyền thông số giúp sinh viên mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, giao lưu văn hóa, học hỏi kỹ năng, tham gia các hoạt động xã hội, quảng bá hình ảnh cá nhân và kết nối cộng đồng trên quy mô toàn cầu. Đây là điều kiện thuận lợi để sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, truyền thông số cũng là môi trường tác động rất phức tạp khiến sinh viên dễ bị cuốn vào các trào lưu lệch chuẩn, lối sống thực dụng hoặc các xu hướng phản văn hóa. Không ít biểu hiện xuống cấp trong ứng xử trực tuyến cho thấy sự thiếu hụt về đạo đức số và năng lực tự kiểm soát hành vi trong môi trường truyền thông toàn cầu.

*Thứ hai, sự đa dạng cao về nguồn gốc xã hội, văn hóa và vùng miền, tạo nên môi trường giao thoa giá trị văn hoá phong phú.*

Là trung tâm giáo dục lớn, Hà Nội thu hút sinh viên đến từ khắp các tỉnh, thành trong cả nước, mang theo những đặc trưng riêng về văn hóa, lối sống, phong tục và hệ giá trị đa dạng. Sự hội tụ này tạo nên môi trường học tập đa dạng, nơi các hệ giá trị không tồn tại tách biệt mà luôn vận động và tương tác, có cả sự giao thoa, va chạm và tái cấu trúc các giá trị trong đời sống sinh viên. Sự đa dạng về văn hóa, vùng miền, giữa truyền thống và hiện đại, giữa địa phương và toàn cầu tạo nên môi trường học tập đa dạng làm cho hệ giá trị của sinh viên không còn mang tính đơn tuyến mà chuyển sang cấu trúc mở, linh hoạt và đa chiều.

Đồng thời, môi trường văn hóa Thăng Long - Hà Nội với truyền thống nghìn năm văn hiến cũng giữ vai trò như một “trục điều tiết giá trị” trong không gian đa dạng đó. Những chuẩn mực như thanh lịch, tinh tế, tôn trọng kỷ cương và ý thức cộng đồng không chỉ được duy trì mà còn lan tỏa, góp phần định hướng và chuẩn hóa hành vi của sinh viên trong quá trình giao thoa văn hóa.

Tuy nhiên, chính sự đa dạng và giao thoa này cũng đặt ra yêu cầu đối với sinh viên trong việc chủ động lựa chọn, sàng lọc và định hình hệ giá trị cá nhân. Đây thực chất là quá trình tự kiến tạo bản sắc của giới trẻ trong bối cảnh xã hội luôn có những thay đổi nhanh chóng, đồng thời là nền tảng quan trọng hình thành nên hệ giá trị đạo đức đa tầng của sinh viên Hà Nội trong thời đại chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

*Thứ ba, có tư duy độc lập, năng động, sáng tạo và khả năng thích ứng nhanh với môi trường số.*

Sinh viên Hà Nội ngày càng thể hiện rõ vai trò là chủ thể tích cực trong quá trình học tập và sáng tạo tri thức. Họ không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia sản xuất, chia sẻ và lan tỏa nội dung trên không gian số. Tại các cơ sở đào tạo lớn như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đại học Ngoại thương..., sinh viên bắt đầu chuyển từ vị thế “người tiếp nhận thụ động” sang “chủ thể kiến tạo tri thức”. Tính chủ động, sáng tạo của sinh viên được thể hiện thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, các cuộc thi đổi mới sáng tạo, các dự án khởi nghiệp xã hội và rất nhiều phong trào phục vụ cộng đồng. Khảo sát 5 trường Đại học cho thấy 78,9% sinh viên mong muốn đổi mới giáo dục theo hướng ứng dụng số; đáng chú ý, 28,3% “đồng ý” và 34,2% “rất đồng ý” rằng họ đã từng sáng tạo hoặc chia sẻ các nội dung tích cực về giá trị đạo đức truyền thống (điểm trung bình 3,81/5). Điều này cho thấy sinh viên đã bước đầu chuyển từ vai trò tiếp nhận sang vai trò kiến tạo và lan tỏa giá trị trong môi trường số [Phụ lục].

Bên cạnh đó, khả năng thích ứng linh hoạt với các hình thức học tập và làm việc (trực tiếp - trực tuyến, truyền thống - số hóa) là một lợi thế nổi bật của sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số, cũng như khả năng tích hợp nhiều nền tảng số trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hành nghề

nghiệp. Chính năng lực thích ứng này giúp sinh viên không chỉ trụ vững trong môi trường học thuật ngày càng cạnh tranh mà còn nhanh chóng hòa nhập với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại.

*Thứ tư, có ý thức xã hội và tinh thần cộng đồng cao nhưng đồng thời chịu áp lực từ đời sống hiện đại.*

Trong quá trình học tập và sinh hoạt, sinh viên Thủ đô Hà Nội thể hiện sự gương mẫu trong các hoạt động tập thể, sẵn sàng tham gia các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng và hành động vì lợi ích chung như: “Sinh viên với biển đảo Tổ quốc” “Sinh viên Việt Nam, những câu chuyện đẹp”; “Tuổi trẻ Việt Nam - Câu chuyện hòa bình”; “Tiếp sức mùa thi”; Chiến dịch sinh viên tình nguyện “Mùa hè xanh”; Cuộc thi ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên “Start - up Student Ideas”; Hội thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên toàn quốc; Hội thi “Thủ lĩnh sinh viên” toàn quốc, “Hiến máu nhân đạo”, “Chủ nhật xanh” [109], các hoạt động bảo vệ môi trường, chuyển đổi số cộng đồng... đã trở thành hoạt động quen thuộc và thường xuyên đối với sinh viên Thủ đô. Những hoạt động này không chỉ góp phần rèn luyện nhân cách cho sinh viên mà còn lan tỏa các giá trị nhân văn, tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức truyền thống trong không gian đô thị hiện đại. Kết quả khảo sát với 5 trường Đại học của tác giả cho thấy xu hướng này tương đối rõ nét. Có 39,4% sinh viên “rất đồng ý” và 24,5% “đồng ý” rằng bản thân đã từng tham gia các hoạt động thiện nguyện, cộng đồng, câu lạc bộ có yếu tố giá trị đạo đức truyền thống, với điểm trung bình đạt 3,9/5. Gần 64% sinh viên đã có sự tham gia tích cực vào các hoạt động hướng tới cộng đồng và giá trị đạo đức truyền thống. Tuy nhiên, vẫn còn 26,6% sinh viên ở mức trung lập và khoảng 9,5% không đồng ý hoặc rất không đồng ý, cho thấy một bộ phận sinh viên chưa thực sự tích cực tham gia các hoạt động xã hội [Phụ lục].

Tuy nhiên, khi học tập tại nơi được coi là phát triển nhất, sinh viên các trường Đại học Hà Nội cũng chính là nhóm chịu nhiều tác động mạnh mẽ từ mặt trái của kinh tế thị trường và truyền thông số hay đơn giản sự cạnh tranh gay gắt trong học tập, việc làm cao hơn những nơi khác. Áp lực thành công, nhịp sống đô thị cùng sự chi phối của công nghệ và các thông tin đa chiều khiến không ít sinh viên rơi vào trạng thái căng thẳng tâm lý, hoang mang về

giá trị, thậm chí khủng hoảng niềm tin. Trong bối cảnh đó, các quan hệ xã hội có xu hướng trở nên lỏng lẻo hơn, giá trị vật chất dễ lấn át các giá trị tinh thần, làm suy giảm dần năng lực đồng cảm, lòng nhân ái và tinh thần cộng đồng - những giá trị cốt lõi của đạo đức truyền thống Việt Nam. Chính điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong nhà trường, nhằm tạo ra “cơ chế cân bằng” giúp sinh viên vừa phát triển năng lực vừa giữ gìn cốt cách nhân văn - nền tảng để hình thành con người Việt Nam trong thời đại mới.

*Thứ năm, có hệ giá trị đạo đức đa tầng, thể hiện sự giao thoa giữa truyền thống dân tộc và hiện đại toàn cầu.*

Hiện nay, sinh viên Hà Nội vẫn thấm nhuần các giá trị đạo đức truyền thống cốt lõi của dân tộc Việt Nam như lòng yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, cần cù, trung thực, thủy chung, khiêm tốn và biết ơn. Kết quả khảo sát của tác giả thực hiện cho thấy nhận thức của sinh viên về giá trị đạo đức truyền thống ở mức rất cao: điểm trung bình tự đánh giá “hiểu rõ các giá trị đạo đức truyền thống” đạt 4,46/5; nhận định “các giá trị đạo đức truyền thống vẫn phù hợp trong bối cảnh hiện đại và chuyên đổi số” đạt 4,34/5; nhận định “các giá trị đạo đức truyền thống giúp định hướng suy nghĩ, hành vi và lối sống chuẩn mực” đạt 4,38/5. Đặc biệt, 4,2/5 là điểm trung bình cho mức độ sinh viên chủ động vận dụng các giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số [Phụ lục]. Những số liệu này khẳng định vai trò nền tảng và sức sống bền vững của các giá trị đạo đức truyền thống trong đời sống tinh thần của sinh viên Hà Nội hiện nay. Tuy nhiên song song với việc kế thừa các giá trị truyền thống, sinh viên Hà Nội cũng rất cởi mở trong việc tiếp nhận các giá trị văn hoá của thế giới và hội nhập quốc tế. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, họ đề cao các giá trị như sáng tạo, tự do cá nhân, bình đẳng giới, tinh thần khởi nghiệp, năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm công dân toàn cầu. Đây là biểu hiện rõ nét của quá trình toàn cầu hóa giá trị, nơi mỗi sinh viên không chỉ là công dân của một quốc gia mà còn là thành viên của cộng đồng nhân loại, có ý thức tham gia giải quyết các vấn đề chung như phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, hòa bình và hợp tác quốc tế. Chính sự giao thoa ấy đã hình thành nên một hệ

giá trị đạo đức đa tầng trong đời sống sinh viên. Trong cấu trúc đa tầng ấy hàm chứa những mâu thuẫn nội tại sâu sắc: Một mặt, sinh viên vẫn thừa nhận và trân trọng các giá trị đạo đức truyền thống; nhưng mặt khác, họ đồng thời chịu sự chi phối ngày càng mạnh của nền kinh tế thị trường và logic mới của môi trường số, nơi các giá trị về giá trị cuộc sống, bản sắc cá nhân hay sự nổi tiếng, lượt tương tác, và khả năng “tự quảng bá” thường được đề cao hơn chiều sâu nhân cách và đạo đức.

Đáng chú ý, trong bối cảnh đó đang xuất hiện những mâu thuẫn giữa hệ giá trị đạo đức truyền thống và logic của môi trường số. Nếu đạo đức truyền thống Việt Nam đề cao sự bền bỉ, nghĩa tình, trách nhiệm và chiều sâu nhân cách, thì môi trường số lại thường xuyên khuyến khích sự cởi mở, cạnh tranh hình ảnh, đo lường giá trị con người bằng mức độ chú ý và khả năng tạo ảnh hưởng. Sự va chạm giữa hai logic này, nếu không được định hướng đúng, có thể dẫn tới hiện tượng “hiện đại hóa lệch chuẩn” trong lối sống sinh viên: hiện đại về kỹ năng, nhưng mong manh về giá trị; năng động về hành vi, nhưng thiếu nền tảng đạo đức bền vững.

Chính vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay không chỉ là truyền đạt các giá trị đạo đức truyền thống, mà quan trọng hơn là giúp sinh viên hình thành năng lực lựa chọn giá trị, năng lực tự điều chỉnh hành vi và bản lĩnh đạo đức trong môi trường số. Đây thực chất là quá trình chuyển hóa các giá trị đạo đức truyền thống thành nền tảng nhân cách của công dân số, nhằm giúp sinh viên vừa làm chủ công nghệ, vừa không bị cuốn trôi trong những dòng chảy giá trị hỗn độn của không gian mạng; vừa hội nhập sâu rộng, vừa giữ được cốt cách văn hóa và bản lĩnh đạo đức của con người Việt Nam trong thời đại số.

Nhận diện đúng các đặc điểm của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong các cơ sở giáo dục đại học ở Hà Nội. Chỉ khi hiểu đúng sinh viên với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, nhận thức và hành vi của họ thì giáo dục đạo đức mới có thể đi vào chiều sâu, bảo đảm sức thuyết phục và tính bền vững, góp phần hình thành thế hệ công dân số Việt Nam vừa có tri thức, vừa có đạo đức, bản lĩnh và văn hóa.

## **3.2. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - những kết quả đạt được và nguyên nhân**

### **3.2.1. Những kết quả đạt được trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay**

#### *3.2.1.1. Kết quả đạt được từ các chủ thể giáo dục*

##### *Hệ thống chính trị*

Một trong những kết quả nổi bật trong công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội là sự định hướng nhất quán, toàn diện và kịp thời của hệ thống chính trị Việt Nam - từ Trung ương đến địa phương - đối với sự nghiệp giáo dục con người trong kỷ nguyên số.

*Thứ nhất*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác lập vai trò trung tâm của giáo dục và văn hóa trong chiến lược phát triển con người Việt Nam toàn diện. Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định một trong những đột phá chiến lược giai đoạn 2021- 2030 là: “Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hoá phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế; đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật” [17]. Đây là định hướng chính trị - tư tưởng có ý nghĩa nền tảng cho việc lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Đảng ta đặc biệt quan tâm đến phát huy giá trị nhân văn đạo đức, xây dựng phẩm chất, nhân cách của con người: “... trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” [19].

*Thứ hai*, Nhà nước đã cụ thể hóa quan điểm của Đảng bằng hệ thống chính sách như: Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên” đặt trọng tâm vào việc tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong chương trình giảng dạy, đồng thời khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số và mạng xã hội trong giáo dục giá trị đạo đức.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, xác định giáo dục - đào tạo là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu, hướng tới phát triển công dân số có đạo đức, tri thức và năng lực sáng tạo.

Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 phê duyệt “Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021- 2030” - định hướng toàn diện việc phát triển thế hệ trẻ vừa có bản lĩnh chính trị, vừa có đạo đức, tri thức và năng lực hội nhập.

Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về “Tăng cường xây dựng văn hóa học đường” đã được UBND thành phố Hà Nội triển khai sâu rộng, tập trung xây dựng trường học “xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện”, đồng thời phát huy vai trò gia đình và cộng đồng trong giáo dục văn hóa, đạo đức và hành vi ứng xử của sinh viên [71].

Đặc biệt, việc Quốc hội thông qua Nghị quyết số 162/2024/QH15 về “Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035” được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 162/2024/QH15 [63], và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cụ thể hóa, phê duyệt triển khai giai đoạn I (2025-2030) theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 25/9/2025 [5] với 9 mục tiêu tổng quát và 10 nội dung thành phần như phát triển con người Việt Nam có nhân cách và lối sống tốt đẹp, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh kết hợp với đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa nhằm khơi dậy giá trị truyền thống trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đây là nền tảng quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học ở Hà Nội tích hợp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giáo dục công dân số, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Theo kết quả khảo sát thực tiễn của tác giả luận án đối với sinh viên của các trường Đại học: Những định hướng chính trị - tư tưởng của Đảng và Nhà nước đã được chuyển tải tương đối hiệu quả. Đối với nhận định “các môn lý luận chính trị, các buổi học tập, quán triệt nghị quyết giúp hiểu sâu hơn hệ giá trị đạo đức dân tộc”, điểm trung bình đạt 4,27/5; trong đó 81,4% sinh viên lựa chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý”, chỉ 3,7% không đồng ý [Phụ lục]. Kết quả này phần nào cho thấy các học phần lý luận chính trị không chỉ giữ vai

trò trang bị thể giới quan, phương pháp luận khoa học cho sinh viên mà còn là kênh giáo dục trực tiếp, quan trọng trong việc hình thành và củng cố hệ giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Thứ ba*, các tổ chức chính trị - xã hội như Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam đã đóng vai trò cầu nối giữa chính sách vĩ mô và thực tiễn giáo dục. Thông qua rất nhiều các phong trào cho sinh viên như “Sinh viên 5 tốt”, “Thanh niên tình nguyện vì cộng đồng”, “Xây dựng văn hóa học đường trong thời đại số”, “Về nguồn”, hoặc các chiến dịch Tri ân vào các ngày lễ lớn... đã góp phần đưa các giá trị đạo đức truyền thống - yêu nước, nhân ái, trách nhiệm, trung thực, sáng tạo - trở thành những chuẩn mực hành vi cụ thể trong đời sống sinh viên.

Hệ thống chính trị Việt Nam đã và đang kiến tạo một hành lang tư tưởng, chính sách và pháp lý đồng bộ, thống nhất, vừa bảo đảm tính định hướng chiến lược, vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Sự kết hợp giữa định hướng chính trị vĩ mô và hành động cụ thể ở cấp cơ sở tạo nên một hệ sinh thái giáo dục giá trị đạo đức truyền thống toàn diện, trong đó sinh viên Hà Nội vừa được thụ hưởng các điều kiện học tập hiện đại, vừa được bồi dưỡng phẩm chất đạo đức - văn hóa, trở thành những công dân số có tri thức, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội cao.

#### *Các trường đại học*

Các trường đại học và học viện giữ vị trí chủ thể trung tâm trong việc tổ chức, triển khai và lan tỏa giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Với lực lượng nòng cốt - Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên sinh viên - tạo thành “tam giác định hướng - tổ chức - phong trào”, vừa đảm bảo tính chính trị, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phương thức giáo dục giá trị truyền thống phù hợp với thời đại số.

*Thứ nhất* là vai trò định hướng của Đảng ủy và vai trò tổ chức, điều hành của Ban Giám hiệu trong việc quán triệt, cụ thể hóa và triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng con người Việt Nam thời kỳ mới. Đảng ủy chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, đoàn thể và phòng ban phối hợp triển khai giáo dục giá trị đạo đức truyền thống gắn với chuyển đổi số, bảo đảm sự đồng bộ giữa giáo dục tri thức - đạo đức - văn hóa - chính trị. Ban Giám hiệu giữ vai trò tổ chức, điều hành và giám sát thực thi, xây dựng chiến

lược phát triển văn hóa học đường gắn với công nghệ, ban hành các kế hoạch cụ thể về giáo dục giá trị đạo đức, và tích hợp nội dung này vào chương trình đào tạo, sinh hoạt chính trị - tư tưởng và các hoạt động ngoại khóa. Nhiều trường đại học đã chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình “giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trên nền tảng số”, tận dụng hệ thống học liệu điện tử, mạng xã hội, công thông tin, fanpage khoa, ứng dụng nội bộ để lan tỏa các giá trị dân tộc bằng ngôn ngữ hiện đại.

Kết quả khảo sát của tác giả cho thấy vai trò của nhà trường trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống được sinh viên đánh giá ở mức cao và khá đồng thuận. Cụ thể, đối với nhận định “việc học tập, rèn luyện tại các trường đại học giúp sinh viên hiểu rõ và trân trọng hơn các giá trị đạo đức truyền thống”, điểm trung bình đạt 4,33, với 83,3% sinh viên lựa chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý”. Đối với nhận định “hiện nay các trường đại học có lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào các học phần, chương trình đào tạo hoặc hoạt động ngoại khóa”, điểm trung bình đạt 4,29, với 83,6% sinh viên đồng ý và rất đồng ý [Phụ lục]. Những số liệu này khẳng định các trường đại học tại Hà Nội đã chủ động, tích cực tích hợp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong chương trình đào tạo và hoạt động sinh viên, từng bước thích ứng với yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, khảo sát cũng cho thấy 85% sinh viên cho biết họ thường xuyên tiếp cận các nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng và truyền thống dân tộc thông qua các học phần lý luận chính trị và các đợt sinh hoạt công dân; 76% sinh viên đánh giá cao vai trò chỉ đạo, tổ chức và truyền thông của Ban Giám hiệu trong việc lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trên nền tảng số. Trên thang đo Likert 1-5, mức độ tác động trung bình đạt 3,4-3,5 điểm, phản ánh hiệu quả bước đầu tích cực của mô hình giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống gắn với chuyển đổi số trong các trường đại học tại Hà Nội [Phụ lục]

Cụ thể, tại các trường như Học viện Báo chí và Tuyên truyền: Đảng ủy và Ban Giám đốc xác định giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa ứng xử và kỹ năng truyền thông số là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Các nội dung này được lồng ghép xuyên suốt trong chương trình đào tạo và tuần sinh hoạt công dân, giúp sinh viên nhận thức rõ giá trị đạo đức truyền thống thông qua

trải nghiệm học tập hiện đại. Tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội: Hoạt động sinh hoạt dưới cờ tại Khu tượng đài “Cán bộ, sinh viên lên đường bảo vệ Tổ quốc” được tổ chức định kỳ 3 buổi/tuần. Đây là không gian biểu tượng giáo dục truyền thống, giúp sinh viên mới hiểu về lịch sử, tự hào dân tộc và giá trị đạo đức cách mạng. GS.TS. Lê Anh Tuấn, Bí thư Đảng ủy nhà trường khẳng định: “Giáo dục về truyền thống văn hóa chính là hỗ trợ cho các em về kỹ năng, đồng thời cũng thực hiện sứ mệnh của Đại học Bách khoa Hà Nội đó là gìn giữ truyền thống văn hóa của dân tộc và định hướng sự phát triển bản thân cho các em sinh viên” [99].

Có thể thấy chính nhờ sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu, nhiều trường đại học tại Hà Nội đã hình thành “hệ sinh thái đạo đức học đường số hóa”, nơi sinh viên vừa tiếp nhận giá trị truyền thống qua các nền tảng trực tuyến, vừa được trải nghiệm, thảo luận, lan tỏa và thực hành trong đời sống học tập - xã hội.

*Thứ hai*, vai trò phong trào của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên là kênh quan trọng chuyển hóa các giá trị đạo đức truyền thống từ nhận thức sang hành động thực tiễn. Thông qua các phong trào và dự án như “Sinh viên 5 tốt”, “Mùa hè xanh”, “Hành trình về nguồn”, “Hiến máu tình nguyện”, “Sinh viên với biển đảo quê hương”, Sinh viên Việt Nam, những câu chuyện đẹp”; “Tuổi trẻ Việt Nam - Câu chuyện hòa bình” ... các tổ chức đoàn - hội đã biến giáo dục đạo đức thành trải nghiệm sống động.

Kết quả khảo sát cho thấy, 83% sinh viên đồng ý rằng các phong trào tình nguyện, câu lạc bộ học thuật và chiến dịch truyền thông xã hội giúp họ rèn luyện các giá trị yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học và sáng tạo; 81% đánh giá cao việc ứng dụng công nghệ và mạng xã hội (video ngắn, infographic, podcast, fanpage...) để lan tỏa các giá trị đạo đức. Mức độ tham gia trung bình đạt 3,5/5, trong đó nhóm ngành khoa học xã hội-nhân văn cao hơn nhóm kỹ thuật - kinh tế [Phụ lục].

Sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy - Ban Giám hiệu - Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã hình thành một mô hình quản trị giáo dục giá trị đạo đức truyền thống mang tính hệ thống và thích ứng cao với bối cảnh chuyển đổi số. Trong mô hình này, Đảng ủy giữ vai trò định hướng tư tưởng-chính trị; Ban Giám hiệu điều hành, thiết kế và giám sát thực thi; Đoàn Thanh niên -

Hội Sinh viên là lực lượng truyền cảm hứng, kết nối sinh viên thông qua hành động thực tiễn. Sự kết hợp này tạo nên “trục dọc” định hướng tổ chức phong trào và “trục ngang” lan tỏa, trải nghiệm, số hóa, qua đó hình thành hệ sinh thái giáo dục giá trị đạo đức truyền thống toàn diện, vừa bảo tồn căn tính văn hóa dân tộc, vừa nuôi dưỡng đạo đức số, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của sinh viên Hà Nội trong kỷ nguyên hội nhập.

#### *Đội ngũ giảng viên*

Giảng viên là chủ thể không chỉ trao truyền tri thức, mà còn là người kiến tạo chuẩn mực giá trị, định hướng nhân cách và truyền cảm hứng sống có trách nhiệm, hạt nhân chuyển hóa các giá trị truyền thống của dân tộc cho các bạn sinh viên. Kết quả khảo sát được thực hiện của tác giả tại 5 trường đại học trọng điểm cho thấy nhận định “giảng viên thường xuyên đề cập đến các giá trị đạo đức truyền thống trong nội dung giảng dạy” có điểm trung bình 4,23; hơn 81% sinh viên lựa chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý”. Nhận định “giảng viên là tấm gương về thái độ, cách ứng xử và hành vi đạo đức để sinh viên noi theo” đạt điểm trung bình 4,38, với 84,6% sinh viên đồng ý hoặc rất đồng ý [Phụ lục]. Điều đó cho thấy, giảng viên không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn giữ vai trò nêu gương và truyền cảm hứng đạo đức cho sinh viên trong toàn bộ quá trình dạy - học. Vai trò này thể hiện qua một số phương diện cơ bản sau:

*Một là*, giảng viên chủ động tích hợp giá trị đạo đức truyền thống vào chương trình đào tạo và bài giảng.

Việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không còn chỉ dừng lại ở các môn lý luận chính trị, mà đã được lồng ghép vào nhiều học phần thuộc các khối ngành khác nhau. Thông qua việc thường xuyên đề cập đến các giá trị yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, trách nhiệm xã hội... trong nội dung giảng dạy - như kết quả khảo sát đã nêu với mức đồng thuận trên 81% giảng viên góp phần đưa các giá trị truyền thống trở thành “ngôn ngữ chung” trong không gian học thuật. Cách lồng ghép thể hiện cũng có sự đa dạng và khác biệt giữa các nhóm trường:

Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các học phần như Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đạo đức báo chí không chỉ trang bị các giá trị cách mạng và đạo đức dân tộc, mà còn đặt sinh viên vào tình huống nghề

nghiệp cụ thể. Trong đó, một số giá trị đạo đức truyền thống đã, đang được chuyển hóa trực tiếp thành đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

Ở Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, các môn như Lịch sử Việt Nam hiện đại, Nhân học văn hóa, Văn hóa Việt Nam giúp sinh viên hiểu sự hình thành và biến đổi của các giá trị truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, đạo lý “thương người như thể thương thân”. Giảng viên không dừng ở việc khẳng định giá trị cũ, mà phát triển, mở rộng những giá trị ấy còn ý nghĩa như thế nào trong xã hội toàn cầu hóa và công nghệ số. Qua đó, sinh viên được tiếp thu đạo đức truyền thống không phải theo lối áp đặt, mà theo hướng tự ý thức, tự lựa chọn, và gắn mình với các giá trị chuẩn mực.

Ở Đại học Sư phạm Hà Nội, các khoa Giáo dục Chính trị, Tâm lý - Giáo dục, Giáo dục Tiểu học... coi giáo dục đạo đức truyền thống như nền tảng của nghề giáo. Các học phần như Đạo đức nhà giáo, Phương pháp giáo dục giá trị sống thường yêu cầu sinh viên phân tích các tình huống sư phạm thực tế (xung đột giá trị, bạo lực học đường, hành vi lệch chuẩn trên mạng xã hội, ứng xử giữa thầy - trò trong thời đại mạng mở...), từ đó rèn năng lực giải quyết các vấn đề “bằng đạo đức”, chứ không chỉ “nhắc lại đạo đức”.

Ở các trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Ngoại thương, nội dung đạo đức truyền thống được giảng viên đưa vào dưới dạng “đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội của công dân tri thức”. Ngày nay, sinh viên các trường kỹ thuật cũng được yêu cầu tham gia dự án vì cộng đồng nhiều hơn qua đó biến việc thực hành nghề của mình theo các giá trị như yêu nước, cống hiến cho đất nước thành hành động cụ thể, mang tính phục vụ xã hội. Tại Đại học Ngoại thương, những học phần như Văn hóa doanh nghiệp, Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội đã phân tích các trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ứng xử với môi trường, người lao động, cộng đồng. Ở đây, những giá trị truyền thống như “nghĩa tình - thủy chung - hiếu nghĩa” được chỉ ra như là nền tảng đạo đức của văn hóa kinh doanh - là điều kiện tạo niềm tin xã hội và tính bền vững của doanh nghiệp trong cạnh tranh toàn cầu. Cũng qua các bài giảng, giảng viên đã chuyển hoá những giá trị đạo đức truyền thống từ lòng yêu nước, nhân ái, đoàn kết... sang hành động cụ thể thời đại số như bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng, truyền thông có trách nhiệm, kỹ thuật vì

cộng đồng... Nhờ đó, sinh viên không cảm thấy đạo đức là một phần ngoại biên, mà là tiêu chuẩn cơ bản để làm người, làm nghề.

*Hai là*, giảng viên là tấm gương đạo đức sống động - chuẩn mực được nhìn thấy, chứ không chỉ được nghe thấy.

Kết quả khảo sát của tác giả thực hiện nội dung sinh viên đánh giá giảng viên là tấm gương về thái độ, cách ứng xử và hành vi đạo đức với điểm trung bình 4,38/5 và 84,6% - cho thấy “thân giáo” vẫn là kênh tác động mạnh mẽ nhất. Theo đó, đối với sinh viên, giảng viên có uy tín không chỉ ở tri thức mà còn ở nhân cách. Điều này rất gần với tư tưởng Hồ Chí Minh: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn trăm bài diễn văn tuyên truyền” [54].

Ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, giảng viên được sinh viên nhìn nhận như hình mẫu nghề nghiệp với những những hoạt động cơ bản như phong cách ứng xử, chuẩn mực ngôn ngữ, văn hóa phản hồi sư phạm, kỷ luật giờ giấc... những điều này cũng được sinh viên thực hành trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm. Bên cạnh đó, các giá trị đạo đức truyền thống cũng được chuyển hóa vào hình ảnh người thầy thời đại số: năng động, am hiểu công nghệ, nhưng vẫn rất truyền thống, mô phạm, nhân văn, nhân ái, tự trọng nghề cao.

Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền giảng viên không chỉ dạy đạo đức ở các các học phần đặc thù về đạo đức nghề nghiệp như Đạo đức học, Đạo đức nhà báo; Đạo đức công vụ... mà còn định hướng giáo dục các giá trị đạo đức gắn liền với môi trường số hiện nay thông qua những hành động đơn giản như thể hiện quan điểm đúng đắn trước các vấn đề xã hội, biết bảo vệ người tốt, đứng về phía lẽ phải, hay chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhất là trên không gian mạng... Giáo dục về các giá trị đạo đức không chỉ ở lý luận đơn thuần mà còn ở cách tham gia và sử dụng quyền lực cộng đồng trong thời đại số. Sinh viên ngày nay không chỉ học từ giáo trình khô khan, mà còn học từ chính các giảng viên trong bối cảnh số hoá, nói cách khác: ứng xử chuẩn mực của giảng viên sẽ trở thành “mẫu hình đạo đức số” mà sinh viên được tiếp cận.

*Ba là*, giảng viên đổi mới phương pháp sư phạm theo hướng chuyển đổi số, biến giáo dục đạo đức từ nghe giảng sang trải nghiệm, tham gia và sáng tạo và phát triển đạo đức truyền thống.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giảng viên không chỉ thuyết giảng về đạo đức một chiều mà còn kiến tạo môi trường để sinh viên tự trải nghiệm, tự lựa chọn và tự chịu trách nhiệm về các quyết định thể hiện giá trị đạo đức của mình. Các công cụ như Kahoot, Quizizz, Mentimeter, lớp học ảo, diễn đàn học tập trực tuyến, hệ thống LMS... được sử dụng để xây dựng tình huống, tranh luận, phản biện về những vấn đề đạo đức trong học tập, nghề nghiệp và đời sống số. Qua đó, các chuẩn mực đạo đức truyền thống được đặt trong những bối cảnh mới, sinh viên suy nghĩ, phân tích và ra quyết định - biến đạo đức từ khái niệm trừu tượng thành lựa chọn, quyết định của mỗi cá nhân.

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, sinh viên được giao các bài tập sản xuất clip ngắn, podcast, infographic về các chủ đề kinh tế - chính trị, văn hoá xã hội trong các chương trình, học phần đào tạo. Trong đó, các vấn đề như: lòng biết ơn gia đình, thầy cô, tinh thần dân tộc, yêu nước, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hay phản bác các quan điểm sai trái, thù địch... đã không còn xa lạ. Các sản phẩm tiêu biểu còn được đăng trên fanpage Đoàn trường, khoa, câu lạc bộ hay trên kênh truyền thông sinh viên, đặc biệt được gửi đi tham dự các cuộc thi và nhận được nhiều giải thưởng ý nghĩa. Qua đó, sinh viên không chỉ học đạo đức, mà trở còn thực hành lan tỏa các giá trị đạo đức truyền thống trong hình thức truyền thông hiện đại.

Ở Đại học Bách khoa Hà Nội có các dự án kỹ thuật vì cộng đồng, ở Đại học Ngoại thương có các chương trình doanh nghiệp vì cộng đồng; và đặc biệt, các học phần thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập ở các trường đại học hiện nay cho thấy xu hướng đưa sinh viên ra môi trường bên ngoài, dưới sự định hướng của giảng viên không chỉ giúp sinh viên học nghề, làm nghề mà đồng thời giúp sinh viên “học đạo đức bằng hành động xã hội” như quan điểm của triết học Mác, chân lý đạo đức không chỉ nằm trong ý thức mà phải được kiểm chứng bằng thực tiễn. Bên cạnh đó, việc sinh viên tham gia tình nguyện, hỗ trợ cộng đồng yếu thế, tham gia dự án - dưới sự tổ chức và dẫn dắt của giảng viên - chính là quá trình hình thành phẩm chất đạo đức bằng hành động xã hội cụ thể. Chuyển đổi số không chỉ tạo thêm công cụ, mà cho phép giảng viên mở rộng không gian giáo dục đạo đức từ giảng đường sang cộng đồng - sang không gian mạng - sang chính đời sống của sinh viên. Giảng viên đã

đang đảm nhiệm một chức năng mới đó là bồi dưỡng bản lĩnh đạo đức số cho sinh viên, biết gắn tri thức nghề nghiệp với lợi ích xã hội, chứ không chỉ với lợi ích cá nhân. Nhìn từ góc độ hệ thống, giảng viên chính là người chuyển hóa các chỉ đạo vĩ mô (nghị quyết, chỉ thị, chiến lược của Đảng và Nhà nước) thành nội dung giảng dạy cụ thể, gắn gũi với đời sống sinh viên. Họ cũng là người biến các khẩu hiệu về giá trị (yêu nước, nhân ái, đoàn kết...) thành hành vi nghề nghiệp, thói quen ứng xử và trách nhiệm xã hội cụ thể ở cả ngoài xã hội và trên không gian mạng. Vì thế, đội ngũ giảng viên chính là lực lượng then chốt bảo đảm tính hiệu quả, tính chiều sâu và tính bền vững của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.

#### *Gia đình*

Gia đình vẫn là chủ thể giữ vai trò nền tảng bền vững, trực tiếp ảnh hưởng vào việc hình thành, duy trì các chuẩn mực đạo đức, nhân cách và lối sống của sinh viên trong bối cảnh xã hội hiện nay. Thực tiễn cho thấy, dù chịu tác động mạnh của quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa và chuyển đổi số, phần lớn các gia đình Việt Nam vẫn duy trì vai trò tích cực, chủ động trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho con em mình. Gia đình tiếp là “trường học đầu tiên của đạo đức”, nơi sinh viên hình thành nhân cách, thái độ sống và định hướng giá trị thông qua những lời dạy và cách ứng xử hằng ngày của cha mẹ, ông bà. Kết quả khảo sát của tác giả đối với sinh viên tại 5 trường Đại học cho thấy, vai trò nền tảng của gia đình được khẳng định rất rõ ràng: đối với câu hỏi “những giá trị đạo đức truyền thống mà bạn đang học tập, trau dồi có được từ sự dạy dỗ, trao truyền của gia đình”, điểm trung bình đạt 4,41/5, với gần 86,1% sinh viên lựa chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý” [Phụ lục]. Kết quả này cho thấy, nguồn gốc trực tiếp và bền vững nhất của hệ giá trị đạo đức sinh viên vẫn xuất phát từ gia đình, thông qua sự nêu gương, uốn nắn, giáo dục từ sớm của cha mẹ, ông bà. Những giá trị được sinh viên nhắc đến nhiều nhất gồm: hiếu kính, nhân ái, trung thực, cần cù, tiết kiệm, trọng chữ tín, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng.

Không chỉ đóng vai trò “định hình ban đầu”, gia đình còn tiếp tục đồng hành và định hướng giá trị cho sinh viên trong suốt quá trình trưởng thành. Khảo sát cho thấy, đối với nhận định “bạn thường xuyên trao đổi với

cha mẹ về định hướng cuộc sống, học tập, giá trị và các vấn đề đạo đức”, điểm trung bình đạt 4,08/5, với 72,1% sinh viên “đồng ý” hoặc “rất đồng ý”. Đồng thời, khoảng 69% sinh viên cho biết tìm đến cha mẹ khi gặp khó khăn tâm lý hoặc xung đột giá trị [Phụ lục]. Những con số này cho thấy, dù sinh viên sống trong môi trường học tập năng động, chịu tác động mạnh từ mạng xã hội và không gian số, gia đình vẫn là “điểm tựa đạo đức” quan trọng nhất trong việc định hướng lối sống và hành vi của sinh viên Hà Nội hiện nay.

Nhiều gia đình ở Hà Nội vẫn duy trì các hình thức giáo dục truyền thống như cùng con tham quan di tích lịch sử, tham gia hoạt động thiện nguyện, gìn giữ các nghi lễ văn hóa gia đình (giỗ Tổ, lễ Vu Lan, Tết Nguyên đán...), qua đó giúp sinh viên tiếp xúc trực tiếp với di sản văn hóa dân tộc và thấm nhuần ý nghĩa của đạo đức truyền thống trong đời sống hiện đại. Bên cạnh đó, gia đình cũng bước đầu thích ứng với môi trường số trong giáo dục đạo đức, sử dụng các nền tảng như Zalo, Messenger, video call, nhóm gia đình trên mạng xã hội để duy trì kết nối, chia sẻ quan điểm sống, bàn luận các vấn đề xã hội và định hướng hành vi cho con cái. Một số gia đình còn chủ động chia sẻ các câu chuyện tích cực, gương người tốt, nội dung về truyền thống dân tộc trên không gian mạng, qua đó mở rộng không gian giáo dục đạo đức từ môi trường vật lý sang môi trường số.

Trong bối cảnh xuất hiện nhiều trào lưu lệch chuẩn, lối sống thực dụng và nguy cơ “ảo hóa” các mối quan hệ, gia đình tiếp tục đóng vai trò như một “lá chắn mềm” bảo vệ sinh viên trước các tác động tiêu cực của truyền thông số. Khoảng 78% sinh viên cho rằng, lời dạy, thái độ và cách ứng xử của cha mẹ giúp họ giữ vững niềm tin, không bị cuốn theo lối sống ảo, chạy theo vật chất hay thành tích. Nhiều sinh viên cũng bày tỏ rằng chính sự quan tâm, chia sẻ và định hướng của gia đình là yếu tố giúp họ biết tự điều chỉnh hành vi, tôn trọng người khác và phát triển nhân cách hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Đáng chú ý, trong không ít hoạt động thiện nguyện và dự án xã hội do sinh viên khởi xướng, cha mẹ còn tham gia hỗ trợ về tinh thần, vật chất hoặc trực tiếp đồng hành, hình thành mô hình “gia đình cùng giáo dục đạo đức” góp phần lan tỏa tinh thần nhân ái, sẻ chia và trách nhiệm công dân.

Hiện nay, gia đình vẫn là chủ thể trụ cột trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên, giữ vai trò quyết định trong việc hình thành nhân

cách, củng cố bản lĩnh văn hóa và nuôi dưỡng ý thức xã hội cho thế hệ trẻ. Dù xã hội đã có nhiều biến đổi sâu sắc trong thời đại số, đa số gia đình Việt Nam hiện nay vẫn biết kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo dục đạo đức trực tiếp và đồng hành trong không gian số, tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên Hà Nội phát triển nhân cách toàn diện.

### *Xã hội*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, xã hội thông qua cộng đồng, các thiết chế văn hóa, hệ thống truyền thông, dư luận xã hội và các quan hệ giao tiếp hằng ngày có tác động sâu sắc đến quá trình giáo dục, tiếp nhận và lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống của sinh viên. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cách con người tiếp cận thông tin, học tập và giao tiếp. Đối với sinh viên Hà Nội - thế hệ “công dân số” điển hình - điều này mang đến không chỉ là công cụ hỗ trợ học tập, mà còn là môi trường sống, môi trường xã hội hóa và là nơi hình thành các hệ giá trị.

Kết quả khảo sát tại các trường đại học cho thấy, gần 98% sinh viên sử dụng Internet và mạng xã hội hằng ngày, trong đó 87% dành trên 3 giờ/ngày để truy cập các nền tảng số như Facebook, TikTok, YouTube, Instagram, Zalo, X (Twitter) hoặc các hệ sinh thái học tập trực tuyến (Google Classroom, Moodle, Coursera, Edmodo...). Điều này khẳng định không gian số đã trở thành môi trường sinh hoạt chủ đạo của sinh viên Hà Nội, tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi và hệ giá trị đạo đức của họ. Đối với tác động tích cực, khảo sát cho thấy nhận định “bạn học được nhiều bài học đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh từ các nội dung truyền thông tích cực trên mạng xã hội” có điểm trung bình 4,24/5, với 78,8% sinh viên lựa chọn “đồng ý” hoặc “rất đồng ý”. Bên cạnh đó, khoảng 72% sinh viên cho rằng họ tiếp thu được nhiều bài học về đạo đức, tinh thần sống tích cực từ các nội dung truyền thông nhân văn, chiến dịch cộng đồng và gương người tốt - việc tốt trên mạng xã hội [Phụ lục]. Những con số này cho thấy, nếu được định hướng đúng, không gian mạng và các nền tảng truyền thông số có thể trở thành “lớp học mở”, “diễn đàn mới” - là kênh lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống nhanh, rộng và có sức tác động mạnh đến nhận thức, tình cảm, hành vi và thói quen đạo đức của sinh viên. Nơi đó, sinh viên vừa tiếp nhận tri thức vừa tự bộc lộ quan điểm, thực hành hành vi và hình thành thái độ đạo đức trong môi trường liên kết toàn cầu.

Môi trường này cũng mở ra những công cụ hỗ trợ đắc lực cho giáo dục giá trị đạo đức truyền thống thông qua nhiều kênh và hình thức đa dạng:

*Thứ nhất*, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và giá trị đạo đức truyền thống. Các website, thư viện số, nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống e-learning của các trường đại học, bảo tàng ảo, phim tư liệu lịch sử, chuyên trang “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... giúp sinh viên tiếp cận di sản văn hóa - tư tưởng - đạo đức dân tộc một cách trực quan, sinh động và thuận tiện.

*Thứ hai*, lan tỏa thông điệp đạo đức nhanh chóng, rộng khắp. Các chiến dịch truyền thông xã hội về “Sinh viên Việt Nam, những câu chuyện đẹp”; “Tuổi trẻ Việt Nam - Câu chuyện hòa bình”, “Tự hào Việt Nam”, “Chung tay vì cộng đồng” hay Chiến dịch sinh viên tình nguyện “Mùa hè xanh... được phát động cả trong thực tế và trên không gian mạng đã góp phần khơi dậy tinh thần nhân ái, yêu nước, sẻ chia trong sinh viên. Tại Hà Nội, nhiều fanpage sinh viên như “FTU Zone”, “BA Journalism Hub”, “Bách khoa xanh”, Page “Học viện Báo chí và Tuyên truyền”, “Sóng trẻ”... không chỉ là kênh thông tin học tập mà còn là không gian lan tỏa giá trị sống tích cực và trách nhiệm xã hội.

*Thứ ba*, thúc đẩy hình thành ý thức đạo đức số và trách nhiệm công dân thời đại số. Việc tương tác thường xuyên trên không gian mạng đặt sinh viên phải đối diện với các tình huống đạo đức mới như phát ngôn có trách nhiệm, tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và ứng xử văn minh... Khảo sát của tác giả thực hiện cho thấy, 70% sinh viên cho rằng hành vi đạo đức của họ chịu ảnh hưởng mạnh bởi bạn bè; 49,7% chịu ảnh hưởng từ giảng viên; 34,8% từ người nổi tiếng và 15,3% từ người xa lạ trên mạng [Phụ lục]. Điều này chứng tỏ các mối quan hệ xã hội - cả trực tiếp lẫn trực tuyến đang định hình rất rõ lối sống và hành vi đạo đức của sinh viên Hà Nội, đặt ra yêu cầu phải định hướng đúng đắn các “nguồn ảnh hưởng xã hội” trong giáo dục đạo đức thời đại số. Tuy nhiên, sự tác động của đời sống mạng và các nền tảng truyền thông số đối với giáo dục đạo đức cũng mang tính hai mặt. Khảo sát cũng cho thấy, 33,2% sinh viên nhận định ảnh hưởng từ mạng xã hội là yếu tố lớn nhất cản trở việc thực hành các giá trị đạo đức truyền thống; 29,5% cho rằng nội dung giáo dục đạo đức hiện nay còn khô khan, thiếu hấp dẫn

[Phụ lục]. Những số liệu này cũng cho thấy nguy cơ lệch chuẩn giá trị, sự “nhiều loạn đạo đức” trong môi trường thông tin đa chiều, cũng như yêu cầu cấp thiết phải đổi mới mạnh mẽ phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng số hóa, trực quan, tương tác cao và gắn với trải nghiệm thực tiễn.

Ngày nay, không gian mạng và các nền tảng truyền thông số đang tạo nên một hệ sinh thái đạo đức mở, nơi sinh viên vừa học hỏi, phản tư, chia sẻ vừa sáng tạo các giá trị đạo đức truyền thống theo cách linh hoạt, nhanh và mang tính toàn cầu. Môi trường này cũng mang đến những thách thức không nhỏ đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giới trẻ. Nếu được định hướng đúng, không gian số sẽ trở thành mảnh đất để giá trị truyền thống được “tái sinh” theo hướng hiện đại: từ văn bản sang hình ảnh, từ khẩu hiệu sang hành động số, từ tri thức tĩnh sang trải nghiệm tương tác linh hoạt. Ngược lại, nếu buông lỏng quản lý và thiếu định hướng, môi trường này có thể trở thành “vùng nhiễu loạn đạo đức”, nơi các giá trị đạo đức truyền thống bị phai nhạt và biến dạng. Do đó, xây dựng bản lĩnh đạo đức số cho sinh viên Hà Nội - tức là trang bị cho họ năng lực nhận thức, biết chọn lọc và lan tỏa giá trị truyền thống được coi là một nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đạo đức trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

#### *Bản thân sinh viên*

Là nhóm trí thức trẻ - đi đầu trong việc tiếp cận tri thức mới, công nghệ mới và nền văn hóa toàn cầu, sinh viên ngày nay vừa là người học các giá trị đạo đức truyền thống nhưng cũng đồng thời là chủ thể tham gia vào quá trình giáo dục, sáng tạo và hiện đại hoá, lan tỏa giá trị đạo đức trong đời sống xã hội số. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên Hà Nội có động cơ đạo đức tự giác rất cao. Khi được hỏi về nguyên nhân thực hành các hành vi đạo đức, 87% sinh viên khẳng định họ hành động vì “mong muốn tự thân”, trong khi các yếu tố mang tính bên ngoài như điểm rèn luyện (4,8%), phong trào (2,3%) hay yêu cầu công việc (5%) chỉ đóng vai trò hỗ trợ [Phụ lục]. Như vậy, quá trình tiếp nhận và thực hành giá trị đạo đức của sinh viên không còn mang nặng tính cưỡng chế hay hình thức, mà đã chuyển dần sang tự ý thức, tự lựa chọn. Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nhiều sinh viên ngành báo chí - truyền thông chủ động chọn đề tài

khoa học nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và nhân ái cộng đồng. Các sản phẩm truyền thông của sinh viên không chỉ được trình bày trong lớp học mà còn lan tỏa trên các nền tảng số. Tại Trường Đại học Luật Hà Nội, sinh viên phối hợp cùng các đơn vị tình nguyện xây dựng cầu dân sinh và trao tặng “Tủ sách pháp luật” cho đồng bào vùng cao. Dự án không chỉ giúp cải thiện điều kiện đi lại, học tập của người dân, mà còn góp phần lan tỏa tri thức pháp luật và ý thức công dân đến những khu vực còn khó khăn qua đó thể hiện sinh động tinh thần “lá lành đùm lá rách”, lòng nhân ái và trách nhiệm xã hội của tuổi trẻ Thủ đô [103].

Không chỉ có động cơ đúng đắn, sinh viên còn thực hành các giá trị đạo đức truyền thống trong nhiều tình huống cụ thể. Tỷ lệ sinh viên cho biết đã từng chủ động thực hành các giá trị đạo đức đạt mức cao: 78,9% thực hành tinh thần đoàn kết; 73,1% thể hiện lòng yêu nước - tự lực; 67% thể hiện lòng biết ơn; 62,6% thể hiện lòng nhân ái và 52,3% thể hiện tinh thần hiếu học [Phụ lục]. Những con số này phản ánh sự chuyển hóa tích cực từ nhận thức đạo đức sang hành vi đạo đức. Sinh viên không còn xem đạo đức truyền thống như “lễ nghi” hay “chuẩn mực cũ kỹ”, mà nhìn nhận nó như chuẩn mực tinh thần, giúp họ giữ vững bản lĩnh giữa môi trường sống cạnh tranh và nhiều áp lực. Đặc biệt, nhiều sinh viên cho rằng giá trị đạo đức truyền thống chính là nền tảng giúp họ không đánh mất mình trong thế giới ảo - nơi ranh giới giữa thật và giả, đúng và sai trở nên mong manh.

Từ góc độ phương thức, sinh viên ngày nay đã chuyển từ vị thế “người học đạo đức” sang vai trò “chủ thể kiến tạo và lan tỏa giá trị đạo đức” qua ba cấp độ: Một là, tự giáo dục và tự phản tư đạo đức: Sinh viên biết tự đánh giá hành vi, tự điều chỉnh thái độ, lựa chọn giá trị sống phù hợp. Họ phản tư trước các hiện tượng xã hội lệch chuẩn, biết bảo vệ quan điểm đạo đức của mình trong tranh luận xã hội - cả trực tiếp lẫn trên mạng. Hai là, kế thừa và phát huy giá trị truyền thống theo hướng hiện đại hoá: Các giá trị truyền thống được sinh viên diễn giải lại theo tinh thần thời đại: “hiếu học” trở thành “học tập suốt đời”; “yêu nước” được thể hiện bằng hành động học tập, lao động và bảo vệ hình ảnh quốc gia trong bối cảnh mới là trên không gian mạng; “nhân ái” mở rộng thành trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân toàn cầu. Ba là, lan tỏa xã hội thông qua các hoạt động trực tuyến và ngoại khóa: sinh viên trở

thành “đại sứ văn hóa số”, đưa các giá trị truyền thống ra khỏi giảng đường, hòa nhập với các xu hướng toàn cầu trên nền tảng mạng xã hội, qua đó giúp truyền thống được “tái sinh” trong môi trường hiện đại. Nhờ đó, sinh viên không chỉ là “người học đạo đức”, mà đang trở thành “người kiến tạo các giá trị đạo đức mới”. Họ chứng minh rằng: truyền thống không lỗi thời, mà luôn có thể tái sinh trong suy nghĩ và hành động của thế hệ trẻ - từ giảng đường, đời sống xã hội đến không gian mạng. Chính sinh viên đang trở thành cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị đạo đức của Việt Nam và toàn cầu, góp phần hình thành bản sắc đạo đức số mang tinh thần Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập.

### *3.2.1.2. Kết quả đạt được về nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống Giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, giáo dục lòng yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường cho sinh viên được triển khai linh hoạt và sáng tạo, gắn với đặc điểm của thế hệ trẻ sinh ra trong thời đại công nghệ. Qua đó, bước đầu hình thành hệ sinh thái giáo dục lòng yêu nước mang tính hiện đại, kết hợp giữa truyền thống - công nghệ - hành động thực tiễn, góp phần nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm công dân và bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Nếu trước đây, tình yêu Tổ quốc của sinh viên được biểu hiện chủ yếu qua các nghi thức truyền thống thì nay không gian mạng đã trở thành một “mặt trận mới” của lòng yêu nước. Kết quả khảo sát tác giả thực hiện cho thấy 73,1% sinh viên khẳng định đã từng chủ động thực hành giá trị yêu nước - tự lực, thông qua các hoạt động như tham gia truyền thông số chống tin giả, bảo vệ chủ quyền biển đảo trên không gian mạng, hoạt động tình nguyện tại vùng biên giới, hải đảo; chỉ 3,2% cho biết chưa từng tham gia. Đặc biệt, về động cơ thực hành hành vi đạo đức, có tới 87% sinh viên khẳng định xuất phát từ mong muốn tự thân, trong khi tác động từ điểm rèn luyện, áp lực phong trào hay yêu cầu công việc chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ - dưới 6%) [Phụ lục]. Điều này cho thấy lòng yêu nước và tinh thần tự lực của sinh viên đang được cá nhân hóa, trở thành giá trị tự giác chứ không phải hành vi mang tính hình thức.

Các trường đại học tại Hà Nội đã triển khai nhiều mô hình giáo dục đạo đức sáng tạo, gắn với thực tiễn lịch sử, chính trị, xã hội. Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, sinh viên được khuyến khích sáng tạo sản phẩm truyền

thông số (infographic, clip ngắn, podcast, talkshow) về chủ quyền biển đảo, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch nhất là trên không gian mạng. Nhiều tác phẩm tiêu biểu được lan tỏa trên kênh YouTube “Mạch Nguồn”, góp phần truyền cảm hứng và củng cố niềm tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ [139]. Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, chương trình “Tái hiện ký ức Ngày Độc lập” (2025) giúp sinh viên trải nghiệm lịch sử bằng hình thức nhập vai, trưng bày triển lãm, hóa thân nhân vật, từ đó “học sử bằng cảm xúc”, khơi dậy lòng yêu nước sâu sắc và niềm tự hào văn hóa Việt [122]. Ở Trường Đại học Ngoại thương, phong trào “Tuổi trẻ Ngoại thương hướng về biên cương” đã trở thành điểm sáng, kết hợp giữa hoạt động thiện nguyện, tuyên truyền số và tương tác quốc tế, thể hiện tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến của sinh viên trong hội nhập toàn cầu [126]. Nhờ sự đa dạng trong phương thức tiếp cận, chủ nghĩa yêu nước không còn giới hạn trong những lễ nghi truyền thống mà được tái hiện sinh động trong không gian học đường và môi trường số. Các trường đại học đã lồng ghép giáo dục tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường trong bài giảng, hoạt động trải nghiệm và định hướng nghề nghiệp. Giảng viên nhấn mạnh mối liên hệ giữa lòng yêu nước với năng lực làm chủ tri thức, sáng tạo công nghệ và phát triển đất nước, giúp sinh viên nhận thức rằng: “yêu nước không chỉ là cảm xúc mà là năng lực cống hiến cụ thể”.

Đại học Bách khoa Hà Nội đã triển khai các dự án phát triển các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp với 34 câu lạc bộ về học thuật, nghiên cứu khoa học và 28 tổ đội nhóm nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp, tình nguyện. Các dự án “Kỹ sư vì cộng đồng” giúp sinh viên áp dụng kiến thức để giải quyết bài toán môi trường, năng lượng và nông nghiệp, thể hiện tinh thần tự lực trong hành động và sáng tạo vì xã hội [121]. Về khởi nghiệp, việc làm, tổ chức Đoàn, Hội các cấp đã tập huấn khởi nghiệp cho 2.480 lượt thanh niên, hỗ trợ 159 dự án khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên; tư vấn hướng nghiệp, việc làm cho 4.250 lượt đoàn viên; giới thiệu việc làm cho 1.328 thanh niên. Qua phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội đã tổ chức nhiều sân chơi hấp dẫn như: Cuộc thi Thử thách khởi nghiệp Thành phố sáng tạo thông minh (Startupcity) 2024; Cuộc thi “Thiết kế đô thị sáng tạo thông minh (Innocity)” 2024; Festival sáng tạo trẻ và trình

diễn sản phẩm khoa học công nghệ (Innovation Expo); Hội thảo nhằm xét duyệt ý tưởng khởi nghiệp để hỗ trợ hoàn thiện (Demo Day) năm 2025...[115]

Đáng chú ý, khảo sát của tác giả cho thấy 78,9% sinh viên mong muốn nhà trường tiếp tục đổi mới giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng ứng dụng số mạnh mẽ hơn, phản ánh nhu cầu chính đáng của người học về một mô hình giáo dục yêu nước - tự cường hiện đại, tương tác cao, gắn với thực tiễn số [Phụ lục]. Những kết quả trên cho thấy, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường cho sinh viên Hà Nội đang chuyển mạnh từ định hướng nhận thức sang thực hành hành động, từ không gian học đường sang không gian số và xã hội. Trong năm học 2024 - 2025, tuổi trẻ Thủ đô đã xung kích thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị, quan trọng của Thành phố, với 8.800 tình nguyện viên đã tham gia và hoàn thành xuất sắc chuỗi các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9, được lãnh đạo Trung ương và Thành phố ghi nhận [115]. Đây chính là nền tảng quan trọng để hình thành lớp sinh viên Thủ đô, giàu bản lĩnh chính trị, có năng lực hội nhập và nhiệt huyết cống hiến trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

#### *Giáo dục lòng nhân ái*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các trường đại học ở thành phố Hà Nội đã chủ động phát triển cả về nội dung và phương thức giáo dục giá trị nhân ái, giúp sinh viên vừa cảm nhận được chiều sâu của truyền thống dân tộc, vừa thể hiện tinh thần hội nhập bằng công nghệ hiện đại và hành động thực tiễn. Kết quả khảo sát cho thấy 63,9% sinh viên đã từng tham gia các hoạt động thiện nguyện, cộng đồng gắn với giá trị đạo đức truyền thống, trong đó 62,6% trực tiếp thực hành các hành vi nhân ái như hiến máu, hỗ trợ người yếu thế. Đặc biệt, 87% sinh viên thực hành hành vi đạo đức xuất phát từ động cơ tự thân [Phụ lục]. Giáo dục lòng nhân ái hiện nay không chỉ dừng lại ở tuyên truyền đạo đức hay vận động phong trào, mà đã phát triển thành mô hình giáo dục thực hành, sáng tạo và lan tỏa số. Lực lượng sinh viên tình nguyện Thủ đô đã hỗ trợ nâng cao năng lực số cho 355 nghìn lượt thanh thiếu nhi, người dân; tổ chức cho hơn 81 nghìn lượt thanh thiếu nhi nâng cao năng lực ngoại ngữ, hội nhập quốc tế; tập huấn phòng, chống đuối nước cho hơn 101 nghìn lượt thiếu nhi và triển khai 258 lớp dạy bơi miễn phí; hỗ trợ nâng cao năng lực số, không dùng tiền mặt, cải cách hành chính cho khoảng 250 nghìn lượt thanh

thiếu nhi và người dân [115]. Ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, chương trình hiến máu “Nắng hồng Nhân văn” trở thành biểu tượng bền vững của tinh thần sẻ chia nhiều năm nay. Năm 2025, chiến dịch đã huy động được hơn 430 đơn vị máu, đồng thời triển khai truyền thông trực tuyến, video ghi lại hành trình hiến máu và lan tỏa trên mạng xã hội, thu hút hơn 150.000 lượt tương tác [124]. Những con số ý nghĩa này cho thấy sức sống của lòng nhân ái khi được gắn với trải nghiệm thực tiễn và truyền thông số. Những buổi hiến máu, thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ người khuyết tật được livestream trực tiếp, giúp kết nối thiện nguyện với công chúng số, nhân rộng ảnh hưởng xã hội của tinh thần nhân ái.

Tại Đại học Ngoại thương, phong trào “Xuân tình nguyện” và công trình “Tiếp bước đến trường - Xây đắp quê hương” phối hợp cùng các tổ chức, doanh nghiệp và địa phương gây quỹ hỗ trợ người yếu thế, đồng thời sử dụng phương tiện truyền thông để livestream, thiết kế đồ họa trực quan, hashtag “#FTU4Community” kêu gọi trên các nền tảng mạng xã hội - để mở rộng quy mô ảnh hưởng [130]. Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, chiến dịch “Đông Âm” nhiều năm trở lại đây trở thành minh chứng điển hình cho sự kết hợp giữa nghề nghiệp và đạo đức, khi sinh viên kể lại những câu chuyện thiện nguyện bằng các bài viết, ảnh và video chuyển hóa giá trị nhân ái thành “sản phẩm số” gần gũi và hiệu quả [104]. Đại học Bách khoa Hà Nội cùng với Thành Đoàn Hà Nội đã tổ chức Lễ ra quân chiến dịch “Mùa hè xanh 2025” với sự tham gia của 23 đội tình nguyện cấp Thành phố và gần 1000 chiến sĩ tình nguyện Thủ đô. Đây là một trong những hoạt động tình nguyện tiêu biểu do Thành Đoàn Hà Nội tổ chức hàng năm, quy tụ hàng nghìn sinh viên. Với sứ mệnh lan tỏa yêu thương đến những vùng còn khó khăn, chiến dịch tiếp nối truyền thống nhân văn “lá lành đùm lá rách”, mở ra cơ hội để sinh viên trải nghiệm thực tế, thử thách bản thân, áp dụng kiến thức học thuật vào phục vụ cộng đồng. Đây cũng là hành trình giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng làm việc nhóm và tinh thần công dân tích cực trong xã hội hiện đại [130]. Các hoạt động đều được livestream tiến độ, thiết kế infographic tương tác và bật hashtag cộng đồng, biến tinh thần tình nguyện thành một mạng lưới lan tỏa tri thức về phát triển xanh - số - nhân văn. Điểm nổi bật của giáo dục giá trị nhân ái ở Hà Nội hiện nay là tính liên tục, hệ thống và chuyên nghiệp.

Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Hà Nội giữ vai trò nòng cốt tổ chức và điều phối, kết nối với nhà trường, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Các phong trào thiện nguyện không còn mang tính ngắn hạn, mà được thể chế hóa thành chương trình định kỳ, có thương hiệu, kế hoạch truyền thông và cơ chế tổng kết rõ ràng. Giá trị nhân ái không còn được tiếp cận như một phạm trù đạo đức trừu tượng, mà đã trở thành hành động cụ thể, được lan tỏa bằng công nghệ, truyền thông và trải nghiệm xã hội thực tế. Nhờ sự kết hợp giữa lý luận - thực hành - công nghệ, giá trị nhân ái đã vượt khỏi phạm vi lớp học, là đạo đức sinh viên Thủ đô đồng thời chính là thước đo văn hóa của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời đại số, góp phần hình thành hình mẫu công dân hiện đại, nhân văn và có trách nhiệm với cộng đồng.

#### *Giáo dục tinh thần đoàn kết*

Với Thủ đô Hà Nội - nơi quy tụ sinh viên từ mọi miền đất nước thì tinh thần đoàn kết không chỉ là giá trị đạo đức truyền thống, mà còn là động lực gắn kết thế hệ trẻ trong thời đại số. Đảng ủy, Ban Giám hiệu và Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên phối hợp tổ chức nhiều chương trình nhằm tạo ra sự gắn kết giữa các sinh viên đến từ các trường và vùng miền khác nhau. Các hoạt động như sinh hoạt công dân đầu khóa, hội trại truyền thống, cuộc thi học thuật liên khoa, giao lưu thể thao - văn nghệ, diễn đàn thanh niên, các câu lạc bộ chuyên ngành... không chỉ tạo cơ hội giao lưu mà còn giúp sinh viên học cách lắng nghe, hợp tác và tôn trọng sự khác biệt. Kết quả khảo sát sinh viên của 5 trường cho thấy 78,9% sinh viên đã từng chủ động thực hành giá trị đoàn kết thông qua các hoạt động nhóm, dự án học tập và tình nguyện cộng đồng. Đồng thời, 63,9% sinh viên khẳng định đã tham gia các hoạt động thiện nguyện, câu lạc bộ, dự án hướng về giá trị đạo đức truyền thống, và 77,8% chủ động vận dụng các giá trị đạo đức vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số [Phụ lục]. Những con số này cho thấy tinh thần đoàn kết trong sinh viên Hà Nội không chỉ tồn tại ở nhận thức mà đã được chuyển hóa thành hành vi hợp tác, sẻ chia và gắn kết cộng đồng một cách bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số. Trong thời đại công nghệ, đoàn kết không chỉ thể hiện bằng sự hiện diện vật lý mà còn được mở rộng sang không gian số, vượt qua ranh giới địa lý. Các buổi học nhóm trực tuyến, diễn đàn trao đổi học thuật, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội, và ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập

(Google Classroom, MS Teams, Zalo, Notion...) đã trở thành công cụ quan trọng nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết học đường. Đối với phong trào “Sinh viên tình nguyện”, đã có 825 nghìn lượt đoàn viên khối trường học của Thủ đô tham gia các hoạt động tình nguyện, qua đó, hỗ trợ xóa 23 nhà tạm, nhà dột nát; xây dựng 128 điểm sinh hoạt, vui chơi thanh thiếu nhi; trồng mới 80 nghìn cây xanh; sửa chữa hơn 90km và xây mới 30km đường giao thông nông thôn; hỗ trợ gần 22 nghìn thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn [121]. Các mô hình liên kết như “Mạng lưới câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học” hình thành, góp phần chuyển hóa tinh thần đoàn kết thành năng lực hợp tác học thuật [121]. Nhờ đó, đoàn kết không còn là khẩu hiệu trừu tượng, mà đã trở thành một phương thức hành động linh hoạt, cụ thể hóa bằng những hành động cộng đồng giàu ý nghĩa. Những chương trình như “Tiếp sức mùa thi” hay các phong trào “Tiết kiệm - Góp sức”, “Xe ôm 0 đồng”... đã trở thành biểu tượng của tinh đồng đội của sinh viên Thủ đô - nơi mỗi người sẵn sàng giúp đỡ người khác bằng cả tấm lòng. Hay khi đại dịch COVID-19 bùng phát, hơn 350 cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội tình nguyện lên đường chi viện cho Bình Dương, Bắc Ninh, Đà Nẵng [121]. Không chỉ dừng lại ở học tập và phòng chống dịch, các phong trào do Thành đoàn Hà Nội phát động hướng về cộng đồng như “Vì miền Trung ruột thịt”, “Xây dựng nông thôn mới” ... được sự hưởng ứng của đông đảo sinh viên các trường trên địa bàn thành phố. Điểm mới là hoạt động đoàn kết được số hóa, sinh viên không chỉ quyên góp qua ví điện tử hay chuyển khoản, mà còn sử dụng kỹ năng công nghệ, truyền thông, thiết kế, biên tập video, tổ chức chiến dịch trực tuyến để huy động nguồn lực giúp đỡ người dân và lan tỏa thông điệp nhân văn. Giá trị đoàn kết, vì thế, không còn là một khẩu hiệu tập thể, mà là một phương thức hiện sinh mới của sinh viên trong kỷ nguyên chuyên đổi số: họ cùng học, cùng sáng tạo, cùng lan tỏa yêu thương qua những nền tảng kỹ thuật số, nhưng cốt lõi vẫn là tình người và nghĩa đồng bào - thứ bản sắc đạo đức Việt Nam chưa bao giờ phai nhạt giữa những thay đổi của thời đại.

*Giáo dục tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo*

Trong hệ giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam, tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo luôn được xem là những trụ cột quan trọng góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh và năng lực của con người Việt Nam. Trong môi

trường đại học ở Hà Nội - trung tâm tri thức và đổi mới sáng tạo của cả nước - ba giá trị này không chỉ được kế thừa mà còn được làm mới, thích ứng linh hoạt với yêu cầu của thời đại chuyển đổi số.

Ở Đại học Bách khoa Hà Nội, phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên đã trở thành nét văn hóa đặc trưng, thể hiện qua Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2025 với hơn 1.300 sinh viên và gần 440 đề tài tham dự, nhiều công trình đạt giải cấp Viện, cấp Bộ. Đây là minh chứng cho tinh thần kỷ luật, sáng tạo và say mê tri thức của sinh viên kỹ thuật [118]. Tại Đại học Sư phạm Hà Nội, tinh thần hiếu học được biểu hiện rõ qua các kỳ thi Olympic toàn quốc: năm 2025, đội tuyển Hóa học của trường đạt 2 huy chương vàng, 3 bạc, 2 đồng và 1 khuyến khích, được vinh danh là “Đội thi xuất sắc toàn diện”, thể hiện phẩm chất cần cù, nỗ lực và khát vọng chinh phục tri thức của sinh viên sư phạm [128]. Tại Đại học Ngoại thương, tinh thần sáng tạo được thể hiện qua các cuộc thi khởi nghiệp xã hội như Social Business Creation (SBC) phối hợp với Đại học HEC Montréal (Canada), nơi sinh viên Hà Nội giành 5/10 giải Nhất toàn quốc năm 2024. Đây không chỉ là sân chơi học thuật mà còn là nơi sinh viên thực hành đạo đức nghề nghiệp và tư duy sáng tạo hướng đến giá trị xã hội [125].

Trong bối cảnh chuyển đổi số, sinh viên được tiếp cận các nền tảng học tập trực tuyến tiên tiến (MOOC, Coursera, VN-MOOC, edX), sử dụng thành thạo công cụ số như Notion, Quizlet, ChatGPT hay Google Scholar để tra cứu, quản lý và chia sẻ tri thức. Việc tự học, tự nghiên cứu và học tập qua Internet đã trở thành thói quen phổ biến, thể hiện tinh thần chủ động và ý thức học tập suốt đời. Giảng viên khuyến khích sinh viên khai thác học liệu mở, tích hợp công nghệ vào giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời truyền cảm hứng học thuật thông qua các hoạt động seminar, nghiên cứu nhỏ, tranh luận chuyên đề. Trong khi đó, sinh viên không chỉ là người tiếp nhận tri thức mà còn là người sáng tạo và kiến tạo hành trình học tập của chính mình: họ tự xây dựng hồ sơ học tập điện tử (e-portfolio), tích lũy chứng chỉ vi mô (micro-credentials), công bố kết quả nghiên cứu qua blog học thuật hoặc video phổ biến tri thức. Nhà trường đóng vai trò định hướng và hỗ trợ thông qua việc đầu tư hệ thống E-learning, thư viện số, hạ tầng học tập trực tuyến, đồng thời lồng ghép kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện và năng lực học tập số vào chương trình đào

tạo. Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên tổ chức nhiều phong trào học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học, diễn đàn sáng tạo trẻ, góp phần tạo môi trường khích lệ tinh thần hiếu học và đổi mới. Nhờ đó, các giá trị hiếu học - cần cù - sáng tạo không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà đã trở thành lẽ sống, thói quen và động lực nội tại của sinh viên Hà Nội. Họ không còn “học để lấy bằng” mà “học để kiến tạo giá trị”, biến tri thức thành hành động, sáng tạo gắn liền với trách nhiệm xã hội và nhân văn.

Kết quả khảo sát cho thấy, 52,3% sinh viên đã từng chủ động thực hành giá trị hiếu học thông qua nghiên cứu khoa học, tham gia các câu lạc bộ học thuật và hoạt động học tập nâng cao. Đồng thời, 72,4% sinh viên khẳng định các hoạt động tình nguyện, câu lạc bộ và chiến dịch truyền thông của nhà trường giúp họ trau dồi các giá trị đạo đức, trong đó có tinh thần cần cù và sáng tạo, và 77,8% sinh viên chủ động vận dụng các giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong học tập và môi trường số [Phụ lục]. Những con số này khẳng định hiếu học, cần cù, sáng tạo không chỉ là nhận thức mà đã trở thành động lực nội tại và thói quen hành động của sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.

#### *Giáo dục lòng biết ơn*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục giá trị biết ơn cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội vừa kế thừa nền tảng văn hóa truyền thống, vừa thích ứng linh hoạt với phương thức biểu đạt, giao tiếp và trải nghiệm của thế hệ trẻ thời đại số. Giá trị biết ơn được thể hiện sinh động trong đời sống học đường - nơi sinh viên được rèn luyện nhân cách và ý thức công dân. Các chương trình tri ân, lễ kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, “Lễ Vu Lan báo hiếu”, hay Lễ tốt nghiệp... đã trở thành những nghi thức văn hóa đặc sắc thể hiện lòng biết ơn với cha mẹ, thầy cô và mái trường. Bên cạnh những hình thức truyền thống, sinh viên ngày nay còn thể hiện lòng hiếu thảo theo cách hiện đại: hướng dẫn cha mẹ sử dụng công nghệ số, hỗ trợ các thao tác thanh toán trực tuyến, tra cứu hồ sơ y tế, mua sắm qua ứng dụng hoặc kết nối mạng xã hội. Những hành động giản dị nhưng ý nghĩa đó cho thấy đạo lý “hiếu - kính” đang được chuyển hóa tự nhiên và sâu sắc trong kỷ nguyên số, khi “biết ơn” không chỉ là lời nói mà còn là năng lực giúp đỡ và sẻ chia thông qua tri thức công nghệ. Tinh thần “tôn sư trọng đạo” - hạt nhân của giá trị biết ơn trong

nhà trường - được thể hiện phong phú qua nhiều hoạt động tại các cơ sở giáo dục đại học ở thành phố Hà Nội. Ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, chương trình “Phút Cuối” đã trở thành một nét văn hóa riêng của sinh viên năm cuối, nơi họ gửi lời tri ân sâu sắc đến các thế hệ thầy cô và sinh viên, đồng thời truyền lại thông điệp về lòng biết ơn và tinh thần kế thừa cho các khóa sau [123]. Tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, những sự kiện như “Lời chia tay mùa hạ” hay lễ tri ân 20/11 được tổ chức trang trọng, giúp sinh viên nuôi dưỡng tình cảm kính trọng, biết ơn đối với người thầy - người truyền tri thức và định hướng nhân cách [123]. Đại học Sư phạm Hà Nội lại ghi dấu bằng sự sáng tạo của sinh viên thế hệ Gen Z qua các hình thức sân khấu hóa, báo tường, video clip, triển lãm ảnh tri ân thầy cô, vừa mang hơi thở hiện đại vừa giữ được nét truyền thống “tôn sư trọng đạo” [123]. Những hoạt động này không chỉ duy trì vẻ đẹp văn hóa học đường mà còn khẳng định rằng lòng biết ơn - dù biểu hiện bằng hình thức nào - vẫn là sợi dây bền chặt gắn kết giữa người học và người dạy.

Cùng với việc tri ân thầy cô và cha mẹ, sinh viên Hà Nội còn được giáo dục lòng biết ơn với Đảng, Nhà nước và các thế hệ đi trước. Các hoạt động “hành trình về nguồn”, “dâng hương tại di tích cách mạng”, “báo công ở Nhà tù Hỏa Lò, Nghĩa trang Trường Sơn, ATK Tân Trào” được tổ chức thường niên, giúp người trẻ nhận thức sâu sắc hơn về công lao, hy sinh của cha ông [136]. Đặc biệt, trong sự kiện A80 - Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, hàng nghìn sinh viên đến từ nhiều trường đại học trên địa bàn Thủ đô như Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Giao thông Vận tải, Học viện Múa Việt Nam... đã cùng nhau tham gia tập luyện, biểu diễn, sản xuất sản phẩm truyền thông với thông điệp “Biết ơn Đảng quang vinh - Rạng rỡ Việt Nam” [136]. Những infographic, clip, podcast, hashtag lan tỏa trên mạng xã hội đã biến lòng tri ân thành dòng chảy số, kết nối thế hệ trẻ với ký ức dân tộc, qua đó nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm, tình yêu nước và lòng biết ơn đối với Đảng, Tổ quốc. Nhiều lễ tri ân và tưởng niệm được tổ chức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, livestream trên các nền tảng Facebook, YouTube, tạo nên sự cộng hưởng cảm xúc trong cộng đồng sinh viên. Đặc biệt, trong giai đoạn đại dịch Covid -19, hàng trăm nhóm sinh viên tại các trường đại học Hà Nội đã thực hiện clip ngắn, bài viết,

infographic cảm ơn đội ngũ y bác sĩ, lực lượng tuyến đầu và các nhà hảo tâm; nhiều chiến dịch truyền thông “viral” lan tỏa thông điệp nhân văn “uống nước nhớ nguồn”, thể hiện lòng tri ân không chỉ trong lời nói mà trong hành động, bằng chính kỹ năng truyền thông và sáng tạo của thế hệ trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy, 67% sinh viên đã từng chủ động thực hành giá trị “biết ơn” thông qua các hoạt động tri ân, thăm hỏi gia đình chính sách, tham gia chương trình đền ơn đáp nghĩa. Đồng thời, 77,8% sinh viên cho biết họ chủ động vận dụng các giá trị đạo đức truyền thống, trong đó có lòng biết ơn, vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số [Phụ lục].

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung giáo dục lòng biết ơn trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội không chỉ dừng lại ở việc bồi dưỡng tình cảm tri ân đối với cha mẹ, thầy cô - những chủ thể gần gũi trong quá trình hình thành nhân cách, mà còn cần được mở rộng theo hướng toàn diện hơn, bao gồm lòng biết ơn đối với Đảng, Nhà nước, Tổ quốc và nhân dân - những chủ thể đã tạo dựng môi trường từ kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội ổn định để các bạn sinh viên không chỉ ở Hà Nội đều được sống trong hoà bình, an toàn, có đủ các điều kiện học tập và phát triển. Vì thế, việc giáo dục lòng biết ơn đối với Đảng, Nhà nước và Tổ quốc góp phần củng cố nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng, trách nhiệm công dân và ý thức phụng sự đất nước của sinh viên; đồng thời, lòng biết ơn đối với nhân dân - với tư cách là chủ thể sáng tạo lịch sử và nguồn lực xã hội - giúp sinh viên hình thành thái độ trân trọng giá trị lao động, tinh thần cộng đồng và ý thức gắn bó với đồng bào, với quê hương, đất nước.

### *3.2.1.3. Kết quả đạt được về phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống*

*Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập giá trị đạo đức truyền thống.*

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, các trường đại học ở Hà Nội đã chủ động và sáng tạo trong việc ứng dụng công nghệ nhằm đổi mới phương thức giảng dạy - học tập, đặc biệt trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Đại dịch Covid -19 là bước ngoặt quan trọng, buộc toàn bộ hệ thống giáo dục chuyển sang hình thức trực tuyến, đồng thời mở ra cơ hội để các cơ sở giáo dục đại học thúc đẩy quá trình

chuyển đổi số toàn diện. Trong giai đoạn này, các học phần lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức học hay kỹ năng sống - vốn mang nội dung tư tưởng và giá trị truyền thống - vẫn được duy trì liên tục trên các nền tảng số như Zoom, Microsoft Teams, Google Classroom, Moodle và hệ thống LMS nội bộ của từng trường. Việc dạy học không bị gián đoạn mà còn được mở rộng nhờ tính linh hoạt của công nghệ. Đáng chú ý, nhiều giảng viên không chỉ “chuyển” bài giảng lên môi trường mạng, mà còn “chuyển hóa phương pháp sư phạm”, từ giảng dạy một chiều sang mô hình tương tác đa chiều. Thay vì chỉ thuyết trình, giảng viên sử dụng slide đa phương tiện, video ngắn, tình huống mô phỏng, quiz online, minigame, diễn đàn thảo luận nhóm để kích thích sự chủ động và sáng tạo của người học. Một số giảng viên còn sản xuất podcast, vlog học thuật, video bài giảng đăng tải trên kênh YouTube, Spotify hoặc website khoa, hình thành nên “thư viện số về đạo đức và tư tưởng” phục vụ sinh viên học tập mọi lúc, mọi nơi. Những cách tiếp cận này đã giúp sinh viên thế hệ Z - vốn quen với môi trường công nghệ - cảm thấy gần gũi, hứng thú và chủ động hơn trong việc tiếp nhận các giá trị đạo đức. Bên cạnh đó, một số trường đã triển khai hệ sinh thái học tập tích hợp, cho phép sinh viên truy cập tài nguyên học liệu mở, tham gia lớp học ảo, làm bài kiểm tra và phản hồi trực tiếp. Ví dụ, tại 5 trường được khảo sát đều có hệ thống thư viện điện tử với kho học liệu số phong phú và đa dạng giúp sinh viên dễ dàng tra cứu tài liệu trong đó có tài liệu về tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc và đạo đức nghề nghiệp báo chí vô cùng tiện lợi. Mô hình đào tạo được mở rộng bao gồm hệ đào tạo từ xa khuyến khích giảng viên áp dụng mô hình “blended learning” (học kết hợp trực tuyến và trực tiếp), giúp sinh viên ngày nay có nhiều điều kiện để tiếp cận tri thức và trải nghiệm thực tế thông qua các mô hình đào tạo, diễn đàn học thuật trực tuyến. Việc học tập các giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường đại học Hà Nội cũng đã chuyển từ mô hình truyền thụ sang mô hình trải nghiệm, nơi sinh viên không chỉ “học về đạo đức” mà còn “thực hành đạo đức” thông qua các tình huống, thảo luận và tương tác thực tế. Kết quả khảo sát cho thấy môi trường số đã trở thành không gian học tập quen thuộc của sinh viên: 78,3% sinh viên sử dụng mạng xã hội từ 3 giờ/ngày trở lên và 88% sử dụng mạng xã hội cho mục đích học tập, tra cứu tài liệu. Có tới 79,1% sinh viên đánh giá các

kênh truyền thông số của nhà trường đã lồng ghép hiệu quả việc lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời 78,8% sinh viên thừa nhận họ học được nhiều bài học đạo đức, lối sống tích cực từ các nội dung truyền thông số. Đáng chú ý, 78,9% sinh viên mong muốn nhà trường tiếp tục đẩy mạnh giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng ứng dụng công nghệ số mạnh mẽ hơn, cho thấy chuyển đổi số trong giáo dục đạo đức là nhu cầu thực tiễn và tất yếu [Phụ lục].

Ứng dụng công nghệ số trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không chỉ giúp duy trì hiệu quả giảng dạy trong giai đoạn khó khăn, mà còn mở ra hướng đi mới cho giáo dục đạo đức trong thời đại 4.0 - hiện đại hơn về phương pháp, sâu sắc hơn về nội dung, và bền vững hơn trong ảnh hưởng.

#### *Sử dụng truyền thông số và mạng xã hội*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, không gian mạng đã trở thành một môi trường giáo dục đặc biệt - nơi các giá trị đạo đức truyền thống được lan tỏa bằng ngôn ngữ, hình ảnh và phương thức tiếp cận phù hợp với thế hệ trẻ. Với đặc trưng nhanh, mở và lan tỏa mạnh, mạng xã hội đang đóng vai trò như một “lớp học đạo đức kiểu mới”, nơi sinh viên không chỉ là người tiếp nhận mà còn là người sáng tạo, lan tỏa và thực hành các giá trị nhân văn trong đời sống hiện đại.

Các trường đại học, khoa, đoàn thể và câu lạc bộ sinh viên trên địa bàn Hà Nội đã tích cực xây dựng các kênh truyền thông số như fanpage, website, YouTube, TikTok, nhóm Facebook hoặc Zalo cộng đồng nhằm chia sẻ các câu chuyện đẹp, hành động tử tế, clip tri ân thầy cô, và các chiến dịch lan tỏa việc tốt như “Mỗi ngày một hành động đẹp”, “Tháng tri ân người gieo chữ”, “Tôi sống tử tế”, “Sinh viên với văn hóa ứng xử trên không gian mạng”... Những chiến dịch này không chỉ lan tỏa tinh thần nhân ái và hiếu học, mà còn hình thành một văn hóa số nhân văn, nơi các giá trị truyền thống được diễn đạt bằng ngôn ngữ truyền thông hiện đại. Các buổi hội thảo, các cuộc thi được tổ chức với sự tham gia đông đảo và tích cực của các bạn sinh viên và đạt nhiều kết quả cao như Hội thảo khoa học: “Sinh viên báo chí - truyền thông sử dụng mạng xã hội bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch” nhằm phát huy vai trò của sinh viên trong việc chủ động, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng [136].

Song song với đó, nhiều hoạt động giáo dục truyền thống được “số hóa” nhằm thích ứng với thời đại công nghệ. Sinh viên Hà Nội, hiện nay là thế hệ Gen Z, đã thể hiện sự sáng tạo và chủ động khi sử dụng chính kỹ năng truyền thông số của mình để kể lại những câu chuyện thật - về lòng biết ơn, tình thầy trò, tình yêu quê hương hay trách nhiệm công dân. Mỗi bài đăng, hashtag, clip ngắn hay video cảm động - dù giản dị - đều góp phần thắp sáng những giá trị cốt lõi của con người Việt Nam trong không gian mạng. Thay vì chỉ là người thụ hưởng, sinh viên trở thành những “đại sứ số” của giá trị đạo đức, sử dụng mạng xã hội như công cụ để truyền cảm hứng và giáo dục cộng đồng. Kết quả khảo sát của tác giả cho thấy, sinh viên Hà Nội sử dụng mạng xã hội với tần suất và mức độ đa dạng rất cao, trong đó TikTok (89,6%), Facebook (84,2%) và Instagram (71,1%) là các nền tảng phổ biến nhất. Đáng chú ý, 78,8% sinh viên thừa nhận họ học được nhiều bài học đạo đức và lối sống tích cực từ các nội dung truyền thông tích cực trên mạng xã hội, đồng thời 63% sinh viên đã từng trực tiếp sáng tạo hoặc chia sẻ các sản phẩm truyền thông nhân văn về giá trị đạo đức truyền thống. Bên cạnh đó, bạn bè (70%) và giảng viên (49,7%) là hai nhóm có ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi đạo đức của sinh viên trong không gian mạng [Phụ lục], cho thấy môi trường số đang trở thành không gian xã hội hóa đạo đức có tác động thực chất.

Thực tiễn này cho thấy, ứng dụng truyền thông số trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống tuy còn mới mẻ, nhưng đã chứng minh được sức mạnh lan tỏa và tính bền vững của nó. Công nghệ không làm phai nhạt đạo lý, mà ngược lại, giúp thu hẹp khoảng cách thế hệ, làm cho nội dung đạo đức vốn khô khan trở nên gần gũi, sinh động và dễ cảm nhận hơn. Quan trọng hơn, chính sinh viên - với vai trò là người sáng tạo nội dung số - đã trở thành cầu nối giữa giá trị truyền thống và đời sống hiện đại.

Khi truyền thông số được tích hợp vào giáo dục đạo đức, nó không chỉ mở rộng không gian học tập mà còn góp phần hình thành nhân cách số cho thế hệ trẻ. Đây là nền tảng quan trọng để trong tương lai, giáo dục đạo đức và chuyển đổi số có thể gắn kết nhuần nhuyễn hơn, hướng tới mục tiêu xây dựng con người Việt Nam thời đại mới - nhân ái, sáng tạo, có trách nhiệm và giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

*Lồng ghép công nghệ thông tin vào hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng.*

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, việc lồng ghép công nghệ thông tin vào các hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng đã trở thành một xu hướng tất yếu, góp phần làm phong phú phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên. Nếu trước đây, giáo dục đạo đức chủ yếu diễn ra trong lớp học lý thuyết hoặc qua các buổi sinh hoạt chính trị - tư tưởng, thì nay, nó được mở rộng sang không gian thực hành xã hội và môi trường số, nơi sinh viên vừa học, vừa trải nghiệm, vừa cống hiến cho cộng đồng.

Các trường đại học ở Hà Nội đã tích cực triển khai nhiều mô hình ngoại khóa kết hợp ứng dụng công nghệ để lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống một cách sinh động và gần gũi. Điển hình như sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã lan tỏa những giá trị lịch sử theo cách hoàn toàn mới mẽ thông qua dự án “CỨU”. Nhóm Le Aiga ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để đưa lịch sử đến gần giới trẻ hơn bằng hệ thống video trải nghiệm, bài viết đa phương tiện và các nền tảng mạng xã hội. Việc số hóa tư liệu, thiết kế infographic, bản đồ di tích và loạt clip khám phá Hoàng thành Thăng Long giúp người xem tiếp cận lịch sử sinh động, trực quan hơn. Nhờ khai thác hiệu quả các công cụ truyền thông số, dự án không chỉ tạo sức lan tỏa trong Học viện mà còn thu hút đông đảo học sinh, sinh viên trên địa bàn Hà Nội. Qua đó, các bạn trẻ vừa tham gia hoạt động ngoại khóa sáng tạo, vừa góp phần gìn giữ, truyền bá những giá trị lịch sử lâu bền của dân tộc [100]. Trường Đại học Ngoại thương với phương châm “Khác biệt để dẫn đầu”, lấy “Đổi mới sáng tạo” làm động lực cho việc xây dựng và phát triển Nhà trường. Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương - PGS. TS Bùi Anh Tuấn khẳng định, Trường sẽ luôn sát cánh và hỗ trợ các cộng đồng trong hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Nhà trường luôn định hướng đổi mới sáng tạo mở vì cộng đồng - cộng đồng kiến tạo sự thay đổi (Change Maker Community). Dự án của Trường được xây dựng bao gồm 6 cộng đồng nhỏ, đó là F2F - Follow the Fire, EZ - Entrepreneur Z, SBC - Social Business Creation (SBC Youth Community), CE - Circular Economy, Runway, INNOREC - Innovation Research dưới sự bảo trợ chuyên môn của Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU (FIIS) ra đời, với các dự án này các bạn trẻ được khuyến khích, được trải nghiệm các hoạt động đổi mới sáng

tạo và khởi nghiệp, được trao quyền và tự vận năng để thực hiện các ý tưởng và dự án phục vụ cộng đồng của mình, được đồng hành và kết nối với bạn bè cùng đam mê và sở thích, với các chuyên gia, cố vấn trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế [125].

Kết quả khảo sát đối với sinh viên thuộc 5 trường đại học cho thấy ý nghĩa của việc lồng ghép công nghệ thông tin vào hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng: 63,9% sinh viên đã từng tham gia hoạt động thiện nguyện, dự án hoặc câu lạc bộ hướng về giá trị đạo đức truyền thống và 62,5% từng trực tiếp sáng tạo, chia sẻ nội dung truyền thông tích cực về giá trị đạo đức trên nền tảng số. Đặc biệt, 78,9% sinh viên mong muốn nhà trường tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc giáo dục giá trị đạo đức theo hướng ứng dụng số [Phục lục] cho thấy xu hướng tích hợp công nghệ thông tin vào hoạt động cộng đồng không chỉ là yêu cầu khách quan, mà còn xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của chính người học. Thông qua đó, quá trình rèn luyện đạo đức của sinh viên không còn giới hạn trong lớp học, mà được mở rộng thành một hệ sinh thái học tập - cống hiến - sáng tạo đa chiều, ngày càng linh hoạt và hiệu quả.

*Phát huy vai trò nêu gương và ảnh hưởng tích cực của giảng viên trên không gian số.*

Trong bối cảnh số hoá ngành giáo dục, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức, mà trở người định hướng giá trị, hình mẫu đạo đức và văn hóa ứng xử cho sinh viên - cả trong không gian thực lẫn không gian số. Sự phát triển của mạng xã hội, nền tảng học tập trực tuyến và các công cụ truyền thông kỹ thuật số đã khiến ảnh hưởng sư phạm của giảng viên được lan tỏa vượt khỏi phạm vi lớp học và trở thành nguồn cảm hứng cho sinh viên trong việc hình thành nhân cách, lối sống và bản lĩnh văn hóa.

Ở các trường đại học tại Hà Nội, nhiều giảng viên đã tận dụng không gian mạng để thực hành vai trò nêu gương, bằng việc duy trì hình ảnh chuẩn mực, tích cực và chuyên nghiệp trên các nền tảng như Facebook, YouTube, TikTok, Zalo, LinkedIn hoặc các hệ thống học tập trực tuyến (LMS, Moodle, Google Classroom). Thông qua việc chia sẻ bài viết, video bài giảng, podcast tri thức hoặc bình luận về các vấn đề đạo đức - xã hội, họ trở thành người dẫn dắt tư tưởng, giúp sinh viên không chỉ học tri thức mà còn “học cách làm người” trong thế giới số. Điển hình, nhiều giảng viên Học viện Báo chí và

Tuyên truyền, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, hay Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo dựng “thương hiệu cá nhân học thuật” bằng cách chia sẻ các bài viết chính luận, bình luận khoa học và thông điệp nhân văn trên mạng xã hội. Những nội dung này không chỉ giúp lan tỏa giá trị tích cực, củng cố niềm tin của sinh viên vào nghề nghiệp và đạo lý sống, mà còn định hình chuẩn mực ứng xử có văn hóa trong giao tiếp trực tuyến. Ở nhiều trường, giảng viên còn đồng hành với sinh viên qua các nhóm học tập trực tuyến, nơi họ vừa là người hướng dẫn học thuật, vừa là người bạn tinh thần, giúp sinh viên định hướng tư duy và hành vi đúng đắn khi tiếp cận thông tin trên Internet [123]. Không ít giảng viên đã chủ động tham gia hoặc dẫn dắt các dự án truyền thông giáo dục giá trị đạo đức, chẳng hạn như talkshow, seminar, vlog hay workshop trực tuyến về “văn hóa ứng xử số”, “đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên AI”, “trách nhiệm công dân mạng”,... Các sản phẩm này lan tỏa nhanh chóng trong cộng đồng sinh viên, tạo nên những “vùng ảnh hưởng tích cực” giữa môi trường mạng vốn dễ bị chi phối bởi thông tin tiêu cực. Một số giảng viên còn sử dụng công cụ AI và dữ liệu lớn để thiết kế bài học mô phỏng tình huống đạo đức, giúp sinh viên rèn luyện năng lực phản biện và lựa chọn giá trị đúng trong môi trường số.

Nhiều cơ sở giáo dục đại học ở thành phố Hà Nội hiện cũng đang thúc đẩy hình ảnh giảng viên tiên phong chuyển đổi số, có trách nhiệm xã hội, khuyến khích đội ngũ nhà giáo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, ứng xử chuẩn mực trên không gian mạng, đồng thời chủ động tham gia định hướng dư luận và phản biện tích cực trước các vấn đề xã hội. Giảng viên không chỉ là người “dạy đạo đức” mà chính họ là “người sống đạo đức”, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và nhân cách trong từng hành động - từ cách phản hồi sinh viên trên mạng đến cách ứng xử trước các vấn đề xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy, ảnh hưởng của giảng viên trên không gian số và trong đời sống sinh viên là rất rõ nét: có 81,1% sinh viên đồng ý hoặc rất đồng ý rằng giảng viên thường xuyên đề cập đến các giá trị đạo đức truyền thống trong giảng dạy (và 84,6% đánh giá giảng viên là tấm gương về thái độ, cách ứng xử và hành vi đạo đức để noi theo. Đồng thời, 49,7% sinh viên cho biết hành vi đạo đức của họ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giảng viên) [Phụ lục], khẳng định những ảnh hưởng tích cực của giảng viên trên không gian số đang trở thành một trụ cột quan trọng

trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Khi người thầy biết kết hợp giữa tri thức, công nghệ và nhân cách, họ không chỉ truyền dạy kiến thức mà còn khơi dậy trong sinh viên niềm tin, lòng kính trọng, ý thức trách nhiệm và khả năng tự định hướng giá trị sống.

*Thúc đẩy tự học, tự rèn luyện và tự giáo dục của sinh viên thông qua nền tảng số.*

Nếu trước đây, sinh viên chủ yếu học tập trong khuôn khổ lớp học truyền thống, thì ngày nay, nhờ nền tảng số và công nghệ giáo dục mở, người học có thể chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp, tiến độ và hình thức học phù hợp với nhu cầu, điều kiện cá nhân. Đây không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật, mà là một bước tiến về giáo dục đào tạo trong kỷ nguyên công nghệ.

Các trường đại học ở thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều nền tảng học tập trực tuyến (E-learning, LMS, MOOCs) và thư viện học liệu mở, cho phép sinh viên tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi. Sinh viên được khuyến khích sử dụng các ứng dụng như VN-MOOC, Coursera, edX, Udemy, Funix, LinkedIn Learning hay các hệ thống trực tuyến nội bộ của các trường để trau dồi tri thức, bồi dưỡng và đặc biệt là các giá trị đạo đức, văn hóa ứng xử số. Các khóa bồi dưỡng tri thức, kỹ năng nghề, kỹ năng sống, đạo đức nghề nghiệp... học được đưa vào chương trình hỗ trợ, giúp sinh viên hiểu rõ mối liên hệ giữa tri thức, công nghệ và đạo đức trong xã hội hiện đại. Bên cạnh việc học tập, các nền tảng số còn tạo điều kiện để sinh viên tự rèn luyện và phản tư đạo đức cá nhân. Thông qua các ứng dụng quản lý mục tiêu (Notion, Trello, Habitica) hoặc các diễn đàn học thuật trực tuyến, sinh viên có thể đặt kế hoạch rèn luyện, theo dõi tiến độ, tự đánh giá hành vi, thậm chí chia sẻ kinh nghiệm học tập và sống tích cực với cộng đồng. Việc sử dụng AI hỗ trợ học tập như ChatGPT, Gemini, Copilot, Grammarly hay các công cụ phân tích dữ liệu học tập (Learning Analytics) giúp người học có thể dễ dàng tìm hiểu khám phá kho tàng tri thức của nhân loại, cải thiện năng lực tự học và hoàn thiện khả năng tư duy phản biện - những phẩm chất cốt lõi của công dân trí thức thời đại số.

Đáng chú ý, nhiều trường đại học đã tích hợp các hoạt động “học đi đôi với hành” trên nền tảng số như yêu cầu sinh viên xây dựng hồ sơ năng lực điện tử (E-portfolio) để lưu giữ, phản tư và trình bày quá trình phát triển học

tập, định hướng nghề nghiệp và tu dưỡng đạo đức của mình. Cách làm này giúp sinh viên không chỉ lưu giữ thành tựu học tập, mà còn hình thành dấu ấn số tích cực về sự hoàn thiện nhân cách mỗi ngày. Các trường đều áp dụng các đánh giá kết quả của sinh viên dựa trên cả quá trình học tập và rèn luyện cũng như sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng tích cực - ví dụ như viết bài chia sẻ giá trị nhân văn, tham gia diễn đàn thảo luận đạo đức nghề nghiệp, hay sáng tạo nội dung lan tỏa tinh thần yêu nước, nhân ái, đoàn kết, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong trường đại học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tự giáo dục qua nền tảng số, tạo môi trường để sinh viên biến công nghệ thành công cụ tự phát triển bản thân thay vì chỉ là phương tiện giải trí. Kết quả khảo sát cho thấy xu hướng tự học, tự rèn luyện và tự giáo dục của sinh viên trên nền tảng số là rất rõ nét: có 77,8% sinh viên đồng ý hoặc rất đồng ý rằng họ chủ động vận dụng các giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số. Đặc biệt, 87% sinh viên cho biết việc thực hành các hành vi đạo đức xuất phát từ “tự thân mong muốn” và 78,9% mong muốn nhà trường tiếp tục đổi mới giáo dục đạo đức theo hướng ứng dụng số mạnh mẽ hơn cho thấy sinh viên đã thực sự trở thành chủ thể tự giáo dục trong không gian số. [Phụ lục].

Nền tảng số đã và đang tạo ra một không gian tự học - tự rèn luyện - tự giáo dục và cá nhân hóa cho sinh viên đại học ở thành phố Hà Nội hiện nay. Việc học không còn dừng ở giảng đường, mà mở rộng ra toàn bộ không gian mạng, nơi sinh viên chủ động tìm kiếm tri thức, tự quản lý hành vi, và tự định hướng giá trị sống. Đây là bước chuyển căn bản trong phương thức giáo dục đạo đức, góp phần hình thành con người Việt Nam thời đại mới: có tri thức, có kỹ năng số, có nhân cách đạo đức và có tinh thần học tập suốt đời.

### ***3.2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số***

*Thứ nhất, có sự định hướng đúng đắn của Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý giáo dục*

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ chiến lược. Các văn bản

như Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư, Kết luận 25-KL/TW, hay gần đây là Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 đã nhấn mạnh yêu cầu “đổi mới giáo dục toàn diện, kết hợp hài hòa giữa tri thức, kỹ năng và giá trị đạo đức, văn hóa”. Trên cơ sở đó, các trường đại học tại thành phố Hà Nội đã xây dựng kế hoạch cụ thể để tích hợp giáo dục đạo đức vào chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa và môi trường số. Chính sự chỉ đạo nhất quán, có tầm nhìn và phù hợp với xu thế công nghệ là tiền đề quan trọng giúp công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống được triển khai hiệu quả, bám sát thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của thời đại.

*Thứ hai, vai trò chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học*

Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đổi mới mạnh mẽ mô hình và phương pháp giáo dục đạo đức, kết hợp giữa truyền thống và công nghệ số. Việc áp dụng hệ thống LMS, lớp học trực tuyến, MOOC, cùng các hoạt động giáo dục giá trị qua dự án cộng đồng, truyền thông xã hội, sản phẩm số đã giúp sinh viên tiếp cận nội dung đạo đức một cách sinh động, gần gũi và thực tiễn hơn. Đặc biệt, nhiều trường đã lồng ghép giáo dục đạo đức vào học phần chuyên môn tạo điều kiện để giá trị truyền thống không chỉ được học mà còn được vận dụng trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sự năng động của các trường trong việc xây dựng “hệ sinh thái giáo dục số” là nhân tố trực tiếp góp phần vào những kết quả nổi bật của công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy, 83,6% sinh viên đồng ý hoặc rất đồng ý rằng các trường đại học đã lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào học phần, chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa; đồng thời, 79,1% đánh giá cao vai trò lan tỏa giá trị đạo đức của các kênh truyền thông số của nhà trường, khoa, câu lạc bộ [Phụ lục]. Sự chủ động của nhà trường là nguyên nhân trực tiếp góp phần tạo nên hiệu quả giáo dục đạo đức trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Thứ ba, đội ngũ giảng viên giữ vai trò nêu gương và truyền cảm hứng tích cực*

Giảng viên là cầu nối quan trọng giữa giá trị truyền thống và thế hệ sinh viên thời đại số. Nhiều giảng viên ở các trường đại học Hà Nội đã tận dụng công nghệ để đổi mới phương pháp giảng dạy, thiết kế bài học sinh động, tạo diễn đàn thảo luận mở và lan tỏa giá trị đạo đức trên không gian mạng. Họ

không chỉ là người dạy, mà còn là người truyền cảm hứng, người dẫn dắt văn hóa ứng xử và hình mẫu nhân cách trong môi trường số. Việc giảng viên chủ động sử dụng các nền tảng số như YouTube, TikTok, Facebook học thuật, podcast... để truyền tải nội dung nhân văn, tri thức chính trị - xã hội cũng góp phần hình thành “vùng ảnh hưởng tích cực” trong cộng đồng sinh viên. Khảo sát cho thấy, 81,1% sinh viên khẳng định giảng viên thường xuyên đề cập đến các giá trị đạo đức truyền thống trong giảng dạy và 84,6% đánh giá giảng viên là tấm gương về thái độ, hành vi và chuẩn mực đạo đức để noi theo [Phụ lục]. Đây chính là nguyên nhân quan trọng tạo nên sức thuyết phục và chiều sâu của giáo dục đạo đức trong môi trường đại học hiện nay.

*Thứ tư, sinh viên Hà Nội có trình độ nhận thức cao và khả năng thích ứng nhanh với công nghệ*

Hà Nội là trung tâm giáo dục - khoa học lớn của cả nước, tập trung phần lớn sinh viên có tư duy năng động, tiếp cận nhanh với công nghệ và có ý thức xã hội cao. Thế hệ sinh viên Gen Z - những “công dân số” - không chỉ am hiểu kỹ thuật mà còn có nhu cầu thể hiện bản thân, chia sẻ giá trị tích cực trên mạng xã hội. Chính sự hòa quyện giữa trí tuệ, năng động và tinh thần nhân văn của sinh viên Hà Nội đã giúp việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trở nên gần gũi và hiệu quả hơn. Họ không còn là đối tượng thụ động, mà là chủ thể sáng tạo - lan tỏa giá trị đạo đức bằng ngôn ngữ, công cụ và phong cách của thời đại mình. Kết quả khảo sát cho thấy, 77,8% sinh viên chủ động vận dụng các giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số; đặc biệt 87% thực hành các hành vi đạo đức xuất phát từ động cơ “tự thân mong muốn” [Phụ lục]. Điều này chứng tỏ ý thức tự giáo dục và động lực nội tại của sinh viên là một nguyên nhân cốt lõi tạo nên hiệu quả bền vững của giáo dục đạo đức.

*Thứ năm, tác động lan tỏa của truyền thông số và phong trào thanh niên Thủ đô*

Các chiến dịch truyền thông, phong trào tình nguyện, dự án cộng đồng được Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên thành phố Hà Nội triển khai đã tạo môi trường thực hành đạo đức sinh động, giúp sinh viên “học làm người” qua hành động cụ thể. Hàng trăm chiến dịch thiện nguyện được số hóa và truyền thông qua các nền tảng mạng xã hội đã góp phần lan tỏa mạnh mẽ giá trị nhân

ái, đoàn kết, trách nhiệm xã hội. Đây là minh chứng cho thấy công nghệ không làm phai nhạt đạo đức, mà đang giúp đạo đức truyền thống “tái sinh” trong hình thức mới - nhanh hơn, rộng hơn, hấp dẫn hơn. Khảo sát cho thấy, 78,8% sinh viên cho rằng họ học được nhiều bài học đạo đức từ các nội dung truyền thông tích cực trên mạng xã hội; đồng thời, 70% chịu ảnh hưởng hành vi đạo đức từ bạn bè và 49,7% từ giảng viên. Bên cạnh đó, 72,4% đánh giá các hoạt động câu lạc bộ, tình nguyện, chiến dịch truyền thông có tác dụng rõ rệt trong việc rèn luyện giá trị đạo đức [Phụ lục], cho thấy truyền thông số và phong trào thanh niên là động lực xã hội quan trọng của giáo dục đạo đức hiện nay.

*Thứ sáu, sự hỗ trợ của môi trường văn hóa - xã hội và định hướng từ gia đình*

Hà Nội với truyền thống văn hóa ngàn năm Thăng Long, nơi giá trị “thanh lịch - văn minh” trở thành chuẩn mực ứng xử và lối sống. Chính môi trường văn hóa ấy, cùng với vai trò giáo dục của gia đình, đã hình thành nền tảng đạo đức vững chắc cho sinh viên. Sự kết hợp giữa giáo dục nhà trường - định hướng gia đình - ảnh hưởng xã hội tạo nên tam giác giá trị giúp sinh viên duy trì, củng cố và phát triển phẩm chất đạo đức trong thời đại số. Kết quả khảo sát khẳng định 86,1% sinh viên cho rằng các giá trị đạo đức mà họ theo đuổi có được từ sự dạy dỗ, nêu gương của gia đình; đồng thời, 72,1% thường xuyên trao đổi với cha mẹ về định hướng sống, học tập và giá trị đạo đức [Phụ lục]. Điều này cho thấy, gia đình vẫn là nền tảng đạo đức gốc rễ, góp phần quan trọng tạo nên hiệu quả giáo dục đạo đức trong nhà trường và xã hội.

Tổng kết lại, những kết quả đạt được trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội bắt nguồn từ sự cộng hưởng của ba yếu tố cốt lõi: (1) chính sách - thể chế đúng hướng, (2) nhà trường và giảng viên năng động, sáng tạo, và (3) người học tích cực, chủ động trong chuyển đổi số. Sự tương tác giữa ba yếu tố này đã tạo ra một “hệ sinh thái đạo đức số”, trong đó giá trị truyền thống không chỉ được gìn giữ mà còn được làm mới, thích ứng với bối cảnh hiện đại - góp phần hình thành thế hệ sinh viên thủ đô vừa có tri thức, vừa có đạo đức, vừa có bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên số.

### **3.3. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - những hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.3.1. Những hạn chế trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số**

##### *3.3.1.1. Về chủ thể giáo dục*

##### *Hệ thống chính trị*

Từ góc nhìn triết học có thể thấy, trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay đang tồn tại một mâu thuẫn giữa yêu cầu khách quan phải chuyển hóa các giá trị đạo đức thành năng lực và hành vi sống trong môi trường số với phương thức tổ chức thực thi vẫn chủ yếu dựa trên logic hành chính đó là tuyên truyền, nặng về hình thức và thiếu công cụ tác động thực chất.

Mặc dù Nhà nước đã xác định giáo dục đạo đức là một trụ cột trong chiến lược xây dựng và phát triển con người Việt Nam thời kỳ mới, song trên thực tế vẫn tồn tại độ vênh đáng kể giữa định hướng ở tầm vĩ mô và khả năng hiện thực hóa ở cấp cơ sở giáo dục đại học. Không ít chủ trương, chương trình, phong trào giáo dục đạo đức được ban hành ở cấp Trung ương (như xây dựng môi trường học đường văn hóa, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...), nhưng khi triển khai xuống các trường đại học tại Hà Nội lại thiếu hệ công cụ thực thi cụ thể, thiếu tiêu chí đánh giá định lượng, thiếu hướng dẫn theo đặc thù từng khối ngành và thiếu cơ chế giám sát hiệu quả. Hệ quả là ở nhiều cơ sở đào tạo, hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống bị triển khai theo logic hình thức: phát động phong trào, tổ chức sự kiện, tổng kết bằng báo cáo hành chính, nhưng thiếu chu trình tác động - phản hồi - điều chỉnh và đánh giá kết quả chuyển hóa thực chất ở sinh viên.

Ở bình diện nội dung, nhiều văn bản chỉ đạo mới dừng lại ở việc khẳng định các giá trị phổ quát như “yêu nước”, “tự lực, tự cường”, “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, “giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”, nhưng chưa được chuyển hóa thành các chuẩn mực hành vi cụ thể tương thích với đời sống sinh viên trong môi trường số, chẳng hạn như đạo đức trong sử dụng mạng xã hội, trách nhiệm công dân số hay văn hóa ứng xử trên không gian

mạng. Sự thiếu vắng tầng trung gian này khiến giá trị tồn tại chủ yếu ở dạng khẩu hiệu, định hướng, khó đi vào đời sống hành vi hằng ngày của sinh viên.

Bên cạnh đó, xét từ bình diện nguồn lực - một điều kiện vật chất của việc hiện thực hóa giá trị - có thể thấy giáo dục giá trị đạo đức truyền thống ở bậc đại học hiện chưa được đầu tư tương xứng với vai trò chiến lược mà nó được kỳ vọng. Kinh phí, thời gian và nhân sự vẫn ưu tiên cho nghiên cứu khoa học, kiểm định chất lượng, quốc tế hóa đào tạo; trong khi giáo dục đạo đức thường bị xem như lĩnh vực bổ trợ, chủ yếu dựa vào sự tự giác và tâm huyết của một số giảng viên, cán bộ Đoàn, Hội. Hiện cũng chưa hình thành được đội ngũ chuyên trách đủ mạnh về giáo dục đạo đức ở bậc đại học; phần lớn giảng viên giảng dạy nội dung này là kiêm nhiệm, tự xây dựng học liệu, tự lồng ghép nội dung, thiếu chuẩn chung về phương pháp và đánh giá.

Nói cách khác, giới hạn về cơ chế và nguồn lực ở cấp hệ thống chính trị dẫn đến tình trạng: ý chí chính trị và mục tiêu giá trị thì mạnh, nhưng hệ thống công cụ và năng lực thực thi lại yếu. Đây chính là biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giữa mục tiêu nhân văn và phương thức hành chính hóa trong quản lý giáo dục đạo đức. Mâu thuẫn ấy khiến giáo dục giá trị đạo đức truyền thống ở bậc đại học hiện nay vẫn chủ yếu dừng ở tầng định hướng tư tưởng, chưa đủ sức trở thành quá trình tổ chức chuyển hóa bền vững từ giá trị thành năng lực đạo đức và hành vi sống của sinh viên, đặc biệt trong môi trường số vốn vận động nhanh, mở và đầy biến động.

#### *Các trường đại học*

Ở nhiều cơ sở đào tạo, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vẫn chưa được đặt ngang hàng với các chỉ số “cứng” như thành tích đào tạo, nghiên cứu, kiểm định, xếp hạng, hợp tác quốc tế. Điều này thể hiện ở ba điểm: (1) thiếu chiến lược riêng về xây dựng văn hóa đạo đức sinh viên trong kỷ nguyên số; (2) thiếu bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi, đánh giá, điều phối giáo dục đạo đức; (3) thiếu học liệu hiện đại, hấp dẫn, phù hợp với ngôn ngữ và tâm thế thế hệ sinh viên hiện nay. Các tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trong trường hiện vẫn là lực lượng triển khai chính các hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống thông qua phong trào, tình nguyện, sinh hoạt chính trị - tư tưởng, tuy nhiên còn bộc lộ ba hạn chế lớn:

*Thứ nhất*, tính chiến dịch - thời vụ còn cao. Nhiều hoạt động tập trung quanh các ngày kỷ niệm (26/3, 2/9, 20/11, các đợt tình nguyện hè...) nên thiếu tính liên tục quanh năm, thiếu lộ trình rèn luyện theo chiều sâu. Điều đó khiến giáo dục đạo đức dễ bị “cảm xúc hóa nhất thời”, mà khó hình thành thói quen hành vi ổn định.

*Thứ hai*, tư duy tổ chức đôi khi còn mang tính hành chính, chạy theo số lượng và chỉ tiêu báo cáo (bao nhiêu bạn tham gia, bao nhiêu suất quà, bao nhiêu bài đăng truyền thông...) hơn là thay đổi chất lượng nhận thức và hành vi đạo đức của sinh viên. Công nghệ số trong nhiều trường hợp còn vô tình đẩy nhanh xu hướng “thành tích hóa”: một hoạt động tình nguyện có thể được lan truyền rầm rộ bằng infographic, clip ngắn, livestream, hashtag... nhưng mức độ tham gia thực chất, mức độ gắn bó lâu dài với cộng đồng lại thấp. Có hiện tượng sinh viên “check-in phong trào” để lấy điểm rèn luyện hoặc đưa vào CV, hơn là gắn bó với sứ mệnh xã hội của hoạt động.

*Thứ ba*, sản phẩm truyền thông đạo đức dành cho sinh viên chưa thực sự bắt kịp ngôn ngữ của văn hóa số. Nhiều fanpage Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, kênh YouTube, TikTok của trường hoặc khoa tồn tại nhưng nội dung còn nặng tính tuyên truyền một chiều, thiếu tính đối thoại, thiếu yếu tố kể chuyện (storytelling) và nhân vật điển hình có sức lan tỏa. Kết quả là thông điệp đạo đức truyền thống chưa thâm nhập được vào “dòng chảy hàng ngày” của sinh viên trên mạng xã hội - nơi các giá trị cạnh tranh trực tiếp với nội dung giải trí, trào lưu gây sốc, và lối sống khoe mẽ vật chất.

Ngoài ra, việc số hóa hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng tuy mở thêm kênh tiếp cận, nhưng vẫn tồn tại khoảng đứt gãy giữa “lan tỏa trực tuyến” và “dấn thân trực tiếp”. Ở không ít chiến dịch thiện nguyện hay khởi nghiệp xã hội, số lượt đăng ký online, tương tác mạng xã hội rất cao, nhưng khi triển khai thực địa (đi địa bàn, làm việc với cộng đồng yếu thế, duy trì hoạt động dài hơi), lực lượng nòng cốt lại mỏng. Nói cách khác, nhà trường đã có nhiều nỗ lực mở rộng bề rộng, nhưng chiều sâu chuyển hóa đạo đức qua trải nghiệm thực tế vẫn chưa tương xứng.

#### *Đội ngũ giảng viên*

*Trước hết*, hạn chế dễ nhận thấy nằm ở phương pháp giáo dục. Ở không ít cơ sở đào tạo, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vẫn được truyền đạt

theo lối diễn giảng, thiên về áp đặt chuẩn mực, ít đối thoại, ít phân tích tình huống đạo đức gắn với bối cảnh số; bối cảnh đời sống và môi trường số. Cách tiếp cận này thường nghiêng về trình bày khái niệm trừu tượng và lý thuyết, trong khi sinh viên lại có nhu cầu rất rõ rệt đối với những vấn đề có thể vận dụng vào các tình huống thực tiễn cụ thể. Hệ quả là khoảng cách giữa nội dung giáo dục đạo đức và trải nghiệm sống của sinh viên vẫn còn khá lớn, làm giảm sức thuyết phục và khả năng chuyển hóa giá trị thành hành vi.

*Thứ hai*, xét trong môi trường dạy, học trực tuyến, những hạn chế này càng bộc lộ rõ hơn. Lớp học online - đặc biệt trong và sau giai đoạn dịch bệnh đã khiến kỷ luật học tập bị nới lỏng, tương tác thầy - trò suy giảm và tính chuẩn mực trong không gian sư phạm bị làm mờ. Khi sinh viên tắt camera, làm việc riêng, thậm chí thể hiện thái độ thiếu tôn trọng trong giờ học trực tuyến, thì ngay cả những giá trị căn bản như “tôn sư trọng đạo”, “tự giác”, “tôn trọng tập thể” cũng trở nên khó được củng cố. Ở đây, bộc lộ một vấn đề mang tính nguyên tắc: khi hình ảnh người thầy suy giảm sức nặng biểu tượng trong không gian số, thì hiệu lực cảm hóa đạo đức thông qua tấm gương sống động cũng tất yếu bị suy yếu.

*Thứ ba*, từ góc độ cơ chế vận hành của đại học hiện đại, giảng viên hiện nay đang phải gánh đồng thời nhiều vai trò: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác hành chính, tham gia kiểm định, đánh giá chất lượng, hợp tác quốc tế... Tuy nhiên, trong hệ quy chiếu đánh giá hiệu suất và thành tích, những đóng góp mang tính “mềm” như giáo dục đạo đức, đồng hành nhân cách với sinh viên lại rất ít khi được ghi nhận tương xứng. Sự chênh lệch giữa lý tưởng giáo dục toàn diện và cơ chế đánh giá công việc khiến phần lớn giảng viên chỉ có thể lòng ghép giáo dục đạo đức ở mức độ tối thiểu, phụ thuộc chủ yếu vào ý thức và tâm huyết cá nhân.

Bên cạnh đó, thực tế còn cho thấy sự phân hóa khá rõ trong năng lực và phong cách của đội ngũ giảng viên: có người thành thạo truyền thông số nhưng thiếu chiều sâu triết lý giáo dục; có người có uy tín cá nhân và nhân cách sư phạm mẫu mực, nhưng lại hạn chế về công nghệ, khó lan tỏa giá trị trong môi trường trực tuyến - nơi sinh viên dành phần lớn thời gian sinh hoạt và học tập. Hệ quả là, chất lượng giáo dục đạo đức phụ thuộc quá nhiều vào từng cá nhân giảng viên cụ thể, thay vì trở thành một chuẩn mực sư phạm

chung, được bảo đảm bằng cơ chế và văn hóa học đường của toàn bộ nhà trường. Từ đó cho thấy, đội ngũ giảng viên hiện đang đứng trước mâu thuẫn giữa vai trò nhân cách sư phạm rất lớn được xã hội kỳ vọng với những giới hạn về phương pháp, môi trường và cơ chế vận hành của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. Nếu mâu thuẫn này không được giải quyết ở tầm hệ thống, thì giáo dục giá trị đạo đức truyền thống khó có thể đạt tới chiều sâu và tính bền vững trong đời sống sinh viên.

### *Gia đình*

Gia đình vốn là “không gian đạo đức nguyên thủy”, nơi con người hình thành những giá trị nền tảng đầu tiên và bền vững nhất. Tuy nhiên, trong bối cảnh đô thị hóa và chuyển đổi số, đang nổi lên một mâu thuẫn căn bản: mâu thuẫn giữa vai trò nền tảng không thể thay thế của gia đình trong việc hình thành nhân cách với sự suy giảm, thậm chí rút lui của gia đình khỏi chức năng giáo dục đạo đức ở giai đoạn sinh viên. Thực tiễn cho thấy, nhiều phụ huynh ở cả khu vực đô thị và các địa phương khác khi đưa con lên Hà Nội học đại học đã gần như “khoán trắng” phần giáo dục nhân cách cho nhà trường. Nguyên nhân xuất phát từ nhiều phía: khoảng cách thế hệ, khoảng cách địa lý, áp lực mưu sinh; sự thiếu hụt kỹ năng đồng hành tâm lý ở lứa tuổi thanh niên; và không ít trường hợp là tâm lý giản đơn hóa: “vào đại học rồi thì tự lo”. Hệ quả là kênh giáo dục cảm xúc - tình cảm trong gia đình bị suy yếu, trong khi đây lại chính là nền tảng sâu xa để hình thành các giá trị như lòng biết ơn, nhân ái, ý thức trách nhiệm và khả năng tự điều chỉnh hành vi.

Đáng chú ý, trong nhiều gia đình hiện nay đang tồn tại đồng thời hai xu hướng lệch chuẩn nhưng đối lập nhau. Một số gia đình tiếp tục duy trì lối giáo dục bao bọc, nuông chiều quá mức, điều này vô tình tước đi cơ hội trải nghiệm, va chạm và rèn luyện năng lực tự chịu trách nhiệm của sinh viên. Bên cạnh đó, không ít gia đình lại công cụ hóa quá trình nuôi dạy con cái, đặt nặng các chỉ số thành tích, điểm số, cơ hội nghề nghiệp và thu nhập tương lai, trong khi xem nhẹ hoặc bỏ quên việc duy trì đối thoại đạo đức trong đời sống gia đình về những giá trị nền tảng như tôn trọng người khác, khiêm tốn, trung thực và sống có trách nhiệm. Cả hai xu hướng trên đều dẫn đến một hệ quả chung: gia đình bị suy giảm vai trò như một “điểm tựa đạo đức” trong quá trình phát triển nhân cách của sinh viên. Khi không gian đạo đức gốc này trở

nên mờ nhạt hoặc lệch chức năng, sinh viên có xu hướng tìm kiếm các “không gian thay thế” trên mạng xã hội, trong nhóm bạn bè hoặc trong các cộng đồng số - những môi trường mới mà chuẩn mực giá trị vận hành theo logic lan truyền, thị hiếu và ảnh hưởng số đông, chứ không nhất thiết theo logic của chiều sâu đạo đức và sự trưởng thành nhân cách.

Từ phương diện triết học giá trị, có thể nói sự suy yếu của gia đình với tư cách là thiết chế đạo đức nền tảng chính là một trong những “điểm gãy” quan trọng trong chuỗi hình thành nhân cách sinh viên hiện nay, làm gia tăng nguy cơ đứt đoạn giữa các giá trị đạo đức truyền thống với đời sống tinh thần thực tế của thế hệ trẻ trong môi trường số.

### *Xã hội*

Tác động đến sinh viên trên địa bàn hiện nay, cùng với các hoạt động xã hội thực tế trực tiếp thì một phần không nhỏ là không gian tương tác xã hội trực tuyến - nơi sinh viên Hà Nội dành phần lớn thời gian - vừa là môi trường học hỏi, vừa là nơi tạo áp lực tiêu chuẩn lối sống mới. Vấn đề là các “chuẩn mực” lan truyền mạnh nhất trên mạng không phải lúc nào cũng là những chuẩn mực đạo đức tích cực.. Các hình ảnh về thành công nhanh, giàu nhanh, nổi tiếng nhanh; lối sống phô trương vật chất; tâm lý “viral bằng mọi giá”; ngôn ngữ công kích, giễu nhại... đang dần hình thành những thang giá trị lệch chuẩn, trong đó sự chú ý và mức độ hiển thị được coi trọng hơn chiều sâu nhân cách và giá trị lao động chân chính.

Trong khi đó, tiếng nói định hướng giá trị từ các chủ thể có trách nhiệm như cơ quan báo chí chính thống, nhà trường, tổ chức Đoàn - Hội và những cá nhân có uy tín xã hội thực chất lại khó cạnh tranh về mặt cơ chế lan truyền với các nội dung giải trí nhanh, gây sốc, kịch tính. Điều này tạo ra một nghịch lý giá trị: cái có giá trị nhân văn lâu dài thì lan tỏa chậm, còn cái gây kích thích tức thời thì lại chiếm ưu thế trong dòng chảy thông tin. Khi sự thừa thãi thông tin không đi kèm cơ chế lọc, phản biện và tự phán đoán giá trị, sinh viên dễ rơi vào trạng thái có thể gọi là “nhiều đạo đức”: biết rất nhiều khẩu hiệu đúng, nhưng đồng thời cũng tiếp nhận vô số mô hình hành vi trái ngược mà không có đủ năng lực phân tích hệ quả đạo đức của chúng.

Mặt khác, trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn ở Hà Nội - từ học tập, việc làm, thu nhập đến chi phí sinh hoạt và cơ

hội thăng tiến - không gian số lại càng khuếch đại tâm lý so sánh, chạy đua vị thế và tự khẳng định bằng hình ảnh. Điều này góp phần đẩy một bộ phận sinh viên vào lối sống thực dụng và cá nhân hóa, trong đó các giá trị đạo đức truyền thống như nghĩa tình, sẻ chia, khiêm nhường, tiết kiệm... có nguy cơ bị nhìn nhận như những “chuẩn mực đạo đức cổ điển”, chậm, không còn “hợp thời” với nhịp vận động của xã hội số.

Có thể nói, không gian truyền thông số đang trở thành nơi bộc lộ mâu thuẫn giữa logic phát triển nhân cách và logic vận hành của nền kinh tế chú ý. Nếu không có sự định hướng giá trị và giáo dục đạo đức đủ mạnh, không gian này rất dễ chuyển từ phương tiện phục vụ con người thành quyền lực vô hình chi phối hệ giá trị, lối sống và chuẩn mực hành vi của thế hệ trẻ, trong đó có sinh viên Hà Nội.

#### *Bản thân sinh viên*

Sinh viên vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể tự giáo dục; nhưng chính ở nhóm chủ thể này, các mâu thuẫn giá trị bộc lộ rõ nhất. Một bộ phận sinh viên Hà Nội hiện nay chịu ảnh hưởng mạnh từ chủ nghĩa cá nhân, tư duy ngắn hạn và áp lực khẳng định bản thân qua hình ảnh số hơn là đóng góp thực chất cho cộng đồng. Họ có thể nói về yêu nước, nhân ái, đoàn kết, biết ơn... rất lưu loát, nhưng mức độ biến các giá trị đó thành hành vi thường xuyên, nhất quán lại chưa cao. Điều đó cho thấy, khoảng cách giữa “giá trị được nói” và “giá trị được sống” vẫn còn khá lớn. Điểm hạn chế cốt lõi ở đây không nằm ở sự thiếu hụt thông tin hay tri thức đạo đức, mà ở sự thiếu chiều sâu nội tâm đạo đức và thiếu năng lực chuyển hóa giá trị thành thói quen hành vi bền vững. Trong môi trường số, mọi giá trị đều có thể được chia sẻ, sao chép rồi gắn hashtag và lan truyền trong vài giây. Điều đó giúp giá trị lan truyền nhanh, nhưng đồng thời cũng khiến giá trị trở nên dễ thay thế, dễ bị lãng quên. Về mặt cơ chế, khi giá trị chủ yếu tồn tại dưới dạng thông điệp và cảm xúc tức thời, mà không được gắn với thực hành đời sống lâu dài, thì đạo đức rất dễ bị trượt từ chiều sâu nhân cách sang hình thức biểu đạt. Hệ quả là xuất hiện một trạng thái khá phổ biến: sinh viên tỏ ra nhiệt tình, đồng cảm và sẵn sàng hành động trong các chiến dịch, phong trào hoặc sự kiện mang tính thời điểm, nhưng sau đó lại nhanh chóng quay trở về nhịp sống cá nhân với rất ít thay đổi bền vững trong cách lựa chọn và tổ chức hành vi hằng ngày.

Thách thức lớn nhất của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống hiện nay vì thế không còn chỉ là “làm cho sinh viên biết giá trị đúng”, mà là “làm cho sinh viên sống bền vững với giá trị đúng”. Nói cách khác, giáo dục không chỉ dừng ở tầng nhận thức và cảm xúc, mà phải chạm tới tầng hành vi và thói quen, cả trong đời sống thực lẫn trong đời sống số. Và ở điểm này, hệ thống giáo dục hiện hành - từ chính sách đến nhà trường, gia đình và xã hội - vẫn chưa xây dựng được cơ chế đủ mạnh để đồng hành cùng sinh viên một cách liên tục, cá nhân hóa và có chiều sâu. Chính sự thiếu hụt này làm cho quá trình tự giáo dục đạo đức của sinh viên dễ bị đứt đoạn, thiếu tính liên tục và khó đạt tới độ bền vững cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số.

### 3.3.1.2. Về nội dung giáo dục

#### *Giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường*

Giáo dục lòng yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường cho sinh viên hiện nay vẫn thiên về truyền đạt biểu tượng và khẩu hiệu, trong khi chiều sâu chuyển hóa thành ý thức trách nhiệm cá nhân và hành vi cụ thể còn hạn chế. Không ít sinh viên thể hiện tình cảm với Tổ quốc qua các hoạt động bề nổi như chia sẻ hình ảnh, khẩu hiệu, hưởng ứng các phong trào mang tính biểu tượng... nhưng lại ít gắn tình yêu nước với nỗ lực tự rèn luyện năng lực nghề nghiệp, ý thức kỷ luật lao động, tinh thần làm chủ khoa học - công nghệ hay cam kết đóng góp thực chất cho cộng đồng. Ở chiều ngược lại, tinh thần tự lực - tự cường hiện nay có xu hướng bị phai nhạt trong một bộ phận sinh viên. Biểu hiện dễ thấy là tâm lý học đối phó, ngại khó, ngại thử thách, trông chờ vào hỗ trợ sẵn có thay vì chủ động tự vươn lên; tư duy “an toàn bằng văn bằng” thay vì “khẳng định bằng năng lực”; xu hướng thỏa hiệp với mức tối thiểu thay vì đặt chuẩn phấn đấu dài hạn. Khi yêu nước không đi kèm tự rèn luyện, và tự lực không đi kèm ý thức tự chịu trách nhiệm, các giá trị truyền thống có nguy cơ bị “mềm hóa” thành cảm xúc ngắn hạn, thiếu sức bền bản lĩnh. Điều này khiến một bộ phận sinh viên dễ dao động trước áp lực hội nhập, dễ bị lôi kéo bởi các luồng quan điểm cực đoan hoặc cơ hội chủ nghĩa trên không gian số.

#### *Giáo dục lòng nhân ái và tinh thần nhân văn*

Giá trị nhân ái - lòng trắc ẩn, sự sẻ chia, tinh thần “thương người như thể thương thân” - vẫn được nhắc tới thường xuyên trong hoạt động ngoại

khóa, thiện nguyện sinh viên. Tuy nhiên, ở không ít trường hợp, lòng nhân ái đang bị phong trào hóa và trình diễn hóa. Các hoạt động như hiến máu nhân đạo, gây quỹ hỗ trợ vùng khó khăn, chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh... đôi khi trở thành “hạng mục tiêu chuẩn” để tích lũy điểm rèn luyện, làm đẹp hồ sơ cá nhân, chụp ảnh đăng mạng xã hội hơn là một trải nghiệm đạo đức mang tính nội tâm. Cùng lúc đó, môi trường số lại xuất hiện nghịch lý: sinh viên có thể dễ dàng bày tỏ sự đồng cảm qua một bài đăng, một hashtag, một lượt chia sẻ câu chuyện thương tâm, nhưng trên thực tế các hành vi bạo lực ngôn từ, mỉa mai, công kích cá nhân trên mạng xã hội vẫn diễn ra với tần suất cao. Tức là “nhân ái công khai” và “vô cảm ẩn danh” có thể cùng tồn tại trong cùng một cá nhân. Khi nhân ái bị tách khỏi trách nhiệm đạo đức cá nhân và kỷ luật hành vi hằng ngày (cả trong đời sống thực lẫn trong không gian số), nó dễ bị rơi vào trạng thái bề mặt: có hình thức thể hiện nhưng thiếu chiều sâu giá trị. Điều này khiến nhân ái không trở thành phẩm chất ổn định của nhân cách mà chỉ là một khoảnh khắc cảm xúc.

#### *Giáo dục tinh thần đoàn kết*

Đoàn kết - vốn là giá trị tạo nên sức mạnh cố kết cộng đồng lại đang chịu sức ép phân rã trong đời sống sinh viên hiện nay. Ba biểu hiện đáng chú ý:

*Một là*, tinh thần làm việc chung bị suy yếu. Nhiều nhóm học tập hoặc nhóm dự án chỉ hợp tác ở mức kỹ thuật để hoàn thành bài tập nhóm, chia phần, ghép file, chứ không thực sự cùng xây dựng mục tiêu, chia sẻ trách nhiệm và hỗ trợ nhau phát triển năng lực. “Đoàn kết hình thức” thay cho “đồng hành thực chất”.

*Hai là*, mạng xã hội tạo ra những “cộng đồng khép kín” theo vùng miền, sở thích, lập trường quan điểm... Điều này giúp sinh viên có chỗ dựa tinh thần, nhưng đồng thời cũng có thể khoét sâu chia rẽ, tái sản xuất định kiến vùng miền hay công kích quan điểm khác biệt. Thay vì củng cố năng lực lắng nghe và đối thoại, không gian số đôi khi nuôi dưỡng xu hướng cực đoan hóa lập trường cá nhân.

*Ba là*, một số phong trào tập thể trong nhà trường bị hành chính hóa. Khi đoàn kết trở thành “nhiệm vụ phải tham gia” hơn là nhu cầu gắn bó tự thân, sinh viên dễ tiếp cận nó như một thủ tục để qua môn rèn luyện, chứ

không phải như một giá trị sống. Điều này làm suy giảm vai trò của đoàn kết như nền tảng đạo đức xã hội chứ không chỉ là kỹ năng tổ chức hoạt động.

Hệ quả là tinh thần đoàn kết không còn được cảm nhận như “sức mạnh chung của cộng đồng sinh viên” mà bị thu hẹp thành sự hợp tác ngắn hạn, thiếu chiều sâu niềm tin và thiếu trách nhiệm lẫn nhau.

*Giáo dục tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo*

Hiếu học, cần cù, sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số cũng đang chịu một dạng “dịch chuyển ý nghĩa” đáng lo ngại. Một bộ phận sinh viên không còn xem học tập như quá trình rèn luyện bền bỉ và tự hoàn thiện lâu dài, mà coi việc học như công cụ ngắn hạn để đạt chứng chỉ, điểm số hoặc “profile đẹp”. Cần cù bị thay thế bằng “nỗ lực bùng nổ ngắn hạn” (học dồn trước kỳ thi, làm dự án sát hạn chót); hiếu học bị thay bằng “sưu tầm thành tích”; và sáng tạo bị thay bằng sao chép ý tưởng, lặp lại mô hình có sẵn, trình bày bóng bẩy thay vì thật sự tạo ra giá trị mới.

Trong không gian số, nguồn học liệu mở phong phú là cơ hội rất lớn, nhưng cũng vô tình khuyến khích tâm lý lệ thuộc: copy - chỉnh sửa - nộp, thay vì tự suy nghĩ, tự kiểm chứng. Điều này tạo rủi ro đạo đức học thuật (đạo văn, gian lận số, dùng trí tuệ nhân tạo thay cho tư duy cá nhân mà không thừa nhận). Nếu xu hướng này kéo dài, “hiếu học” sẽ bị giản lược thành “tích lũy tín chỉ”, “cần cù” bị rút gọn thành “cày nước rút”, và “sáng tạo” bị biến thành kỹ năng trình diễn. Về lâu dài, nó làm suy yếu năng lực tự chủ trí tuệ, bản lĩnh nghề nghiệp và phẩm chất lao động trung thực của sinh viên - những yếu tố vốn là cốt lõi của đạo đức nghề nghiệp trong thời đại số.

*Giáo dục lòng biết ơn*

Thực tiễn giáo dục giá trị này cho sinh viên hiện nay bộc lộ tình trạng nghi thức hóa và số hóa bề mặt. Nghi thức hóa thể hiện ở chỗ nhiều hoạt động tri ân vẫn được tổ chức trang trọng, nhưng đối với không ít sinh viên, việc tham dự mang tính thủ tục. Biết ơn thầy cô, cha mẹ, những người đi trước đôi khi dừng lại ở hoa, ảnh kỷ niệm, bài đăng cảm ơn trên mạng xã hội - những biểu đạt lịch sự nhưng dễ lặp lại, thiếu chiều sâu trải nghiệm cá nhân. Số hóa bề mặt thể hiện ở việc lòng biết ơn ngày càng được chuyển lên không gian trực tuyến trong khi hành động cụ thể để duy trì mối quan hệ đạo đức lại mờ nhạt: ít sự chủ động giúp đỡ cha mẹ trong đời sống thực; ít duy trì mối liên hệ

trách nhiệm với thầy cô; ít gắn kết giữa “biết ơn thế hệ cha anh” với cam kết học tập nghiêm túc, sống tử tế và cống hiến xã hội hôm nay. Khi biết ơn bị đẩy về phía nghi lễ và truyền thông, nhưng không gắn với bốn phạm đạo đức dài hạn (trách nhiệm sống tử tế, làm việc có lương tâm, tiếp nối giá trị của thế hệ trước bằng nỗ lực hiện tại), thì giá trị này mất dần chức năng “neo đạo đức”. Khoảng trống đó không chỉ là khoảng trống trong quan hệ cá nhân (giữa con - cha mẹ, trò - thầy) mà còn là khoảng trống gắn kết cộng đồng và lịch sử: người trẻ biết nói lời tri ân, nhưng chưa chắc đã cảm nhận mình mang nghĩa vụ kế thừa.

Bên cạnh những nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống, một hạn chế đáng chú ý hiện nay là việc chưa chú trọng đầy đủ đến giáo dục đạo đức số và năng lực công dân số - những thành tố ngày càng giữ vai trò nền tảng trong quá trình hình thành nhân cách sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Trước hết*, về đạo đức số, nội dung giáo dục còn thiếu tính hệ thống và chưa theo kịp thực tiễn biến đổi của môi trường công nghệ đang ảnh hưởng. Mặc dù sinh viên sử dụng Internet và mạng xã hội với tần suất rất cao (gần 98% sử dụng hằng ngày, trong đó 43,8% dành trên 5 giờ/ngày) [Phụ lục], nhưng nhận thức và hành vi đạo đức trong không gian số chưa tương xứng. Một bộ phận sinh viên chưa thực sự ý thức đầy đủ về việc tôn trọng người khác trên không gian mạng, còn tồn tại các biểu hiện như bình luận thiếu chuẩn mực, lan truyền thông tin chưa kiểm chứng, hoặc chia sẻ nội dung theo cảm tính. Tình trạng thiếu trung thực trong học tập số (sao chép tài liệu, sử dụng công cụ số không đúng chuẩn mực học thuật) và sự thiếu trách nhiệm khi phát ngôn trên mạng cho thấy khoảng trống trong giáo dục đạo đức số.

*Thứ hai*, về năng lực công dân số, nội dung giáo dục hiện nay còn thiên về kỹ năng sử dụng công nghệ mà chưa chú trọng đầy đủ đến việc hình thành năng lực làm chủ không gian số một cách có trách nhiệm. Nhiều sinh viên còn hạn chế trong hiểu biết pháp luật liên quan đến môi trường số, chưa nhận diện đầy đủ các rủi ro như vi phạm bản quyền, an ninh mạng, quyền riêng tư hay trách nhiệm pháp lý khi phát tán thông tin. Bên cạnh đó, năng lực tự bảo vệ bản thân trong không gian số - như nhận diện thông tin sai lệch, phòng tránh lừa đảo, kiểm soát hành vi cá nhân vẫn chưa được trang bị một cách bài bản.

Một biểu hiện đáng chú ý là sự chưa đồng thuận giữa mức độ sử dụng công nghệ cao và mức độ trưởng thành về đạo đức số. Sinh viên có thể thành thạo trong khai thác nền tảng số để học tập, giải trí và giao tiếp, nhưng chưa thể hiện năng lực tự điều chỉnh hành vi, trách nhiệm xã hội và ý thức pháp lý trong môi trường số. Điều này dẫn đến nguy cơ hình thành một thế hệ “thành thạo công nghệ nhưng thiếu chuẩn mực số”, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số.

Như vậy, có thể thấy nội dung giáo dục đạo đức hiện nay vẫn còn khoảng trống trong việc tích hợp các giá trị đạo đức truyền thống với yêu cầu của đạo đức số và công dân số. Việc chưa chú trọng đầy đủ đến nội dung này không chỉ làm giảm hiệu quả giáo dục giá trị đạo đức trong bối cảnh mới mà còn đặt ra thách thức đối với việc hình thành nhân cách công dân số có trách nhiệm, bản lĩnh và tuân thủ pháp luật trong xã hội hiện đại.

### *3.3.1.3. Về phương thức giáo dục*

*Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập giá trị đạo đức truyền thống.*

Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên tại các trường đại học ở Hà Nội dù đã có bước tiến đáng kể sau giai đoạn đại dịch Covid -19, song vẫn còn nhiều hạn chế về tính hệ thống, tính tương tác và chiều sâu nội dung. Phần lớn hoạt động số hóa dừng lại ở khâu kỹ thuật (chuyển bài giảng lên các nền tảng như Zoom, Google Meet, LMS, Moodle...) mà chưa chú trọng tới phương pháp sư phạm số, tức là chưa “chuyển hóa” cách dạy để phù hợp với đặc điểm học tập và tiếp nhận thông tin của sinh viên thế hệ số.

Các bài giảng đạo đức thường vẫn nặng lý thuyết, ít có tình huống thực tế, video minh họa hoặc hoạt động trải nghiệm gắn với bối cảnh sống của sinh viên. Việc sử dụng các công cụ số (quiz, thảo luận nhóm, khảo sát trực tuyến, video học liệu, podcast) còn mang tính thử nghiệm và thiếu đồng bộ giữa các giảng viên. Thêm vào đó, hạ tầng kỹ thuật giữa các trường không đồng đều, gây ra chênh lệch trong chất lượng trải nghiệm học tập trực tuyến. Hệ thống quản lý học tập nhiều nơi chỉ đóng vai trò lưu trữ tài liệu, chưa thực sự trở thành không gian tương tác học thuật, phản hồi và tự học đạo đức hiệu quả. Điều này khiến việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống qua công nghệ số

vẫn mang tính “cơ học hóa”, chưa khai thác được khả năng tương tác, cá nhân hóa và lan tỏa giá trị đạo đức trong không gian số - vốn là ưu thế của thời đại chuyển đổi số.

#### *Sử dụng truyền thông số và mạng xã hội*

Trong thời đại công nghệ, truyền thông số và mạng xã hội là kênh quan trọng trong việc lan tỏa giá trị đạo đức cho sinh viên, song hiện nay việc sử dụng kênh này ở các trường đại học Hà Nội vẫn còn nhiều bất cập. Một mặt, nhiều fanpage, website, kênh YouTube hoặc TikTok của các trường, khoa, đoàn thể sinh viên đã trở thành nơi chia sẻ các câu chuyện sống đẹp, gương người tốt, hoạt động thiện nguyện - góp phần giáo dục các giá trị đạo đức một cách gần gũi. Tuy nhiên, phần lớn nội dung vẫn dừng ở mức tuyên truyền một chiều, thiếu tương tác trực tiếp, tham gia của sinh viên với tư cách là người sáng tạo nội dung. Các chiến dịch truyền thông về giá trị đạo đức thường mang tính phong trào, chưa có chiến lược dài hạn, và thiếu cơ chế đánh giá tác động thực tế. Việc sử dụng mạng xã hội trong giáo dục đạo đức cũng chưa đi kèm hướng dẫn nhận thức về đạo đức truyền thông số - khiến không ít sinh viên vừa chia sẻ nội dung tích cực ở một nơi, nhưng lại có thể sử dụng ngôn ngữ tiêu cực, thiếu kiểm soát ở nơi khác. Hơn nữa, các cơ sở giáo dục đại học chưa tận dụng hiệu quả sức mạnh lan tỏa của người ảnh hưởng (KOLs học thuật, giảng viên, sinh viên gương mẫu) để dẫn dắt các giá trị truyền thống theo cách hấp dẫn, ngắn gọn, dễ tiếp nhận. Vì vậy, vai trò của truyền thông số - thay vì trở thành kênh lan tỏa giá trị bền vững - vẫn chỉ dừng lại ở chức năng thông tin và quảng bá hoạt động.

#### *Lồng ghép công nghệ thông tin vào hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng*

Việc lồng ghép công nghệ thông tin vào hoạt động ngoại khóa và dự án cộng đồng hiện đang được các trường đại học tại Hà Nội triển khai, nhưng chưa đạt hiệu quả mong muốn. Các hoạt động ngoại khóa số hóa (chương trình thiện nguyện online, gây quỹ trực tuyến, các cuộc thi trực tuyến về đạo đức - lối sống) giúp mở rộng quy mô tham gia, nhưng lại thiếu sự gắn kết cảm xúc và trải nghiệm trực tiếp, khiến giá trị đạo đức truyền thống được truyền tải trở nên mờ nhạt. Nhiều phong trào cộng đồng bị “ảo hóa” - sinh viên tham gia chủ yếu qua click, share, tương tác mạng, thay vì trực tiếp hành động. Dự

án khởi nghiệp xã hội, nghiên cứu cộng đồng sử dụng công nghệ thông tin nhưng lại thiếu chiều sâu phản ánh đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội.

Thực tế cho thấy, công nghệ số đang được sử dụng như phương tiện kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động ngoại khóa, chứ chưa phải là môi trường tích hợp để hình thành “trải nghiệm đạo đức” đa tầng (từ nhận thức - hành động - phản tư). Việc thiếu khung hướng dẫn sư phạm cho “giáo dục trải nghiệm số” khiến hiệu quả giáo dục đạo đức qua hoạt động ngoại khóa còn thấp và rời rạc.

*Phát huy vai trò nêu gương và ảnh hưởng tích cực của giảng viên trên không gian số.*

Giảng viên là nhân tố nòng cốt trong việc định hướng giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên, nhưng vai trò nêu gương trong không gian số chưa được phát huy đầy đủ. Không ít giảng viên chưa có ý thức rõ về “văn hóa hiện diện số” của mình - cách sử dụng mạng xã hội, chia sẻ thông tin, bình luận công khai... có thể ảnh hưởng mạnh đến sinh viên. Việc thiếu hướng dẫn và khung đạo đức nghề nghiệp số khiến một số thầy cô còn e dè, hoặc ngược lại, chia sẻ thiếu chọn lọc trên mạng, dẫn đến hình ảnh người giảng viên mất đi tính mô phạm trong mắt sinh viên. Ngoài ra, nhiều giảng viên chưa khai thác công nghệ để mở rộng vai trò dẫn dắt đạo đức: chưa sử dụng blog, podcast, video ngắn hoặc diễn đàn học thuật để truyền cảm hứng về giá trị sống và trách nhiệm công dân. Những tấm gương đạo đức tiêu biểu - thay vì hiện diện mạnh mẽ trên mạng xã hội - lại chỉ giới hạn trong các bài báo tường, bảng thi đua truyền thống. Sự thiếu kết nối giữa uy tín học thuật và ảnh hưởng xã hội trên nền tảng số khiến người thầy - vốn là biểu tượng đạo đức trong không gian truyền thống - chưa thực sự chuyển hóa vai trò đó sang không gian mạng. Điều này tạo ra khoảng trống trong việc “truyền cảm hứng đạo đức” bằng phương tiện hiện đại.

*Thúc đẩy tự học, tự rèn luyện và tự giáo dục của sinh viên thông qua nền tảng số.*

Một trong những yêu cầu cốt lõi của giáo dục đạo đức trong thời đại chuyển đổi số là năng lực tự học và tự giáo dục của sinh viên. Tuy nhiên, thực tế cho thấy phần lớn sinh viên Hà Nội mới dừng lại ở mức “sử dụng công nghệ để học”, chứ chưa đạt tới “tự giáo dục qua công nghệ”. Sinh viên thường khai thác Internet như nguồn tài nguyên kiến thức nhưng ít có khả năng chọn

lọc, phản tư và gắn kết tri thức với phát triển nhân cách. Thói quen học nhanh, lướt thông tin, dùng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ bài tập mà thiếu tư duy phản biện đang làm suy giảm tính chủ động và trách nhiệm đạo đức học thuật. Bên cạnh đó, chưa có nhiều nền tảng học tập được thiết kế chuyên biệt để hỗ trợ sinh viên rèn luyện giá trị đạo đức, diễn đàn đạo đức, lớp học tương tác số còn thưa thớt và thiếu sự tham gia của đội ngũ chuyên gia đạo đức học. Nhà trường cũng chưa xây dựng được cơ chế khuyến khích tự học và tự rèn luyện trên nền tảng số (chẳng hạn: hệ thống điểm thưởng, portfolio giá trị sống, nhật ký tự phản tỉnh/phản tư số...). Do vậy, hoạt động “tự giáo dục” - vốn là khâu quan trọng nhất của quá trình hình thành nhân cách - vẫn chưa được số hóa đúng hướng và hiệu quả.

### ***3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số***

*Thứ nhất, nguyên nhân từ cơ chế và chính sách quản lý giáo dục*

Mặc dù giáo dục đạo đức đã được xác định là trụ cột quan trọng trong Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030, song vẫn còn thiếu các văn bản chỉ đạo cụ thể, cơ chế kiểm tra, giám sát và hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả. Chủ trương “giáo dục toàn diện, coi trọng đạo đức, lối sống” chưa được cụ thể hóa bằng kế hoạch, công cụ triển khai phù hợp với bậc đại học.

Công tác đầu tư nguồn lực cho giáo dục giá trị đạo đức truyền thống còn hạn chế; các chương trình chuyển đổi số trong giáo dục mới chú trọng vào hạ tầng kỹ thuật mà chưa quan tâm đến xây dựng “nền tảng số đạo đức” - tức là hệ sinh thái giáo dục giá trị và nhân cách trong môi trường số. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, định hướng giá trị cho sinh viên còn lỏng lẻo, thiếu sự thống nhất và đồng bộ. Công tác định hướng giá trị của các tổ chức xã hội, đoàn thể và cơ quan truyền thông còn chậm đổi mới, chưa theo kịp văn hóa số của giới trẻ. Thiếu sự kết nối giữa trường học, doanh nghiệp và cộng đồng khiến sinh viên ít cơ hội được trải nghiệm, chứng kiến hay thực hành các hành vi đạo đức trong đời sống thực. Do đó, các giá trị đạo đức mà sinh viên tiếp nhận chủ yếu mang tính lý thuyết, thiếu sức sống thực tiễn.

*Thứ hai, nguyên nhân từ phía các cơ sở giáo dục đại học*

Không ít trường đại học tại thành phố Hà Nội vẫn coi giáo dục đạo đức là hoạt động phụ trợ, chưa đặt ngang hàng với mục tiêu đào tạo chuyên môn hay nghiên cứu khoa học. Nhiều trường đại học vẫn chưa xây dựng được chiến lược giáo dục đạo đức mang tính dài hạn và tích hợp chặt chẽ với chương trình đào tạo số. Việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đạo đức còn thiên về kỹ thuật hơn là đổi mới phương pháp sư phạm. Điều này được phản ánh qua kết quả khảo sát khi 16,6% sinh viên giữ thái độ trung lập về hiệu quả lan tỏa giá trị đạo đức qua các kênh truyền thông của nhà trường [Phụ lục], cho thấy không phải mọi sinh viên đều thực sự được thuyết phục và tác động mạnh mẽ từ môi trường giáo dục số hiện nay.

Các chương trình giáo dục đạo đức thường dừng ở mức phong trào, mang tính thời điểm, thiếu sự lồng ghép có hệ thống trong chương trình đào tạo. Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy giá trị đạo đức chủ yếu mới dừng ở khâu kỹ thuật - chuyển bài giảng lên nền tảng trực tuyến - chứ chưa đi sâu vào đổi mới phương pháp sư phạm, tạo tương tác, trải nghiệm đạo đức thực tế. Vì vậy, tác động giáo dục còn hời hợt, chưa đủ sức hình thành hành vi và thái độ bền vững ở sinh viên.

*Thứ ba, nguyên nhân từ đội ngũ giảng viên và cán bộ giáo dục*

Giảng viên giữ vai trò trung tâm trong giáo dục đạo đức, song sự chênh lệch về năng lực công nghệ, phương pháp sư phạm và mức độ nêu gương vẫn là rào cản. Mặc dù 81,1% sinh viên đánh giá giảng viên thường xuyên đề cập giá trị đạo đức trong giảng dạy và 84,6% cho rằng giảng viên là tấm gương đạo đức, vẫn còn 12 - 16% sinh viên ở trạng thái trung lập, phản ánh rằng ảnh hưởng giáo dục đạo đức của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều, phụ thuộc nhiều vào từng cá nhân cụ thể [Phụ lục]. Bên cạnh đó, áp lực nghiên cứu, hành chính và cơ chế đánh giá chưa gắn chặt với hiệu quả giáo dục đạo đức cũng làm giảm động lực đổi mới sâu của giảng viên.

Cơ chế đánh giá giảng viên hiện nay chủ yếu dựa vào giờ giảng và thành tích nghiên cứu khoa học, chưa có tiêu chí cụ thể về hiệu quả giáo dục đạo đức. Điều này khiến phần lớn giảng viên chưa xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, dẫn đến tâm lý làm cho đủ chỉ tiêu, thiếu tâm huyết đổi mới. Hơn nữa, áp lực công việc, thu nhập hạn chế và thiếu sự tôn vinh đối với vai trò nêu gương

đạo đức khiến cho hình ảnh người thầy - tấm gương mẫu mực cả trong thực tế lẫn trên không gian số - chưa thực sự được phát huy.

*Thứ tư, nguyên nhân từ phía sinh viên*

Sinh viên đại học - đặc biệt tại Hà Nội - sống trong môi trường hiện đại, cởi mở, tiếp cận thông tin nhanh nhưng lại thiếu kỹ năng chọn lọc và phản biện giá trị. Một bộ phận sinh viên chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, đặt lợi ích cá nhân và thành tích lên trên các giá trị đạo đức cộng đồng. Thói quen sử dụng công nghệ theo hướng “tiện lợi tức thì” khiến sinh viên ngại suy nghĩ sâu, thiếu kiên trì, dễ bị chi phối bởi xu hướng mạng. Việc học tập, rèn luyện đạo đức đôi khi bị xem là nhiệm vụ phụ, mang tính hình thức để đủ điểm rèn luyện hoặc hoàn thành yêu cầu học phần. Đặc biệt, trong môi trường mạng, sinh viên thường bị cuốn vào những giá trị lệch chuẩn, các “thần tượng ảo” và trào lưu nhanh, trong khi thiếu khả năng tự định hướng, tự giáo dục và kiểm soát hành vi đạo đức của bản thân. Kết quả khảo sát cho thấy, 78,3% sinh viên sử dụng mạng xã hội trên 3 giờ mỗi ngày, với thời gian đó, sinh viên dễ bị chi phối bởi xu hướng, trào lưu và áp lực hình ảnh số. Mặc dù nhận thức về giá trị đạo đức rất cao (trên 85 - 90% sinh viên đồng ý với vai trò của giá trị truyền thống, nhưng việc chuyển hóa thành hành vi bền vững vẫn chưa tương xứng, thể hiện ở việc còn khoảng 26 - 27% sinh viên chỉ dừng ở mức “trung lập” khi được hỏi về sáng tạo nội dung tích cực và tham gia hoạt động đạo đức [Phụ lục].

*Thứ năm, nguyên nhân từ môi trường gia đình*

Gia đình là môi trường hình thành nền tảng đạo đức đầu tiên, tuy nhiên vai trò này đối với sinh viên đại học hiện nay có dấu hiệu suy giảm. Khảo sát cho thấy, tuy 86,1% sinh viên thừa nhận giá trị đạo đức được hình thành từ gia đình nhưng vẫn có tới 28% sinh viên không thường xuyên trao đổi với cha mẹ về định hướng giá trị và đạo đức sống [Phụ lục]. Điều này cho thấy sự đứt gãy nhất định trong kênh giáo dục đạo đức gia đình, khi đa số sinh viên phải rời xa gia đình từ các tỉnh, thành xa lên thủ đô trọ học, làm giảm hiệu quả phối hợp giữa nhà trường - gia đình trong bối cảnh sinh viên sống xa nhà và chịu ảnh hưởng mạnh của môi trường mạng.

*Thứ sáu, nguyên nhân từ môi trường xã hội và truyền thông số*

Xã hội hiện đại với tốc độ đô thị hóa cao và áp lực cạnh tranh gay gắt khiến các giá trị đạo đức truyền thống bị thách thức. Truyền thông đại chúng và mạng xã hội tràn ngập nội dung giải trí, quảng bá lối sống hưởng thụ, giàu nhanh, thành công ngắn hạn, khiến hình mẫu đạo đức chuẩn mực trở nên mờ nhạt. Mạng xã hội vừa là kênh lan tỏa giá trị, vừa là nguồn tạo áp lực lệch chuẩn. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên chịu ảnh hưởng hành vi đạo đức chủ yếu từ bạn bè (70%) và người nổi tiếng - KOLs (34,8%), trong khi ảnh hưởng từ giảng viên tuy quan trọng nhưng mới đạt 49,7% [Phụ lục]. Điều này cho thấy sức ảnh hưởng của môi trường xã hội và truyền thông số đang vượt trội hơn các thiết chế giáo dục truyền thống, khiến sinh viên dễ bị cuốn theo các chuẩn mực “phi giáo dục”, nhất là trong bối cảnh thông tin đa chiều, thiếu kiểm soát và định hướng.

*Thứ bảy, nguyên nhân từ chính quá trình chuyển đổi số*

Chuyển đổi số đã tạo ra bước ngoặt trong giáo dục, song đồng thời cũng làm xuất hiện nhiều thách thức mới đối với việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội, thuật toán gợi ý và thế giới ảo khiến sinh viên dễ bị cuốn vào không gian “phi thực”, nơi giá trị đạo đức bị tương đối hóa, cảm xúc con người bị thay thế bởi phản ứng máy móc. Việc thiếu “bộ quy tắc đạo đức số” và năng lực quản trị nhân cách trong môi trường công nghệ khiến sinh viên có thể trở nên thành thạo kỹ năng nhưng yếu về nhận thức trách nhiệm, dễ vi phạm đạo đức học thuật hoặc lệch chuẩn hành vi. Bên cạnh đó, quá trình số hóa nhanh khiến nhiều hoạt động giáo dục truyền thống chưa kịp thích ứng; nội dung và hình thức truyền đạt giá trị đạo đức chưa được tái thiết kế phù hợp với ngôn ngữ, tư duy và văn hóa của thế hệ sinh viên trong kỷ nguyên số.

Có thể nói, nguyên nhân của những hạn chế trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội là tổng hòa của nhiều yếu tố: từ cơ chế chính sách, năng lực tổ chức của các trường đại học, hạn chế của đội ngũ giảng viên, đặc điểm nhận thức của sinh viên, đến tác động mạnh mẽ của môi trường xã hội và quá trình chuyển đổi số. Việc khắc phục những nguyên nhân này đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể - kết hợp đổi mới thể chế, phương pháp, công nghệ và văn hóa giáo dục để xây dựng nền tảng đạo đức vững chắc, phù hợp với đặc trưng của thời đại số.

### **3.4. Những vấn đề đặt ra đối với giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay**

#### **3.4.1. Mâu thuẫn giữa vai trò, trách nhiệm của chủ thể với yêu cầu thực tế của chuyển đổi số**

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên đang bộc lộ một mâu thuẫn cơ bản giữa vai trò, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục với yêu cầu ngày càng cao và phức tạp của đời sống xã hội trong bối cảnh số hoá.

Về nguyên tắc, hệ thống chính trị, nhà trường, đội ngũ giảng viên, gia đình và môi trường xã hội đều được xác định là những chủ thể có vai trò định hướng, tổ chức và thực hiện giáo dục đạo đức cho sinh viên. Tuy nhiên, trên thực tế, giữa các chủ thể này vẫn tồn tại khoảng trống trong phối hợp, thiếu tính liên thông và chưa hình thành được một cơ chế vận hành mang tính hệ thống. Nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống chậm được cụ thể hóa trong môi trường đại học; hoạt động giáo dục còn mang tính phong trào, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả. Điều đó cho thấy sự “lệch pha” giữa yêu cầu quản trị giáo dục trong bối cảnh số với năng lực tổ chức thực tiễn của các chủ thể.

Ở cấp độ nhà trường, mặc dù đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và giảng dạy, nhưng vẫn chưa hình thành được một chiến lược tổng thể và đồng bộ về giáo dục đạo đức trong môi trường số. Nội dung, phương thức giáo dục đạo đức chưa được thiết kế đồng bộ với sự phát triển của không gian số, dẫn đến tình trạng “số hóa hình thức” mà chưa thực sự “chuyên đổi về chất” trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống.

Đối với đội ngũ giảng viên - chủ thể trực tiếp tác động đến sinh viên, mâu thuẫn thể hiện ở khoảng cách giữa vai trò trung tâm trong định hướng giá trị với năng lực thích ứng còn hạn chế trong môi trường số. Không ít giảng viên còn thiếu kỹ năng sư phạm số, chưa làm chủ được các công cụ thiết kế học liệu đạo đức trên nền tảng số, đồng thời gặp khó khăn trong việc nhận diện và xử lý các vấn đề đạo đức mới phát sinh từ không gian mạng. Điều này làm suy giảm hiệu quả “truyền cảm hứng đạo đức” - một chức năng cốt lõi của hoạt động giáo dục.

Ở cấp độ gia đình, mặc dù vẫn giữ vai trò nền tảng trong hình thành giá trị đạo đức, nhưng quá trình đô thị hóa, nhịp sống hiện đại và khoảng cách địa lý khiến nhiều phụ huynh giảm khả năng đồng hành cùng con. Sự khác biệt thể hệ trong tiếp cận công nghệ và môi trường số cũng làm gia tăng khoảng cách nhận thức, khiến gia đình khó thực hiện vai trò định hướng đạo đức một cách hiệu quả trong bối cảnh mới.

Đáng chú ý, mâu thuẫn này còn thể hiện rõ trong không gian truyền thông số - môi trường mà sinh viên tham gia với tần suất rất cao. Về mặt lý luận, đây là công cụ quan trọng để lan tỏa giá trị tích cực trong đó có giá trị đạo đức truyền thống nhưng trên thực tế, lại tồn tại nhiều yếu tố gây nhiễu và lệch chuẩn. Các thuật toán gợi ý nội dung, tin giả, trào lưu lệch chuẩn và văn hóa “nổi tiếng tức thì” tạo ra một “không gian giá trị hỗn hợp”, trong đó ranh giới giữa đúng - sai, chuẩn - lệch có xu hướng bị tương đối hóa.

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ tác động tích cực của môi trường số đối với việc hình thành hành vi đạo đức chưa thật sự rõ nét: 26,4% sinh viên ở trạng thái trung lập đối với việc chủ động sáng tạo, chia sẻ nội dung lan tỏa giá trị đạo đức trên nền tảng số, và 23,1% sinh viên trung lập khi đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua ngoại khóa và truyền thông số [Phụ lục]. Những con số này phản ánh một thực tế rằng, dù công nghệ số được ứng dụng rộng rãi, nhưng khả năng định hướng và chuyển hóa giá trị đạo đức một cách bền vững vẫn còn hạn chế.

Hệ quả của mâu thuẫn trên là sự hình thành một khoảng trống trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay đó là dù sinh viên được trang bị nhiều phương tiện và cơ hội tiếp cận thông tin, nhưng lại thiếu một hệ sinh thái giáo dục số đủ mạnh để hỗ trợ quá trình tự giáo dục, tự điều chỉnh hành vi và phát triển nhân cách. Điều này khiến một bộ phận sinh viên dễ bị cuốn vào lối sống thực dụng, chịu ảnh hưởng của “chuẩn mực ảo” từ mạng xã hội, từ đó tác động tiêu cực đến nhận thức và hành vi đạo đức trong đời sống thực.

Như vậy, mâu thuẫn giữa vai trò của các chủ thể giáo dục với yêu cầu của chuyển đổi số không chỉ là vấn đề tổ chức thực tiễn, mà còn là mâu thuẫn mang tính cấu trúc trong quá trình chuyển đổi từ mô hình giáo dục truyền thống sang giáo dục trong môi trường số. Việc giải quyết mâu thuẫn này đòi

hỏi phải tái cấu trúc lại toàn bộ hệ thống chủ thể giáo dục theo hướng đồng bộ, tích hợp và thích ứng với logic vận hành của xã hội số.

### ***3.4.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nội dung giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số với nội dung giáo dục hiện có***

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đúc kết, khái quát các giá trị con người Việt Nam gồm: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”. Những giá trị này cần được xây dựng, trở thành chuẩn mực, mẫu mực cho con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay [148].

Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu đối với nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt các chuẩn mực đạo đức đã được khẳng định, mà còn đòi hỏi phải tái cấu trúc và phát triển nội dung theo hướng phù hợp với môi trường số và đặc điểm của thế hệ sinh viên hiện nay. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nội dung giáo dục hiện nay vẫn bộc lộ sự chưa tương thích rõ nét với những yêu cầu đó.

Về phương diện định hướng giá trị, các chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới đã được khẳng định với các giá trị cốt lõi như: yêu nước và tinh thần tự lực, tự cường, lòng nhân ái và tinh thần nhân văn, tinh thần đoàn kết, tinh thần hiếu học, cần cù và sáng tạo, lòng biết ơn. Đây là hệ giá trị nền tảng có ý nghĩa định hướng lâu dài đối với việc xây dựng con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai giáo dục những giá trị đạo đức truyền thống này tại các cơ sở đại học, các giá trị này chủ yếu vẫn được truyền đạt theo cấu trúc nội dung truyền thống, thiếu sự cụ thể hóa gắn với bối cảnh chuyển đổi số và đời sống thực tiễn của sinh viên.

Một biểu hiện rõ nét của sự không tương thích là khoảng cách giữa nội dung giáo dục và cách thức tiếp nhận của sinh viên thế hệ số. Sinh viên hiện nay có xu hướng tiếp nhận thông tin theo hướng nhanh, trực quan, tương tác

và cá nhân hóa, trong khi nội dung giáo dục đạo đức vẫn thiên về lý thuyết, khái quát và ít gắn với trải nghiệm. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn khoảng 14-16% sinh viên chưa có đánh giá rõ ràng về hiệu quả truyền tải nội dung đạo đức thông qua các học phần chính trị và các kênh truyền thông của nhà trường, phản ánh mức độ hấp dẫn và khả năng “chạm” đến người học còn hạn chế [Phụ lục].

Bên cạnh đó, nhiều giá trị đạo đức truyền thống chưa được tái diễn giải và phát triển theo bối cảnh số, dẫn đến khoảng trống trong định hướng hành vi của sinh viên. Chẳng hạn, các giá trị như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, cần cù, sáng tạo... chưa được chuyển hóa thành các chuẩn mực cụ thể trong môi trường số như: nhân ái trong tương tác trực tuyến, trung thực trong học thuật số, trách nhiệm khi chia sẻ thông tin, hay ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia gắn với chủ quyền số. Điều này làm cho nội dung giáo dục thiếu tính cập nhật, chưa theo kịp sự biến đổi của không gian sống và học tập của sinh viên.

Đáng chú ý, nội dung giáo dục hiện nay cũng chưa bao quát đầy đủ các vấn đề đạo đức mới nảy sinh trong bối cảnh chuyển đổi số như: tin giả, bắt nạt trực tuyến, lệch chuẩn hành vi trên mạng, áp lực “chuẩn mực ảo”, hay khủng hoảng giá trị cá nhân trong môi trường đô thị số. Trong khi đây lại là những vấn đề mà sinh viên thường xuyên đối diện trong đời sống hàng ngày, thì nội dung giáo dục vẫn chưa cung cấp được các công cụ nhận diện, phân tích và xử lý phù hợp.

Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn nổi bật ở đây là: hệ giá trị giáo dục có tính ổn định, lâu dài, trong khi môi trường sống và tương tác của sinh viên lại biến đổi nhanh chóng theo logic của chuyển đổi số. Việc nội dung giáo dục chưa được cập nhật, tái cấu trúc và “số hóa về tư duy” đã làm giảm hiệu quả định hướng giá trị, khiến giáo dục đạo đức chưa theo kịp yêu cầu hình thành nhân cách sinh viên trong bối cảnh mới.

### ***3.4.3. Mâu thuẫn giữa phương thức giáo dục truyền thống với yêu cầu đổi mới trong bối cảnh chuyển đổi số***

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên đang bộc lộ mâu thuẫn giữa phương thức giáo dục mang tính truyền thống, tuyến tính với yêu cầu đổi mới theo hướng mở rộng, tăng cường tương tác và tích hợp của môi trường số.

Nếu như tước đây, phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống chủ yếu dựa trên mô hình truyền đạt một chiều, lấy giảng dạy lý thuyết làm trung tâm, coi trọng việc “truyền thụ chuẩn mực” hơn là hình thành năng lực thực hành đạo đức thì hiện nay, bối cảnh chuyển đổi số đặt ra yêu cầu chuyển mạnh sang các phương thức giáo dục mang tính kiến tạo, trải nghiệm và cá thể hóa. Trong đó, sinh viên không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia kiến tạo, chia sẻ và lan tỏa các giá trị trong cả không gian thực và không gian số.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự chuyển đổi này diễn ra chưa đồng bộ và còn mang tính hình thức. Mặc dù các cơ sở giáo dục đã đa dạng hóa hoạt động như ngoại khóa, tình nguyện, câu lạc bộ, hay ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, nhưng phương thức giáo dục đạo đức vẫn chưa tạo được “trải nghiệm đạo đức thực chất” cho sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy, còn 26,6% sinh viên ở trạng thái trung lập về mức độ tham gia hoạt động tình nguyện; 26,4% trung lập về việc chủ động sáng tạo, chia sẻ nội dung giá trị trên nền tảng số; và 23,1% trung lập khi đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ đạo đức [Phụ lục]. Những con số này phản ánh một thực tế rằng, dù hình thức tổ chức đã có đổi mới, nhưng mức độ tác động đến nhận thức và hành vi đạo đức của sinh viên vẫn chưa sâu và thiếu tính bền vững.

Mâu thuẫn này còn thể hiện rõ ở sự lệch pha giữa không gian giáo dục và không gian sống của sinh viên. Trong khi sinh viên hiện nay đang sống và tương tác mạnh mẽ trong môi trường số, nơi các hành vi đạo đức được hình thành và biểu hiện hằng ngày, thì giáo dục đạo đức vẫn chủ yếu diễn ra trong không gian lớp học truyền thống, chưa mở rộng hiệu quả sang không gian số. Việc thiếu các mô hình giáo dục trải nghiệm đạo đức số, thiếu cơ chế hướng dẫn và điều chỉnh hành vi trong môi trường trực tuyến, cũng như thiếu sự kết nối giữa học tập trực tiếp và trực tuyến, khiến quá trình giáo dục đạo đức mang tính gián đoạn, thiếu tính liên tục và khó tạo ra sự chuyển hóa bền vững.

Đặc biệt, mâu thuẫn còn bộc lộ rõ trong phương thức tự giáo dục của sinh viên. Mặc dù sinh viên Hà Nội là thế hệ có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ, tư duy năng động và độc lập, nhưng năng lực tự giáo dục và tự điều chỉnh hành vi đạo đức trong môi trường số vẫn còn hạn chế. Nhiều sinh viên mới dừng lại ở việc “sử dụng công nghệ để học”, mà chưa chuyển hóa thành “tự giáo dục thông qua công nghệ” một cách có ý thức, có mục tiêu và

có cơ chế tự giám sát. Tỷ lệ đáng kể sinh viên lựa chọn phương án trung lập khi đánh giá mức độ chủ động tu dưỡng đạo đức phản ánh sự thiếu ổn định trong thực hành đạo đức cá nhân và khoảng cách giữa nhận thức với hành vi.

Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn cốt lõi ở đây là: phương thức giáo dục vẫn thiên về truyền đạt và áp đặt, trong khi yêu cầu của chuyển đổi số đòi hỏi phải phát triển năng lực tự giáo dục, tự điều chỉnh và tự chịu trách nhiệm của người học trong môi trường mở và đa chiều. Nếu không có sự tái cấu trúc căn bản phương thức giáo dục theo hướng tích hợp giữa không gian thực và không gian số, giữa giáo dục chính quy và tự giáo dục, thì khoảng cách giữa nhận thức đạo đức và hành vi đạo đức của sinh viên sẽ tiếp tục gia tăng.

Do đó, vấn đề đặt ra không chỉ là đổi mới hình thức, mà là chuyển đổi mô hình giáo dục đạo đức từ “truyền thụ giá trị” sang “kiến tạo và thực hành giá trị trong môi trường số”, nhằm hình thành bản lĩnh đạo đức số - yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nhân cách sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

### **Tiểu kết chương 3**

Thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số phản ánh một bức tranh đa chiều: vừa có nền tảng bền vững, vừa thể hiện những chuyển biến tích cực, song cũng bộc lộ không ít thách thức mới. Các chủ thể giáo dục - từ hệ thống chính trị, nhà trường, đội ngũ giảng viên đến các tổ chức đoàn thể - đều đã quan tâm, chủ động đưa nội dung đạo đức truyền thống vào hoạt động học tập, sinh hoạt và không gian số của sinh viên. Hạ tầng công nghệ, chính sách giáo dục và môi trường học tập hiện nay tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tiếp cận tri thức mở, tham gia các dự án cộng đồng, rèn luyện năng lực tự học, tự quản lý bản thân và lan tỏa các giá trị nhân văn trong xã hội số.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực đó, nhiều hạn chế còn tồn tại. Hoạt động giáo dục giá trị đạo đức vẫn còn thiên về tuyên truyền hơn là trải nghiệm thực tế; nội dung chưa thật sự gắn kết với đời sống tinh thần của sinh viên trong môi trường số. Năng lực công nghệ - sự phạm của một bộ phận giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học tích hợp số. Công cụ đánh giá, phản hồi và đo lường sự phát triển đạo đức trên nền tảng số vẫn thiếu, dẫn đến việc khó xác định mức độ

chuyển hóa giá trị từ nhận thức sang hành vi. Đặc biệt, chưa hình thành được những không gian giáo dục số thực sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa tri thức - kỹ năng - nhân cách. Ở bình diện văn hóa - xã hội, sự phân hóa giá trị trên không gian mạng, ảnh hưởng của lối sống tiêu dùng và xu hướng thực dụng cũng khiến sinh viên khó duy trì niềm tin, động lực và bản lĩnh đạo đức truyền thống.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội đang đứng trước một thời điểm chuyển hóa quan trọng: Từ mô hình truyền đạt sang mô hình kiến tạo; từ giáo dục một chiều sang giáo dục tương tác và tự chủ; từ “giáo dục đạo đức” sang “phát triển năng lực đạo đức” - hướng đến hình thành con người biết tư duy phản biện, tự điều chỉnh hành vi và chủ động lan tỏa giá trị tốt đẹp trong môi trường số. Để đạt được điều đó, cần xây dựng một hệ sinh thái giáo dục đạo đức số toàn diện, nơi con người, công nghệ và cộng đồng cùng tham gia kiến tạo, phản tư và phát huy giá trị truyền thống bằng các hình thức hiện đại, sáng tạo và bền vững.

Chính thực tiễn này là cơ sở khoa học và thực tiễn để chương 4 của luận án tập trung đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm phát triển giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong kỷ nguyên số - hướng tới mục tiêu không chỉ gìn giữ mà còn tái sinh và lan tỏa những giá trị đạo đức truyền thống trong đời sống hiện đại; góp phần hình thành thế hệ trí thức trẻ Thủ đô có năng lực số, tầm văn hóa sâu rộng và bản lĩnh đạo đức Việt Nam trong thời đại mới.

## Chương 4

# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

### 4.1. Phương hướng tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

#### 4.1.1. Phát huy vai trò của các chủ thể và tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số không phải là hoạt động đơn tuyến của riêng nhà trường, càng không thể chỉ quy về một số giờ học chính khóa. Đây là quá trình tác động tổng hợp của nhiều chủ thể, từ Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, chính quyền Thành phố Hà Nội, cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, tổ chức Đoàn - Hội, gia đình, xã hội đến chính bản thân sinh viên. Vì vậy, phương hướng trước hết là phải phát huy đúng vai trò của từng chủ thể, đồng thời hình thành sự phối hợp thống nhất giữa các chủ thể đó, để giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trở thành một quá trình liên tục, có định hướng và có khả năng thấm sâu vào đời sống học tập, sinh hoạt, giao tiếp của sinh viên trong cả không gian thực và không gian số.

*Thứ nhất, quán triệt vai trò định hướng của Đảng, Nhà nước và Thành phố Hà Nội trong phát triển con người toàn diện thời kỳ chuyển đổi số.*

Ngay từ Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, mục tiêu phát triển con người Việt Nam được xác định là trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có lý tưởng, có bản lĩnh, có đạo đức, có năng lực sáng tạo, làm chủ bản thân, sống có trách nhiệm với gia đình, xã hội và Tổ quốc” [17]. Định hướng đó tiếp tục được Đại hội XIV kế thừa và phát triển trong điều kiện mới - khẳng định đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội là nền tảng trong xây dựng con người Việt Nam, đồng thời bổ sung và nhấn mạnh những yêu cầu mới về năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIV xác định yêu cầu: “Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo,

thâm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số”[18]. Đây là định hướng xuyên suốt để mọi hoạt động giáo dục, đặc biệt ở bậc đại học, hướng tới hình thành thể hệ sinh viên có tri thức, có năng lực số, có bản lĩnh văn hóa và có nền tảng giá trị đạo đức truyền thống vững chắc.

Trên cơ sở định hướng chung đó, hệ thống văn bản chiến lược của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ chuyển đổi số đã làm rõ yêu cầu kết hợp giữa đổi mới công nghệ với xây dựng văn hóa, đạo đức và con người. Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) của Bộ Chính trị xác định chuyển đổi số là một động lực phát triển quan trọng; Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 đặt trọng tâm vào việc gắn bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc với đổi mới sáng tạo; Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) về chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo nhấn mạnh yêu cầu phát triển năng lực người học trong môi trường số. Ở cấp địa phương, Thành phố Hà Nội cụ thể hóa tinh thần đó trong Kế hoạch số 239/KH-UBND (2023) về chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh đến năm 2025, định hướng 2030, coi giáo dục - đào tạo là một trong những lĩnh vực tiên phong, góp phần xây dựng “người Hà Nội thanh lịch, văn minh, nhân ái, sáng tạo trong không gian số” [69]. Những chủ trương này tạo nền tảng chính trị - pháp lý quan trọng để các trường đại học trên địa bàn Thành phố xác lập định hướng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên gắn với yêu cầu phát triển con người toàn diện trong thời kỳ chuyển đổi số.

*Thứ hai, phát huy vai trò nòng cốt của cơ sở giáo dục đại học, giảng viên và tổ chức Đoàn - Hội trong định hướng, tổ chức và lan tỏa giá trị.*

Trong hệ thống các chủ thể giáo dục, cơ sở giáo dục đại học giữ vai trò trực tiếp và thường xuyên nhất đối với sinh viên. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các khoa chuyên môn, phòng chức năng, giảng viên và tổ chức Đoàn - Hội không chỉ bảo đảm điều kiện triển khai hoạt động giáo dục, mà còn định hình môi trường văn hóa học đường, chuẩn mực ứng xử và định hướng giá trị cho sinh viên. Vai trò đó cần được nhận thức theo hướng: nhà trường là trung tâm tổ chức và điều phối; giảng viên là chủ thể tác động trực tiếp thông qua giảng dạy, đối thoại, nêu gương và định hướng học thuật; Đoàn - Hội là lực lượng có khả năng chuyển hóa giá trị đạo đức truyền thống thành phong trào, hoạt

động trải nghiệm, sản phẩm truyền thông và không gian sinh hoạt cộng đồng của sinh viên. Khi các chủ thể này vận hành rời rạc, giáo dục đạo đức dễ bị phân tán; khi chúng được kết nối trong một định hướng thống nhất, giá trị đạo đức truyền thống mới có điều kiện trở thành một phần của văn hóa học đường.

*Thứ ba, mở rộng sự tham gia của gia đình, xã hội và phát huy vai trò tự giáo dục của sinh viên.*

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không thể khép kín trong khuôn viên nhà trường. Gia đình là môi trường nền tảng, nơi sinh viên tiếp nhận những bài học đầu tiên về nếp sống, lòng biết ơn, nghĩa tình, trách nhiệm và cách ứng xử với người khác. Xã hội, thông qua các thiết chế văn hóa, cộng đồng, truyền thông, dư luận xã hội và các quan hệ giao tiếp hằng ngày, tạo ra môi trường thực tiễn để sinh viên kiểm nghiệm, lựa chọn và thực hành giá trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phạm vi tác động của gia đình và xã hội không chỉ diễn ra trong đời sống trực tiếp, mà còn mở rộng trên không gian mạng. Vì vậy, phương hướng đặt ra là phải nhìn nhận sinh viên không chỉ như đối tượng tiếp nhận giáo dục, mà còn là chủ thể tự giáo dục, tự rèn luyện và lan tỏa giá trị. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội và sinh viên chính là điều kiện để giáo dục giá trị đạo đức truyền thống có chiều sâu, tránh tình trạng mỗi chủ thể nói một kiểu, làm một nẻo, còn sinh viên thì bị kéo giữa nhiều hệ giá trị khác nhau.

#### ***4.1.2. Gắn giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và văn hóa cho sinh viên***

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên nếu tách khỏi giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và văn hóa sẽ dễ rơi vào tình trạng đạo đức luận chung chung, thiên về khuyên răn mà thiếu nền tảng nhận thức xã hội. Ngược lại, nếu giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và văn hóa không thấm vào đời sống đạo đức của sinh viên thì cũng khó tạo được chuyển biến bền vững về nhân cách và hành vi. Do đó, phương hướng quan trọng là đặt giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong chính thể giáo dục con người, trong đó các giá trị yêu nước, nhân ái, hiếu học, nghĩa tình, biết ơn, đoàn kết, tự lực tự cường được gắn với lý tưởng chính trị, ý thức pháp luật, bản sắc văn hóa và trách nhiệm công dân trong thời đại số.

*Thứ nhất, đặt giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong mối quan hệ thống nhất với giáo dục chính trị, tư tưởng.*

Các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam không tồn tại như những phẩm chất rời rạc, mà luôn gắn với lịch sử dựng nước, giữ nước, với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, Tổ quốc và nhân dân. Vì vậy, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, nhân ái, nghĩa tình cho sinh viên phải đồng thời góp phần củng cố niềm tin, bản lĩnh chính trị và thái độ sống có trách nhiệm trước những vấn đề của đất nước. Trong bối cảnh không gian mạng trở thành nơi lan truyền nhiều luồng thông tin, quan điểm và giá trị khác nhau, sự gắn kết giữa giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giáo dục chính trị, tư tưởng càng có ý nghĩa quan trọng. Nó giúp sinh viên không chỉ biết trân trọng truyền thống, mà còn có khả năng nhận diện, lựa chọn, phản biện và bảo vệ những giá trị đúng đắn trước các biểu hiện lệch chuẩn, thực dụng, cực đoan hoặc phủ nhận giá trị dân tộc.

*Thứ hai, gắn giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giáo dục pháp luật và văn hóa.*

Đạo đức, pháp luật và văn hóa tuy có phương thức điều chỉnh khác nhau nhưng cùng hướng tới việc hình thành con người có ý thức trách nhiệm, biết tôn trọng chuẩn mực chung và sống vì lợi ích cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều vấn đề đạo đức của sinh viên không còn chỉ biểu hiện trong quan hệ trực tiếp, mà còn xuất hiện trong hành vi số: chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng, xâm phạm quyền riêng tư, ứng xử thiếu văn hóa trên mạng xã hội, sao chép học thuật, chạy theo hiệu ứng đám đông hoặc thờ ơ trước các vấn đề cộng đồng. Những hiện tượng này cho thấy giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần được gắn với giáo dục pháp luật, văn hóa học đường, văn hóa ứng xử trên không gian mạng và trách nhiệm công dân số. Khi đó, giá trị truyền thống không chỉ được hiểu như ký ức đạo đức của dân tộc, mà còn trở thành căn cứ định hướng hành vi văn minh, có trách nhiệm trong những điều kiện xã hội mới.

*Thứ ba, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và phù hợp của nội dung giáo dục với đặc điểm sinh viên Hà Nội hiện nay.*

Các giá trị đạo đức truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, hiếu học, biết ơn, tự cường là kết tinh bền vững của lịch sử và văn

hóa dân tộc Việt Nam, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành nhân cách con người. Tuy nhiên, bảo đảm tính kế thừa không có nghĩa là duy trì nguyên trạng các hình thức truyền đạt cũ, mà là giữ vững nội dung cốt lõi của giá trị, đồng thời làm cho các giá trị đó được diễn giải bằng ngôn ngữ, tình huống và phương thức phù hợp với đời sống của sinh viên đô thị hiện đại. Sinh viên Hà Nội có khả năng tiếp cận thông tin nhanh, tư duy độc lập, nhu cầu tương tác cao và chịu tác động mạnh của môi trường số. Vì vậy, sự phù hợp ở đây không phải là chiều theo thị hiếu nhất thời, mà là chuyển hóa giá trị truyền thống thành những vấn đề có ý nghĩa đối với đời sống học tập, quan hệ xã hội, định hướng nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và bản sắc văn hóa của chính sinh viên. Giá trị truyền thống chỉ thực sự bền vững khi được kế thừa có chọn lọc, phát triển trong điều kiện mới và được sinh viên cảm nhận như một nguồn lực tinh thần của bản thân.

#### ***4.1.3. Hướng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào hình thành phẩm chất, năng lực đạo đức và bản lĩnh ứng xử của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số***

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không dừng lại ở việc giúp sinh viên biết về truyền thống hoặc ghi nhớ một hệ thống giá trị có sẵn. Đích đến sâu hơn của quá trình này là hình thành ở sinh viên phẩm chất đạo đức, năng lực phán đoán và bản lĩnh ứng xử trước những tình huống phức tạp của đời sống hiện đại. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu đó càng trở nên rõ nét, bởi sinh viên không chỉ sống trong môi trường học đường trực tiếp, mà còn thường xuyên tham gia vào các không gian số - nơi chuẩn mực, lối sống, thông tin và các áp lực xã hội biến đổi rất nhanh. Vì vậy, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần hướng tới sự chuyển hóa từ nhận thức sang thái độ, từ thái độ sang hành vi và từ hành vi sang năng lực tự điều chỉnh của sinh viên.

*Thứ nhất, hình thành phẩm chất đạo đức trên nền tảng các giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc.*

Những giá trị như yêu nước, tự lực tự cường, nhân ái, vị tha, bao dung, hiếu học, cần cù, sáng tạo, uống nước nhớ nguồn, biết ơn, nghĩa tình và đoàn kết cần được xem là nền tảng định hướng cho quá trình hình thành nhân cách sinh viên. Trong điều kiện hiện nay, các giá trị đó không nên chỉ được trình bày như những phẩm chất đạo đức trừu tượng, mà cần được hiểu trong mối

liên hệ với trách nhiệm học tập, trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, Tổ quốc và trách nhiệm trong môi trường số. Một sinh viên có lòng yêu nước không chỉ thể hiện ở cảm xúc tự hào dân tộc, mà còn ở thái độ học tập nghiêm túc, ý thức bảo vệ lợi ích quốc gia, tôn trọng sự thật và không tiếp tay cho thông tin sai lệch. Một sinh viên có lòng nhân ái không chỉ thể hiện ở sự giúp đỡ người yếu thế trong đời sống trực tiếp, mà còn ở cách ứng xử có văn hóa, không miệt thị, không bạo lực ngôn từ và biết tôn trọng phẩm giá người khác trên không gian mạng.

*Thứ hai, phát triển năng lực đạo đức và bản lĩnh ứng xử của sinh viên trong môi trường số.*

Năng lực đạo đức trong bối cảnh chuyên đổi số không chỉ là khả năng phân biệt đúng - sai ở mức khái quát, mà còn là khả năng nhận diện tình huống, lựa chọn giá trị, dự báo hệ quả và chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Sinh viên cần có năng lực chọn lọc thông tin, phản biện trước các quan điểm lệch chuẩn, giữ nguyên tắc trung thực trong học tập và liêm chính nghiên cứu khoa học, tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ danh dự của người khác, đồng thời biết sử dụng công nghệ như một phương tiện lan tỏa giá trị tích cực. Bản lĩnh ứng xử của sinh viên thể hiện ở khả năng không bị cuốn theo đám đông, không đánh đổi chuẩn mực đạo đức lấy sự chú ý trên mạng, không biến không gian số thành nơi phô diễn, công kích hoặc vô trách nhiệm. Ở bình diện này, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần giúp sinh viên biến các giá trị đã học thành năng lực sống, năng lực tự kiểm soát và năng lực hành động có trách nhiệm.

*Thứ ba, phát huy năng lực tự học, tự rèn luyện, tự phản tư và lan tỏa giá trị của sinh viên Hà Nội.*

Trong giáo dục hiện đại, tự giáo dục là biểu hiện cao của sự trưởng thành nhân cách. Đối với sinh viên Hà Nội, lực lượng trí thức trẻ đang sống trong môi trường đô thị năng động và không gian số mở thì năng lực tự học, tự rèn luyện và tự phản tư càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nếu thiếu động lực nội sinh, giáo dục giá trị đạo đức dân tộc dễ chỉ dừng lại ở đáp ứng yêu cầu hình thức bề nổi bên ngoài; ngược lại, khi sinh viên biết tự soi chiếu hành vi, tự đặt câu hỏi về lựa chọn của mình và tự điều chỉnh theo các giá trị nhân văn, quá trình giáo dục mới đạt tới chiều sâu nội tại của nó. Sinh viên

Hà Nội cũng cần được nhìn nhận như lực lượng có khả năng lan tỏa giá trị thông qua học tập, nghiên cứu, hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, sáng tạo và ứng dụng sản phẩm truyền thông số, tham gia các diễn đàn trực tuyến phù hợp với thế hệ trẻ... Ở cấp độ này, sinh viên không chỉ là người tiếp nhận, mà còn là người tái hiện, làm mới và truyền bá giá trị đạo đức truyền thống trong điều kiện của thời đại mới.

Có thể khẳng định, ba phương hướng trên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Phát huy vai trò của các chủ thể tạo ra nền tảng tổ chức và môi trường giáo dục; gắn giáo dục giá trị đạo đức truyền thống với giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và văn hóa tạo ra chiều sâu nội dung; còn hướng tới hình thành phẩm chất, năng lực đạo đức và bản lĩnh ứng xử của sinh viên tạo ra mục tiêu phát triển con người cụ thể. Nếu định hướng chính trị - xã hội là “nền”, nội dung giáo dục là “cốt”, thì năng lực tự giáo dục và bản lĩnh đạo đức của sinh viên chính là “động lực nội sinh” quyết định hiệu quả lâu dài của quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số.

## **4.2. Giải pháp tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số**

### ***4.2.1. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý giáo dục và bảo đảm điều kiện thực thi giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số***

#### ***4.2.1.1. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và quản lý giáo dục liên thông từ Trung ương đến địa phương***

Trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên không chỉ là nhiệm vụ mang tính tư tưởng - văn hóa, mà phải được tổ chức thực hiện như một chương trình quản lý có mục tiêu, có quy trình và có cơ chế giám sát cụ thể. Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, một trong những nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả giáo dục đạo đức hiện nay là sự thiếu đồng bộ giữa chủ trương ở tầm vĩ mô với khâu tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở. Kết quả khảo sát sinh viên cũng phản ánh mức độ tham gia và hiệu quả cảm nhận đối với các hoạt động giáo dục đạo đức chưa thật sự đồng đều, cho thấy còn tồn tại những “độ trễ” trong quá trình chỉ đạo và triển khai.

Vì vậy, giải pháp có ý nghĩa nền tảng là hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và quản lý liên thông từ Trung ương đến địa phương và từng cơ sở giáo dục đại

học. Theo đó, cần thiết lập cơ chế chỉ đạo theo ba tầng thống nhất: (1) Tầng chính sách - chiến lược (Trung ương, Bộ, Thành phố); (2) Tầng quản lý - triển khai (các sở, ban, ngành và khối trường đại học); (3) Tầng tổ chức thực hiện (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, giảng viên và sinh viên).

Cơ chế liên thông này nhằm bảo đảm sự chuyển hóa nhất quán từ chủ trương thành chương trình hành động cụ thể, khắc phục tình trạng “nhiều kế hoạch, thiếu giám sát”, vốn là hạn chế phổ biến trong lĩnh vực giáo dục giá trị. Ở mỗi tầng cần xác định rõ: đầu mối chịu trách nhiệm, phạm vi thẩm quyền, quy trình phối hợp và hệ thống chỉ số đánh giá định kỳ, qua đó nâng cao tính kỷ luật, tính minh bạch và hiệu quả điều hành.

Ở tầm quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục cụ thể hóa Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) về chuyển đổi số trong giáo dục bằng các văn bản hướng dẫn chuyên biệt đối với giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa học đường trong môi trường số; đồng thời, xác định rõ chuẩn đầu ra về phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân số của sinh viên đại học. Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hà Nội, UBND Thành phố cần phối hợp xây dựng các chương trình hành động liên ngành về “Giáo dục giá trị Việt Nam trong kỷ nguyên số”, trong đó Hà Nội có vai trò là địa bàn thí điểm, hình thành mô hình mẫu để nhân rộng.

Ở cấp cơ sở, Đảng ủy các trường đại học cần đưa nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống gắn với chuyển đổi số vào nghị quyết lãnh đạo thường niên, coi đây là một chỉ tiêu bắt buộc trong đánh giá nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Đồng thời, cần thể chế hóa rõ ràng cơ chế phối hợp ba bên: Đảng ủy - Ban Giám hiệu - Đoàn Thanh niên/Hội Sinh viên thông qua quy chế phối hợp cụ thể về trách nhiệm, quy trình triển khai, chế độ thông tin báo cáo và kiểm tra, giám sát.

Việc hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và quản lý liên thông sẽ tạo nền tảng thể chế vững chắc để giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội được triển khai một cách đồng bộ, liên tục và có khả năng kiểm soát hiệu quả trong môi trường số, khắc phục tình trạng chỉ đạo mang tính phong trào, thiếu chiều sâu và thiếu tính bền vững như hiện nay.

#### 4.2.1.2. Xây dựng bộ tiêu chí và cơ chế đánh giá hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số

Một hạn chế mang tính hệ thống của công tác giáo dục đạo đức hiện nay là thiếu bộ công cụ đánh giá khách quan, định lượng và có khả năng phản hồi kịp thời. Trên thực tế, sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của sinh viên vẫn chủ yếu được đánh giá thông qua nhận xét định tính, tổng kết phong trào hoặc báo cáo hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy, vẫn còn một bộ phận đáng kể sinh viên giữ thái độ trung lập khi đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động cộng đồng và truyền thông giá trị đạo đức, điều này phản ánh sự thiếu rõ nét trong cơ chế đánh giá và phản hồi kết quả giáo dục hiện nay. Trong bối cảnh giáo dục ngày càng diễn ra mạnh mẽ trên không gian số, nhu cầu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chuyên biệt cho giáo dục đạo đức trong môi trường số trở nên đặc biệt cấp thiết.

Theo đó, cần từng bước xây dựng Bộ chỉ số đánh giá phát triển đạo đức số của sinh viên, bảo đảm phù hợp với chuẩn năng lực công dân số quốc gia và đặc thù sinh viên đô thị hiện đại. Đặc biệt trong đó là Bộ tiêu chí chuẩn hóa năng lực đạo đức số áp dụng cho khối giáo dục đại học.

Bộ chỉ số không chỉ đo lường tri thức về đạo đức, mà phải tiếp cận toàn diện các tầng của đời sống đạo đức, bao gồm: (1) mức độ hiểu biết và ý thức về giá trị đạo đức truyền thống; (2) thái độ và niềm tin đối với cộng đồng, xã hội và các vấn đề chung; (3) hành vi ứng xử trong không gian mạng; (4) mức độ tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội, thiện nguyện; (5) năng lực tự đánh giá và tự điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực đạo đức. Việc lượng hóa các tiêu chí này sẽ góp phần khắc phục tình trạng đánh giá cảm tính, đồng thời tạo cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và cải tiến chất lượng giáo dục đạo đức.

Trên nền tảng bộ tiêu chí chung, các trường đại học ở Hà Nội có thể phát triển hệ thống quản trị dữ liệu đạo đức sinh viên (dashboard đạo đức số), tích hợp thông tin từ kết quả học tập, rèn luyện, hoạt động xã hội và tương tác trên các nền tảng số chính thống của nhà trường. Hệ thống này không mang mục đích giám sát hay xếp hạng hành vi, mà đóng vai trò như một “gương soi dữ liệu”, giúp sinh viên thấy rõ tiến trình hình thành và hoàn thiện nhân cách của bản thân, từ đó chủ động điều chỉnh và tự giáo dục theo định hướng giá trị

đúng đắn. Khi người học được tiếp cận phản hồi dựa trên dữ liệu cụ thể, quá trình giáo dục đạo đức sẽ chuyển từ tuyên truyền sang tự nhận thức có căn cứ.

Để bảo đảm tính khả thi và đồng bộ, Bộ chỉ số cần được chuẩn hóa ở cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời từng bước tích hợp vào khung kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2025 - 2030. Khi đó, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống sẽ không còn là hoạt động mang tính phong trào hoặc bổ trợ, mà trở thành một tiêu chí quản trị bắt buộc, được theo dõi, đánh giá định kỳ tương tự như các chỉ số học thuật khác. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao tính thực chất, tính đo lường và tính bền vững của giáo dục đạo đức trong môi trường số.

#### *4.2.1.3. Bảo đảm các điều kiện vật chất, nhân lực và năng lực số cho đội ngũ làm công tác giáo dục giá trị đạo đức*

Bên cạnh việc hoàn thiện cơ chế và công cụ đánh giá thì việc bảo đảm đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ là yếu tố quyết định để hiện thực hóa mục tiêu giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số. Đặc biệt cần đầu tư hạ tầng số và các nền tảng AI phục vụ giáo dục và đánh giá giá trị đạo đức.

Thực tiễn khảo sát cho thấy, mức độ tham gia và đánh giá hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức của sinh viên còn chưa cao và còn biểu hiện “trung lập” ở nhiều nội dung, phản ánh phần nào hạn chế về năng lực tổ chức, điều kiện kỹ thuật và năng lực triển khai của đội ngũ làm công tác giáo dục.

Trước hết, các trường đại học cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập, cán bộ Đoàn, Hội. Việc bồi dưỡng không chỉ dừng ở kỹ năng sử dụng công nghệ, mà phải hướng tới năng lực chuyển hóa giá trị đạo đức truyền thống thành nội dung số có tính sư phạm hiện đại, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của sinh viên. Đội ngũ cần được trang bị khả năng sử dụng các nền tảng học tập số, công cụ thiết kế học liệu đa phương tiện để xây dựng các bài giảng, chuyên đề, hoạt động trải nghiệm đạo đức có tính tương tác cao, dễ tiếp cận trên thiết bị di động.

Cùng với kỹ năng kỹ thuật, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực thiết kế học tập (learning design) và phân tích học tập (learning analytics) cho đội ngũ làm công tác giáo dục đạo đức. Trên cơ sở đó, giảng viên có thể thiết kế các hoạt động học tập theo hướng dự án, trải nghiệm, đồng thời khai thác dữ liệu

học tập để kịp thời phát hiện nhu cầu, điều chỉnh phương pháp và cá nhân hóa tư vấn đạo đức cho sinh viên. Việc ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, nếu được sử dụng đúng định hướng và có kiểm soát, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả theo dõi và hỗ trợ quá trình hình thành hành vi đạo đức của người học.

Song song với phát triển nhân lực, cần đầu tư đồng bộ hạ tầng và cơ sở dữ liệu phục vụ giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số, bao gồm: kho học liệu số về di sản văn hóa, nhân vật lịch sử, gương đạo đức; hệ thống học liệu mở; các “không gian học tập đạo đức số” để sinh viên thảo luận, mô phỏng và xử lý tình huống đạo đức trong môi trường trực tuyến. Khi đó, giá trị truyền thống được tiếp cận bằng trải nghiệm trực tiếp, thay vì chỉ truyền đạt bằng phương pháp thuyết giảng.

Cuối cùng, cần có cơ chế ghi nhận, đãi ngộ và khuyến khích thỏa đáng đối với đội ngũ làm công tác giáo dục đạo đức trong môi trường số. Những đóng góp trong thiết kế học liệu số, tổ chức hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và lan tỏa giá trị đạo đức cần được đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua, bổ nhiệm, xét danh hiệu và thành tích khoa học. Khi con người được bảo đảm về năng lực, được khích lệ bằng cơ chế phù hợp, và được hỗ trợ bởi hạ tầng công nghệ hiện đại, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống mới thực sự trở thành một trụ cột bền vững trong tiến trình chuyển đổi số giáo dục đại học tại Hà Nội.

#### *4.2.1.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả thực hiện*

Kiểm tra, giám sát và công khai kết quả thực hiện là khâu không thể thiếu nhằm bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả của các cơ chế lãnh đạo, quản lý trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Mọi chủ trương, giải pháp chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được đặt trong một hệ thống giám sát thường xuyên, khách quan và gắn với trách nhiệm giải trình cụ thể. Việc đánh giá hiệu quả giáo dục đạo đức không nên chỉ dừng lại ở các báo cáo tổng kết mang tính hình thức, mà cần dựa trên các chỉ báo phản ánh thực chất sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên.

Theo đó, các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cần phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức điều tra xã hội học định kỳ, khảo sát trực tuyến và khai thác dữ liệu từ

các hệ thống quản lý sinh viên. Thông qua phân tích dữ liệu số, nhà trường có thể kịp thời nhận diện xu hướng biến đổi giá trị, mức độ tham gia các hoạt động đạo đức - xã hội, cũng như những biểu hiện lệch chuẩn trong môi trường số, từ đó điều chỉnh nội dung và phương thức giáo dục cho phù hợp với thực tiễn người học.

Cùng với hoạt động kiểm tra nội bộ, cần thực hiện công khai kết quả đánh giá trên các kênh thông tin chính thức của nhà trường như cổng thông tin điện tử, báo cáo thường niên, các diễn đàn đối thoại sinh viên - xã hội. Việc công khai kết quả không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch, mà còn tạo điều kiện để xã hội tham gia giám sát, qua đó củng cố niềm tin của người học và cộng đồng đối với công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống. Khi những chuyển biến tích cực của sinh viên được ghi nhận bằng số liệu và minh chứng cụ thể, hiệu quả giáo dục sẽ được nâng lên rõ rệt.

Song hành với giám sát là cơ chế khen thưởng, động viên và nhân rộng điển hình tiên tiến. Những trường, tập thể và cá nhân có mô hình hay, sáng kiến hiệu quả trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần được biểu dương kịp thời, tạo sức lan tỏa trong toàn hệ thống. Ngược lại, các đơn vị triển khai mang tính hình thức, hiệu quả thấp cần được nhắc nhở, điều chỉnh và chịu trách nhiệm theo quy định. Chỉ khi công tác kiểm tra, giám sát được tiến hành công tâm, công khai và gắn với hậu quả thực tế, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống mới có thể thoát khỏi tính phong trào, trở thành một tiến trình bền vững trong các cơ sở giáo dục đại học của Thủ đô.

Trên cơ sở hệ thống lãnh đạo, quản lý và giám sát được củng cố, vấn đề tiếp theo mang tính bản chất là đổi mới nội dung và phương thức giáo dục - tức là cách các giá trị đạo đức truyền thống được kiến tạo, chuyển hóa và vận hành trong không gian học đường số. Ở bình diện này, giáo dục đạo đức không chỉ dừng ở việc “truyền dạy” các chuẩn mực có sẵn, mà phải hướng tới xây dựng văn hóa học đường số, nơi các giá trị được tái định hình, lan tỏa và kiểm chứng thông qua thực tiễn học tập, tương tác và sáng tạo của sinh viên.

#### ***4.2.2. Xây dựng nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng tích hợp, kế thừa, phát triển và phù hợp với yêu cầu của thời đại***

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không thể tiếp tục được tổ chức theo lối liệt kê, truyền thụ khép kín, mà

cần được tái cấu trúc theo hướng tích hợp, động và có khả năng “đổi thoại” với những vấn đề mới của đời sống xã hội hiện đại như: sự thật, trách nhiệm, công bằng, nhân văn, tự chủ cá nhân và công dân số. Đây không phải là sự bổ sung cơ học các giá trị mới, mà là kích hoạt chiều sâu nhân văn của các giá trị truyền thống trong ngữ cảnh đương đại, bảo đảm tính kế thừa và tính hiện đại trong một chỉnh thể thống nhất.

Giá trị yêu nước trong môi trường số cần được chuyển hóa từ nội dung mang tính biểu tượng sang năng lực hành động công dân số: biết bảo vệ hình ảnh quốc gia trên không gian mạng, đấu tranh với tin giả, thông tin sai lệch, chủ động lan tỏa các giá trị tích cực về văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam. Đồng thời, tinh thần tự lực, tự cường của sinh viên Hà Nội cần được thể hiện ở khả năng làm chủ công nghệ, làm chủ tri thức, không lệ thuộc vào sản phẩm trí tuệ ngoại lai, mà có năng lực sáng tạo, hội nhập và đóng góp thực chất cho xã hội.

Giá trị nhân ái trong bối cảnh số hóa không chỉ dừng ở chuẩn mực đạo lý truyền thống, mà phải được cụ thể hóa thành văn hóa ứng xử có trách nhiệm trên môi trường mạng: giao tiếp văn minh, tôn trọng sự khác biệt, không xúc phạm, không kỳ thị, không lan truyền nội dung gây tổn hại đến nhân phẩm người khác. Nhân ái còn được thể hiện ở đạo đức dữ liệu: tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ thông tin cá nhân, không sử dụng công nghệ để thao túng, bôi nhọ hay gây tổn thương cho người khác.

Giá trị biết ơn trong thời đại thông tin nhanh cần được xem như “trí nhớ đạo đức” của sinh viên. Việc trích dẫn trung thực, tôn trọng quyền tác giả trong học tập, nghiên cứu khoa học và trên mạng xã hội chính là biểu hiện sinh động của đạo đức biết ơn trong không gian số. Đây cũng là nền tảng quan trọng để hình thành văn hóa học thuật liêm chính trong các trường đại học.

Giá trị đoàn kết cần được tái định nghĩa như văn hóa hợp tác trong không gian mở. Sinh viên Hà Nội được rèn luyện năng lực làm việc nhóm trên nền tảng số, chia sẻ dữ liệu, đồng sáng tạo trong các dự án học thuật, khởi nghiệp xã hội và hoạt động cộng đồng. Đoàn kết không chỉ là sự phối hợp kỹ thuật, mà là tinh thần đồng kiến tạo, biết lắng nghe, tôn trọng khác biệt và hướng tới lợi ích chung. Trong môi trường mạng dễ phân hóa và chia rẽ, tinh thần đoàn kết trở thành thước đo bản lĩnh văn hóa của người trí thức trẻ.

Giá trị hiếu học, cần cù, sáng tạo giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc đạo đức sinh viên thời đại số. Hiếu học không chỉ là tiếp thu tri thức, mà là năng lực tự định hướng học tập, phản biện và làm chủ tri thức số. Cần cù không chỉ là lao động bền bỉ, mà là kỷ luật trí tuệ, khả năng tập trung và kiên định trước sự quá tải thông tin. Sáng tạo là khả năng vận dụng tri thức để giải quyết các vấn đề xã hội, phục vụ cộng đồng, tạo ra giá trị mới trên nền tảng đạo đức, văn hóa Việt Nam.

Từ đó, nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong các trường đại học ở Hà Nội cần được cấu trúc lại theo mô hình tích hợp, trong đó mỗi học phần, mỗi hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, truyền thông, văn hóa - nghệ thuật đều chứa “hạt nhân giá trị” bên trong. Giáo dục đạo đức không nên được xem là một môn học độc lập, mà phải trở thành nền tảng xuyên suốt toàn bộ môi trường đào tạo. Việc phát triển các học phần liên ngành gắn đạo đức với truyền thông, công nghệ, quản trị, nghệ thuật... sẽ tạo điều kiện để giá trị truyền thống tiếp xúc trực tiếp với đời sống hiện đại, tránh tình trạng “cô lập” trong giảng đường lý luận.

Đồng thời, nội dung giáo dục cần được vận hành như hệ thống học liệu mở, thường xuyên cập nhật, gắn với dự án xã hội và dữ liệu thực tiễn của sinh viên. Khi sinh viên trực tiếp tham gia sáng tạo nội dung - như thực hiện video, podcast, sản phẩm truyền thông về giá trị Việt, thiết kế không gian văn hóa Hà Nội trong môi trường số - họ không chỉ tiếp thu mà còn tái tạo giá trị bằng ngôn ngữ của chính thế hệ mình. Đây chính là bước chuyển từ “truyền đạt giá trị” sang “kiến tạo giá trị”.

#### ***4.2.3. Đổi mới phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng thiết kế trải nghiệm, kiến tạo văn hóa học đường số và vận hành hệ sinh thái đạo đức mở***

Đổi mới phương thức giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng thiết kế trải nghiệm, kiến tạo văn hóa học đường số và vận hành hệ sinh thái đạo đức mở.

*Thứ nhất, xây dựng trung học liệu số về đạo đức, văn hóa và lịch sử Hà Nội, tổ chức giáo dục theo chu trình trải nghiệm có thiết kế.*

Việc xây dựng Trung tâm học liệu số (Digital Ethics-Culture-History Learning Hub) về đạo đức, văn hóa và lịch sử Hà Nội là một giải pháp có ý

nghĩa chiến lược nhằm hiện đại hóa hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số. Mô hình này có thể được xem như một hạ tầng tri thức số, cung cấp môi trường học tập mở, cá nhân hóa và đa phương tiện cho sinh viên Thủ đô.

Phương thức giáo dục là “hình thức hiện thân” của nội dung. Nếu nội dung đã được cập nhật nhưng cách tổ chức vẫn dựa vào thuyết giảng một chiều, phong trào ngắn hạn, thì hiệu quả khó bền vững. Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cần được thiết kế như một chu trình khép kín: Nhận thức - hành động - phản tư - lan tỏa. Sinh viên trước hết tiếp cận giá trị qua học phần, chuyên đề, tọa đàm; sau đó thực hành thông qua hoạt động cộng đồng, dự án truyền thông, nghiên cứu tình huống, mô phỏng đạo đức; tiếp theo là giai đoạn phản tư qua nhật ký học tập, thảo luận nhóm, e-portfolio; cuối cùng là chia sẻ và lan tỏa kết quả trên các nền tảng số. Chu trình này bảo đảm tác động đồng thời tới nhận thức, thái độ và hành vi, đồng thời khơi dậy động lực tự giáo dục của người học.

*Thứ hai, biến môi trường số thành không gian thực hành và đối thoại đạo đức.*

Công nghệ số không chỉ là kênh truyền tải nội dung, mà cần được sử dụng như môi trường để sinh viên trải nghiệm và kiểm chứng các giá trị truyền thống. Các hệ thống LMS, diễn đàn học thuật, mạng xã hội học tập cần tích hợp những không gian thảo luận giá trị, phản biện đạo đức, chia sẻ kinh nghiệm sống. Các trường đại học ở thành phố Hà Nội có thể liên kết xây dựng hệ sinh thái đạo đức số liên trường, nơi sinh viên nhiều ngành cùng trao đổi về các vấn đề như yêu nước trong không gian mạng, trách nhiệm với dữ liệu, nhân ái và tôn trọng khác biệt trên môi trường trực tuyến.

*Thứ ba, gắn phương thức giáo dục với văn hóa phản tư và dữ liệu số.*

Nhật ký học tập đạo đức, e-portfolio rèn luyện, các bảng điều khiển dữ liệu (dashboard) về học tập, rèn luyện, hoạt động cộng đồng cần được sử dụng như “gương phản chiếu nhân cách”. Thông qua việc theo dõi thường xuyên các minh chứng số về hành vi và mức độ tham gia, sinh viên có cơ sở để tự nhận diện sự tiến bộ hay lệch chuẩn của bản thân, còn nhà trường có căn cứ điều chỉnh hoạt động giáo dục. Phương thức giáo dục chuyển từ cảm tính sang dựa trên dữ liệu, nhưng vẫn tôn trọng tính chủ thể của người học.

*Thứ tư, kiến tạo văn hóa học đường số thống nhất và mở.*

Mục tiêu cuối cùng của đổi mới phương thức không chỉ là cải thiện từng hoạt động riêng lẻ, mà là hình thành một văn hóa học đường số nhất quán, nơi giảng viên, cán bộ Đoàn, Hội và sinh viên cùng chia sẻ cùng một hệ chuẩn giá trị trong cả không gian trực tiếp và trực tuyến. Khi lớp học, phòng thí nghiệm, câu lạc bộ sinh viên và các kênh truyền thông của nhà trường đều vận hành theo “ngôn ngữ giá trị” chung, toàn bộ đời sống đại học sẽ trở thành không gian giáo dục đạo đức mở, liên tục và bền vững trong thời đại số.

#### ***4.2.4. Xây dựng đội ngũ “người đồng hành giá trị” trong giáo dục đạo đức cho sinh viên Hà Nội thời kỳ chuyển đổi số***

Trong mọi hình thức giáo dục, công nghệ chỉ là công cụ, con người mới là chủ thể kiến tạo và lan tỏa giá trị. UNESCO khẳng định rằng, trong thời đại trí tuệ nhân tạo, “giáo viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn giữ vai trò “người định hướng nhân tính” cho thế hệ trẻ” [88]. Theo OECD, các trường đại học cần hình thành “những mô hình đồng hành nhân văn” giúp người học phát triển toàn diện cả năng lực và giá trị [88]. Trong môi trường số, khi tương tác thầy - trò vượt ra khỏi không gian lớp học truyền thống, vai trò của những người dẫn dắt về giá trị càng trở nên quan trọng. Trên cơ sở đó, khái niệm “người đồng hành giá trị” được đề xuất để chỉ hệ thống các chủ thể cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng và phát triển đời sống đạo đức của sinh viên, bao gồm: giảng viên, cố vấn học tập, cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các lực lượng hỗ trợ giáo dục trong nhà trường. “Người đồng hành giá trị” không chỉ truyền đạt chuẩn mực, mà còn đồng hành với sinh viên trong quá trình hình thành lập trường đạo đức, năng lực tự nhận thức và tự điều chỉnh hành vi trong môi trường số.

*Thứ nhất*, giảng viên - chủ thể trung tâm trong khai mở và định hướng giá trị: Giảng viên là lực lượng đồng hành trực tiếp ở tầng nhận thức và cảm xúc đạo đức của sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, giảng viên không còn giữ vai trò “độc quyền truyền tri thức”, mà chuyển sang vai trò thiết kế trải nghiệm học tập giá trị, tổ chức đối thoại và dẫn dắt phản tư đạo đức. Nhiệm vụ cốt lõi của giảng viên là chuyển hóa các giá trị đạo đức truyền thống thành những nội dung có khả năng kết nối với bối cảnh sống, nghề nghiệp và môi trường số của sinh viên.

Để thực hiện vai trò đó, giảng viên cần được bồi dưỡng đồng thời ba năng lực: (1) năng lực chuyên môn; (2) năng lực sư phạm; (3) năng lực công nghệ số nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục đạo đức. Nhà trường cần tạo cơ chế trao quyền cho giảng viên trong việc thiết kế học phần, xây dựng các tình huống đạo đức, tổ chức tranh biện, thảo luận vấn đề, mời chuyên gia thực tiễn, triển khai học liệu số... Khi giảng viên được chủ động sáng tạo trên cơ sở có sự kiểm soát, bài học đạo đức sẽ chuyển từ “giảng giải chuẩn mực” sang “tổ chức trải nghiệm giá trị”.

*Thứ hai, cố vấn học tập - người thiết kế và hỗ trợ phát triển giá trị cá nhân:* Nếu giảng viên đồng hành ở bình diện nhận thức chung, thì cố vấn học tập giữ vai trò đồng hành ở bình diện cá nhân hóa quá trình phát triển nhân cách. Mỗi sinh viên có xuất phát điểm gia đình, động cơ học tập và hệ giá trị khác nhau, do đó giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không thể vận hành theo mô hình đồng loạt. Cố vấn học tập là người giúp sinh viên xác lập mục tiêu giá trị cá nhân, kết nối mục tiêu đó với học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội của từng bạn. Trong môi trường số, cố vấn học tập có thể sử dụng các hệ thống quản lý học tập, hồ sơ học tập điện tử, dashboard rèn luyện để theo dõi quá trình phát triển của sinh viên một cách thường xuyên. Tuy nhiên, dữ liệu chỉ có ý nghĩa khi được “đọc” bằng sự thấu hiểu và trách nhiệm sư phạm. Vì vậy, cố vấn học tập không chỉ là người theo dõi chỉ số, mà là chủ thể phản hồi kịp thời, định hướng linh hoạt và hỗ trợ tâm lý - giá trị cho người học, giúp sinh viên từng bước hình thành năng lực tự giáo dục.

*Thứ ba, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức sinh viên:* Giá trị đạo đức chỉ được củng cố vững chắc khi được hình thành và phát triển trong môi trường cộng đồng. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức sinh viên là không gian thực hành xã hội của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong nhà trường. Ở đó, sinh viên rèn luyện năng lực hợp tác, chia sẻ trách nhiệm xã hội, tinh thần tình nguyện và ý thức cộng đồng.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các tổ chức sinh viên cần được định hướng phát triển theo mô hình sáng tạo giá trị trên không gian mạng, thay vì chỉ duy trì các phong trào truyền thống. Các hoạt động như diễn đàn trực tuyến về đạo đức số, chiến dịch truyền thông giá trị đạo đức của người Việt, các câu lạc bộ sáng tạo và lan toả nội dung tích cực, podcast, video về lối

sống tử tế, những tấm gương điển hình... sẽ giúp sinh viên vừa thực hành vừa lan tỏa giá trị đạo đức, vừa làm chủ công nghệ. Khi đó, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên thực sự trở thành chủ thể đồng hành hỗ trợ cho giáo dục chính khóa bằng những trải nghiệm giá trị đạo đức truyền thống trong nhiều đội nhóm khác nhau.

Xây dựng đội ngũ “người đồng hành giá trị” là giải pháp mang tính nền tảng để bảo đảm tính bền vững của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Giảng viên giữ vai trò khai mở và định hướng; cố vấn học tập giữ vai trò cá nhân hóa và đồng hành hỗ trợ; Đoàn Thanh niên, Các tổ chức Sinh viên giữ vai trò xã hội hóa và lan tỏa giá trị đạo đức. Khi ba lực lượng này được kết nối thành một mạng lưới, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không còn là hoạt động riêng lẻ, mà trở thành một hệ sinh thái giá trị chặt chẽ trong môi trường giáo dục đại học Hà Nội thời đại số.

#### ***4.2.5. Mở rộng liên kết giữa nhà trường, cộng đồng và doanh nghiệp trong kiến tạo môi trường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số cho sinh viên Hà Nội***

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không còn giới hạn trong trường, lớp, mà đang mở rộng thành một mạng lưới đa chiều, nơi nhà trường, doanh nghiệp, truyền thông và cộng đồng cùng góp phần định hình nhân cách cho thế hệ trẻ. Trong thời chuyển đổi số, ranh giới giữa học tập và đời sống, giữa nhà trường và xã hội, đã trở nên mờ đi - và chính điều đó tạo cơ hội để giáo dục giá trị đạo đức trở thành một quá trình xã hội hóa mới. Thành phố Hà Nội - với đặc trưng là trung tâm tri thức, văn hóa và công nghệ là nơi có điều kiện thuận lợi để hình thành mô hình “liên kết ba bên” (nhà trường - doanh nghiệp - cộng đồng), nhằm lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc bằng những hình thức phong phú với các công cụ mới của thời đại số.

*Thứ nhất, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp để khơi dậy giá trị đạo đức truyền thống trong đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.*

Truyền thống Việt Nam luôn coi trọng “làm người trước khi làm nghề”. Trong thời đại số, điều ấy càng có ý nghĩa khi ranh giới giữa lợi nhuận và đạo đức, giữa tốc độ và trách nhiệm ngày càng mong manh. Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cần thiết lập quan hệ với các cơ quan, doanh

nghiệp để cùng xây dựng chương trình “đạo đức nghề nghiệp gắn với giá trị truyền thống” - nơi sinh viên không chỉ học kiến thức, học kỹ năng làm việc, mà còn học tinh thần dân tộc, liêm chính, trách nhiệm và nhân ái trong môi trường số.

Theo OECD, mối quan hệ giữa giáo dục và doanh nghiệp trong thời chuyển đổi số cần được mở rộng sang chiều đạo đức: “Quan hệ hợp tác giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp không chỉ nên thúc đẩy đổi mới, mà còn cần nuôi dưỡng ý thức đạo đức và tinh thần trách nhiệm xã hội, nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi số vẫn luôn đặt con người ở vị trí trung tâm” [88]. Thông qua hợp tác, cơ quan, doanh nghiệp có thể cùng tham gia xây dựng nội dung các học phần về đạo đức nghề nghiệp, chia sẻ các tình huống thực tiễn trong quản trị, kinh doanh, khởi nghiệp, qua đó giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng. Bên cạnh đó, việc các cơ quan, doanh nghiệp đồng hành hỗ trợ các dự án khởi nghiệp xã hội, sáng kiến vì cộng đồng của sinh viên sẽ góp phần chuyển hóa các giá trị truyền thống như nhân ái, nghĩa tình, tương trợ thành những mô hình hành động cụ thể trong môi trường số. Sự gắn kết này giúp sinh viên hình thành lập trường đạo đức vững chắc ngay trong quá trình chuẩn bị nghề nghiệp sau này trở thành người thành công và có nhiều đóng góp giá trị cho xã hội.

*Thứ hai, tăng cường kết nối giữa nhà trường và các cơ quan truyền thông nhằm lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống trong không gian số.*

Truyền thống đạo đức của dân tộc Việt - yêu nước, nhân ái, biết ơn, đoàn kết - cần được kể lại bằng ngôn ngữ truyền thông mới để tiếp cận thế hệ trẻ. Các trường đại học Hà Nội, đặc biệt là những trường có thế mạnh về báo chí, truyền thông, nghệ thuật, có thể phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình, nền tảng mạng xã hội để sản xuất chuỗi nội dung như: “Truyền thống Việt - Câu chuyện mới”: phim ngắn, podcast, vlog hay chiến dịch hashtag kể lại những biểu hiện hiện đại của giá trị cổ truyền.

UNESCO khẳng định rằng truyền thông ngày nay không chỉ là công cụ thông tin, mà là không gian đạo đức công cộng, nơi các giá trị truyền thống có thể được tái hiện và làm sống dậy trong nhận thức của người trẻ: “Giáo dục truyền thông cần bồi dưỡng tư duy phản biện và lòng thấu cảm, giúp người

học kết nối những giá trị nhân văn truyền thống với trách nhiệm của công dân trong môi trường số” [92].

Trong xã hội số, truyền thông không chỉ là kênh chuyển tải thông tin, mà còn là không gian hình thành và định hình chuẩn mực giá trị. Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, đặc biệt là những trường có thế mạnh về báo chí, truyền thông, nghệ thuật, cần tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh - truyền hình, nền tảng mạng xã hội để xây dựng các sản phẩm truyền thông về giá trị đạo đức truyền thống dành cho giới trẻ, gắn với các nội dung như: “Truyền thông Việt - Câu chuyện mới” với các hình thức như phim ngắn, podcast, vlog hay chiến dịch hashtag kể lại những biểu hiện hiện đại của giá trị cổ truyền. Ví dụ, tinh thần “tương thân tương ái” có thể được thể hiện qua chiến dịch quyên góp trực tuyến minh bạch và sáng tạo; “hiếu học” được kể lại qua hành trình tự học không ngừng của sinh viên Hà Nội giữa thời AI; hay “tự lực - tự cường” trở thành câu chuyện về một nhóm sinh viên khởi nghiệp công nghệ vì cộng đồng. Khi các giá trị truyền thống được truyền thông hóa một cách sống động, đạo đức không chỉ được bảo tồn mà được tái sinh trong dòng chảy hiện đại - trở thành “nội dung lan tỏa” chứ không chỉ là khẩu hiệu tuyên truyền. Thông qua sự tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo nội dung, sinh viên không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn trở thành chủ thể lan tỏa giá trị. Khi các giá trị đạo đức truyền thống được truyền thông hóa một cách có định hướng và khoa học, đạo đức không còn tồn tại dưới dạng khẩu hiệu, mà trở thành chuẩn mực sống động trong đời sống số của sinh viên.

*Thứ ba, mở rộng liên kết giữa nhà trường với cộng đồng văn hóa - xã hội trong giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm di sản.*

Hà Nội là không gian hội tụ nhiều lớp trầm tích văn hóa - lịch sử, với hệ thống di sản vật thể và phi vật thể phong phú như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hồ Gươm, phố cổ, làng nghề truyền thống, hệ thống bảo tàng và thiết chế văn hóa. Đây là nguồn lực quan trọng để giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên thông qua trải nghiệm thực tiễn. Tổ chức UNESCO coi di sản văn hóa và truyền thống địa phương là cửa ngõ để người học hình thành giá trị đạo đức và năng lực sống cộng đồng: “Di sản văn hóa và các truyền

thống địa phương cung cấp những bối cảnh học tập chân thực để người học tiếp thu các giá trị như tôn trọng, hợp tác và trách nhiệm với cộng đồng” [92].

Các trường đại học cần tăng cường kết nối với các bảo tàng, trung tâm văn hóa, làng nghề, tổ chức xã hội để tổ chức các chương trình “học tập gắn với di sản”, như: tham quan - nghiên cứu chuyên đề, thực hành nghề truyền thống, dự án truyền thông số về văn hóa dân gian, tours trải nghiệm di sản bằng công nghệ thực tế ảo. Thông qua đó, sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với không gian giá trị của dân tộc, hình thành nhận thức sâu sắc về các phẩm chất như hiếu học, cần cù, sáng tạo, gắn bó cộng đồng. Việc kết hợp giữa di sản văn hóa và công nghệ số không chỉ giúp bảo tồn giá trị truyền thống, mà còn tạo điều kiện để sinh viên tái tạo và lan tỏa giá trị bằng những hình thức mới.

#### ***4.2.6. Phát triển năng lực kiến tạo bản sắc đạo đức của sinh viên Hà Nội trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống ở bối cảnh chuyển đổi số***

Trong thời đại mà dấu ấn kỹ thuật số của mỗi người gần như trở thành “hồ sơ đạo đức công khai”, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống không thể dừng ở mức “dạy sinh viên hiểu điều đúng”, mà phải hỗ trợ họ tự nhận diện, tự kiểm chứng và tự điều chỉnh hành vi trong cả môi trường thực và môi trường số. Nói cách khác, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển năng lực kiến tạo bản sắc đạo đức số trên nền tảng các giá trị truyền thống của dân tộc. Sinh viên Hà Nội - thế hệ đang sống trong môi trường mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn - có đủ các điều kiện thuận lợi cùng với công nghệ để kiến tạo “bản sắc đạo đức số” cho chính mình: đó là sự kết hợp giữa truyền thống nhân ái, hiếu học với năng lực tự nhận thức, tự quản lý và sáng tạo trong môi trường số.

*Thứ nhất, sử dụng hồ sơ điện tử (e-portfolio) và bảng điều khiển (dashboard) để rèn luyện số như công cụ phản chiếu sự phát triển đạo đức cá nhân*

Mỗi sinh viên cần được xây dựng hồ sơ học tập và rèn luyện điện tử không chỉ lưu trữ sản phẩm học tập mà còn ghi nhận quá trình tham gia hoạt động cộng đồng, dự án thiện nguyện, sinh hoạt câu lạc bộ và ghi chép phản tư cá nhân. Trên cơ sở đó, bảng điều khiển rèn luyện số của nhà trường tổng hợp dữ liệu từ hệ thống quản lý học tập, các tổ chức Đoàn, Hội và hoạt động xã hội để thể hiện bằng trực quan quá trình phát triển của từng sinh viên: mức độ tham gia hoạt động nhân ái, hợp tác nhóm, các lần vi phạm quy chế ứng xử,

v.v.. Các hệ thống này có thể tích hợp gợi ý dựa trên trí tuệ nhân tạo theo hướng hỗ trợ phản tư, chẳng hạn nhắc sinh viên về thời gian dài chưa tham gia hoạt động cộng đồng, về xu hướng sử dụng ngôn ngữ thiếu tôn trọng trên diễn đàn học tập, hoặc khuyến nghị tăng cường tham gia làm việc nhóm. Công nghệ được sử dụng như một “tấm gương dữ liệu”, giúp sinh viên đổi chiều hành vi của bản thân với hệ giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam, chứ không thay thế vai trò giáo dục của giảng viên.

Khi quá trình học tập và rèn luyện được “làm rõ bằng dữ liệu”, đạo đức không còn là khái niệm trừu tượng mà trở thành chuỗi hành vi cụ thể, có thể được quan sát, phản hồi và cải thiện hằng ngày. Việc đưa hoạt động phản tư cá nhân vào hạ tầng dữ liệu như vậy không làm giảm tính nhân văn, mà góp phần cá nhân hóa hành trình “tu thân”, giúp mỗi sinh viên tự theo dõi và điều chỉnh sự trưởng thành đạo đức của mình.

*Ứng dụng blockchain để xác thực và tích lũy “hồ sơ đạo đức học tập” - biến giá trị thành tín nhiệm xã hội.*

Trong bối cảnh chuyển đổi số, một hướng tiếp cận nhằm tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội là ứng dụng công nghệ blockchain để xây dựng hệ thống chứng chỉ đạo đức số (digital moral badges). Theo mô hình này, mỗi hành động tích cực, mỗi dự án cộng đồng hoặc mỗi cam kết đạo đức của sinh viên đều được ghi nhận và xác thực dưới dạng “token giá trị” (learning token). Khi sinh viên hoàn thành các hoạt động thể hiện các giá trị đạo đức truyền thống như lòng yêu nước, nhân ái, đoàn kết, tinh thần trách nhiệm cộng đồng..., hệ thống sẽ cấp chứng chỉ đạo đức số do nhà trường hoặc tổ chức đối tác xác thực. Các chứng chỉ này được tích lũy thành “hồ sơ tín nhiệm giá trị” (value credibility record), phản ánh quá trình rèn luyện và trưởng thành đạo đức của sinh viên, đồng thời có thể sử dụng khi xét học bổng, tuyển dụng hoặc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội có yêu cầu về uy tín cá nhân.

Cơ chế ghi nhận bằng blockchain góp phần xây dựng dữ liệu và minh bạch hóa quá trình đánh giá đạo đức, đồng thời tạo động lực để sinh viên chủ động sống tốt và hành động tích cực, bởi mỗi việc tử tế đều được lưu giữ công khai. Nhìn nhận ở góc độ văn hoá đạo đức, đây là sự kết nối giữa công nghệ hiện đại và giá trị đạo đức truyền thống: blockchain tiếp nối tinh thần nêu

gương bằng ngôn ngữ của dữ liệu và niềm tin số. Nếu được triển khai phù hợp trong các trường đại học Hà Nội - nơi có nhiều hoạt động tình nguyện, dự án cộng đồng hệ thống này có thể trở thành nền tảng lan tỏa đạo đức số một cách phổ biến và bền vững.

Về cơ chế vận hành, mỗi sinh viên được cấp một “ví đạo đức” (moral wallet) gắn với mã sinh viên khi nhập học. Khi tham gia các hoạt động mang giá trị đạo đức như “Mùa hè xanh”, “Sinh viên với biển đảo”, hay các chương trình thiện nguyện hỗ trợ cộng đồng, kết quả sẽ được giảng viên hoặc tổ chức Đoàn - Hội xác nhận và ghi nhận trên blockchain bằng token giá trị kèm minh chứng được số hoá. Token này được tích lũy vào hồ sơ tín nhiệm; khi đạt ngưỡng nhất định, sinh viên được cấp các chứng chỉ đạo đức số tương ứng. Dữ liệu được mã hóa, lưu trữ, bảo đảm và xác thực tuyệt đối. Sinh viên cũng có thể chia sẻ hồ sơ giá trị thông qua mã QR hoặc liên kết blockchain để nhà tuyển dụng xác minh trực tiếp.

Blockchain không chỉ là công nghệ ghi nhận, mà trở thành hạ tầng đạo đức số - nơi mỗi hành động tốt được lưu giữ bền vững, mỗi giá trị được chứng thực khách quan, và mỗi sinh viên trở thành một mắt xích trong chuỗi giá trị đạo đức cộng đồng. Khi hành vi tử tế được công nghệ lan tỏa, việc rèn luyện đạo đức chuyển từ sự áp đặt sang động lực nội sinh, góp phần giúp giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trở nên gần gũi hơn, thích ứng với thời đại số mà vẫn giữ vững bản sắc của dân tộc.

*Thứ ba, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và mạng học tập giá trị truyền thống trong cá nhân hóa hành trình đạo đức*

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) đã trở thành công nghệ nền tảng tác động sâu sắc đến giáo dục. Việc ứng dụng AI trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là giải pháp quan trọng nhằm cá nhân hóa quá trình rèn luyện đạo đức, nâng cao tính tương tác và hiệu quả giáo dục trong môi trường số. Ưu thế nổi bật của AI là khả năng thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu lớn, giúp thiết kế nội dung giáo dục phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của từng người học.

Trong lĩnh vực giáo dục đạo đức, AI có thể phân tích hành vi học tập và mức độ tham gia của sinh viên như: tần suất truy cập học liệu, thời gian thảo

luận, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cũng như xu hướng quan tâm đến các nhóm giá trị đạo đức như yêu nước, tự cường, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, cần cù, sáng tạo. Trên cơ sở đó, hệ thống đề xuất lộ trình học tập và rèn luyện đạo đức được cá nhân hóa. Chẳng hạn, sinh viên năm nhất có thể tiếp cận giá trị đạo đức truyền thống qua video, infographic trực quan; sinh viên năm cuối được gợi ý học thông qua các tình huống đạo đức phức hợp gắn với nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh đó, các chatbot tư vấn đạo đức có thể hỗ trợ sinh viên khi gặp những tình huống thực tiễn cụ thể như mâu thuẫn nhóm, gian lận học thuật, khủng hoảng truyền thông cá nhân hoặc ứng xử trên mạng xã hội... và đưa ra những định hướng, gợi ý hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức Việt Nam. Việc tích hợp chatbot tư vấn đạo đức trên các nền tảng quen thuộc giúp sinh viên tiếp cận một cách thuận tiện, kịp thời trong mọi hoàn cảnh.

Ngoài không gian học tập chính khóa, sinh viên hiện nay còn tiếp nhận và thực hành đạo đức trong cộng đồng số của mình. Vì vậy, các trường đại học ở Hà Nội có thể xây dựng mạng xã hội học thuật nội bộ hoặc liên trường như một hệ sinh thái học tập mở, nơi sinh viên đồng thời phát triển tri thức, kỹ năng và đạo đức. Trong hệ sinh thái đó, các module học tập giá trị là nơi sinh viên viết phản tư, chia sẻ câu chuyện sống đẹp, trao đổi về những tình huống đạo đức gắn với đời sống thực. Đây vừa là diễn đàn học thuật, vừa là môi trường nuôi dưỡng các giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Trong không gian này, AI đóng vai trò “bộ não kết nối”, gợi ý tài liệu, video, khóa học ngắn phù hợp với từng giá trị, đồng thời điều phối hành trình rèn luyện đạo đức cá nhân của sinh viên. Những sinh viên có thiên hướng nhân ái được gợi ý tham gia hoạt động thiện nguyện; những sinh viên có năng lực sáng tạo được khuyến khích tham gia dự án truyền thông xã hội hoặc khởi nghiệp văn hóa. Nhờ đó, quá trình rèn luyện đạo đức trở nên linh hoạt, phù hợp với đặc điểm cá nhân nhưng vẫn hội tụ trong hệ giá trị cốt lõi của dân tộc.

Bên cạnh đó, công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) cho phép giảng viên và nhà trường phân tích ngôn ngữ, thái độ và cảm xúc đạo đức của sinh viên trên các nền tảng số như diễn đàn, nhóm học thuật, fanpage nhà trường. Hệ thống có thể phát hiện sớm những biểu hiện cực đoan, thiếu chuẩn mực hoặc tiêu cực, từ đó đưa ra các phản hồi định hướng bằng thông điệp nhân

văn, video, câu chuyện về văn hóa ứng xử Việt Nam. Qua đó, sinh viên không chỉ được điều chỉnh hành vi kịp thời mà còn được dẫn dắt trở lại nền tảng giá trị đạo đức truyền thống.

Như vậy, mạng học tập giá trị không chỉ là không gian học tập số mà còn là môi trường lan tỏa các giá trị đạo đức truyền thống theo cách hiện đại. Khi các giá trị được “dịch” sang ngôn ngữ công nghệ thông qua hình ảnh, video, dữ liệu và câu chuyện cá nhân, chúng không bị mai một mà được tái sinh trong hình thái mới: gần gũi, sinh động và có sức lan tỏa lớn từ chính cộng đồng sinh viên.

#### **Tiểu kết chương 4**

Chương 4 của luận án đã tập trung luận giải các phương hướng và nhóm giải pháp nhằm phát huy hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số đến năm 2030. Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu lý luận ở Chương 2 và thực trạng phân tích ở Chương 3, nội dung chương này không chỉ xác định tầm nhìn, định hướng chiến lược mà còn đề xuất hệ thống giải pháp mang tính khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục giá trị đạo đức dân tộc trong kỷ nguyên số hóa

Trước hết, tác giả đã dự báo bối cảnh tác động đến giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong giai đoạn tới, làm rõ những cơ hội và thách thức mà chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, văn hóa mạng và toàn cầu hóa mang lại. Từ đó khẳng định, nếu biết tận dụng đúng hướng, công nghệ số có thể trở thành lực đòn bẩy quan trọng giúp giáo dục giá trị truyền thống được lan tỏa sâu rộng, phù hợp với phương thức học tập của thế hệ sinh viên số.

Trên nền dự báo ấy, 3 phương hướng lớn được xác định. Đây là những phương hướng có tính định vị, thể hiện tư duy chiến lược và quan điểm biện chứng: chỉ khi kết hợp giữa “giữ gốc” và “đổi mới”, giữa “truyền thống” và “số hóa”, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống mới thực sự trở thành nội lực phát triển con người Việt Nam thời đại mới. Từ các định hướng đó, 6 nhóm giải pháp đã được đề xuất một cách hệ thống. Các giải pháp này mang tính liên kết chặt chẽ, tạo nên một hệ sinh thái giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong môi trường số có định hướng tư tưởng, có nội dung phù hợp, có phương pháp hiện đại và có công cụ quản trị hiệu quả.

## KẾT LUẬN

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển con người Việt Nam toàn diện và bền vững trong kỷ nguyên mới. Chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi phương thức học tập, giao tiếp và làm việc của sinh viên, mà còn tác động sâu sắc đến hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi đạo đức của họ. Song song với đó, việc kế thừa, bồi đắp và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ Thủ đô cũng đặt ra những yêu cầu mới cả về lý luận lẫn thực tiễn cần phải nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề này. Trên cơ sở tiếp cận dưới góc nhìn của triết học, gắn lý luận với khảo sát thực tiễn, luận án đã tập trung làm rõ bản chất, thực trạng và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội hiện nay.

*Thứ nhất*, về phương diện lý luận, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở khoa học của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở phân tích các khái niệm, nội dung, chủ thể, môi trường, phương thức và các yếu tố tác động, luận án khẳng định rằng, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong thời đại số không chỉ là sự truyền thụ các chuẩn mực đạo đức dân tộc, mà là một quá trình tái cấu trúc toàn diện nội dung, phương thức và môi trường giáo dục nhằm giúp sinh viên hình thành năng lực tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi và tự kiến tạo bản sắc đạo đức trong không gian số. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp.

*Thứ hai*, về phương diện thực tiễn, thông qua khảo sát xã hội học tại 5 trường đại học tiêu biểu trên địa bàn thành phố Hà Nội và phân tích các số liệu điều tra, luận án đã phản ánh một bức tranh tương đối toàn diện thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực như: nhận thức của đa số sinh viên về các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản là đúng đắn; nhiều cơ sở giáo dục đào tạo đại học đã quan tâm đổi mới nội dung, phương thức giáo

dục gắn với chuyên đổi số; hoạt động Đoàn, Hội, sinh hoạt cộng đồng được duy trì với nhiều hình thức đa dạng..., thì vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng chú ý. Đó là sự phối hợp giữa các chủ thể giáo dục chưa đồng bộ; nội dung giáo dục còn chậm đổi mới trước những vấn đề đạo đức mới nảy sinh trong môi trường số; phương thức giáo dục còn nặng về tính phong trào, chiều sâu trải nghiệm chưa cao; tác động phức tạp của truyền thông và mạng xã hội chưa được kiểm soát hiệu quả; đặc biệt, năng lực tự giáo dục và tự điều chỉnh hành vi đạo đức số của một bộ phận sinh viên còn hạn chế. Những hạn chế đó xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, lâu dài.

*Thứ ba*, trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, luận án đã xác lập hệ quan điểm và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số. Các giải pháp được xây dựng theo hướng toàn diện và liên thông, bao gồm: hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và bảo đảm điều kiện thực thi; đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tích hợp, đối thoại với thời đại; đổi mới phương thức và phương pháp giáo dục theo hướng trải nghiệm và kiến tạo văn hóa học đường số; xây dựng đội ngũ “người đồng hành giá trị”; mở rộng liên kết giữa nhà trường - cộng đồng - doanh nghiệp; và phát triển năng lực tự giáo dục, tự kiến tạo bản sắc đạo đức số của sinh viên trên cơ sở ứng dụng các thành tựu của công nghệ số như AI, hệ thống dữ liệu học tập và các nền tảng phân tử cá nhân. Hệ thống giải pháp này nhằm bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa kế thừa giá trị truyền thống và thích ứng với yêu cầu của thời đại số.

*Thứ tư*, từ kết quả nghiên cứu cho thấy, giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số là một quá trình lâu dài, phức hợp, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhà trường, gia đình và xã hội. Trong đó, nhà trường giữ vai trò trung tâm, đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập, cán bộ Đoàn, Hội là lực lượng trực tiếp tổ chức và dẫn dắt, còn sinh viên là chủ thể trung tâm của quá trình tự giáo dục và tự hoàn thiện nhân cách. Chuyển đổi số chỉ thực sự phát huy ý nghĩa tích cực khi được đặt trên nền tảng các giá trị đạo đức và văn hóa truyền thống.

Từ những phân tích trên, luận án đi đến kết luận khái quát rằng, việc tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết cả về trước mắt và lâu dài, có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị, đạo đức, văn hóa và năng lực hội nhập. Sự kết hợp chặt chẽ giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo dục trực tiếp và giáo dục số, giữa vai trò dẫn dắt của nhà trường và năng lực tự giáo dục của sinh viên chính là con đường bền vững để hình thành thế hệ sinh viên Thủ đô “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong thời đại số.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

- | <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>   |
|-----------|---|
| 1         | Vương Hoàng Long (2025), Định hướng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay<br><a href="https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/11/14/dinh-huong-giao-duc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-trong-boi-canb-chuyen-doi-so-hien-nay/">https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/11/14/dinh-huong-giao-duc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-trong-boi-canb-chuyen-doi-so-hien-nay/</a> ; Tạp chí quản lý Nhà nước; ISSN e - 2815-5831   |
| 2         | Vương Hoàng Long (2024), Tầm quan trọng của giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho giới trẻ Việt Nam trong bối cảnh hiện nay; Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông; ISSN 1859-1485  |
| 3         | Vương Hoàng Long (2025), Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay<br><a href="https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/giao-duc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-o-ha-noi-trong-boi-canb-chuyen-doi-so-hien-nay-p29476.html?gidzl=0RJt7FYmVra9elCV_gjuNmcWy1xc_NzQ4l3s7RByALGN-AL6x_ql01VtyK7c-tLJ5QQf5cJ1FBrnyRzuMW">https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/giao-duc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-o-ha-noi-trong-boi-canb-chuyen-doi-so-hien-nay-p29476.html?gidzl=0RJt7FYmVra9elCV_gjuNmcWy1xc_NzQ4l3s7RByALGN-AL6x_ql01VtyK7c-tLJ5QQf5cJ1FBrnyRzuMW</a> ; Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông; ISSN 1859-1485 |

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Lương Gia Ban và Nguyễn Thế Kiệt (2014), *Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang (2021), *Chuyển đổi số thế nào*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Công văn số 4771/BGDĐT-CNTT ngày 06/10/2023 về nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục năm học 2023-2024*.
5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2025), *Quyết định số 3399/QĐ BVHTTDL ngày 25 tháng 9 năm 2025 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I (2025-2030)*.
6. Hiền Bùi, *Từ điển Giáo dục học*. Nxb Từ điển Bách khoa.
7. Nguyễn Trọng Chuẩn (1998), “Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển”, *Tạp chí Triết học*.
8. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (Đồng chủ biên) (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Kiều Thị Thu Chung (2021), “Dạy các môn chính trị với Google Meet và Edunext - nhìn từ Đại học FPT Hồ Chí Minh”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi số và Giáo dục Đại học*, Hà Nội.
11. Phạm Văn Chung (2012), *Tập bài giảng đạo đức học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập, (Tập 7)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.*
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, (Tập I)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, (Tập II)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập 1 và 2)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
19. Văn phòng Trung ương Đảng, (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Hà Nội.*
20. Đặng Thị Thùy Dung, Chu Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thùy Linh (2021), *Sử dụng Google Sites hỗ trợ số hóa học liệu giảng dạy chuyên đề Lịch sử Việt Nam hiện đại cho sinh viên Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế “Chuyển đổi số và giáo dục đại học: khi thách thức là cơ hội”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Trần Thị Diệu, Phạm Thị Thảo, Nguyễn Thị Thu (2020), “Số hoá và chuyển đổi số trong hoạt động thư viện”, *VNU Journal of Science*, 123(1).
22. Lương Hồng Đức (2023), “Chuyển đổi số trong giáo dục giai đoạn 2020-2022: Nghiên cứu trắc lượng khoa học”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(4).
23. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (2007), *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Nguyễn Huy Dũng, Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang (2021), *Hỏi đáp về chuyển đổi số*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
25. Ngô Thị Thu Dung (2021), “Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học”, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, Trường Đại học Hòa Bình, số 01.
26. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

27. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
28. Trần Văn Giàu (Chủ biên) (1983), *Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
29. Nguyễn Duy Hải (2024), “Đổi mới phương pháp dạy học đại học với mô hình dạy học kết hợp: chia sẻ kinh nghiệm từ trường đại học Sư phạm Hà Nội”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Chuyển đổi số trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học*, Hà Nội.
30. Nguyễn Hùng Hậu (2002), “Từ “cái thiện” truyền thống đến “cái thiện” trong cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 8, tr. 31-32.
31. Bùi Ngọc Hiền (2021), “Kinh nghiệm của một số quốc gia trong chuyển đổi số và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ngày 20/4/2021.
32. Phùng Thu Hiền (2015), *Giá trị đạo đức truyền thống với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
33. Trịnh Thị Anh Hoa (2022), “Khung chính sách chuyển đổi số trong quản lý các cơ sở giáo dục”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 18, số 12, tr. 4.
34. Nguyễn Thị Học (2022), “Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 321 (tháng 10/2022), tr. 72 - 75.
35. Bùi Thị Huế, Bùi Đức Thịnh, Vũ Thị Tuyết Lan (2020), “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Thông tin và truyền thông*, số 2 (tháng 4/2020).
36. Đỗ Huy, Trường Lưu (2002), *Sự chuyển đổi các giá trị văn hoá trong văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Huỳnh Văn Khải (2025), *Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả Digital Marketing trong doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
38. La Quốc Kiệt (2003), *Tu dưỡng đạo đức tư tưởng*, (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Trần Thị Tùng Lâm (2021), “Một số giá trị đạo đức truyền thống biến đổi trong quá trình hội nhập”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 5/2021, tr. 6.

40. Lê Thị Lan (2001), “Nội dung và vị thế của giá trị truyền thống Việt Nam trong giá trị nhân loại”, *Tạp chí Triết học*, số 7, tr. 16.
41. Nguyễn Ngọc Long và Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên) (2004), *Giáo trình đạo đức học Mác - Lênin (Dùng cho hệ cử nhân chính trị)*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
42. Nguyễn Văn Lý (2000), *Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
43. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập (Tập 3)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập (Tập 4)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập (Tập 8)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập (Tập 19)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
47. C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập (Tập 20)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. C. Mác và Ph. Ăngghen (1996), *Toàn tập (Tập 27)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
49. C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập (Tập 42)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 1)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 3)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 9)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 11)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 12)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 15)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (1994), *Về đại đoàn kết*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Nguyễn Thanh Nga (2025), *Các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
58. Ngô Thị Thu Nga (2011), *Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học.
59. Trần Sỹ Phán (1999), *Giáo dục đạo đức với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
60. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng -Trung tâm từ điển học.
61. Nguyễn Hồng Phong (1963), *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
62. Vũ Thị Minh Phương & Nguyễn Dục Anh (2023), “Nhận thức nội dung chuyển đổi số trong giáo dục của học viên sau khi tham gia vào khóa học chuyển đổi số bằng hình thức trực tuyến”, *HCMCOUJS - Khoa học và Xã hội*, 18(2).
63. Quốc hội (2024), *Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035*.
64. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Giáo dục Đại học*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
65. Nguyễn Duy Quý (2004), “Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp”, *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài*, Hà Nội.
66. Dương Thị Thái, Hà Trọng Quỳnh, Phạm Thị Tuấn Linh (2021), “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Nghiên cứu tổng quan”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, 226(9).
67. Lê Hữu Thảo, Trần Văn Nam (2007), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
68. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công*

*nghe thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.*

69. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030.*
70. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án”Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.*
71. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 1/6/2022 về tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường của ngành Giáo dục, Hà Nội.*
72. Dương Nguyễn Thanh Thủy (2024), *Nghiên cứu mức độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hà Nội và hàm ý chính sách quản lý, Luận án Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.*
73. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.*
74. Nguyễn Đình Tường, (2006), “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa”, *Tạp chí Triết học*, số 5 (180), tháng 5- 2006, tr.28-29.
75. Hoàng Sỹ Tương (2022), “Blockchain trong giáo dục: Kinh nghiệm quốc tế và tiềm năng ứng dụng tại Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 5.
76. Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan (2023), *Chuyển đổi số trong giáo dục*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
77. Đinh Văn Tuyên (2025), *Tích hợp chuyển đổi số trong quy hoạch và quản lý đất lâm nghiệp tại Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Quản lý đất đai, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, Hà Nội.*
78. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2023), “Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 về Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, .

79. Nguyễn Bảo Vinh (2025), “Kinh nghiệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học của các quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 4/2025.
80. A.G. Xpirkin (1989), *Triết học xã hội, Tập 2*, Nxb Tuyên huấn, Hà Nội.
81. V.A. Xu-khôm-lin-xki (1981), *Giáo dục con người chân chính như thế nào? (Lời khuyên của các nhà giáo dục)*, (Đỗ Bá Dung, Đặng Thị Huệ, Vũ Nhật Khải dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

82. Devine, S. (2006), “What is moral education”, *Information for Social Change*, 2(3), pp. 67-74.
83. Dewey, John (1909), *Moral Principles in Education*, Houghton Mifflin Co., Boston.
84. Kant, Immanuel (1997), *Groundwork of the Metaphysics of Morals* (ed. and trans. Mary Gregor), Cambridge University Press, Cambridge.
85. Kirchsclaeger, Peter G. (2021), “Digital Transformation and Ethics: Ethical Considerations on the Robotization and Automatization of Society and Economy and the Use of Artificial Intelligence”, *Nomos, Baden-Baden*.
86. Lee, Kwangsung (2022), “A Study on Digital Transformation Stages and Effects in the Field of Education”, *Journal of Yeolin Education*, 30(4).
87. Nguyen, Minh Tri & Pham, Duy Hoang (2023), “The Impact of Digital Transformation in Higher Education: The Case Study from Vietnam”, *Journal of Higher Education Theory and Practice*, 23(5), p. 21.
88. OECD (2022), *Digital Education Outlook 2022: Pushing the Frontiers with AI, Blockchain and Robots*, OECD Publishing, Paris. p.48; p. 91.
89. Olaniran, Bolanle A. & Williams, Indi M. (2015), “Ethics in Emerging New Media and E-Learning Environments”, *Liinc em Revista*, 11(2), p. 434.
90. Rabinovich, P. D. et al. (2020), “Digital transformation of education: From changing funds to developing activities”, *Informatics and Education*, 35(5).
91. UNESCO (2017), *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*, UNESCO, Paris.

92. UNESCO (2021), “Media and Information Literacy: Reinforcing Human Rights, Countering Disinformation and Hate Speech”, *UNESCO, Paris*.
93. UNESCO (2021), *Recommendation on the Ethics of AI, UNESCO, Paris. p37; p84.*
94. UNESCO (2023), *Guidance for Generative AI in Education and Research, UNESCO, Paris.*
95. Wilson, J. (2000), “Methodology and moral education”, *Oxford Review of Education, 26(2)*, pp. 255-262.
96. Zhao, Yong (Ed.), Zhang G., Lei J., Qiu W. (2015), “Never Send a Human to Do a Machine’s Job: Correcting the Top 5 EdTech Mistakes”, Corwin, Thousand Oaks, California. Zvereva, E. (2023), “Digital ethics in higher education: Modernizing moral values for effective communication in cyberspace”, *Online Journal of Communication and Media Technologies, 13(2)*.

### Website

97. Hoàng Anh (2021), “Giáo dục đạo đức học Marx - Lênin với việc xây dựng đạo đức mới cho sinh viên Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, truy cập ngày 26/5/2021 tại:  
<https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/giao-duc-dao-duc-hoc-mac-lenin-voi-viec-xay-dung-dao-duc-moi-cho-sinh-vien-viet-nam-p24346.html>.
98. *Báo Chính phủ* (2021), “Sinh viên Đại học Y Hà Nội tiếp tục lên đường chi viện cho Bắc Ninh”, *truy cập ngày 15/5/2021 tại:*  
<https://baochinhphu.vn/sinh-vien-dh-y-ha-noi-tiep-tuc-len-duong-chi-vien-cho-bac-ninh-102293362.htm>.
99. *Báo Hà Nội Mới* (2024), “Đổi mới trong giáo dục truyền thống cho sinh viên”, *đăng ngày 19/5/2024*, truy cập tại:  
<https://hanoionline.vn/doi-moi-trong-giao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-319772.htm>.
100. *Báo Hoa học trò* (2020), “Sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền lan tỏa những giá trị lịch sử qua dự án “Cửu”, *đăng ngày 21/12/2020:*  
<https://hoahoctro.tienphong.vn/sinh-vien-hoc-vien-bao-chi-va-tuyen-truyen-lantoa-nhung-gia-tri-lich-su-qua-du-an-cuu-post1299597.tpo>.

101. *Báo Kinh tế và dự báo* (2022), “Trường Đại học Ngoại thương ra mắt Cộng đồng kiến tạo sự thay đổi”, *đăng ngày 12/4/2022*:  
<https://kinhtevadubao.vn/truong-dai-hoc-ngoai-thuong-ra-mat-cong-dong-kientao-su-thay-doi-22190.html>.
102. *Báo Người Lao Động* (2021), “350 cán bộ, sinh viên Đại học Y Hà Nội vào Bình Dương hỗ trợ chống dịch Covid-19”, *truy cập ngày 5/7/2021 tại*:  
<https://nld.com.vn/suc-khoe/350-can-bo-sinh-vien-dai-hoc-y-ha-noi-vao-binh-duong-ho-tro-chong-dich-covid-19-20210705224338056.htm>.
103. *Báo Pháp luật Việt Nam* (2021), “Đại học Luật Hà Nội xây cầu dân sinh, tặng “Tủ sách pháp luật” cho bà con vùng cao”, *truy cập ngày 9/4/2021 tại*:  
<https://baophapluat.vn/dai-hoc-luat-ha-noi-xay-cau-dan-sinh-tang-tu-sach-phap-luat-cho-ba-con-vung-cao-post548097.html>.
104. *Báo Sinh viên Việt Nam - Tiền Phong* (2025), *Chương trình thiện nguyện của sinh viên Báo chí mang hơi ấm về miền Tây xứ Nghệ*, *đăng ngày 15/01/2025, truy cập tại*:  
<https://svvn.tienphong.vn/chuong-trinh-thien-nguyen-cua-sinh-vien-bao-chi-mang-hoi-am-ve-mien-tay-xu-nghe-post1605398.tpo>.
105. *Báo Thanh Niên Việt* (2024), “Phút Cuối 2023 - Lời tri ân ý nghĩa dành tặng sinh viên năm cuối Trường Báo”, *truy cập tại*:  
<https://thanhnienviet.vn/phut-cuoi-2023-loi-tri-an-y-nghia-danh-tang-sinh-vien-nam-cuoi-truong-bao-209240718174082753.htm>.
106. *Báo Thanh tra* (2014), “Bài phát biểu của Tổng Bí thư bế mạc Hội nghị TW Đảng lần 9”, *truy cập tại*:  
<https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-noi/Bai-phatbieu-cua-Tong-Bi-thu-be-mac-Hoi-nghi-TW-Dang-lan-9-72343.html>.
107. *Báo Tiền Phong* (2023), “Hơn 85% sinh viên được khảo sát lên mạng xã hội hàng ngày với mục đích gì?”, *truy cập tại*:  
<https://tienphong.vn/hon-85-sinhvien-duoc-khao-sat-len-mang-xa-hoi-hang-ngay-voi-muc-dich-gipost1574423.tpo>.
108. *Báo Tiền Phong* (2024), “Hàng nghìn sinh viên Thủ đô vượt nắng mưa hợp luyện các khối quần chúng đồng diễn nghệ thuật sẵn sàng cho A80”, *truy cập tại*:

- <https://svvn.tienphong.vn/hang-ngan-sinh-vien-thu-do-vuot-nang-mua-hop-luyen-cac-khoi-quan-chung-dong-dien-nghe-thuat-san-sang-cho-a80-post1771018.tpo>.
109. Báo Tiền phong, “10 chương trình, hoạt động tiêu biểu của sinh viên trong 5 năm qua”, truy cập tại:  
<https://tienphong.vn/10-chuong-trinh-hoat-dong-tieubieu-cua-sinh-vien-trong-5-nam-qua-post1075503.tp>.
110. Báo Tuổi trẻ Thủ đô (2024), “Những người dành trọn thanh xuân truyền lửa nghề báo”, truy cập tại:  
<https://tuoitrethudo.vn/nhung-nguoi-danh-tron-thanh-xuan-truyen-lua-nghe-bao-252884.html>.
111. Báo Tuổi trẻ Thủ đô (2024), “Tri ân thầy cô theo cách của giới trẻ”, truy cập tại:  
<https://tuoitrethudo.vn/tri-an-thay-co-theo-cach-cua-gioi-tre-149535.html>.
112. Bloomberg, J. (2018), “Digitization, digitalization, and digital transformation: Confuse them at your peril”, *Forbes*, accessed 29/4/2018 at:  
<https://www.forbes.com/sites/jasonbloomberg/2018/04/29/digitization-digitalization-and-digital-transformation-confuse-them-at-your-peril/>.
113. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), “Cẩm nang chuyển đổi số - Chuyển đổi số là gì?”, *Cổng thông tin điện tử Chuyển đổi số Quốc gia*, truy cập ngày 13/2/2022 tại:  
<https://cpt.gov.vn/chuyen-doi-so/cam-nang-chuyen-doi-so-cua-bo-thong-tin-va-truyen-thong-415.htm>.
114. Chính phủ (2025), *Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Báo điện tử Chính phủ, đăng ngày 10/01/2025 tại:  
<https://baochinhphu.vn/chien-luoc-phat-trien-giao-duc-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045-102250102165657226.htm>.
115. Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2025), “Tổng kết công tác Đoàn - Hội và phong trào thanh niên khối trường học Thủ đô năm học 2024-2025”, truy cập tại:

- <https://hanoi.gov.vn/tin-so-nganh/tong-ket-cong-tacdoan-hoi-va-phong-trao-thanh-nien-khoi-truong-hoc-thu-do-nam-hoc-20242025-4251110184128205.htm>.
116. Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), “Chuyển đổi số là gì?”, *truy cập tại:*  
<https://dx.mic.gov.vn/docs/chuyen-doi-so-la-gi/>.
117. Đại học Bách khoa Hà Nội (2024), “Câu lạc bộ sinh viên”, *truy cập tại:*  
<https://www.hust.edu.vn/vi/sinh-vien/hoat-dong-cua-sinh-vien/cau-lac-bo-sinh-vien-654597.html>.
118. Đại học Bách khoa Hà Nội (2024), “Hơn 1.300 sinh viên Bách khoa Hà Nội đua tài nghiên cứu, sáng tạo”, *Tin Tức - Sự Kiện*, đăng ngày 25/05/2024 tại:  
<https://hust.edu.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien/hon-1-300-sinh-vien-bach-khoa-ha-noi-dua-tai-nghien-cuu-sang-tao-655127.html>.
119. Đại học Bách khoa Hà Nội (2024), “Trại hè Truyền thông Bách khoa - Tri ân lịch sử để khơi dậy khát vọng của tuổi trẻ nhiệt huyết”, *truy cập tại:*  
<https://hust.edu.vn/vi/news/hoat-dong-chung/trai-he-truyen-thong-bach-khoa-tri-an-lich-su-de-khoi-day-khat-vong-cua-tuoi-tre-nhiyet-huyet-654848.html>.
120. Đại học Bách khoa Hà Nội (2025), “Gần 1.000 chiến sĩ tình nguyện thủ đô xuất quan chiến dịch mùa hè xanh 2025”, *truy cập tại:*  
<https://hust.edu.vn/vi/news/hoatdong-chung/gan-1-000-chien-si-tinh-nguyen-thu-do-xuat-quan-chien-dich-muahe-xanh-2025-655532.html>.
121. Đại học Bách khoa Hà Nội (2025), “Mạng lưới Câu lạc bộ Sinh viên Nghiên cứu Khoa học”, *truy cập tại:* <https://srn.hust.edu.vn/network>.
122. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2024), “Tái hiện ký ức Ngày Độc lập tại sân trường Nhân văn”, *truy cập tại:*  
<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/sinh-vien/tai-hien-ky-uc-ngay-doc-lap-tai-san-truong-nhan-van-23555.html>.
123. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2024), “VNU-USSH tri ân và vinh danh các nhà giáo nhân kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, *truy cập tại:*

<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/cong-tac-dang-doan-the/vnu-ussh-tri-an-va-vinh-danh-cac-nha-giao-nhan-ki-niem-ngay-nha-giao-viet-nam-20-11-22288.html>.

124. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2025), “Năng hòng Nhân văn lần thứ XIX lan tỏa giá trị nhân văn của VNU-USSH tới cộng đồng”, *đăng ngày 19/4/2025*, truy cập tại:

<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/sinh-vien/nang-hong-nhan-van-lan-thu-xix-lan-toa-gia-tri-nhan-van-cua-vnu-ussh-toi-cong-dong-23273.html>.

125. Đại học Ngoại thương (2024), “Thành tích ấn tượng của Trường Đại học Ngoại thương tại chung kết cuộc thi Social Business Creation 2024”, *truy cập tại:*

<https://ftu.edu.vn/sinh-vi%3%AAn/113-kh%E1%BB%9Fi-nghi%E1%BB%87p,-%C4%91%E1%BB%95i-m%E1%BB%9Bi,-s%3%A1ng-t%E1%BA%A1o/6048-thanh-tich-n-tu-ng-c-a-tru-ng-dh-ngo-i-thuong-t-i-chung-k-t-cu-c-thi-sang-t-o-kinh-doanh-xa-h-i-toan-c-u-social-business-creation-2024>.

126. Đại học Ngoại thương (2024), “Tuổi trẻ Ngoại thương hướng về biên cương, chung sức dựng xây Tổ quốc”, *truy cập tại:*

<https://ftu.edu.vn/sinh-vi%3%AAn/85-%C4%91o%3%A0n-thanh-ni%3%AAn-h%E1%BB%99i-sinh-vi%3%AAn-c%3%A1c-clb-sinh-vi%3%AAn/6606-tu-i-tr-ngo-i-thuong-hu-ng-v-bien-cuong-chung-s-c-d-ng-xay-t-qu-c>.

127. Đại học Ngoại thương (2025), “Lễ ra quân Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2025”, *đăng ngày 6/6/2025*, truy cập tại:

<https://ftu.edu.vn/sinh-vien/85-doan-thanh-nien-hoi-sinh-vien-cac-clb-sinh-vien/6511-l-ra-quan-chi-n-d-ch-thanh-nien-tinh-nguy-n-he-nam-2025>.

128. Đại học Sư phạm Hà Nội (2025), “Dấu ấn vàng tại Olympic Hóa học sinh viên toàn quốc lần thứ XII - năm 2025: Đội tuyển Olympic sinh viên Khoa Hóa học lập kỷ tích”, *Tin Tức HNUE*, truy cập tại:

<https://hnue.edu.vn/tin-tuc/10810>.

129. Trần Vi Dân (2023), “Phát huy giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam”, *trang tin điện tử Đảng bộ trường ĐH SPKT TP.HCM*, truy cập ngày 24/04/2023 tại:

- <https://dangbo.hcmute.edu.vn/phat-huy-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cua-dan-toc-viet-nam/>.
130. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Ngoại thương (2025), “Tiếp bước đến trường - Xây đắp quê hương: Công trình thanh niên mang dấu sẻ chia của tuổi trẻ Ngoại thương”, *truy cập tại:*  
<https://doantn.cs2.ftu.edu.vn/tiep-buoc-den-truong-xay-dap-que-huong-cong-trinh-thanh-nien-mang-dau-se-chia-cua-tuoi-tre-ngoai>.
131. Trịnh Dũng (2021), “Chuyển đổi số trong báo chí và những vấn đề về đạo đức nghề”, *Báo Nhân Dân điện tử*, truy cập ngày 26/6/2021 tại:  
<https://nhandan.vn/chuyen-doi-so-trong-bao-chi-va-nhung-van-de-ve-dao-duc-nghe-post652402.html>.
132. FPT Digital (2022), “Tu vấn chuyển đổi số”, *truy cập ngày 14/6/2022 tại:*  
<https://digital.fpt.com/tu-van/chuyen-doi-so.html>.
133. Freire, Paulo (n.d.), “Paulo Freire”, “Internet Encyclopedia of Philosophy”, *available at:* <https://iep.utm.edu/freire/>.
134. Gartner (2024), “Digital Transformation - Definition”, Gartner Glossary”, *available at:*  
<https://www.gartner.com/en/glossary?glossarykeyword=digital%20transformation>.
135. Dương Quang Hiến (2024), “Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho cán bộ, đảng viên trẻ”, *Tạp chí Tuyên giáo*, truy cập ngày 10/7/2024 tại:  
<https://tuyengiao.vn/giao-duc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-dan-toc-cho-can-bo-dang-vien-tre-152589>.
136. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2024), “Hội thảo khoa học sinh viên Báo chí - Truyền thông: Sử dụng mạng xã hội bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”, *truy cập tại:*  
<https://ajc.edu.vn/hoi-thao-khoa-hoc-sinh-vien-bao-chi--truyen-thong-su-dung-mang-xa-hoi-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-14144.htm>.
137. Tô Lâm (2024), “Chuyển đổi số - yêu cầu tất yếu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước”, *Báo Tiền Phong*, ngày 08/10/2024, truy cập tại:

- <https://tienphong.vn/toan-van-bai-viet-ve-chuyen-doi-so-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-post1669132.tpo>.
138. Ngô Thị Phương Lan (2024), “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử*, 31/01/2024, truy cập tại: <https://tapchilichsudang.vn/cong-tac-giao-duc-chinh-tri-tu-tuong-dao-duc-doi-voi-sinh-vien-dai-hoc-quoc-gia-thanh-pho-ho-chi-minh-trong-giai-doanmoi.html>.
139. Mạch nguồn (2024), Kênh YouTube, truy cập tại: <https://www.youtube.com/@machnguồn8049>.
140. Microsoft Learn (2023), “Enable Digital Transformation”, available at: <https://learn.microsoft.com/vi-vn/training/modules/enable-digital-transformation/>.
141. Hoàng Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Huân (2024), “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, truy cập ngày 25/12/2024 tại: <https://kinhtevadubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html>.
142. Nguyễn Thị Quê (2024), “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên đại học hiện nay - nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, 18/06/2024, truy cập tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/18/giai-phap-nang-cao-chat-luong-giaoduc-gia-tri-dao-duc-truyen-thong-cho-sinh-vien-dai-hoc-hien-nay-nghien-cuutruong-hop-tai-truong-dai-hoc-su-pham-ky-thuat-hung-yen/>.
143. Stommel, Jesse (2012), “What is Hybrid Pedagogy?”, *Hybrid Pedagogy Journal*, available at: <https://hybridpedagogy.org/hybrid-pedagogy-definition/>.
144. Nguyễn Văn Sỹ (2025), “Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị, Học viện Chính trị khu vực IV*, truy cập ngày 13/5/2025 tại:

<https://lyluanchinhtri.vn/chuyen-doi-so-de-nang-cao-chat-luong-giang-day-ly-luan-chinh-tri-o-cac-truong-chinh-tri-tinh-thanh-pho-hien-nay-6867.html>.

145. Bùi Kim Thanh (2022), “Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, truy cập ngày 24/7/2022 tại:

<https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/ap-dung-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-p25940.html>.

146. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “70 năm Giải phóng Thủ đô: Ngành giáo dục Thủ đô - lá cờ đầu của cả nước”, *truy cập tại:*

<https://nvsk.vnnet.vn/70-nam-giai-phong-thu-do-nganh-giao-duc-thu-do-la-co-dau-cua-ca-nuoc-1-154013.vna>.

147. Bùi Thị Thu Thủy (2024), “Giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ trước thách thức của thời đại”, *Cổng thông tin Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*, truy cập ngày 15/10/2024 tại:

<https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/giao-duc-dao-duc-truyen-thong-cho-the-he-tre-truoc-thach-thuc-cua-thoi-dai>.

148. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương*, truy cập tại:

<https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc.html>.

149. Tuổi trẻ Thủ đô (2024), “Những người dành trọn thanh xuân truyền lửa nghề báo”, *truy cập tại:*

<https://tuoitrethudo.vn/nhung-nguoi-danh-tron-thanh-xuan-truyen-lua-nghe-bao-252884.html>.

## PHỤ LỤC

### I. PHIẾU KHẢO SÁT

Để có những thông tin về sự hiểu biết của sinh viên đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số, mong bạn vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp ý kiến của mình hoặc ghi ý kiến cá nhân vào những dòng để trống (...). Những thông tin thu được chúng tôi sẽ chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu đề tài.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn.

#### PHẦN A - THÔNG TIN CHUNG

##### Câu 1: Giới tính của bạn

- Nam
- Nữ
- Khác

##### Câu 2: Bạn đang học tập/ công tác tại

- Trường Đại học (ghi rõ).....

##### Câu 3: Khối ngành bạn đang theo học/ công tác

- Khoa học xã hội - nhân văn
- Kinh tế - quản trị
- Báo chí - truyền thông
- Kỹ thuật - công nghệ
- Ngôn ngữ - quốc tế học
- Khác

##### Câu 4. Tần suất sử dụng mạng xã hội hằng ngày

- Dưới 1 giờ
- 1-2 giờ
- 2-3 giờ
- 3-5 giờ
- Trên 5 giờ

##### Câu 5: Các nền tảng xã hội bạn thường xuyên sử dụng là (Có thể chọn nhiều phương án)

- TikTok
- Facebook
- Instagram
- YouTube
- Zalo
- X (Twitter)
- Threads

Khác: .....

**Câu 6: Bạn sử dụng mạng xã hội để: (Có thể chọn nhiều phương án)**

- Học tập / tra cứu tài liệu
- Giải trí
- Theo dõi tin tức
- Chia sẻ thông tin
- Không sử dụng
- Khác: .....

**PHẦN B - NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG**

**Thang đo Likert 1-5:**

- 1 = Rất không đồng ý
- 2 = Không đồng ý
- 3 = Trung lập / Không có ý kiến
- 4 = Đồng ý
- 5 = Rất đồng ý

**Câu 7: Bạn hiểu rõ về các giá trị đạo đức truyền thống như (yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, tinh thần hiếu học, cần cù sáng tạo, lòng biết ơn...).**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 8: Các giá trị đạo đức truyền thống vẫn phù hợp trong bối cảnh xã hội hiện đại và chuyển đổi số.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 9: Các giá trị đạo đức truyền thống giúp định hướng suy nghĩ, hành vi và lối sống chuẩn mực cho sinh viên**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 10: Các môn lý luận chính trị, các buổi học tập quán triệt nghị quyết nói chung giúp bạn hiểu sâu hơn về hệ giá trị đạo đức dân tộc**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 11: Việc học tập, rèn luyện tại các trường đại học giúp bạn hiểu rõ và trân trọng hơn các giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 12: Hiện nay các trường đại học có lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào các học phần, chương trình đào tạo hoặc hoạt động ngoại khóa**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 13: Các phong trào, hoạt động ngoại khóa giúp bạn học tập và rèn luyện các giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 14: Các kênh truyền thông của trường, khoa bạn (fanpage, website, LMS website, e-learning, fanpage, group sinh viên, confession...) đang lan tỏa lòng ghép hiệu quả các giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 15: Giảng viên thường xuyên đề cập đến các giá trị đạo đức truyền thống trong nội dung giảng dạy.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 16: Giảng viên chính là là tấm gương về thái độ, cách ứng xử và hành vi đạo đức để sinh viên noi theo.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 17: Những giá trị đạo đức truyền thống mà bạn đang học tập, trau dồi có được từ tự dạy dỗ, trao truyền từ gia đình.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 18: Bạn thường xuyên trao đổi với cha mẹ về định hướng trong cuộc sống, học tập, giá trị và các vấn đề đạo đức trong xã hội.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 19: Bạn học được nhiều bài học đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh từ các nội dung truyền thông tích cực trên mạng xã hội**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 20: Bạn bị ảnh hưởng hành vi đạo đức bởi:**

- Người nổi tiếng (KOLs)
- Giảng viên
- Bạn bè

- Người xa lạ trên mạng
- Không ai cả

**Câu 21: Bạn đã từng tham gia hoạt động thiện nguyện, cộng đồng, dự án, câu lạc bộ có hoạt động hướng về giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 22: Bạn đã từng sáng tạo hoặc chia sẻ nội dung truyền thông tích cực (clip, infographic, bài viết...) về giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 23: Các hoạt động tình nguyện, câu lạc bộ học thuật và chiến dịch truyền thông giúp sinh viên hiểu biết và trau dồi các giá trị đạo đức truyền thống.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 24: Bạn chủ động vận dụng giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số.**

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

**Câu 25: Bạn thực hành các hành vi đạo đức vì:**

- Tự thân mong muốn
- Điềm rèn luyện
- Áp lực phong trào
- Xây dựng CV
- Khác: .....

**Câu 26: Bạn từng chủ động thực hành các giá trị đạo đức sau đây? (chọn nhiều phương án)**

- Nhân ái (hiến máu, hỗ trợ người yếu thế...)
- Đoàn kết (dự án nhóm, tình nguyện địa phương)
- Biết ơn (tri ân, thăm gia đình chính sách)
- Hiếu học (nghiên cứu khoa học, CLB học thuật)
- Yêu nước - tự lực (tham gia truyền thông số chống tin giả...)
- Chưa từng

**Câu 27: Bạn có mong muốn nhà trường đổi mới việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng ứng dụng số mạnh mẽ hơn không?**

- Có
- Không
- Chưa rõ

**Câu 28: Theo bạn, yếu tố nào quan trọng nhất để tăng cường hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số?**

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm - thực hành
- Đẩy mạnh giáo dục qua nền tảng số
- Nâng cao vai trò giảng viên - nhà trường
- Tăng cường phối hợp gia đình - xã hội
- Hoàn thiện chính sách, cơ chế hỗ trợ
- Khác (ghi rõ): .....

**Câu 29: Theo bạn, yếu tố lớn nhất khiến sinh viên khó thực hành giá trị đạo đức truyền thống hiện nay?**

- Ảnh hưởng mạng xã hội
- Không có động lực
- Chương trình khô khan
- Không có môi trường để rèn luyện
- Giá trị truyền thống quá trừu tượng
- Khác: .....

**Câu 30: Bạn đề xuất giải pháp nào để giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trở nên hấp dẫn, thực chất và phù hợp hơn với sinh viên hiện nay?**

.....

.....

.....

*Xin chân thành cảm ơn bạn đã dành thời gian để hoàn thành bảng khảo sát!*

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG

#### Câu 1: Năm học sinh viên tham gia nghiên cứu

Năm học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Năm thứ nhất	405	40,5
Năm thứ hai	306	30,6
Năm thứ ba	139	13,9
Năm thứ tư	147	14,7
Ngoài năm tư	3	0,3
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

#### Câu 2: Trường sinh viên đang theo học

Trường đại học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học Bách Khoa Hà Nội	186	18,6
Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	179	17,9
Đại học Ngoại Thương	191	19,1
Đại học Sư phạm Hà Nội	125	12,5
Học viện Báo chí và Tuyên truyền	319	31,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

#### Câu 3: Khối ngành học sinh đang theo học

Trường đại học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Báo chí - Truyền thông	123	12,3
Khoa học xã hội - Nhân văn	202	20,2
Kinh tế - quản trị	266	26,6
Kỹ thuật - công nghệ	186	18,6
Ngôn ngữ - Quốc tế học	31	3,1
Khác	192	19,2
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

#### Câu 4: Tần suất sử dụng MXH hằng ngày của sinh viên

Tần suất sử dụng MXH hằng ngày	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dưới 1 giờ	10	0,1
Từ 1 đến 2 giờ	51	5,1
Từ 2 đến 3 giờ	156	15,6
Từ 3 đến 5 giờ	345	34,5
Trên 5 giờ	438	43,8
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 5: Các nền tảng xã hội bạn thường xuyên sử dụng là (Có thể chọn nhiều phương án)**

Các nền tảng MXH bạn thường xuyên sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiktok	896	89,6
Facebook	842	84,2
Instagram	711	71,1
Youtube	506	50,6
Zalo	559	55,9
X (Twitter)	80	8
Threads	465	46,5
Khác	18	1,8

**Câu 6: Bạn sử dụng mạng xã hội để: (Có thể chọn nhiều phương án)**

Mục đích sử dụng MXH	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Học tập/ tra cứu tài liệu	880	88
Giải trí	949	94,9
Theo dõi tin tức	818	81,8
Chia sẻ thông tin	627	62,7
Không sử dụng	9	0,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

## **PHẦN B: NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THÔNG**

**Thang đo Likert 1-5:**

- 1 = Rất không đồng ý
- 2 = Không đồng ý
- 3 = Trung lập / Không có ý kiến
- 4 = Đồng ý
- 5 = Rất đồng ý

**Câu 7: Bạn hiểu rõ về các giá trị đạo đức truyền thông như (yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, tinh thần hiếu học, cần cù sáng tạo, lòng biết ơn...)**

- Điểm trung bình: 4,46

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	25	2,5
Không đồng ý	10	1
Trung lập/ không có ý kiến	84	8,4
Đồng ý	245	24,5
Rất đồng ý	363	63,6
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 8: Các giá trị đạo đức truyền thống vẫn phù hợp trong bối cảnh xã hội hiện đại và chuyển đổi số.**

- Điểm trung bình: 4,34

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	15	1,5
Không đồng ý	10	1
Trung lập/ không có ý kiến	130	13
Đồng ý	312	31,2
Rất đồng ý	533	53,3
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 9: Các giá trị đạo đức truyền thống giúp định hướng suy nghĩ, hành vi và lối sống chuẩn mực cho sinh viên**

- Điểm trung bình: 4,38

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	18	1,8
Không đồng ý	17	1,7
Trung lập/ không có ý kiến	110	11
Đồng ý	273	27,3
Rất đồng ý	582	58,2
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 10: Các môn lý luận chính trị, các buổi học tập quán triệt nghị quyết nói chung giúp bạn hiểu sâu hơn về hệ giá trị đạo đức dân tộc.**

- Điểm trung bình: 4,27

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	24	2,4
Không đồng ý	13	1,3
Trung lập/ không có ý kiến	149	14,9
Đồng ý	295	29,5
Rất đồng ý	519	51,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 11: Việc học tập, rèn luyện tại các trường đại học giúp bạn hiểu rõ và trân trọng hơn các giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình: 4,33

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	18	1,8
Không đồng ý	6	0,6
Trung lập/ không có ý kiến	143	14,3

Đồng ý	298	29,8
Rất đồng ý	535	53,5
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 12: Hiện nay các trường đại học có lồng ghép giáo dục giá trị đạo đức truyền thống vào các học phần, chương trình đào tạo hoặc hoạt động ngoại khoá**

- Điểm trung bình: 4,29

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	18	1,8
Không đồng ý	6	0,6
Trung lập/ không có ý kiến	140	14
Đồng ý	343	34,3
Rất đồng ý	493	49,3
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 13: Các phong trào, hoạt động ngoại khóa giúp bạn học tập và rèn luyện các giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình: 4,29

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	21	2,1
Không đồng ý	6	0,6
Trung lập/ không có ý kiến	147	14,7
Đồng ý	318	31,8
Rất đồng ý	508	50,8
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 14: Các kênh truyền thông của trường, khoa bạn (fanpage, website, LMS website, e-learning, fanpage, group sinh viên, confession...) đang lan tỏa lồng ghép hiệu quả các giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình: 4,2

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	24	2,4
Không đồng ý	19	1,9
Trung lập/ không có ý kiến	166	16,6
Đồng ý	314	31,4
Rất đồng ý	477	47,7
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 15: Giảng viên thường xuyên đề cập đến các giá trị đạo đức truyền thống trong nội dung giảng dạy.**

- Điểm trung bình: 4,23

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
--------	----------	-----------

Rất không đồng ý	18	1,8
Không đồng ý	13	1,3
Trung lập/ không có ý kiến	158	15,8
Đồng ý	342	34,2
Rất đồng ý	469	46,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 16: Giảng viên chính là là tấm gương về thái độ, cách ứng xử và hành vi đạo đức để sinh viên noi theo.**

- Điểm trung bình: 4,38

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	21	2,1
Không đồng ý	6	0,6
Trung lập/ không có ý kiến	127	12,7
Đồng ý	265	26,5
Rất đồng ý	581	58,1
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 17: Những giá trị đạo đức truyền thống mà bạn đang học tập, trau dồi có được từ tự dạy dỗ, trao truyền từ gia đình.**

- Điểm trung bình: 4,41

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	9	0,9
Không đồng ý	15	1,5
Trung lập/ không có ý kiến	115	11,5
Đồng ý	277	27,7
Rất đồng ý	584	58,4
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 18: Bạn thường xuyên trao đổi với cha mẹ về định hướng trong cuộc sống, học tập, giá trị và các vấn đề đạo đức trong xã hội.**

- Điểm trung bình: 4,08

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	12	1,2
Không đồng ý	69	6,9
Trung lập/ không có ý kiến	198	19,8
Đồng ý	266	26,6
Rất đồng ý	455	45,5
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 19: Bạn học được nhiều bài học đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh từ các nội dung truyền thông tích cực trên mạng xã hội.**

- Điểm trung bình: 4,24

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	6	0,6
Không đồng ý	18	1,8
Trung lập/ không có ý kiến	188	18,8
Đồng ý	309	30,9
Rất đồng ý	479	47,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 20: Bạn bị ảnh hưởng hành vi đạo đức bởi:**

Cá nhân ảnh hưởng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Người nổi tiếng (KOLs)	348	34,8
Giảng viên	497	49,7
Bạn bè	700	70
Người xa lạ trên mạng	153	15,3
Không ai cả	225	22,5

**Câu 21: Bạn đã từng tham gia hoạt động thiện nguyện, cộng đồng, dự án, câu lạc bộ có hoạt động hướng về giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình: 3,9

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	33	3,3
Không đồng ý	62	6,2
Trung lập/ không có ý kiến	266	26,6
Đồng ý	245	24,5
Rất đồng ý	394	39,4
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 22: Bạn đã từng sáng tạo hoặc chia sẻ nội dung truyền thông tích cực (clip, infographic, bài viết...) về giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình 3,81

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	43	4,3
Không đồng ý	68	6,8
Trung lập/ không có ý kiến	264	26,4
Đồng ý	283	28,3
Rất đồng ý	342	34,2
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 23: Các hoạt động tình nguyện, câu lạc bộ học thuật và chiến dịch truyền thông giúp sinh viên hiểu biết và trau dồi các giá trị đạo đức truyền thống.**

- Điểm trung bình: 4,09

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	15	1,5
Không đồng ý	30	3
Trung lập/ không có ý kiến	231	23,1
Đồng ý	294	29,4
Rất đồng ý	430	43
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 24: Bạn chủ động vận dụng giá trị đạo đức truyền thống vào hành động cụ thể trong đời sống và môi trường số.**

- Điểm trung bình: 4,2

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không đồng ý	18	1,8
Không đồng ý	6	0,6
Trung lập/ không có ý kiến	198	19,8
Đồng ý	314	31,4
Rất đồng ý	464	46,4
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 25: Bạn thực hành các hành vi đạo đức vì:**

Nguyên nhân thực hành các hành vi đạo đức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tự thân mong muốn	870	87
Điểm rèn luyện	48	4,8
Áp lực phong trào	23	2,3
Xây dựng công việc	50	5
Khác	9	0,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 26: Bạn từng chủ động thực hành các giá trị đạo đức sau đây? (chọn nhiều đáp án)**

Các giá trị đạo đức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhân ái (hiên máu, hỗ trợ người yếu thế...)	626	62,6
Đoàn kết (dự án nhóm, tình nguyện địa phương)	789	78,9
Biết ơn (tri ân, thăm gia đình chính sách)	670	67
Hiệu học (nghiên cứu khoa học, CLB học thuật)	523	52,3
Yêu nước - tự lực (tham gia truyền thông số chống tin giả...)	731	73,1
Chưa từng	32	3,2

**Câu 27: Bạn có mong muốn nhà trường đổi mới việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống theo hướng ứng dụng số mạnh mẽ hơn không?**

Đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	789	78,9
Không	34	3,4
Chưa rõ	168	16,8
Không trả lời	9	0,9
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 28: Theo bạn, yếu tố nào quan trọng nhất để nâng cao hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số?**

Đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tăng cường hoạt động trải nghiệm - thực hành	589	58,9
Đẩy mạnh giáo dục qua nền tảng số	169	16,9
Nâng cao vai trò giảng viên - nhà trường	67	6,7
Tăng cường phối hợp gia đình - xã hội	83	8,3
Hoàn thiện chính sách, cơ chế hỗ trợ	77	7,7
Khác	15	1,5
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

**Câu 29: Theo bạn, yếu tố lớn nhất khiến sinh viên khó thực hành giá trị đạo đức truyền thống hiện nay?**

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ảnh hưởng mạng xã hội	332	33,2
Không có động lực	149	14,9
Chương trình khô khan	295	29,5
Không có môi trường để rèn luyện	142	14,2
Giá trị truyền thống quá trừu tượng	64	6,4
Khác	18	1,8
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>100</b>

### III. PHÒNG VẤN SÂU

#### CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

#### ĐỀ TÀI: GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

##### I. PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA

##### PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA 1

##### A. Thông tin cá nhân:

- Họ tên: N.V.H
- Chức vụ, cơ quan công tác: Giảng viên - Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Chuyên gia thuộc lĩnh vực: Khoa học lý luận chính trị

##### B. Nội dung

**1. Anh/chị đánh giá như thế nào về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay?**

Công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn bộc lộ khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu thực tiễn và năng lực đáp ứng của hệ thống giáo dục. Nội dung giáo dục còn thiên về truyền thụ, thiếu tính tương tác và chưa khai thác hiệu quả lợi thế của môi trường số. Sự phân mảnh thông tin và ảnh hưởng mạnh của không gian mạng khiến quá trình hình thành và củng cố giá trị đạo đức truyền thống gặp nhiều thách thức.

**2. Theo Anh/chị, những giá trị đạo đức truyền thống nào đang đứng trước nguy cơ mai một hoặc bị biến dạng trong môi trường số?**

Một số giá trị cơ bản của văn hoá Việt Nam, như chủ nghĩa tập thể, tinh thần cộng đồng, chuẩn mực lễ nghĩa, ý thức kỷ luật và đạo lý ứng xử, đang chịu tác động tiêu cực từ môi trường số. Dưới ảnh hưởng của văn hóa mạng thiên về cá nhân, cảm xúc nhanh và giao tiếp phi chuẩn mực, các giá trị truyền thống có nguy cơ bị giản lược, biến dạng hoặc mất tính bền vững trong đời sống sinh viên.

**3. Các yếu tố của chuyển đổi số (mạng xã hội, AI, dữ liệu lớn, học liệu số...) tác động đến đời sống đạo đức của sinh viên theo những chiều cạnh nào?**

Chuyển đổi số vừa mở rộng điều kiện phát triển tri thức, vừa tạo ra những thách thức mới về đạo đức:

- Mạng xã hội định hình hành vi, cảm xúc và chuẩn mực mới, đồng thời kéo theo nguy cơ lệch chuẩn trong giao tiếp và ứng xử.

- Trí tuệ nhân tạo và thuật toán gợi ý có thể làm giảm năng lực phản tư, thúc đẩy niềm tin cực đoan khi sinh viên bị “bao bọc” trong môi trường thông tin đồng nhất.

- Dữ liệu lớn đặt ra vấn đề về quyền riêng tư và trách nhiệm sử dụng dữ liệu - những khía cạnh đạo đức mới của công dân số.

- Học liệu số và LMS nâng cao tính tự chủ, nhưng cũng đòi hỏi sinh viên có khả năng quản lý hành vi và động cơ học tập ở mức cao hơn.

**4. Trường của Anh/ chị hiện nay đang gặp những hạn chế gì trong nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên?**

- Về nội dung, việc cập nhật các vấn đề đạo đức số còn chậm so với biến đổi của thực tiễn.

- Về phương pháp, nhiều cơ sở vẫn sử dụng lối truyền đạt tuyến tính, thiếu phương pháp dạy học dựa trên tình huống hoặc trải nghiệm số.

- Về môi trường, chưa thiết lập được hệ sinh thái giáo dục số thống nhất, liên thông giữa giảng viên - cố vấn học tập - đoàn thể - sinh viên, dẫn đến hạn chế trong định hướng giá trị và giám sát quá trình phát triển của người học.

**5. Theo Anh/chị, năng lực tự giáo dục và tự quản lý hành vi đạo đức của sinh viên Hà Nội hiện nay đang ở mức nào?**

Nhìn chung, năng lực này ở mức khá, nhưng chưa đồng đều giữa các nhóm sinh viên. Trong khi sinh viên tiếp cận công nghệ nhanh, mức độ trưởng thành trong kiểm soát cảm xúc, nhận diện thông tin rủi ro và tuân thủ chuẩn mực đạo đức số vẫn còn hạn chế. Đây là điểm cần được đặt trọng tâm trong giáo dục hiện nay.

**6. Vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và tổ chức Đoàn, Hội trong giáo dục các giá trị đạo đức cần được đổi mới theo hướng nào?**

- Giảng viên cần trở thành chủ thể dẫn dắt, biết ứng dụng công nghệ để tổ chức hoạt động học tập tương tác, đồng thời là mẫu mực về đạo đức số.
- Cố vấn học tập phải sử dụng dữ liệu học tập số để giám sát, phát hiện sớm các biểu hiện lệch chuẩn trong thái độ học tập và hành vi đạo đức.
- Đoàn - Hội cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động phong trào, tạo dựng không gian cộng đồng trực tuyến mang tính giáo dục, chuẩn mực và hấp dẫn đối với sinh viên.

**7. Anh/chị đánh giá ra sao về khả năng ứng dụng công nghệ (AI, LMS, e-portfolio, blockchain...) trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống?**

- AI tạo điều kiện xây dựng hệ thống mô phỏng tình huống đạo đức và đánh giá phản ứng của sinh viên.
- LMS cung cấp dữ liệu học tập phục vụ phân tích quá trình hình thành giá trị của người học.
- E-portfolio giúp theo dõi sự trưởng thành đạo đức của sinh viên theo từng giai đoạn.
- Blockchain góp phần tăng tính minh bạch, công bằng và ngăn ngừa gian lận học thuật - nền tảng quan trọng của đạo đức giáo dục.

**8. Để xây dựng môi trường đạo đức số lành mạnh, nhà trường - gia đình - xã hội cần phối hợp theo mô hình nào là hiệu quả nhất?**

Mô hình phối hợp hiệu quả cần là hệ thống liên kết đa trung tâm, trong đó:

- Nhà trường giữ vai trò định hướng và thiết kế chuẩn mực đạo đức số.
- Gia đình đảm nhiệm chức năng theo dõi, đồng hành về cảm xúc và thói quen số của sinh viên.
- Xã hội, bao gồm cơ quan quản lý, truyền thông và doanh nghiệp công nghệ, tạo lập môi trường thông tin minh bạch, an toàn và hỗ trợ công cụ giáo dục.

**9. Theo Anh/chị, đâu là những giải pháp mang tính khả thi giúp tăng cường năng lực kiến tạo bản sắc đạo đức số cho sinh viên Hà Nội?**

- Xây dựng khung năng lực đạo đức số phù hợp đặc trưng văn hoá - chính trị Việt Nam.
- Tích hợp học phần “Công dân số và đạo đức số” vào chương trình đào tạo.
- Áp dụng các phương pháp học tập trải nghiệm, mô phỏng tình huống và dự án cộng đồng.
- Triển khai công cụ phân tích dữ liệu (learning analytics) để theo dõi, đánh giá sự hình thành và biến đổi của hệ giá trị.
- Tăng cường vai trò gương mẫu của đội ngũ giảng viên và tổ chức Đoàn - Hội trong mọi hoạt động trực tuyến.

**10. Nếu có thể kiến nghị một chính sách hoặc giải pháp trọng tâm cho thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới về lĩnh vực này, ông/bà sẽ ưu tiên nội dung gì?**

Hà Nội cần ưu tiên xây dựng Chiến lược phát triển năng lực đạo đức số cho thanh niên - sinh viên, trong đó bao gồm:

- Trung tâm học liệu số về đạo đức, văn hóa và lịch sử Hà Nội.
- Bộ tiêu chí chuẩn hóa năng lực đạo đức số áp dụng cho khối giáo dục đại học.
- Đầu tư hạ tầng số và các nền tảng AI phục vụ giáo dục và đánh giá giá trị đạo đức.
- Tăng cường hợp tác giữa nhà trường - gia đình - doanh nghiệp công nghệ trong kiến tạo môi trường văn hóa số lành mạnh.

## **PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA 2**

### **A. Thông tin cá nhân:**

Họ tên: T.M.Q

Chức vụ, cơ quan công tác: Giảng viên - Đại học Bách khoa Hà Nội

Chuyên gia thuộc lĩnh vực: Khoa học kỹ thuật

### **B. Nội dung**

**1. Anh/chị đánh giá như thế nào về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay?**

Theo tôi, công tác này đã được quan tâm hơn trước, nhưng trong các trường kỹ thuật thì vẫn còn khá mỏng. Chương trình đào tạo của sinh viên kỹ thuật thường nặng về chuyên môn, bài tập, đồ án, thực hành nên các nội dung về giá trị, đạo đức, lối sống nhiều khi chưa được sinh viên chú ý đúng mức. Tuy vậy, đây lại là nhóm sinh viên rất cần được giáo dục đạo đức nghề nghiệp, vì sau này các em trực tiếp thiết kế, vận hành, xây dựng các hệ thống kỹ thuật, công nghệ cho xã hội. Nếu chỉ giỏi kỹ thuật mà thiếu trách nhiệm, thiếu ý thức cộng đồng thì rất dễ tạo ra những sản phẩm có tác động không tốt.

***2. Theo Anh/chị, những giá trị đạo đức truyền thống nào đang đứng trước nguy cơ mai một hoặc bị biến dạng trong môi trường số?***

Tôi nghĩ đáng chú ý nhất là tinh thần tôn trọng thầy cô, ý thức cộng đồng, sự kiên trì, tinh thần trách nhiệm và thái độ trung thực trong học tập. Môi trường số làm mọi thứ nhanh hơn, tiện hơn, nhưng cũng khiến một bộ phận sinh viên quen với phản ứng nhanh, thích kết quả nhanh, ít chịu khó đào sâu. Với sinh viên kỹ thuật, tôi thấy đức tính kiên trì rất quan trọng. Làm kỹ thuật không thể nóng vội. Một bài toán, một bản thiết kế, một lỗi hệ thống có khi phải sửa đi sửa lại nhiều lần. Nếu thiếu sự bền bỉ và trách nhiệm thì rất khó trở thành người làm nghề tử tế.

***3. Các yếu tố của chuyển đổi số như mạng xã hội, AI, dữ liệu lớn, học liệu số... tác động đến đời sống đạo đức của sinh viên theo những chiều cạnh nào?***

Tác động có cả mặt tốt và mặt chưa tốt. Mặt tốt là sinh viên tiếp cận tri thức nhanh hơn, có nhiều công cụ học tập hơn, có thể tự học rất tốt nếu biết sử dụng đúng cách. Ví dụ, học liệu số, các nền tảng học trực tuyến hay AI có thể hỗ trợ sinh viên tìm hiểu vấn đề, gợi ý cách giải, mở rộng kiến thức. Nhưng mặt trái là sinh viên dễ bị lệ thuộc vào công cụ, dễ lười suy nghĩ nếu dùng không đúng. Mạng xã hội cũng ảnh hưởng khá mạnh đến cách giao tiếp, cách đánh giá đúng sai, thậm chí cả lối sống. Vì vậy, vấn đề không phải là cấm công nghệ, mà là phải dạy sinh viên dùng công nghệ một cách có trách nhiệm.

***4. Trường của Anh/chị hiện nay đang gặp những hạn chế gì trong nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên?***

Khó khăn lớn nhất là thời lượng và cách lồng ghép. Ở trường kỹ thuật, chương trình chuyên môn đã rất nặng, nên nếu giáo dục đạo đức chỉ tách thành vài buổi học riêng thì sinh viên dễ xem đó là phần phụ.

Theo tôi, hiệu quả hơn là đưa các vấn đề đạo đức vào ngay trong bài học, đồ án, thực tập, nghiên cứu khoa học. Ví dụ khi làm một sản phẩm công nghệ, sinh viên cần được đặt câu hỏi: sản phẩm này có mang “dấu ấn” bản sắc dân tộc không? có trách nhiệm phục vụ ai? có đủ an toàn không? có ảnh hưởng gì đến người dân không? có tôn trọng dữ liệu cá nhân không?... Những câu hỏi như vậy gắn với thực tế hơn là nói đạo đức một cách chung chung.

***5. Theo Anh/chị, năng lực tự giáo dục và tự quản lý hành vi đạo đức của sinh viên Hà Nội hiện nay đang ở mức nào?***

Tôi cho rằng nhìn chung sinh viên hiện nay khá năng động, có khả năng tự học và thích nghi nhanh. Sinh viên Bách khoa nói riêng có tư duy logic, chịu được áp lực học tập và có khả năng làm việc độc lập khá tốt. Tuy nhiên, điểm cần bổ sung là khả năng tự nhìn lại bản thân và cân bằng giữa năng lực chuyên môn với trách nhiệm xã hội. Nhiều em rất giỏi kỹ thuật, nhưng chưa chắc đã quan tâm đầy đủ đến tác động xã hội của công nghệ. Đây là phần nhà trường và giảng viên cần gọi mở thêm.

***6. Vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và tổ chức Đoàn, Hội trong giáo dục các giá trị đạo đức cần được đổi mới theo hướng nào?***

Giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải giúp sinh viên hiểu làm nghề kỹ thuật cần có trách nhiệm. Tôi thường nghĩ đơn giản thế này: “một lỗi kỹ thuật đôi khi không chỉ là lỗi điểm số, mà ngoài xã hội có thể ảnh hưởng đến con người, tài sản, an toàn hệ thống. Vì vậy, đạo đức nghề nghiệp không phải chuyện xa vời”.

Cố vấn học tập cần gần gũi sinh viên hơn, không chỉ hỏi điểm số mà còn quan tâm đến thái độ học tập, tinh thần, cách các em tham gia tập thể. Đoàn - Hội trong trường Bách khoa nói chung và nhóm các trường thiên về kỹ thuật nói riêng cũng nên tổ chức nhiều hoạt động gắn với chuyên môn hơn, chẳng hạn các dự án công nghệ phục vụ cộng đồng, hỗ trợ người dân, hỗ trợ nhà trường, thay vì chỉ dừng ở phong trào bề nổi.

**7. Anh/chị đánh giá ra sao về khả năng ứng dụng công nghệ như AI, LMS, e-portfolio, blockchain... trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống?**

Tôi nghĩ công nghệ có thể hỗ trợ tốt, nhưng không nên kỳ vọng công nghệ giải quyết thay con người. Ví dụ LMS có thể giúp quản lý quá trình học tập, e-portfolio giúp sinh viên ghi lại quá trình tham gia học tập, nghiên cứu, hoạt động xã hội. AI có thể hỗ trợ xây dựng tình huống, gợi ý tài liệu, giúp sinh viên tự học tốt hơn. Nhưng quan trọng nhất vẫn là cách dùng. Nếu dùng công nghệ để hỗ trợ suy nghĩ, hỗ trợ học tập thì rất tốt. Nếu lạm dụng đến mức làm thay, nghĩ thay, quyết định thay thì lại phản tác dụng. Với giáo dục đạo đức, vai trò của người thầy, môi trường tập thể và trải nghiệm thực tế vẫn là yếu tố quyết định.

**8. Để xây dựng môi trường đạo đức số lành mạnh, nhà trường - gia đình - xã hội cần phối hợp theo mô hình nào là hiệu quả nhất?**

Theo tôi, cần phối hợp theo hướng thực chất, không hình thức. Nhà trường tạo môi trường học tập và rèn luyện nghiêm túc; gia đình giữ vai trò quan tâm, chia sẻ, định hướng lối sống; xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp, tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc với môi trường nghề nghiệp thật.

Với sinh viên kỹ thuật, doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng. Khi đi thực tập, làm dự án, các em sẽ thấy rõ rằng kiến thức trong trường phải gắn với kỷ luật lao động, trách nhiệm với sản phẩm, trách nhiệm với người sử dụng. Đó cũng là một cách giáo dục giá trị đạo đức rất hiệu quả.

**9. Theo Anh/chị, đâu là những giải pháp mang tính khả thi giúp tăng cường năng lực kiến tạo bản sắc đạo đức số cho sinh viên Hà Nội?**

Theo tôi, có mấy việc nên làm. Một là tăng cường nội dung đạo đức nghề nghiệp trong các học phần chuyên ngành, nhưng phải đưa vào vừa phải, gắn với tình huống thực tế. Hai là khuyến khích sinh viên làm các dự án công nghệ phục vụ cộng đồng, ví dụ ứng dụng hỗ trợ học tập, hỗ trợ người yếu thế, bảo tồn văn hóa hoặc quảng bá di sản Hà Nội. Ba là hướng dẫn sinh viên sử dụng công cụ số có trách nhiệm, nhất là trong học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm. Bốn là phát huy vai trò của giảng viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp trong việc chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp. Những câu chuyện thực tế từ người đi trước thường có tác động mạnh hơn các bài giảng quá lý thuyết.

**10. Nếu có thể kiến nghị một chính sách hoặc giải pháp trọng tâm cho thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới về lĩnh vực này, ông/bà sẽ ưu tiên nội dung gì?**

Tôi muốn nhấn mạnh việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khối kỹ thuật, vì đây là lực lượng sẽ tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển đổi số của Thủ đô. Hà Nội có nhiều trường đại học lớn, nhiều doanh nghiệp công nghệ, nhiều dự án đô thị thông minh, nên rất cần một thế hệ kỹ sư không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có trách nhiệm xã hội, vì cộng đồng, vì dân tộc cả trong suy nghĩ và hành động.

Theo tôi, thành phố có thể thúc đẩy sự liên kết giữa các trường đại học kỹ thuật, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý để tổ chức thêm các chương trình thực tập, dự án cộng đồng, cuộc thi sáng tạo công nghệ gắn với nhu cầu của Hà Nội. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, vừa được rèn ý thức phục vụ cộng đồng, đất nước và tình yêu với thành phố nơi mình học tập, làm việc.

**PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA 3**

**A. Thông tin cá nhân:**

- Họ tên: Đ.T.T.M
- Chức vụ, cơ quan công tác: Giảng viên - Đại học Sư phạm Hà Nội
- Chuyên gia thuộc lĩnh vực: Khoa học giáo dục

**B. Nội dung**

**1. Anh/chị đánh giá như thế nào về thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay?**

Là người công tác trong lĩnh vực sư phạm, tôi đặc biệt quan tâm đến vấn đề này vì sinh viên sư phạm chính là những người thầy, người cô tương lai - những người sẽ trực tiếp giáo dục thế hệ trẻ kế cận. Thực trạng hiện nay cho thấy công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống đã có nhiều cố gắng, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. Sinh viên tiếp cận công nghệ rất nhanh, song chiều sâu trong nhận thức và thực hành các giá trị truyền thống lại chưa tương xứng. Điều này càng đáng lo với sinh viên sư phạm, bởi nếu chính các em chưa thấm nhuần giá trị thì khó có thể truyền đạt và làm gương cho học sinh sau này.

**2. Theo Anh/chị, những giá trị đạo đức truyền thống nào đang đứng trước nguy cơ mai một hoặc bị biến dạng trong môi trường số?**

Một số giá trị nền tảng của dân tộc đang chịu áp lực rõ rệt: tinh thần tôn sư trọng đạo, lòng hiếu thảo, đức tính khiêm tốn, nhẫn nại, “tiên học lễ hậu học văn” - những điều vốn được xem là cốt lõi trong giáo dục Việt Nam. Văn hóa mạng đề cao cái tôi, phản ứng nhanh, ngôn từ tự do khiến mối quan hệ thầy - trò, cha - con đôi khi bị nhìn nhận một cách suồng sã hơn. Đặc biệt với sinh viên sư phạm, sự suy giảm của giá trị “tôn sư trọng đạo” là điều rất đáng lo - vì chính các em sau này sẽ là người thầy, nếu ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà không trân trọng nghề giáo thì khó có thể giữ được tâm huyết với nghề.

**3. Các yếu tố của chuyển đổi số (mạng xã hội, AI, dữ liệu lớn, học liệu số...) tác động đến đời sống đạo đức của sinh viên theo những chiều cạnh nào?**

Tác động diễn ra theo hai chiều rõ rệt. Tích cực là sinh viên có điều kiện học hỏi phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới, tiếp cận học liệu số phong phú phục vụ nghề nghiệp tương lai. Tiêu cực thể hiện ở chỗ mạng xã hội định hình lối sống, ngôn từ, chuẩn mực giao tiếp - mà sinh viên sư phạm cần đặc biệt cần trọng vì hành vi trên mạng của các em sau này có thể bị học sinh, phụ huynh theo dõi và đánh giá. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc vào công nghệ trong soạn giáo án, tìm tài liệu cũng có thể làm giảm sự sáng tạo và đầu tư tâm huyết của người dạy. Vấn đề bảo vệ thông tin học sinh, đạo đức trong sử dụng dữ liệu giáo dục cũng là chuẩn mực mới mà nghề giáo phải đổi mới.

**4. Trường của Anh/chị hiện nay đang gặp những hạn chế gì trong nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên?**

Về nội dung, dù chương trình sư phạm có nhiều môn liên quan đến tâm lý học, giáo dục học, đạo đức nhà giáo, ... nhưng nội dung đôi khi còn nặng lý thuyết, ít gắn với thực tiễn nghề nghiệp trong bối cảnh số hiện nay. Về phương pháp, một bộ phận giảng viên vẫn dạy theo lối truyền thụ một chiều - điều khá trớ trêu vì chính chúng tôi đang dạy sinh viên về đổi mới phương pháp dạy học. Về môi trường, dù trường có nhiều hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến tập, thực tập, nhưng việc rèn luyện các giá trị đạo đức nghề

nghiệp trong môi trường số - ví dụ như ứng xử trên mạng xã hội với tư cách một nhà giáo tương lai - vẫn chưa được hệ thống hóa.

**5. Theo Anh/chị, năng lực tự giáo dục và tự quản lý hành vi đạo đức của sinh viên Hà Nội hiện nay đang ở mức nào?**

Năng lực này ở mức khá nhưng không đồng đều. Với sinh viên sư phạm, tôi nhận thấy đa số các em có ý thức tốt vì đã xác định theo nghề “trồng người”, hiểu rằng nhà giáo phải có chuẩn mực cao hơn các nghề khác. Tuy nhiên vẫn có những sinh viên chưa thực sự ý thức được vai trò “người mẫu” của mình - ví dụ vẫn có những hình ảnh, phát ngôn trên mạng xã hội chưa phù hợp với tư cách một giáo viên tương lai. Đây là điểm cần được nhà trường quan tâm rèn luyện một cách liên tục, không chỉ qua các môn học mà còn qua môi trường sống hằng ngày.

**6. Vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và tổ chức Đoàn, Hội trong giáo dục các giá trị đạo đức cần được đổi mới theo hướng nào?**

Trong môi trường sư phạm, vai trò làm gương của giảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng - bởi sinh viên không chỉ học kiến thức mà còn học cách làm thầy từ chính các giảng viên của mình. Một giảng viên mẫu mực sẽ đào tạo ra những giáo viên mẫu mực, đó là quy luật. Vì vậy, giảng viên sư phạm cần ý thức rất rõ về vai trò “thầy của thầy”. Cố vấn học tập cần sâu sát, đồng hành với sinh viên không chỉ về học tập mà cả về thái độ, lối sống. Đoàn - Hội nên tổ chức nhiều hoạt động gắn với nghề hơn thay vì các hoạt động đoàn thể chung chung, giao lưu với các thầy cô tiêu biểu, các chương trình thiện nguyện về vùng sâu vùng xa để bồi đắp tình yêu nghề và lý tưởng cống hiến.

**7. Anh/chị đánh giá ra sao về khả năng ứng dụng công nghệ (AI, LMS, e-portfolio, blockchain...) trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống?**

Tôi cho rằng đây là hướng đi cần thiết, đặc biệt với ngành sư phạm vì sinh viên cần được trang bị cả kỹ năng số để phục vụ nghề dạy học sau này. AI có thể hỗ trợ xây dựng các tình huống sư phạm để sinh viên thực hành ứng xử đạo đức nhà giáo. LMS giúp quản lý quá trình rèn luyện nghiệp vụ. E-portfolio rất phù hợp với sinh viên sư phạm để ghi lại quá trình trưởng thành nghề nghiệp, từ kiến tập đến thực tập, từ giáo án đầu tiên đến những bài học được đánh giá tốt. Tuy nhiên, công nghệ chỉ là phương tiện - cốt lõi của giáo

dục vẫn là mối quan hệ thầy - trò, sự rung cảm và truyền cảm hứng giữa con người với con người, điều mà không công nghệ nào thay thế được.

**8. Để xây dựng môi trường đạo đức số lành mạnh, nhà trường - gia đình - xã hội cần phối hợp theo mô hình nào là hiệu quả nhất?**

Trong lĩnh vực sư phạm, mối liên kết này càng quan trọng bởi giáo dục là sự nghiệp chung. Nhà trường giữ vai trò trung tâm trong đào tạo chuyên môn và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Gia đình cần đồng hành về mặt tinh thần, đặc biệt với nghề giáo - một nghề đòi hỏi sự kiên trì, hy sinh và đôi khi thu nhập không cao - thì sự ủng hộ của gia đình là rất quan trọng. Xã hội cần tạo môi trường tôn vinh nghề giáo, hạn chế những thông tin tiêu cực, định kiến về nghề trên mạng xã hội. Khi sinh viên sư phạm cảm nhận được sự trân trọng của xã hội đối với nghề mình chọn, các em sẽ có thêm động lực để giữ gìn phẩm chất nhà giáo.

**9. Theo Anh/chị, đâu là những giải pháp mang tính khả thi giúp tăng cường năng lực kiến tạo bản sắc đạo đức số cho sinh viên Hà Nội?**

Một số giải pháp khả thi: tăng cường nội dung “đạo đức nhà giáo trong môi trường số” vào chương trình đào tạo, cụ thể hóa các chuẩn mực ứng xử của giáo viên trên không gian mạng; tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với di sản văn hóa, lịch sử giáo dục Việt Nam để sinh viên thấm nhuần truyền thống “tôn sư trọng đạo”; xây dựng các tình huống sư phạm thực tế về xử lý vấn đề đạo đức trong dạy học (ví dụ học sinh quay clip giáo viên đăng lên mạng, vấn đề bạo lực ngôn từ trong lớp học trực tuyến...); phát huy vai trò gương mẫu của giảng viên trong cả không gian thực và không gian số; tăng cường kết nối với các nhà giáo tiêu biểu, các cựu sinh viên thành công để truyền cảm hứng nghề nghiệp cho thế hệ kế cận.

**10. Nếu có thể kiến nghị một chính sách hoặc giải pháp trọng tâm cho thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới về lĩnh vực này, ông/bà sẽ ưu tiên nội dung gì?**

Tôi đề xuất Hà Nội ưu tiên xây dựng chương trình “Nhà giáo Thủ đô trong kỷ nguyên số”, trong đó tập trung vào sinh viên các trường sư phạm - lực lượng kế cận sẽ trực tiếp giáo dục thế hệ trẻ của Thủ đô trong những thập kỷ tới. Cụ thể: xây dựng bộ chuẩn mực ứng xử nhà giáo trong môi trường số áp dụng cho sinh viên sư phạm; đầu tư cho các hoạt động trải nghiệm thực tế

tại các di tích lịch sử, văn hóa của Hà Nội để sinh viên hiểu sâu về mảnh đất ngàn năm văn hiến mà mình sẽ giảng dạy; tăng cường hợp tác giữa các trường sư phạm với hệ thống trường phổ thông/đại học trên địa bàn để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành; có chính sách khuyến khích, tôn vinh những sinh viên sư phạm có thành tích tốt cả về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, tạo động lực gìn giữ và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống cao quý của nghề “trồng người”.

## **II. PHỎNG VẤN SINH VIÊN**

### **PHỎNG VẤN SINH VIÊN 1**

#### **A. Thông tin cá nhân:**

- Họ tên: P.H.S
- Trường học: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Ngành: Chính trị học
- Năm thứ: Ba (đầu năm 3)

#### **B. Nội dung**

**1. *Bạn có biết về các giá trị đạo đức truyền thống của Việt Nam không?***

Tôi có biết một vài giá trị truyền thống tiêu biểu như: Lòng yêu nước, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo, chịu thương chịu khó, ham học, đùm bọc đoàn kết ....

**2. *Theo bạn, mạng xã hội và chuyển đổi số có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào đến hành vi, lối sống và giá trị của sinh viên?***

Theo tôi, mạng xã hội và chuyển đổi số có ảnh hưởng tích cực, tiêu cực tới hành vi, lối sống và giá trị của sinh viên như sau:

- Ảnh hưởng tích cực: có thể thay đổi hành vi, thúc đẩy hành động khi tiếp cận được những nguồn thông tin tích cực, học hỏi được từ những người giỏi hơn qua việc tiếp cận thông tin chia sẻ từ họ.

- Ảnh hưởng tiêu cực: có thể gây xao nhãng, mất tập trung trong cuộc sống, dễ dàng tiếp cận những nội dung xấu độc, tạo lối sống không lành mạnh, làm mất kết nối với thế giới thực, lừa đảo ...

**3. *Trong quá trình học tập và sinh hoạt, bạn có gặp những khó khăn gì trong việc kiểm soát bản thân trên môi trường số không?***

Những khó khăn của tôi khi học tập và sinh hoạt trên môi trường số là giữ khả năng tập trung, tiếp cận quá nhiều thông tin và kiểm chứng chất lượng của thông tin.

**4. Các học phần, chuyên đề hoặc hoạt động của trường bạn hiện nay có giúp bạn trau dồi phát triển giá trị đạo đức truyền thống không? Ở mức độ nào?**

Các học phần, chuyên đề và hoạt động của trường Nhân văn hiện nay giúp tôi trau dồi phát triển giá trị đạo đức truyền thống khá nhiều, từ các môn đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, và tôi đánh giá ở mức độ tốt.

**5. Bạn đánh giá thế nào về vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và Đoàn trường trong việc đồng hành cùng sinh viên về mặt đạo đức - lối sống?**

Theo tôi lứa tuổi sinh viên (18-24) là lứa tuổi mà sự tò mò về thế giới, cái tôi cá nhân hay mong muốn chứng tỏ bản thân được thể hiện cao. Tuy nhiên đây cũng là lứa tuổi thiếu sự điềm tĩnh, chín chắn và sự sâu sắc cần thiết để định hướng hành động. Cũng như lập trường, tư tưởng, kinh nghiệm, trải nghiệm còn ít nên dễ sa đà vào những thói hư, tật xấu hay bị ảnh hưởng bởi các luồng thông tin xấu độc, ... Cũng bởi còn non nớt, nên họ dễ bị ảnh hưởng, định hướng và học theo những điều không tốt. Vì vậy theo tôi, vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và Đoàn trường trong việc đồng hành cùng sinh viên về mặt đạo đức - lối sống là rất quan trọng và cần thiết để định hướng cho họ một lối đi, giúp họ có một quan điểm đúng đắn về một vấn đề nào đó.

**6. Bạn có thường xuyên tham gia các hoạt động truyền thông, thiện nguyện, dự án cộng đồng, CLB hay hoạt động nhóm nào không? Nếu có, điều gì thúc đẩy bạn?**

Tôi chưa thường xuyên tham gia những nội dung nêu trên. Tuy nhiên tôi nghĩ đó là những việc tốt, giúp ích cho xã hội, xuất phát từ việc muốn lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong cộng đồng, kích thích, thúc đẩy nhiều người cùng tham gia hơn nhằm xây dựng một xã hội văn minh, hạnh phúc, không có ai bị bỏ lại phía sau.

**7. Bạn nghĩ gì về việc dùng công nghệ để học tập và rèn luyện đạo đức của bản thân?**

Với tôi, việc dùng công nghệ trong học tập và rèn luyện đạo đức là một việc cần thiết. Đó là công cụ giúp tôi tiếp cận được nhiều nguồn thông tin,

tài liệu một cách nhanh chóng và dễ dàng. Tôi cũng có thể học hỏi được những giá trị tích cực từ nhiều người giỏi ở trên mạng xã hội, từ đó thúc đẩy mình phát triển hơn.

**8. Theo bạn, môi trường học đường số (trang web, fanpage, nhóm học thuật, nền tảng học tập...) của trường đã tạo động lực và môi trường để xây dựng phát triển về văn hóa, đạo đức chưa?**

Theo tôi, môi trường học đường số (trang web, fanpage, nhóm học thuật, nền tảng học tập...) của trường cũng góp một phần tạo động lực và môi trường để xây dựng phát triển về văn hóa, đạo đức. Tuy nhiên, nội dung và hình thức còn thiếu hấp dẫn và chưa được đầu tư kỹ lưỡng, bài bản để thu hút sinh viên.

**9. Bạn mong muốn nhà trường đổi mới nội dung hoặc phương pháp giáo dục giá trị truyền thống theo hướng nào để phù hợp hơn với thế hệ sinh viên hiện nay?**

Theo tôi trong cách tiết học đang có khá ít sự đối thoại, trao đổi giữa sinh viên và giảng viên bộ môn, nếu như một tiết học hay một buổi học có nhiều sự trao đổi giữa sinh viên và giảng viên thì lượng kiến thức truyền tải sẽ hiệu quả hơn. Đồng thời có thể xem xét lồng ghép việc xem phim tài liệu song song với giảng dạy (sao cho phù hợp với môn học), tổ chức các chuyến đi thực tế nhằm đưa lý luận vào thực tiễn...

**10. Nếu chọn 1 giải pháp quan trọng nhất để giúp sinh viên sống có giá trị hơn trong thời đại số, bạn sẽ đề xuất điều gì?**

Theo tôi, giải pháp quan trọng nhất là tuyên truyền. Như đã nói ở trên, sinh viên hiện nay là thế hệ phần lớn ở thời điểm còn đang chập chững bước vào cuộc sống mới, có thể nói là “tập làm người lớn” hay “học cách trưởng thành”. Họ còn bỡ ngỡ về nhiều điều trong cuộc sống, mông lung và vô định. Do đó, việc đánh sức sứ mệnh đang ngủ yên trong mỗi con người trẻ ấy là vô cùng cần thiết. Theo tôi, thế hệ trẻ trước đây sống với lý tưởng cao đẹp như một câu nói của Hồ Chủ tịch là “Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi”. Đó là những người sẵn sàng xếp bút nghiên, đứng lên khi tổ quốc vẫy gọi, không ngại khó khăn, không quản gian nguy để giành lại non sông bờ cõi, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Còn hiện tại, tôi nghĩ sứ mệnh của thế hệ sinh viên, thanh niên hiện nay là bảo vệ thành

quả cách mạng của thế hệ trước, đồng thời kế thừa, phát huy và phát triển những giá trị cao đẹp ấy. Vì vậy, việc tuyên truyền để giác ngộ cho mỗi sinh viên thay thế hệ trẻ là vô cùng cần thiết.

## **PHỎNG VẤN SINH VIÊN 2**

### **A. Thông tin cá nhân:**

- Họ tên: T.T.M.L
- Trường học: Đại học Ngoại thương
- Chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại
- Năm thứ: Hai (giữa năm 2)

### **B. Nội dung**

#### ***1. Bạn có biết về các giá trị đạo đức truyền thống của Việt Nam không?***

Tôi có biết một số giá trị truyền thống như lòng yêu nước, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo, đoàn kết, cần cù chịu khó, tương thân tương ái. Ngoài ra với đặc thù ngành học của mình, tôi cũng được tiếp xúc nhiều hơn với các giá trị như chữ tín trong kinh doanh, tinh thần trung thực - những điều mà ông cha ta đã đề cao từ xưa.

#### ***2. Theo bạn, mạng xã hội và chuyển đổi số có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào đến hành vi, lối sống và giá trị của sinh viên?***

Về mặt tích cực, mạng xã hội và chuyển đổi số giúp sinh viên tiếp cận thông tin nhanh, học hỏi được nhiều kiến thức mới, đặc biệt với sinh viên kinh tế như chúng tôi thì việc cập nhật xu hướng thị trường, học tiếng Anh, theo dõi các chuyên gia quốc tế đều thuận tiện hơn.

Về mặt tiêu cực, mạng xã hội dễ khiến sinh viên bị cuốn vào lối sống chạy theo hình thức, so sánh bản thân với người khác, đặc biệt là văn hóa “khoe” thành tích, hàng hiệu, lối sống sang chảnh. Một số bạn trẻ bị cuốn vào các hình thức kiếm tiền nhanh, đầu tư mạo hiểm, thậm chí các mô hình đa cấp biến tướng trên mạng. Ngoài ra còn vấn đề tin giả, lừa đảo trực tuyến cũng rất phổ biến.

#### ***3. Trong quá trình học tập và sinh hoạt, bạn có gặp những khó khăn gì trong việc kiểm soát bản thân trên môi trường số không?***

Khó khăn lớn nhất với tôi là giữ sự tập trung khi học. Mở máy tính lên định làm bài tập nhưng dễ bị cuốn vào TikTok, Instagram hay xem các video

về kinh doanh, đầu tư. Ngoài ra, lượng thông tin về tài chính, chứng khoán, khởi nghiệp trên mạng rất nhiều nhưng không phải nguồn nào cũng đáng tin, việc chọn lọc thông tin chất lượng đòi hỏi nhiều thời gian.

**4. Các học phần, chuyên đề hoặc hoạt động của trường bạn hiện nay có giúp bạn trau dồi phát triển giá trị đạo đức truyền thống không? Ở mức độ nào?**

Trường tôi có các môn lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn về đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp. Tôi đánh giá ở mức khá. Điểm tôi thấy hay là các môn chuyên ngành thường lồng ghép tình huống thực tế về đạo đức trong kinh doanh quốc tế, như vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, kinh doanh có đạo đức. Tuy nhiên, các giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam đôi khi chưa được kết nối rõ ràng với các nội dung kinh tế hiện đại mà chúng tôi học.

**5. Bạn đánh giá thế nào về vai trò của giảng viên, cố vấn học tập và Đoàn trường trong việc đồng hành cùng sinh viên về mặt đạo đức - lối sống?**

Tôi cho rằng vai trò này rất quan trọng. Sinh viên ngoại thương thường năng động, có nhiều cơ hội tiếp xúc với môi trường quốc tế, doanh nghiệp từ sớm, nhưng cũng vì vậy mà dễ bị cuốn theo những giá trị thiên về vật chất, thành công nhanh. Giảng viên và cố vấn học tập có vai trò định hướng để chúng tôi giữ được sự cân bằng, không đánh mất bản sắc và đạo đức trong quá trình hội nhập. Đoàn trường thì gần gũi với sinh viên hơn, tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, nhưng đôi khi vẫn cần đổi mới để hấp dẫn hơn.

**6. Bạn có thường xuyên tham gia các hoạt động truyền thông, thiện nguyện, dự án cộng đồng, CLB hay hoạt động nhóm nào không? Nếu có, điều gì thúc đẩy bạn?**

Tôi có tham gia một CLB về tiếng Nhật và thỉnh thoảng tham gia các chương trình thiện nguyện do Đoàn trường tổ chức. Điều thúc đẩy tôi là mong muốn trau dồi kỹ năng mềm, mở rộng mối quan hệ, đồng thời cảm thấy bản thân có ích cho cộng đồng. Tôi nghĩ học kinh tế không chỉ là để kiếm tiền, mà còn cần hiểu rằng mỗi quyết định kinh doanh đều có ảnh hưởng đến xã hội.

**7. *Bạn nghĩ gì về việc dùng công nghệ để học tập và rèn luyện đạo đức của bản thân?***

Tôi thấy đây là một xu hướng tất yếu. Công nghệ giúp tôi tiếp cận tài liệu, khóa học trực tuyến, các bài giảng của giáo sư nước ngoài về kinh tế và đạo đức kinh doanh. Tôi cũng thường nghe podcast, xem các kênh chia sẻ về tư duy, lối sống tích cực. Tuy nhiên, công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ, không thể thay thế việc tự rèn luyện và trải nghiệm thực tế. Bản thân tôi cố gắng sử dụng các công cụ này một cách có chừng mực, tránh phụ thuộc quá nhiều.

**8. *Theo bạn, môi trường học đường số (trang web, fanpage, nhóm học thuật, nền tảng học tập...) của trường đã tạo động lực và môi trường để xây dựng phát triển về văn hóa, đạo đức chưa?***

Trường tôi có hệ thống học trực tuyến, fanpage và nhiều nhóm học thuật khá sôi nổi, nhất là các nhóm chia sẻ về cơ hội thực tập, học bổng, cuộc thi quốc tế. Điều này tạo môi trường học tập tốt. Tuy nhiên, các nội dung về văn hóa, đạo đức truyền thống trên các kênh này còn ít, hình thức chưa thực sự hấp dẫn so với các nội dung học thuật hay nghề nghiệp. Tôi nghĩ nếu được đầu tư bài bản hơn về mặt hình ảnh, cách kể chuyện thì sẽ thu hút sinh viên hơn nhiều.

**9. *Bạn mong muốn nhà trường đổi mới nội dung hoặc phương pháp giáo dục giá trị truyền thống theo hướng nào để phù hợp hơn với thế hệ sinh viên hiện nay?***

Tôi mong các môn học về giá trị truyền thống được kết nối nhiều hơn với chuyên ngành. Ví dụ với sinh viên kinh tế có thể đưa vào các tình huống về đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp Việt Nam; phân tích những trường hợp cụ thể cho thấy vai trò của chữ tín, sự bền bỉ, tinh thần trách nhiệm và sự chân thành trong văn hóa kinh doanh của người Việt qua các thời kỳ dẫn đến sự thành công ổn định, lâu dài như thế nào... Phương pháp dạy nên tăng tính đối thoại, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống thực tế thay vì chỉ giảng lý thuyết. Tổ chức các buổi giao lưu với doanh nhân thành đạt, đặc biệt là những người vừa giỏi kinh doanh vừa giữ được đạo đức nghề nghiệp, sẽ tạo cảm hứng rất lớn cho sinh viên.

**10. Nếu chọn 1 giải pháp quan trọng nhất để giúp sinh viên sống có giá trị hơn trong thời đại số, bạn sẽ đề xuất điều gì?**

Tôi đề xuất tăng cường giáo dục về đạo đức nghề nghiệp gắn với chuyên ngành ngay từ những năm đầu đại học. Khi sinh viên nhận thức được rằng giá trị đạo đức truyền thống không phải là điều cũ kỹ mà chính là nền tảng để xây dựng sự nghiệp bền vững, thì tự động sẽ tự giác gìn giữ và phát huy. Bên cạnh đó cần lan tỏa nhiều hơn những tấm gương doanh nhân, người trẻ thành công nhờ giữ được đạo đức và bản sắc để truyền cảm hứng cho thế hệ gen Z hiện nay.